**(Dự thảo)**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-UBND | *Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao**

**đến năm 2024 đối với huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện NTM đặc thù không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022; Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ Tướng Chính phủ; Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BNNPTNT ngày 13/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 622-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về ban hành Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí xã NTM tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí huyện NTM tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024-2025;

Căn cứ đề nghị của UBND huyện Yên Định tại Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 30/7/2024 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024;

Căn cứ Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM nâng cao đến năm 2024 của UBND huyện Yên Định; các văn bản đánh giá, thẩm tra của các ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM nâng cao đến năm 2024 đối với huyện Yên Định, như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra: Từ ngày 01/8/2024 đến ngày 12/8/2024.

**1. Về hồ sơ**

Nội dung, thành phần hồ sơ đã được UBND huyện Yên Định thực hiện đảm bảo đầy đủ và đúng theo yêu cầu quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022, số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BNNPTNT ngày 13/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, gồm:

- Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 30/7/2024 của UBND huyện Yên Định về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2024;

- Tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn NTM huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

- Tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn NTM nâng cao huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

- Tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

- Tổng hợp danh sách các thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

- Biên bản cuộc họp ngày 30/7/2024 của UBND huyện Yên Định đề nghị xét, công nhận huyện Yên Định đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2024;

- Báo cáo số 386/BC-UBND ngày 29/7/2024 của UBND huyện Yên Định về kết quả thực hiện xây dựng NTM nâng cao năm 2024 của huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

- Báo cáo số 385/BC-UBND ngày 28/7/2024của UBND Yên Định về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND các xã trên địa bàn huyện đối với kết quả thực hiện xây dựng NTM nâng cao đến năm 2024 của huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

- Báo cáo số 338/BC-UBND ngày 11/7/2024 của UBND huyện Yên Định về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản và kết quả huy động nguồn lực trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn huyện Yên Định.

- Hình ảnh minh họa kết quả xây dựng NTM của huyện Yên Định.

**2.** **Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện NTM nâng cao**

Huyện Yên Định là huyện đồng bằng trung du - bán sơn địa của tỉnh Thanh Hoá, cách thành phố Thanh Hoá 26 km về phía Tây Bắc, nằm giữa Sông Mã và Sông Cầu Chày; tổng diện tích tự nhiên 22.882,89 ha; có 26 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 22 xã và 04 thị trấn, với dân số 170.698 người. Có trục Quốc lộ 45 chạy qua, ở vị trí quan trọng, giữa 03 trung tâm kinh tế động lực của tỉnh: Trung tâm động lực Thành phố Thanh Hóa - Thành phố Sầm Sơn; Trung tâm động lực phía Bắc (Thạch Thành - Bỉm Sơn); Trung tâm động lực phía Tây (Lam Sơn - Sao Vàng), là điều kiện thuận lợi tác động thúc đẩy kinh tế của Yên Định phát triển.

Yên Định là vùng đất có bề dày lịch sử văn hóa và cách mạng, nơi sinh ra nhiều nhân vật lịch sử nổi tiếng, như: Bà Triệu, Khương Công Phụ, Ngô Thị Ngọc Dao, Đào Cam Mộc, Lê Đình Kiên, Hà Tông Huân, Trần Ân Chiêm... Hiện tại, huyện có 49 di tích đã được Nhà nước xếp hạng, trong đó có 7 di tích cấp quốc gia, 42 di tích cấp tỉnh.

Thời điểm bắt đầu triển khai xây dựng nông thôn mới (NTM) năm 2011, với xuất phát điểm thấp, quy mô kinh tế còn nhỏ, sản xuất nông nghiệp vẫn là chủ yếu**; thu nhập bình quân đầu người toàn huyện mới đạt 18,5 triệu đồng/người/năm**; tỷ lệ nghèo đa chiều chiếm tới 22,25%**;** lao động trong lĩnh vực nông nghiệp còn nhiều; cơ sở vật chất, giáo dục cơ bản chưa đạt chuẩn; nhà văn hóa, khu thể thao còn thiếu, công sở làm việc chưa đáp ứng nhu cầu; hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, kênh mương nội đồng phục vụ cho sản xuất và đi lại chưa đáp ứng yêu cầu; bình quân mới đạt 3/19 tiêu chí NTM/xã. Song với các tiềm năng, lợi thế sẵn có, phát huy truyền thống văn hóa, cách mạng, cùng với sự quan tâm, hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương, của tỉnh, huyện đã chủ động đề ra các chủ trương, cơ chế hỗ trợ, giải pháp có tính đột phá để phát huy nội lực, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, tạo nguồn lực triển khai thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM. Với quyết tâm cao, sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ cở, sự hưởng ứng tích cực của các thành phần kinh tế và sự đồng thuận, tự giác tham gia của mọi tầng lớp nhân dân, huyện Yên Định là huyện đầu tiên của tỉnh Thanh Hóa và cũng là huyện đầu tiên của khu vực Bắc Trung Bộ được Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện đạt chuẩn NTM năm 2015 *(tại Quyết định số 560/QĐ- TTg ngày 05/4/2016);*

Sau khi được công nhận đạt chuẩn NTM, tiếp tục nhận được sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương, của tỉnh; với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả của cả hệ thống chính trị; sự đồng lòng hưởng ứng, tự giác tham gia của các thành phần kinh tế và mọi tầng lớp nhân dân, đến nay, huyện Yên Định đã phát triển toàn diện và bền vững; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, nhất là phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn theo chuỗi giá trị; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần nhân dân được nâng cao, xã hội nông thôn yên bình, văn minh, giàu đẹp. Năm 2023, tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 5,96% (xếp thứ 3 toàn tỉnh). Cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản năm 2023 chiếm 23,68% (giảm 7,58% so với năm 2015 và 15,34% so với năm 2011); công nghiệp - xây dựng chiếm 58,03% (tăng 10,88% so với năm 2015 và 36,77% so với năm 2011); dịch vụ chiếm 18,29%. Quy mô giá trị sản xuất theo giá hiện hành đạt 22.037 tỷ đồng, đứng thứ 5 toàn tỉnh (gấp 2,4 lần so với năm 2015 và 4,3 lần năm 2011); Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 66,86 triệu đồng, đứng thứ 4 toàn tỉnh (tăng 3,6 lần so với năm 2011 và 2,4 lần so với năm 2015). Huyện hoàn thành 9/9 tiêu chí huyện NTM nâng cao, 100% số xã thực hiện xây dựng NTM được công nhận đạt chuẩn, 50% số xã được công nhận đạt chuẩn NTM **nâng cao, 13,64% số xã được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, duy trì đạt 9/9 tiêu chí huyện NTM, 100% thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh.**

**2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Để tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình xây dựng NTM, huyện Yên Định đã củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo (BCĐ) khi có thay đổi về nhân sự, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cho từng giai đoạn, theo đó, năm 2024, huyện Yên Định đã thành lập BCĐ thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 với 43 thành viên, do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban, đồng chí Chủ tịch UBND huyện làm Phó Trưởng ban Thường trực, các đồng chí Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Phó Chủ tịch UBND huyện làm Phó Trưởng ban phụ trách các lĩnh vực theo tiêu chí; lãnh đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện tham gia thành viên.

Thành viên BCĐ huyện được phân công nhiệm vụ cụ thể và phân công địa bàn phụ trách để trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn các xã thực hiện các tiêu chí NTM. Định kỳ, hàng quý, 6 tháng, năm, BCĐ huyện Yên Định đã tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá cụ thể kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại hạn chế và đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho năm tiếp theo.

Tất cả các xã trên địa bàn huyện Yên Định đã thành lập/kiện toàn BCĐ thực hiện các Chương trình MTQG cấp xã giai đoạn 2021 - 2025 *(do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban)*, Ban Quản lý xã *(do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban).* Cấp thôn thành lập Ban phát triển thôn do đồng chí Bí thư Chi bộ làm Trưởng Ban. Kịp thời kiện toàn các ban khi có sự thay đổi về nhân sự; hoàn thiện hệ thống chỉ đạo thực hiện xây dựng NTM các cấp và đi vào hoạt động nề nếp, hiệu quả.

Để tham mưu, giúp việc cho BCĐ trong tổ chức thực hiện xây dựng huyện NTM nâng cao, huyện Yên Định tiếp tục duy trì hoạt động của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM huyện do phòng Nông nghiệp và PTNT làm cơ quan thường trực, Chánh Văn phòng Điều phối NTM huyện do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện kiêm nhiệm, Phó Chánh Văn phòng do đồng chí Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện kiêm nhiệm, các thành viên là Công chức thuộc phòng Nông nghiệp và PTNT và Phó Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện.

Hàng năm, Hội đồng nhân dân huyện đã ban hành các Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; các Nghị quyết về hỗ trợ kinh phí xây dựng NTM, chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp; phát triển đô thị và xây dựng NTM; Nghị quyết về việc thông qua Kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng NTM, đô thị văn minh và xây dựng sản phẩm OCOP; Nghị quyết về hỗ trợ chương trình xây dựng xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và xây dựng thị trấn đạt đô thị văn minh năm 2024.

Để khuyến khích, hỗ trợ các xã trong xây dựng NTM, HĐND huyện đã cụ thể hóa các Nghị quyết của Huyện ủy, ban hành nhiều cơ chế khuyến khích phát triển sản xuất, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng NTM như: Hỗ trợ 100 triệu đồng/thôn kiểu mẫu; hỗ trợ 01 tỷ đồng/xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 1,5 tỷ đồng/ xã đạt NTM kiểu mẫu; hỗ trợ xây mới nhà văn hoá thôn 700 triệu đồng/nhà; Sửa nhà văn hóa thôn 200 triệu đồng/công trình; Làm đường giao thông nông thôn đảm bảo quy chuẩn 350 triệu đồng/km; rãnh thoát nước 200 triệu đồng/km; Cải tạo nâng cấp trường học trên địa bàn huyện xây mới 50% giá trị xây lắp nhưng không quá 5 tỷ đồng/công trình; sửa chữa 50% giá trị xây lắp nhưng không quá 3,5 tỷ đồng/công trình; Mô hình xử lý rác thải hữu cơ 30 triệu đồng/mô hình/thôn; Nhà lưới 80 nghìn đồng/m2; Tích tụ tập trung đất đai 5 triệu đồng/ha; Vườn mẫu 5 - 10 triệu đồng/vườn; Sản phẩm OCOP đạt 3 sao 100 triệu đồng/SP; đạt 4 sao 200 triệu đồng/SP; Thiết bị máy bay không người lái trong sản xuất nông nghiệp 150 triệu đồng/máy; đấu nối nước sạch từ công trình cấp nước tập trung 01 triệu đông/hộ; hỗ tợ 5 triệu đồng/cột điện phải di dời; hỗ trợ xây tường rào 250 nghìn đồng/m2... Hỗ trợ cơ chế chính sách đặc thù cho 6 xã xây dựng NTM nâng cao năm 2024 với tổng kinh phí 26 tỷ đồng.

**2.2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn**

**a. Công tác truyền thông**

Công tác truyền thông, tuyên truyền đã được huyện Yên Định tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ và rộng khắp với nhiều hình thức như: Tuyên truyền qua các chuyên mục trên hệ thống Đài truyền thanh huyện và xã; qua các lớp học tập, quán triệt Nghị quyết, chuyên đề, tập huấn; các tin bài, phóng sự, qua các hội nghị, băng zôn, khẩu hiệu, pano, áp phích,...; Phát động các phong trào thi đua yêu nước và phong trào toàn dân chung tay xây dựng NTM...

Nội dung tuyên truyền tập trung vào các chủ trương, chính sách, pháp luật của Trung ương, tỉnh, huyện đã ban hành, tuyên truyền phong trào xây dựng NTM; phối hợp với Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh & Truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tấn, báo chí thường xuyên có các tin bài, phóng sự giới thiệu về mô hình phát triển sản xuất hiệu quả, cách làm hay, sáng tạo, trong xây dựng NTM; hàng tháng, Huyện ủy Yên Định có các tin bài về xây dựng NTM; hàng tuần, Trung tâm Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện xây dựng các chuyên mục có thời lượng 10-15 phút để tuyên truyền các chủ trương, chính sách, các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM. Đến nay, toàn huyện đã xây dựng được 375 cụm pano; 13.400 áp phích; 2.860 câu khẩu hiệu tường; 11.750 băng rôn; 18.788 phút phát thanh; 795 tin, bài được đăng tải trên hệ thống cổng thông tin điện tử của huyện và trang thông tin điện tử các xã, bản tin thông báo nội bộ của Huyện ủy, UBND huyện, ...

Thông qua công tác tuyên truyền, cán bộ đảng viên và Nhân dân trên địa bàn huyện đã hiểu được chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, chuyển biến tốt về nhận thức, tạo được sự đồng thuận của Nhân dân trong tham gia thực hiện Chương trình xây dựng NTM toàn huyện.

**b. Công tác đào tạo, tập huấn**

Công tác đào tạo, tập huấn luôn được triển khai thực hiện hiệu quả, từ năm 2011 đến nay, huyện Yên Định đã tổ chức 316 lớp tập huấn cho hơn 10.648 học viên là thành viên BCĐ chương trình xây dựng NTM cấp huyện; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND, cán bộ phụ trách NTM các xã, cán bộ cấp xã, thôn, hoà giải viên cơ sở, công chức tư pháp hộ tịch, giáo viên tiểu học và THCS, cán bộ, hội viên, đoàn viên và người dân; các xã đã tổ chức 230 lớp tập huấn nghiệp vụ, tuyên truyền, quán triệt các văn bản, chỉ đạo của cấp trên về xây dựng NTM cho người dân với tổng 166.180 lượt người tham dự.

**c. Hưởng ứng phong trào thi đua “Chung sức xây dựng NTM”**

***- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện*** đã triển khai có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh” với nhiều hình thức phong phú, đa dạng; hưởng ứng phong trào thi đua “Toàn dân chung sức xây dựng NTM”; “Xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; “Xây dựng giao thông nông thôn và khu dân cư sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn”; “Đoàn kết sáng tạo”; “Xây dựng gia đình ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”, “Vì người nghèo không để ai bị bỏ lại phía sau”. Tổ chức trên 220 hội nghị hướng dẫn, tuyên truyền về MTTQ tham gia xây dựng NTM. Phát hành 105 pano về mô hình khu dân cư “sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn”, khu dân cư “tự quản về môi trường”, khu dân cư tự quản về an toàn thực phẩm, khu dân cư tự quản về an ninh trật tự; phát hành phát hành trên 1.700 tờ rơi, áp phích về thực hiện các tiêu chí NTM; hướng dẫn 149 khu dân cư bổ sung hương ước phù hợp với tiêu chí NTM; tổ chức 295 cuộc giám sát; vận động người dân hiến 90.653m2 đất, ủng hộ 74.496 ngày công xây dựng NTM. Vận động doanh nghiệp, nhà hảo tâm và Nhân dân ủng hộ hơn 11,7 tỷ đồng, từ đó hỗ trợ làm mới và sửa chữa 292 nhà; hỗ trợ mua bò giống, tạo sinh kế cho 77 gia đình; hỗ trợ rủi ro đột xuất, tặng hàng ngàn xuất quà cho hộ nghèo trong dịp tết nguyên đán hằng năm…Tham gia đề nghị cấp đất cho 24 hộ, vận động 161 hộ làm nhà ở, đồng thời huy động các nguồn lực hỗ trợ cho 126 hộ sinh sống trên sông làm nhà ổn định cuộc sống với tổng số tiền trên 10 tỷ đồng. Phối hợp với UBND huyện rà soát các hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về nhà ở, đề nghị MTTQ tỉnh hỗ trợ, đồng thời vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm trong và ngoài huyện hỗ trợ trên 3,5 tỷ đồng xây dựng 70 nhà ở. Từ năm 2011 - 2024, MTTQ các cấp trên địa bàn huyện đã tổ chức trên 600 cuộc giám sát và phản biện xã hội...

***- Hội Liên hiệp Phụ nữ:*** Thường xuyên tuyên truyền các chủ trương về xây dựng NTM, đô thị văn minh trên các trang thông tin của hội như Zalo, Facebook, fanpage. Thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*”, “*Mái ấm tình thương*”, tổ chức các hội thi “*Phụ nữ chung tay xây dựng NTM*”,... xây dựng trên 2.000 mô hình *“Nhà sạch - vườn đẹp”, “Nhà sạch - vườn mẫu”;* xây dựng 147 mô hình vườn mẫu với diện tích >500 m2, trồng 15.600m *“Đường hoa thay thế cỏ dại ven đường”*; vận động hội viên phụ nữ nói không với rác thải nhựa, thực hiện phân loại rác thải từ hộ gia đình; xây dựng mô hình *“Chi hội phụ nữ tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm”*; gắn biển 116tuyến đường, đoạn đường phụ nữ tự quản;xây dựng 3.000 lò xử lý rác thải, thùng rác tại hộ gia đình, hố rác ngoài đồng; các chi hội phụ nữ đảm nhận các đoạn đường trồng hoa, cây xanh, dọn vệ sinh môi trường tạo cảnh quan xanh sạch đẹp, đồng thời xây dựng mô hình “Làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em”. Hỗ trợ xây dựng gần 6.000 nhà tiêu hợp vệ sinh; Tuyên truyền cho hội viên hiến 90.653 m2 đất mở đường giao thông, xây dựng các công trình phúc lợi, đóng góp hơn 1.457 ngày công lao động và 1,25 tỷ đồng tiền mặt; Vận động thành lập các câu lạc bộ “*Gia đình hạnh phúc*”, Câu lạc bộ *“Dân vũ thể thao’’*, các câu lạc bộ văn hóa văn nghệ tập hợp thu hút hội viên phụ nữ tham gia, tạo điều kiện để chị em rèn luyện sức khỏe, xây dựng gia đình no ấm tiến bộ hạnh phúc.

***- Hội Cựu chiến binh huyện:*** đã tổ chức được 756 buổi tuyên truyền với 71.020 lượt người tham gia, thông qua hội nghị thôn, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về xây dựng NTM, Pano, áp phích, khẩu hiệu, sân khấu hóa, qua các trang mạng xã hội như zalo, facebook… Thực hiện có hiệu quả phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư*”, cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết chung sức xây dựng NTM, Đô thị văn minh”,* vận động hội viên hiến được 2.814,64m2 đất, 12.194 triều đồng và 24.769 ngày công lao động để chỉnh trang cảnh quan môi trường; xây dựng mô hình *“Đoạn đường Cựu chiến binh tự quản”* 24 đoạn, xây dựng mô hình *“Hàng cây cựu chiến binh”* trồng mới và chăm sóc 10.250 cây bóng mát đường hoa cây cảnh các loại.

Thực hiện mô hình câu lạc bộ “*Giúp nhau làm kinh tế”,* xây dựng quỹ “*Ấm tình đồng đội*”, nay là quỹ làm nhà “*Nghĩa tình Cựu chiến binh”;* vận động cán bộ hội viên, các doanh nghiệp, MTTQ, các nhà hảo tâm ủng hộ 1.304 triệu đồng, hỗ trợ làm mới 35 nhà, sửa chữa 02 nhà cho hội viên có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở.

***- Hội Nông dân huyện*** với phong trào“*nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững; và “Mô hình phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn thành phân hữu cơ”; “Thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật ngoài đồng ruộng”*;xây dựng khu dân cư (thôn) kiểu mẫu, gia đình nông dân văn hoá; Tuyên truyền các chính sách của Nhà nước và của địa phương, vận động hội viên, nông dân thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM; chấp hành nghiêm Luật giao thông đường bộ, tham gia giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội; ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; phát động phong trào nông dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc, tiếp tục duy trì có hiệu quả 56 mô hình “*Đoạn đường Hội Nông dân tự quản*”.

Phối hợp xây dựng các mô hình an ninh như: “*Chi Hội Nông dân tự quản về an ninh trật tự”, “Chi Hội không có người vi phạm pháp luật”,* câu lạc bộ *“Nông dân với pháp luật”;* tổ chức cho hội viên, nông dân ký cam kết gia đình không có người vi phạm pháp luật và mắc các tệ nạn xã hội và tích cực cung cấp các thông tin liên quan đến an ninh, tội phạm cho các cơ quan chức năng.

Thành lập được 31 tổ thu gom rác thải sinh hoạt. Thực hiện được 5.215 hố rác tại hộ gia đình, phân loại xử lý rác thải sinh hoạt thành phân hữu cơ vi sinh. Thành lập 32 mô hình tổ hợp tác sản xuất men vi sinh tại 25/26 đơn vị nhằm chủ động cung cấp men cho các hộ tham gia dự án phân loại xử lý rác tại hộ gia đình. Hướng dẫn cho 149/149 Chi hội thực hiện tốt việc tham gia quản lý, sử dụng 3.080 bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật do các xã, thị trấn đầu tư xây dựng; vận động 100% hội viên nông dân chấp hành việc thực hiện thu gom bao bì, thuốc bảo vệ thực vật bỏ vào đúng nơi quy định, góp phần vệ sinh môi trường đồng ruộng.

***- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện:*** Phát huy tinh thần xung kích, tình nguyện của tuổi trẻ, đã tổ chức 587 buổi tuyên truyền, thu hút hơn 38.000 lượt đoàn viên thanh niên tham gia; phối hợp thực hiện gần 1.120 lượt tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh của địa phương, đăng gần 600 tin bài trên hệ thống mạng xã hội facebook, fanpage của các cơ sở Đoàn và Huyện Đoàn Yên Định; tổ chức gần 200 hoạt động sân khấu hóa với các nội dung có liên quan đến hoạt động ra quân của tổ chức Đoàn trong tham gia xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; phối hợp với Đài Truyền thanh huyện giới thiệu, tuyên truyền các gương Đoàn viên thanh niên tiêu biểu trong khởi nghiệp, lập nghiệp... trong phong trào xây dựng NTM.

Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động *“Tuổi trẻ Yên Định chung tay xây dựng NTM, đô thị văn minh”*, thông qua các mô hình: 13km *“Đường hoa thanh niên”*, 2.500m *“Đường tranh bích họa”*, 90 *“Cột điện nở hoa”*, *“Đoạn đường thanh niên tự quản xanh - sạch - đẹp”*, huy động hàng vạn ngày công để thực hiện các chiến dịch làm sạch môi trường gắn với *“Ngày thứ 7 tình nguyện”, “Ngày Chủ nhật xanh”*; 100% Đoàn các xã, thị trấn tham gia mô hình “*Đoàn Thanh niên tham gia xử lý điểm nóng vệ sinh môi trường”.*

***- Liên đoàn Lao động huyện*** với phong trào thi đua “*Công đoàn chung tay xây dựng NTM”* đã tổ chức tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, đoàn viên Công đoàn các xã đã đóng góp hàng nghìn ngày công và hiến đất làm đường giao thông liên thôn, liên xã; Công đoàn các cấp tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn. Tuyên truyền, vận động công nhân viên chức lao động tham gia ủng hộ Quỹ *“Mái ấm Công đoàn”;* hỗ trợ 42 nhà ở cho Công nhân có hoàn cảnh khó khăn bị bệnh hiểm nghèo với giá trị gần 2 tỷ đồng; hỗ trợ trên 10.000 lượt người Công nhân bị bệnh hiểm nghèo thông qua tháng hành động công nhân, Tết Sum vầy với tổng kinh phí trên 5 tỷ đồng; phối hợp với Phòng Lao động - TB&XH, các doanh nghiệp trên địa bàn, hàng năm tạo việc làm cho 3.500 - 4.000 lao động có việc làm mới ổn định. Vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân chăm lo phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường trên địa bàn.

**2.3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng NTM**

***\* Tổng huy động nguồn lực giai đoạn 2011-2023***

Tổng huy động nguồn lực từ năm 2011 đến năm 2024 toàn huyện đạt: 17.928.542 triệu đồng,trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 377.561 triệu đồng, chiếm 2,11%;

- Ngân sách tỉnh: 1.265.837 triệu đồng, chiếm 7,06%;

- Ngân sách cấp huyện: 1.942.424 triệu đồng, chiếm 10,83%;

- Ngân sách xã: 1.215.100 triệu đồng, chiếm 6,78%;

- Vốn vay tín dụng: 1.851.325 triệu đồng, chiếm 10,32%;

- Vốn doanh nghiệp, HTX: 288.052 triệu đồng, chiếm 1,61%;

- Vốn lồng ghép: 46.631 triệu đồng, chiếm 0,26%

- Vốn Nhân dân đóng góp: 10.941.612 triệu đồng, chiếm 61,03%; trong đó:

*+ Đóng góp Nhân dân xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi 657.986 triệu đồng (Bằng tiền mặt 585.302 triệu đồng; Bằng ngày công lao động 72.684 triệu đồng), chiếm 3,67%.*

*+ Bằng hiến đất (quy ra tiền) 8.762 triệu đồng, chiếm 0,05%.*

*+ Nhân dân đầu tư xây dựng mới, chỉnh trang nhà ở 10.274.864 triệu đồng, chiếm 57,31%.*

**3. Huyện Yên Định đã được công nhận đạt chuẩn NTM năm 2015** *tại Quyết định số 560/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đạt chuẩn NTM năm 2015.*

**4. Số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

**4.1. Số xã đạt chuẩn NTM theo quy định**

**a. Số xã đạt chuẩn NTM**

- Tổng số xã xây dựng NTM trên địa bàn huyện Yên Định là 22 xã.

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM là 22 xã, đạt 100%;

Đến nay, 22/22 xã NTM đạt chuẩn 19/19 tiêu chí, 57 chỉ tiêu xã NTM theo quy định tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành bộ tiêu chí xã NTM tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024-2025.

**b. Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao**

Số xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao là 11 xã, đạt 50%.

Đến nay, 11/11 xã NTM nâng cao đạt chuẩn 19/19 tiêu chí, 74 chỉ tiêu xã NTM nâng cao theo quy định tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành bộ tiêu chí xã NTM nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024-2025.

**c**. **Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu**

Số xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu là 03 xã, đạt 13,64%.

Đến nay, 03/03 xã NTM kiểu mẫu đạt chuẩn các quy định tại Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chí thôn thông minh và tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024-2025 theo lĩnh vực nổi trội nhất.

**4.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện Yên Định là 03 thị trấn.

- Số thị trấn đã đạt chuẩn Đô thị văn minh là 04 thị trấn, đạt 100%.

**\* Kết quả thực hiện tiêu chí Đô thị văn minh của các thị trấn theo quy định tại Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 18/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định, tiêu chí, trình tự, thủ tục xét, công nhận Đô thị văn minh:**

***4.2.1 Tổ chức thực hiện:***

Căn cứ quy định tại Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 18/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về 04/04 thị trấn thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh do đồng chí Bí thư làm Trưởng ban. UBND các thị trấn đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, đoàn thể tổ chức tự đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí, xây dựng dự thảo báo cáo kết quả xây dựng thị trấn, đạt chuẩn đô thị văn minh.

Căn cứ Hướng dẫn số 91/HD-MTTW-BTT ngày 21/9/2022 của Ban Thường trực UBTWMTTQ Việt Nam về việc Hướng dẫn lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng đô thị văn minh; Hướng dẫn số 117/HD-MTTW-BTT, ngày 14/10/2022 của Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng đô thị văn minh; Ủy ban MTTQ Việt Nam 04 thị trấn đã tổ  
chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc 04 thị trấn phối hợp với UBND thị trấn; các đoàn thể chính trị, xã hội; Ban công tác Mặt trận của các khu phố tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trên toàn địa bàn thị trấn.

- Thời gian niêm yết: Bảng tổng hợp kết quả sự hài lòng của người dân  
được niêm yết công khai tại các khu dân cư, nhà văn hóa, khu sinh hoạt cộng  
đồng, trụ sở UBND các thị Trấn. Thời gian thực hiện 30 ngày, cụ thể:

+ Thị trấn Quán Lào: Từ ngày 20/3/2024 - 20/4/2024.

+ Thị trấn Thống Nhất: Từ ngày 21/3/2024 - 21/4/2024;

+ Thị trấn Quý Lộc: Từ ngày 20/5/2024 đến 20/6/2024.

+ Thị trấn Yên Lâm: Từ ngày 31/5/2024 đến 31/6/2024.

Ban thường trực MTTQ các thị trấn không nhận được ý kiến bổ sung nào  
ngoài những ý kiến đã nêu trong phiếu.

- Kết quả lấy ý kiến hài lòng của người dân: Thị trấn Quán Lào đạt tỷ lệ 98,42%; Thị trấn Thống Nhất đạt tỷ lệ 90,3%; Thị trấn Quý Lộc đạt tỷ lệ 99,46%; Thị trấn Yên Lâm đạt tỷ lệ 98,94%.

Trên cơ sở kết quả tổng hợp lấy ý kiến sự hài lòng của người dân, UBMTTQ Việt Nam các Thị trấn đã báo cáo kết quả tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân gửi về Ban Thường trực gửi MTTQ huyện huyện và UBND các thị trấn để hoàn thiện các thị để hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận thị trấn (Quán Lào, Thống Nhất, Yên Lâm, Quý Lộc) đạt chuẩn đô thị văn minh.

UBND 04 thị trấn đã có tờ trình, báo cáo, hồ sơ gửi về UBND huyện đề nghị công nhận “Thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh”. Ban chỉ đạo huyện đã tiến hành kiểm tra thực tế, thẩm định, đánh giá kết quả đạt các tiêu chí đô thị văn minh đối với 04 thị trấn và các bước thực hiện lấy ý kiến sự hài lòng của người dân.

Ngày 31/5/2024, Hội đồng đánh giá thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh huyện đã họp xét và bỏ phiếu công nhận 02 thị trấn (Quán Lào, Thống Nhất) đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024, với số phiếu 20/20 đồng ý (đạt 100%). Cơ quan Thường trực của Hội đồng đã trình Chủ tịch UBND huyện ký Quyết định công nhận thị trấn đạt chuẩn “Đô thị văn minh” cho thị trấn Quán Lào tại Quyết định số 2093/QĐ-UBND, ngày 07/6/2024; thị trấn Thống Nhất tại Quyết định số 2095/QĐ-UBND, ngày 07/6/2024 của UBND huyện.

Ngày 12/7/2012, Hội đồng đánh giá huyện đã họp xét; bỏ phiếu công nhận cho thị trấn (Quý Lộc, Yên Lâm) với số phiếu 20/20 đồng ý (đạt 100%). Với kết quả đạt được Chủ tịch UBND huyện ký Quyết định công nhận thị trấn đạt chuẩn “Đô thị văn minh” cho thị trấn Quý Lộc tại Quyết định số 2667/QĐ-UBND, ngày 12/7/2024 của UBND huyện; Quyết định số 2668/QĐ-UBND, ngày 12/7/2024 của UBND huyện cho thị trấn Yên Lâm.

***4.2.2. Kết quả thực hiện tiêu chí đô thị văn minh của 4 thị trấn trên địa bàn huyện Yên Định***

- 04 thị trấn trên địa bàn huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch theo các quyết định: (1) Thị trấn Quán Lào tại Quyết định số 4364/QĐ - UBND ngày 08/12/2022 về Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035; (2) Thị trấn Thống Nhất tại Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 về Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thống Nhất huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025; (3) Thị trấn Quý Lộc tại Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 về Quy hoạch chung đô thị Quý Lộc, huyện Yên Định đến năm 2035; (4) Thị trấn Yên Lâm tại Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 về Quy hoạch chung đô thị Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035. Các công trình công cộng tại 04 thị trấn được xây dựng đảm bảo theo quy hoạch, tiêu chuẩn xây dựng, kiến trúc hài hòa, đáp ứng việc sinh hoạt cộng đồng.

- 04 thị trấn có trụ sở làm việc, nhà văn hóa; trường học, trạm y tế đều được xây mới và cải tạo, nâng cấp đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn được quản lý và sử dụng đúng mục đích, đáp ứng việc khám chữa bệnh của Nhân dân.

- 04 thị trấn có số hộ có nhà ở kiên cố phù hợp với kiến trúc chung của đô thị: Thị trấn Quán Lào đạt 99,2%; thị trấn Thống Nhất đạt 98,7%; thị trấn Quý Lộc đạt 98,9%; thị trấn Yên Lâm đạt 98,3%.

- 04/04 thị trấn không có trường hợp lấn chiếm đất công, đất công cộng và không có trường hợp nào sử dụng đất công cộng sai mục đích.

- UBND của 04 thị trấn thường xuyên phối hợp với các ban ngành, đoàn thể xây dựng nhiều mô hình tự quản như: Đoạn đường cựu chiến binh tự quản; Cổng trường thanh niên tự quản,…

- Trên đại bàn 04 thị trấn không có nhà tạm, nhà dột nát.

*\* Tiêu chí số 2 về Giao thông đô thị*

- Hiện nay, 100% các tuyến giao thông trên địa bàn 04 thị trấn đã được đầu tư bê tông, thảm nhựa theo quy hoạch: Thị trấn Quán Lào: 39,74 km; thị trấn Thống Nhất: 29,75 km; thị trấn Quý Lộc: 45,3 km; thị trấn Yên Lâm: 41,43 km; các tuyến cơ bản có hệ thống biển báo tín hiệu, hệ thống điện chiếu sáng, vỉa hè, trồng cây xanh đảm bảo mỹ quan, cảnh quan đô thị.

- 04 thị trấn đã lắp đặt các điểm báo đèn giao thông; đèn tín hiệu… các tuyến đường trục chính được cắm biển tên, biển cảnh báo theo quy định.

- UBND 04 thị trấn thực hiện tốt công tác quản lý, hành lang an toàn giao thông; không còn việc lấn chiếm lòng đường, vỉa hè để kinh doanh buôn, vi phạm trật tự an toàn giao thông.

- UBND 04 thị trấn đã phối hợp với Điện lực chỉnh trang lại hệ thống điện, di chuyển các cột điện đảm bảo an toàn giao thông; 100% hệ thống điện trên địa bàn có dây bọc. Các hòm công tơ điện sử dụng hòm composite. Các trạm biến áp đều có biển cảnh báo. Tỷ lệ sử dụng điện an toàn đạt 100%.

- 04 thị trấn có tỷ lệ đường phố chính, khu nhà ở, ngõ phố có điện chiếu sáng đạt 100%.

*\* Tiêu chí số 3 về Môi trường và an toàn thực phẩm đô thị*

- Trên tất cả các tuyến đường phố của 04 thị trấn được trồng cây xanh đảm bảo theo quy định. Ngoài ra, phát động các hội, đoàn thể để, nhân dân xây dựng và duy trì cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp và an toàn với nhiều kết quả nổi bật như: mô hình “Nhà sạch, vườn đẹp”; “Nhà sạch, vườn đẹp, ngõ văn minh”; Mô hình “Trồng hoa, cây xanh ven đường”, mô hình “Cải tạo vườn tạp”.

- Hiện nay, 04 thị trấn có 504/504 cơ sở sản xuất kinh doanh có hồ sơ phê duyệt và đạt các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định; 04 thị trấn có 10.145/10.145 hộ có chất thải, nước thải, rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý, đạt tỷ lệ 100%; giao Hợp tác xã VSMT thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt đảm bảo quy định.

- Năm 2024, 04 thị trấn có số hộ sử dụng nước sạch 10.145/10.145 hộ, đạt tỷ lệ 100%; trong đó, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch tập trung đạt trên 85,1%.

- 100% hộ gia đình trên địa bàn 04 thị trấn có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.

- 04 thị trấn đạt thị trấn ATTP, có 100% hộ gia đình; cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã thực hiện ký cam kết đảm bảo ATTP và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định, cụ thể: Thị trấn Quán Lào có 283/283 hộ; thị trấn Thống Nhất có 171/171 hộ; thị trấn Quý Lộc có 156/156 hộ; thị trấn Yên Lâm có 153/153 hộ. Đến nay, trên địa bàn 04 thị trấn, không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

*\* Tiêu chí số 4 về An ninh, trật tự đô thị*

- Lực lượng công an các thị trấn đã chủ động thường xuyên tuyên truyền, tuần tra, kiểm tra nắm bắt thông tin, kịp thời tham mưu giải quyết những vấn đề phát sinh, do đó, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn 04 thị trấn trong những năm qua được giữ vững, không để xảy ra các hoạt động chống đối Đảng, Chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

- Đến nay không để xảy ra các hoạt động phá hoại các mục tiêu công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc gia.

- Các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật, không có hiện tượng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật tại các cơ sở.

- Trên địa bàn 04 thị trấn không để xảy ra hoạt động kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo tập trung đông người khiếu nại, gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại để tuyên truyền chống nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Từ năm 2021 đến nay, trên địa bàn không có vụ việc phức tạp, không có điểm nóng hay tụ điểm phức tạp về ANTT. 100% các khu phố, cơ sở giáo dục trên địa bàn đều đạt tiêu chuẩn về ANTT được quy định tại Thông tư 124 của Bộ Công an. Năm 2022 và năm 2023, 04 thị trấn được Chủ tịch UBND huyện ra Quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT

*\* Tiêu chí số 5 về Thông tin truyền thông đô thị*

- 04/04 thị trấn có hệ thống đài truyền thanh ứng dụng viễn thông - công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 39/2020/TT- BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền Thông và phân công đồng chí công chức văn hóa - xã hội làm trưởng đài; 100% các khu phố có hệ thống truyền thanh riêng để chuyển tải các nội dung hoạt động của khu cũng như các hoạt động khác trong công tác tuyên truyền khi cấp trên có yêu cầu.

- 100% cán bộ, công chức của 04 thị trấn có máy tính và kết nội vào hệ thống mạng (LAN) bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ được Sở Thông tin và Truyền thông phê duyệt.

- Tại bộ phận một cửa trang bị đầy đủ máy tính, máy Scan để người dân, doanh nghiệp tra cứu các TTHC, nộp hồ sơ trực tuyến dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 trên cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công tỉnh Thanh Hoá.

- 04 thị trấn thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành; sử dụng các phần mềm dùng chung và chữ ký số trong điều hành của cấp ủy và chính quyền. Tại bộ phận 1 cửa, trạm y tế, các di tích lịch sử, nhà văn hóa khu phố đều được lắp đặt Wifi công cộng thuận lợi cho người dân tra cứu thông tin; hệ thống truyền hình trực tuyến của đơn vị được kết nối vận hành đạt hiệu quả, theo yêu cầu quy định.

- Đến nay, có 100% số hộ của 04 thị trấn có thiết bị nghe nhìn; có trên 80% số hộ dùng điện thoại di động; 100% hộ gia đình có sử dụng một trong các phương thức truyền thông, internet. Các phương tiện nghe nhìn như ti vi; đăng ký thuê bao internet từ các nhà mạng như: mạng viettel, vinaphone, FPT chiếm trên 90% số hộ của 04 thị trấn.

- 04 Thị trấn có Trang thông tin điện tử tại địa chỉ:

<http://quanlao.yendinh.thanhhoa.gov.vn/><http://ttthongnhat.gov.vn/;http://quyloc.yendinh.thanhhoa.gov.vn/>; <http://yenlam.gov.vn/>; có quyết định thành lập Ban biên tập và quy chế hoạt động, đảm bảo nội dung tin bài (tối thiểu 04 tin/tuần), kịp thời đưa tin về việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, các mô hình điển hình, công khai giải quyết thủ tục hành chính

*\* Tiêu chí số 6 về Việc làm thu nhập bình quân, hộ nghèo ở đô thị*

- Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt 90%, cụ thể: Thị trấn Quán Lào: 98,2%; thị trấn Thống Nhất: 97,1%; thị trấn Quý Lộc: 96,9%; thị trấn Yên Lâm: 92,28%.

- 04 thị trấn có thu nhập bình quân đầu người đạt cao, trong đó: Thị trấn Quán Lào 80,70 triệu đồng/người/năm; thị trấn Thống Nhất 69,12 triệu đồng/người/năm; thị trấn Quý Lộc 66,04 triệu đồng/người/năm; thị trấn Yên Lâm 67,77 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ nghèo đa chiều của 04 thị trấn thấp hơn bình quân chung của huyện, cụ thể: thị trấn Quý Lộc 1,82%; Yên Lâm 1,83%; Thống Nhất 1,78%; Quán Lào 1,75%.

*\* Tiêu chí số 7 về Văn hóa, thể thao đô thị*

- 04/04 thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đảm bảo diện tích theo quy định, Hội trường trung tâm văn hoá đảm bảo từ 350 chỗ ngồi trở lên, được trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm, quản lý sử dụng đúng mục đích. Có đầy đủ các sân thể thao như: bóng chuyền hơi, sân cầu lông, nhà bóng bàn,… các dụng cụ thể dục, thể thao đơn giản được lắp đặt phục vụ cho các hoạt động thể dục, thể thao của người dân.

- 36/36 khu phố có nhà văn hóa - khu thể thao (đạt 100%), phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho Nhân dân. Tại các Nhà văn hóa ban hành đầy đủ Nội quy hoạt động cụ thể của Nhà văn hóa - khu thể thao; 100% khu phố được công nhận “Khu phố văn hóa”.

- Năm 2023, tỷ lệ hộ được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” đạt tỷ lệ 93,% trở lên; 100% đám cưới, đám tang được thực hiện theo đúng nếp sống văn minh trong việc cưới và tang; 100% các gia đình thực hiện tốt văn minh đô thị.

- 100% các thị trấn đều có các đội văn nghệ, câu lạc bộ thể thao như: CLB Chèo, CLB Thơ, CLB liên thế hệ; CLB bóng đá, bóng chuyền hơi, cầu lông, đi bộ, dân vũ… thường xuyên hoạt động có hiệu quả.

- 04/04 thị trấn có tủ sách pháp luật, với từ 300 đầu sách báo, trở lên; tài liệu tuyên truyền được sắp xếp khoa học, phân loại từng lĩnh vực; thường xuyên bổ sung các đầu sách phục vụ nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật của Nhân dân; đã ban hành nội quy, quy chế hoạt động của tủ sách pháp luật và giao Bộ phận Tư pháp trực tiếp quản lý, bổ sung các đầu sách theo kế hoạch hàng năm.

*\* Tiêu chí số 8 về Y tế, Giáo dục đô thị*

- Trạm y tế của 04/04 thị trấn được công nhậnđạt chuẩn Quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2030. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 90%; trong đó: Thị trấn Quán Lào đạt 92,7%; thị trấn Thống Nhất đạt 95,4%; thị trấn Quý Lộc đạt 94,5%; thị trấn Yên Lâm đạt 93,8%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi của 04 thị trấn đạt dưới 15%, cụ thể: Thị trấn Quán Lào 6,4%; Thống Nhất 6,8%; Quý Lộc 8,0%; Yên Lâm 7,7%.

- Trên địa bàn 04 thị trấn có 15 trường học, 15/15 trường học đều đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến nay, có 14/15 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 08/15 trường đạt chuẩn mức độ 1, bằng 53,33% và 06/15 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, bằng 40%.

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở của 04 thị trấn đạt 100%; xóa mù chữ đạt theo qui định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học lên Phổ thông và bổ túc là  
99% trở lên; tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng, học nghề đạt 75%; tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo là 2.127/2.575 người, đạt 82,60%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạothị trấn Quán Lào đạt 81,86%; thị trấn Thống Nhất đạt 83,48%; thị trấn Quý Lộc đạt 80,01%; thị trấn Yên Lâm đạt 80,23%.

*\* Tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị và trách nhiệm của chính quyền đô thị*

- Tổng số cán bộ, công chức của 04 thị trấn là 87 người (có 35 cán bộ; 52 công chức). Trong đó: Thạc sỹ 02/87 người, đạt 2,3%; Đại học 80/87 người, đạt 91,95%; Trung cấp 05/87 người, đạt 5,75 %. Về trình độ LLCT: Cao cấp 03/87 người, đạt 3,44%; Trung cấp 84/87người, đạt 96,56%, đạt chuẩn theo quy định.

- Hàng năm, 04 thị các tổ chức Đảng đều đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ, MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội đều đạt hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của 04 đã thực hiện niêm yết công khai, cập nhật đầy đủ 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tra cứu: Công khai tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; trên mã QR code; trên trang thông tin điện tử thị trấn tại địa chỉ http://quanlao.yendinh.thanhhoa.gov.vn/;<http://ttthongnhat.gov.vn/;http://quyloc.yendinh.thanhhoa.gov.vn/>; <http://yenlam.gov.vn/> và trên Dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ <https://motcua.thanhhoa.gov.vn/>.

- Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 qua cổng dịch vụ công tỉnh phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định.

- Năm 2023: UBND các thị trấn đạt chuẩn Tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn TCPL năm 2023.

**5.** **Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã.**

**5.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:**

Trước khi triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM, các xã trên địa bàn huyện Yên Định chưa có xã nào có Quy hoạch xây dựng NTM được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Năm 2011, UBND huyện Yên Định đã chỉ đạo thực hiện lập và phê duyệt quy hoạch xây dựng NTM giai đoạn 2011-2020 cho tất cả các xã trên địa bàn. Kết quả, đến năm 2012, 100% xã thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn huyện được phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng NTM giai đoạn 2011-2020, ban hành quy định quản lý quy hoạch, làm cơ sở để các xã quản lý xây dựng theo quy hoạch; UBND các xã đã tổ chức công bố, công khai, niêm yết quy hoạch đảm bảo theo đúng quy định và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Giai đoạn 2016-2020, các xã thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.Các nội dung điều chỉnh, bổ sung, gồm các nội dung về cơ sở vật chất văn hóa, vùng sản xuất, hệ thống kênh mương, thủy lợi, đường giao thông. Riêng xã Yên Trường thực hiện quy hoạch chung đô thị Kiểu, xã Định Tân thực hiện quy hoạch chung đô thị Định Tân. Các quy hoạch đô thị do UBND huyện làm chủ đầu tư, việc lập quy hoạch được căn cứ trên quy định của pháp luật, hướng dẫn của các Sở ngành và do UBND tỉnh phê duyệt và ban hành quy định quản lý, được UBND huyện Yên Định công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch theo đúng quy định.

- Hết năm 2020, Tất cả các quy hoạch chung (QHC) xây dựng xã giai đoạn 2011-2020 hết thời kỳ quy hoạch. Thực hiện chủ trương sáp nhập các đơn vị hành chính; sau khi sáp nhập, huyện Yên Định còn lại 26 đơn vị hành chính, trong đó có 22 xã xây dựng NTM, 04 thị trấn; để phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2021-2025, UBND huyện Yên Định đã chỉ đạo các xã thực hiện rà soát, lập, điều chỉnh QHC xây dựng xã giai đoạn 2021- 2030, đảm bảo tuân thủ định hướng Quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Yên Định đã có QHC xây dựng xã hoặc QHC đô thị được phê duyệt, đạt 100%. Cụ thể như sau:

***- Về QHC xây dựng xã được phê duyệt:***

+ Có 16/22 xã có QHC xây dựng xã được phê duyệt, nội dung các đồ án QHC xây dựng xã đã thực hiện tuân thủ về pháp luật quy hoạch; tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCXDVN 01:2021/BXD; thực hiện đúng quy định về thiết chế văn hóa; quy định về trường đạt chuẩn quốc gia...và tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn; các quy định về hạ tầng sản xuất *(thủy lợi, đề điều, giao thông nội đồng, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn);* phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các xã giai đoạn 2021-2030.

+ Có 06/22 xã có QHC đô thị được phê duyệt *(Định Hưng, Định Liên, Định Long, Định Tân, Yên Trường, Yên Phong)* đáp ứng yêu cầu quy định tại theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dụng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Về Công bố công khai quy hoạch: Sau khi QHC xây dựng xã được phê  
duyệt, các xã đã tổ chức thực hiện công bố, niêm yết công khai QHC xây dựng xã tại trụ sở UBND xã và các thôn cho nhân dân được biết, giám sát, kiểm tra, thực hiện. Đối với các xã thuộc QHC đô thị, việc công bố quy hoạch đã được UBND huyện Yên Định thực hiện trên Trên trang thông tin điện tử https://quyhoach.xaydung.gov.vn/ và tại địa bàn các xã.

***- Về ban hành quy định quản lý QHC xây dựng xã:***

+ Đối với 16 xã thực hiện QHC xây dựng xã: UBND huyện đã ban hành 16 quy định quản lý QHC xây dựng xã kèm theo.

+ Đối với 06 xã thực hiện QHC đô thị: UBND tỉnh đã ban hành Quy định quản lý theo đồ án QHC đô thị.

+ Việc tổ chức thực hiện theo quy hoạch: Các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, như: Đường giao thông, đường điện, trụ sở xã, nhà văn hóa.v.v; Công trình phục vụ sản xuất (giao thông nội đồng; hệ thống hồ, đập, kênh, mương.v.v..); điểm dân cư nông thôn; các khu chức năng (tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, trang trại...) đã được đầu tư xây dựng theo QHC đô thị và QHC xây dựng xã được duyệt.

**5.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:**

**5.2.1. Về giao thông:**

Thời điểm bắt đầu triển khai xây dựng NTM, hệ thống giao thông nông thôn của huyện cơ bản chưa đáp ứng được yêu cầu cho sản xuất, dân sinh cũng như tiêu chí NTM. Tỷ lệ đường trục xã, liên xã được nhựa hóa, bê tông hóa mới chỉ đạt bình quân 65%, đường giao thông thôn xóm, đường nội đồng còn nhiều tuyến là đường đất, đá cấp phối, nhiều tuyến đường bị ngập úng vào mùa mưa, nền và mặt đường nhỏ, hẹp. Tổng chiều dài đường giao thông nông thôn trên địa bàn các xã là 523 km, trong đó: đường xã là 113 km, mới nhựa hóa, bê tông hóa được 72km, đạt 64%; đường trục thôn, liên thôn là 240km, bê tông hóa 154km, đạt 64%; đường ngõ, xóm là 170km, bê tông hóa 111km, đạt 65%; đường trục chính nội đồng là 332km; cứng hóa 213km, đạt 64%.

Từ năm 2011 đến nay, bằng nhiều nguồn lực, cùng với nguồn xi măng do tỉnh và huyện hỗ trợ cùng với việc tham gia hiến đất, góp tiền, ngày công lao động của nhân dân để thực hiện bê tông hóa, nhựa hóa, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn. Đến nay, hệ thống giao thông trên địa bàn 22 xã đã đáp ứng yêu cầu tiêu chí NTM, cụ thể:

- Tổng chiều dài đường trục xã, liên xã là 120,2km; 100% đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và có chiều rộng mặt đường ≥3,5m; chiều rộng nền đường ≥6,5m, tăng 51,2km (74,2%) so với năm 2011.

- Tổng chiều dài đường trục thôn, xóm, đường liên thôn, xóm là 263,6 km; đã được nhựa hóa, bê tông hóa 281,9/281,9km , đạt 100%, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, tăng 131,2km (95,8%) so với năm 2011; trong đó, có 268,2/281,9km, đạt 95,14%đượcbê tông hóa, nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m.

-Tổng chiều dài đường ngõ, xóm là 197,1km; đã được nhựa hóa, bê tông hóa 197,1/197,1 km, đạt 100%, đảm bảo sạch và đi lại thuận tiện quanh năm, tăng 86,1km (89,7%) so với năm 2011; trong đó, có 182,1/197,1 km, đạt 92% đượcbê tông hóa, nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m.

- Tổng chiều dài đường trục chính nội đồng là 366,8 km; đã được nhựa hóa, bê tông hóa 366,8/366,8km, đạt 100%, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, tăng 117,1km (68,9%) so với năm 2011; trong đó, có 287,1km/366,8 km, đạt 78,29% đượcbê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m.

**5.2.2. Về Thủy lợi và PCTT:**

Năm 2011, các xã thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn huyện Yên Định có diện tích gieo trồng cả năm (03 vụ) được tưới chủ động 30.780,30 ha, diện tích gieo trồng cả năm cần tưới, tiêu theo kế hoạch 27.869 ha, tỷ lệ tưới đạt 90,54%.

Nguồn cung cấp nước chính cho sản xuất nông nghiệp của các xã là hệ thống thuỷ lợi kênh hồ chứa nước Cửa Đạt, sông Mã, sông Cầu Chày, Sông Hép, Hồ Thắng Long và các hồ tự nhiên trên địa bàn huyện. Các công trình thủy lợi được xây dựng với hệ thống tưới, tiêu gồm 80 trạm bơm, với tổng công suất 11.269 m3/h; 06 trạm bơm tiêu với tổng công suất 166.540m3/h; 1.205,69 km kênh mương, trong đó kênh tưới tiêu nội đồng do xã quản lý có chiều dài 730,07 km (đã kiên cố 690,38 km, đạt 94,5%). Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Sông Mã - Chi nhánh Yên Định quản lý 57 trạm bơm và 214,6 km kênh mương (đã kiên cố 200,2 km, đạt tỷ lệ 93,3%).

Năm 2024, diện tích gieo trồng cả năm (03 vụ) được tưới chủ động là 25.046,24/25.751,68 ha, đạt 97,26%; diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tiêu chủ động là 19.818,152/19.818,152 ha, đạt 100; diện tích nuôi trồng thủy sản được cấp thoát nước chủ động là 256,62ha/256,62 ha, đạt 100%. *(So với năm 2011, tuy diện tích đất nông nghiệp giảm nhưng diện tích gieo trồng cả năm được tưới chủ động ổn định cao hơn năm 2011 là 18,1%; diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tiêu chủ động ổn định cao hơn năm 2011 là 20,8%).*

- Các công trình đê điều tại các xã bảo đảm an toàn, phục vụ tốt công tác phòng chống thiên tai và TKCN, sản xuất nông nghiệp, đời sống sinh hoạt của nhân dân. 100% số xã đã thành lập và kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai-tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự hàng năm theo đúng quy định; 100% cán bộ cơ quan thường trực tham gia trực tiếp công tác, phòng, chống thiên tai. Hàng năm, huyện đã tổ chức hướng dẫn, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ cho Ban chỉ huy và 100% số đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra; ban hành đầy đủ các văn bản, hướng dẫn về công tác phòng, chống thiên tai, đảm bảo được triển khai chủ động và có hiệu quả, ứng phó được các loại hình thiên tai, thường xuyên xảy ra trên địa bàn theo phương châm “*4 tại chỗ”;* thực hiện phê duyệt các phương án phòng, chống thiên tai theo đúng quy định của Luật. Chuẩn vị vật tư đảm bảo số lượng, chất lượng; mua sắm hoặc ký kết hợp đồng các loại phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để phục vụ công tác PCTT và TKCN.

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cả cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với mưa lớn, truyền tải kịp thời các bản tin, công điện chỉ đạo của các cấp về phòng chống, ứng phó thiên tai trong thời điểm diễn ra các đợt bão, lũ, để các cấp chính quyền địa phương, cơ sở và người dân chủ động thực hiện.

Kết quả tự chấm điểm nội dung chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đạt 85 điểm, tương đương mức khá.

**5.2.3. Về điện:**

Năm 2011, trên địa bàn 22 xã của huyện Yên Định có 65 trạm biến áp, với tổng công suất 30.520 KVA, với tổng đường dây trung áp 68,47 km, đường dây hạ áp 342,09 km; 100% hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn. Tuy nhiên, do đặc thù diện tích của huyện trải rộng, thời điểm này, nguồn kinh phí đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo hệ thống lưới điện còn hạn chế nên chưa đảm bảo được tiêu chí mạch vòng cấp điện dẫn đến khó khăn trong quản lý vận hành, dự phòng cấp điện, bán kính cấp điện xa gây ra tổn thất điện áp cao, điện áp cuối nguồn trong giờ cao điểm chưa thực sự ổn định.

Để nâng cao chất lượng hạ tầng điện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, huyện Yên Định đã chỉ đạo các xã phối hợp với các đơn vị chức năng, tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp hệ thống điện, xây dựng mới 29,9km, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo 34,2 km đường dây trung thế*;* xây dựng mới 117,79 km, sửa chữa, nâng cấp cải tạo 152,9 km đường dây hạ thế; đầu tư mới 138 trạm biến áp, sửa chữa, nâng cấp cải tạo 35 trạm biến áp; tổ chức chỉnh trang mạng lưới điện, cáp quang, đường dây thông tin liên lạc treo trên cột qua khu dân cư, đảm bảo an toàn và mỹ quan; thực hiện di dời cột điện, cột treo dây tín hiệu nằm trong lòng đường do mở rộng đường giao thông; duy tu, bảo dưỡng, đầu tư thay mới hệ thống đường dây điện; vận động, hướng dẫn các hộ dân sửa chữa, thay thế, nâng cấp hệ thống điện sau công tơ. Đến nay, hệ thống điện trên địa bàn các xã đã đảm bảo các điều kiện theo tiêu chuẩn ngành điện và phục vụ nhu cầu sử dụng điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất của nhân dân, cụ thể:

- Trên địa bàn 22 xã có 203 trạm biến áp với tổng công suất 50.390 KVA *(tăng 138 TBA so với năm 2011)*; 98,37 km đường dây trung áp (*tăng 29,9 km so với năm 2011);* 459,88 km đường dây hạ áp (tăng *117,79 km so với năm 2011);* lưới điện hạ áp được vận hành ổn định, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật theo quy định.

- Có 36.157/36.157 hộ dân, đạt 100% số hộ và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn toàn huyện được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

**5.2.4. Về trường học:**

Năm 2011, cơ sở vật chất các trường học còn thiếu, chưa đồng bộ, tỷ lệ phòng học kiên cố, cao tầng mới đạt từ 80%; tỷ lệ số trường học có cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn mới đạt 23/66 trường, đạt 34,85% (trong đó 23/23 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, chưa có trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2); thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu dạy và học; công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được quan tâm chưa nhiều; nguồn thu của huyện và các xã còn hạn chế nên nguồn lực dành cho đầu tư lĩnh vực giáo dục, đào tạo còn khó khăn.

Từ 2011 đến nay, huyện Yên Định đã đầu tư xây dựng thêm nhiều phòng học kiên cố, tu sửa nâng cấp các phòng học, phòng chức năng, nhà hiệu bộ, mua sắm thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, chỉnh trang khuôn viên các nhà trường, với tổng kinh phí trên 600 tỷ đồng. Đến nay, cơ sở vật chất trường học đã được đầu tư xây dựng kiên cố, trường lớp khang trang, sạch đẹp; tăng cường bổ sung trang thiết bị dạy và học, theo đó, có 66/66 trường học các cấp học mầm non, tiểu học, THCS và TH&THCS đảm bảo tiêu chuẩn về cơ sở vật chất mức độ 1 trở lên theo quy định (đạt 100%), trong đó có 21/66 trường đạt tiêu chuẩn về cơ sở vật chất mức độ 2, đạt 31,82%. Cụ thể như sau:

+ Đối với các xã có >3 trường học (Xã Yên Trường): có 100% trường học trên địa bàn xã đều đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó 100% trường học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, trong đó có 50% trường học đạt cơ sở vật chất mức độ 2.

+ Đối với các xã có ≤ 3 trường học (Gồm 21 xã): Có 100% số trường học trên địa bàn các xã đều đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó: 08 xã có 100% trường học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1; 08 xã có 50% trường học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 trở lên; 05 xã có ít nhất 50% trường học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 trở lên.

So với năm 2011, tổng số trường học của 22 xã đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 trở lên tăng 44 trường, tương đương 68,18% và 21 trường học đạt cơ sở vật chất mức độ 2, tăng 100%

**5.2.5. Về cơ sở vật chất văn hóa:**

Khi bắt đầu triển khai thực hiện xây dựng NTM, các xã đã quy hoạch được quỹ đất để xây dựng Trung tâm Văn hóa -Thể thao xã, tuy nhiên, diện tích quy hoạch chưa đảm bảo theo quy định;đa số các xã chưa có khu Trung tâm Văn hóa - Thể thao riêng biệt, Hội trường đa năng, Nhà văn hóa của các xã là tích hợp của hợp phần Trung tâm Văn hóa -Thể thao, nằm trong khu Công sở xã,có diện tích nhỏ, số chỗ ngồi không đảm bảo, còn 85,19% số xã chưa đảm bảo về trang thiết bị của Nhà văn hóa, Hội trường đa năng và sân thể thao xã. Hầu hết các xã chưa có các điểm vui chơi giải trí cho trẻ em người già.

Thực hiện chương trình xây dựng NTM, huyện Yên Định đã tập trung huy động các nguồn lực, vận động Nhân dân đóng góp kinh phí đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, kết quả đến nay:

- Về quy hoạch: Có 22/22 xã đã quy hoạch, bố trí được quỹ đất ở vị trí trung tâm để đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, sân vận động xã đảm bảo quy định, đạt tỉ lệ 100%.

- Về xây dựng công trình: Có 22/22 xã đã huy động nguồn lực kinh phí đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã *(gồm Hội trường văn hóa đa năng xã/Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, Khu Thể thao/Nhà thi đấu đa năng)* và sân vận động xã, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định, đạt tỉ lệ 100%. Cụ thể:

+ Hội trường văn hóa đa năng xã có diện tích từ 500m2 trở lên, quy mô xây dựng từ 300 đến 360 chỗ ngồi. Trong đó nhiều xã đã đầu tư xây dựng mới công trình thiết chế đảm bảo khang trang, đồng bộ, như các xã: Yên Trường, Định Công, Định Hưng, Định Tăng… Bên trong các Hội trường văn hóa đa năng được bố trí sân khấu, có đầy đủ các phòng chức năng theo quy định *(Phòng hành chính; phòng thư viện - đọc sách báo; phòng sinh hoạt câu lạc bộ; phòng sinh hoạt thể thao đơn giản; phòng thông tin truyền thanh)*; cơ sở vật chất, trang thiết bị hoạt động đảm bảo tổ chức tốt các hội nghị, sự kiện, chương trình/liên hoan/hội diễn văn hóa văn nghệ, TDTT và các hoạt động cộng đồng với quy mô cấp xã.

+ Khu thể thao xã (Nhà thi đấu đa năng xã) có diện tích từ 2.000m2 trở lên, trong đó có 17 xã xây dựng được Nhà thi đấu đa năng, các xã còn lại đang tích hợp Khu Thể thao xã trong khu vực sân vận động xã. Tại Khu thể thao và Nhà thi đấu đa năng xã được bố trí đầy đủ các dụng cụ thể thao đơn giản, các sân bóng chuyền da, bóng chuyền hơi, sân cầu lông, bóng bàn, tennis, xà đơn, xà kép, sân tập dưỡng sinh cho người già, thiết bị vui chơi giải trí cho trẻ em… đáp ứng nhu cầu tập luyện TDTT của Nhân dân.

+ Sân vận động xã: 22/22 xã đã quy hoạch xây dựng sân vận động xã, có diện tích từ 10.000m2 trở lên; trong đó có 20 xã xây dựng mới sân vận động, 02 xã cải tạo, nâng cấp sân vận động xã. SVĐ xã sân bóng đá, có tường rào bao quanh, biển tên, hệ thống rãnh thoát nước, mặt cỏ phẳng, đường chạy điền kinh, sân khấu ngoài trời… đảm bảo phục vụ tốt các sự kiện quy mô cấp xã.

- Về tổ chức bộ máy, nguồn kinh phí hoạt động: 22/22 xã đã thành lập được Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; hàng năm được bố trí được nguồn kinh phí ổn định cho tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cấp xã; ban hành quy chế tổ chức các hoạt động đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 12//TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Về điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em, người cao tuổi:

Đến nay, 100% xã có khu, điểm vui chơi, giải trí cho người già trẻ em, đảm bảo diện tích, không gian rộng. Tại tất cả các điểm vui chơi, giải trí, các xã đã bố trí lắp đặt các dụng cụ, trang thiết bị đảm bảo phù hợp với người già và trẻ em tại các Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, Sân vận động xã và Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn như: Cầu trượt, xích đu, bập bênh, đu quay, dụng cụ tập dưỡng sinh, chơi cờ, ghế đá đọc sách, báo; bố trí không gian đi bộ và trồng cây xanh bóng mát.

- 113/113 thôn trên địa bàn 22 xã của huyện Yên Định có Nhà văn hóa - Khu thể thao, đạt tỉ lệ 100%;

+ Diện tích các Nhà Văn hóa thôn từ 300m2 trở lên, đảm bảo quy mô về số chỗ ngồi, có sân khấu và đầy đủ các trang thiết bị, gồm: loa đài, tủ sách, bàn ghế, phông màn, tượng Bác, bục nói chuyện, bảng, biển tiêu chuẩn, nội quy...

+ Diện tích các Khu thể thao thôn từ 500m2 trở lên và đều được trang bị, lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao đơn giản *(như xích đu, cầu trượt, xà đơn, xà kép, bóng chuyền, cầu lông…),* đảm bảo phục vụ nhu cầu tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng, các sinh hoạt cộng đồng của người dân.

**5.2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:**

Khi triển khai xây dựng NTM, khu vực nông thôn huyện Yên Định có 23 chợ/21 xã đều chưa đạt chuẩn, 01 xã không có chợ; các chợ đều do BQL chợ (UBND xã thành lập) quản lý; diện tích chưa đảm bảo, các hạng mục như đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, công trình vệ sinh, xử lý rác thải chưa được xây dựng đồng bộ, điều kiện vệ sinh chung, vệ sinh ATTP chưa còn thiếu, các mặt hàng trong chợ chưa phong phú.

Để phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chợ xã, UBND huyện Yên Định đã chỉ đạo các xã thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý chợ cho doanh nghiệp và các HTX quản lý; khuyến khích các xã, các doanh nghiệp đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ theo quy hoạch; tạo điều kiện cho các thương nhân có nhu cầu đầu tư xây dựng chợ nông thôn tham gia đầu tư xây dựng chợ; thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý chợ theo kế hoạch đã được phê duyệt; chỉ đạo các xã và các đơn vị chức năng tập trung triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn.

Đến nay, 23 chợ trên địa bàn 21 xã của huyện Yên Định được đầu tư xây dựng khang trang, đồng bộ và đạt chuẩn theo quy định, trong đó có 02 chợ đạt chuẩn hạng 2 và 21 chợ đạt chuẩn chợ hạng 3; 01 xã không có chợ đã xây dựng cửa hàng thương mại tổng hợp, kinh doanh thực phẩm an toàn đạt chuẩn theo Quyết định 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ Công thương, có quy mô từ 50 m² trở lên, có số lượng, chủng loại hàng hóa phong phú, đáp ứng phục vụ đủ nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân trên địa bàn và đảm bảo các điều kiện về vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.

**5.2.7. Về Thông tin và truyền thông**

Từ năm 2011, 100% số xã thực hiện xây dựng NTM của huyện Yên Định đều đã có điểm Bưu điện Văn hóa xã, tuy nhiên, cơ sở vật chất và trang thiết bị chưa đảm bảo phục vụ nhân dân. Hạ tầng viễn thông chưa đồng bộ, dịch vụ viễn thông còn hạn chế, 100% các xã đều sử dụng đài truyền thanh hữu tuyến, một số khu dân cư xa trung tâm xã khó tiếp cận sóng phát thanh của xã. Việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa được thực hiện đồng bộ, quá trình phân công, xử lý công việc chủ yếu công việc chủ yếu qua văn bản giấy.

Thời gian qua, huyện Yên Định đã tập trung phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn; phối hợp với các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn huyện chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng viễn thông, điểm Bưu điện Văn hóa xã, bảo đảm thông tin liên lạc, chất lượng dịch vụ, an toàn, an ninh về thông tin và truyền thông, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện thoại, Internet, ứng dụng công nghệ thông tin của người dân và các tổ chức trong phát triển kinh tế, xã hội; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành cũng như trong công tác chuyên môn ở các cơ quan nhà nước nhằm từng bước đổi mới, tạo động lực thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, chất lượng phục vụ của cơ quan nhà nước đối với người dân và doanh nghiệp; tạo tiền đề quan trọng để xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, kết quả, đến nay:

- 22/22 xã có điểm phục vụ bưu chính theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về diện tích, bán kính phục vụ; thực hiện niêm yết thời gian phục vụ, các bản nội quy sử dụng và treo biển hiệu theo quy định; đáp ứng tiêu chuẩn về mặt bằng, trang thiết bị phục vụ và cung ứng các dịch vụ bưu chính theo quy định của ngành.

- 22/22 xã có hạ tầng mạng viễn thông cố định mặt đất, di động mặt đất với công nghệ băng thông rộng di động tiên tiến 3G, 4G, sẵn sàng cung cấp đầy đủ các dịch vụ viễn thông, Internet theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông đến 100% các thôn trên địa bàn xã; đã đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- 22/22 xã có hệ thống Đài Truyền thanh đang hoạt động; 100% thôn có hệ thống loa truyền thanh kết nối với Đài Truyền thanh xã hoạt động ổn định, phục vụ tốt công tác thông tin, tuyên truyền các chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến cộng đồng dân cư trong xã.

- 22/22 xã NTM đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành; Tỷ lệ cán bộ, công chức của 22/22 xã được trang bị máy vi tính phục vụ nhiệm vụ chuyên môn đạt 100%; Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc đã được khai thác, sử dụng hiệu quả, 100% văn bản đến được cập nhật, xử lý, ký số và gửi đi trên phần mềm; 100% cán bộ, công chức của các xã đã được cấp hộp thư điện tử công vụ; Phần mềm Một cửa điện tử được sử dụng hiệu quả, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, cập nhật, xử lý và có kết quả xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử đạt 100%; Trang thông tin điện tử của các xã đã cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

**5.2.8. Về nhà ở dân cư:**

Khi bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM mới, trên địa bàn 22 xã mới có 26.788/33.465 hộ có nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng, chiếm tỷ lệ 80%, vẫn còn 1.095 hộ có nhà ở chưa đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ 3,3%; còn lại là nhà ở bán kiên cố.

Trong những năm qua, Ủy ban MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội của huyện, UBND huyện Yên Định tiếp tục thực hiện tốt các chính sách về nhà ở cho người có công, hộ nghèo và tuyên truyền, vận động Nhân dân chủ động chỉnh trang, xây mới, cải tạo, nâng cấp nhà ở, công trình ao, vườn, chuồng trại chăn nuôi theo tiêu chí “*3 sạch”;* nhà ở nông thôn có sự thay đổi vượt bậc; kiến trúc nhà ở của các hộ phù hợp với tập tục, tín ngưỡng của Nhân dân, đảm bảo tính cổ truyền kết hợp với kiến trúc hiện đại, tạo thành các khu dân cư sang, sạch, đẹp. Cảnh quan khuôn viên các hộ dân, khu dân cư đảm bảo gọn gàng; vệ sinh môi trường đảm bảo, các chất thải trong sinh hoạt và trong sản xuất được thu gom và xử lý triệt để theo quy định.

Năm 2024, trên địa bàn 22 xã không còn nhà tạm, dột nát; số hộ có nhà ở kiên cố (nhà ở nông thôn đạt chuẩn) là 35.248/36.157 hộ, đạt tỷ lệ 97,5%, tăng 13,1% so với năm 2011.

**5.3. Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân**

**Năm 2011,** quy mô giá trị sản xuất theo giá hiện hành toàn huyện đạt 5.093 tỷ đồng**; tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 39,02%, ngành Công nghiệp - Xây dựng chiếm** 21,26%; **ngành Dịch vụ - Thương mại là** 39,72%; **thu nhập bình quân đầu người toàn huyện mới đạt 18,5 triệu đồng/người/năm (khu vực nông thôn đạt 18,26 triệu đồng/người);** tỷ lệ hộ nghèo + cận nghèo đang còn 22,25% **(khu vực nông thôn** là 23,08%)

**Trong những năm qua, các** xã đã khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, tập trung chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu lao động, ngành nghề; đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường, nhờ đó, thu nhập của người dân được nâng lên, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện và nâng cao. Đến nay, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (22 xã) tăng từ 18,26 triệu đồng/người năm 2011 lên 65,41 triệu đồng/người; tỷ lệ nghèo đa chiều giảm từ 23,08% năm 2011 xuống còn 1,88%.

Tốc độ tăng giá trị sản xuất năm 2023 đạt 5,96% (xếp thứ 3 toàn tỉnh). Cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản năm 2023 chiếm 23,68% (giảm 15,34% so với năm 2011); công nghiệp - xây dựng chiếm 58,03% (tăng 36,77% so với năm 2011); dịch vụ chiếm 18,29%. Quy mô giá trị sản xuất theo giá hiện hành đạt 22.037 tỷ đồng, đứng thứ 5 toàn tỉnh (gấp 4,3 lần năm 2011).

**5.3.1. Về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản:**

Khi bắt đầu triển khai xây dựng NTM, giá trị toàn ngành nông lâm thủy sản của huyện yên Định đạt 2.915,8 tỷ đồng *(theo giá hiện hành),* chiếm 40,54% cơ cấu kinh tế toàn huyện, tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 3,83%. Trong đó: Ngành nông nghiệp 2.778,4 tỷ đồng, chiếm 95,29% trong cơ cấu ngàng nông - lâm - thuỷ sản (trong đó trồng trọt 1.342,7 tỷ đồng, chiếm 48,33%; chăn nuôi 1.245 tỷ đồng, chiếm 44,81%, dịch vụ nông nghiệp 188,5 tỷ đồng, chiếm 6,78%); Ngành lâm nghiệp 4,7 tỷ đồng chiếm 0,16 %; Ngành thủy sản 133,1 tỷ đồng, chiếm 4,57%.

Năm 2015, giá trị sản xuất toàn ngành nông lâm thủy sản đạt 3.441 tỷ đồng *(theo giá hiện hành),* chiếm 36,83% cơ cấu kinh tế toàn huyện, giảm 3,71% so với năm 2011, tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 8,3%. Trong đó: Ngành nông nghiệp 3.282,5 tỷ đồng, chiếm 95,4% trong cơ cấu ngàng nông - lâm - thuỷ sản (trong đó: trồng trọt 1.576 tỷ đồng, chiếm 48%, tăng 233,3 tỷ đồng so với năm 2011; chăn nuôi 1.486,5 tỷ đồng, chiếm 45,3%, tăng 241,5 tỷ đồng so với năm 2011; dịch vụ nông nghiệp 219,89 tỷ đồng, chiếm 6,7%, tăng 31,39 tỷ đồng so với năm 2011); Ngành lâm nghiệp 5,13 tỷ đồng, chiếm 0,15 %, tăng 0,43 tỷ đồng so với năm 2011; Ngành thủy sản 153,03 tỷ đồng, chiếm 4,45%, tăng 19,93 tỷ đồng so với năm 2011.

Là địa phương có truyền thống và nhiều dư địa để phát triển nông nghiệp, nhất là nông nghiệp tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, UBND huyện Yên Định đã xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm “đánh thức” tiềm năng, nâng cao giá trị kinh tế cho những sản phẩm nông nghiệp lợi thế của địa phương và những sản phẩm nằm trong danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa

Trên cơ sở danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, huyện Yên Định đã rà soát các sản phẩm có thế mạnh của địa phương để thực hiện các giải pháp phát triển theo đúng lộ trình. Qua đó, huyện có 7 sản phẩm nằm trong danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa, bao gồm: lúa gạo, rau, quả, bò thịt, bò sữa và các sản phẩm từ sữa, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm, mía đường, cây ngô. Để tạo điều kiện thu hút các thành phần kinh tế, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, huyện Yên Định đã rà soát kế hoạch sử dụng đất, xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh, vùng trọng điểm sản xuất các sản phẩm nông nghiệp. Lồng ghép các chương trình, dự án, nhất là Chương trình MTQG xây dựng NTM để đầu tư xây dựng mới và hoàn thiện các công trình về thủy lợi, điện, giao thông nội đồng... phục vụ cho các vùng sản xuất tập trung. Khuyến khích doanh nghiệp, HTX và hộ gia đình, cá nhân thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, hình thành các vùng sản xuất quy mô lớn. Bố trí, quy hoạch những khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, dễ cách ly và xử lý môi trường theo quy định của Luật Chăn nuôi. Cùng với đó, tăng cường công tác chọn tạo và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh tốt để đưa vào sản xuất.

Cùng với việc đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai, hình thành vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, để tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với việc ứng dụng khoa học - công nghệ, huyện Yên Định phối hợp với các ngành chức năng ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học - kỹ thuật về giống, phân bón, các biện pháp thâm canh vào sản xuất trồng trọt, chăn nuôi. Kêu gọi, vận động doanh nghiệp, hộ gia đình đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, lựa chọn, đưa các loại giống mới có năng suất cao vào sản xuất thử nghiệm. Từ việc áp dụng khoa học và công nghệ, trên địa bàn huyện đã xây dựng được nhiều vùng liên kết sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo bước đột phá mới trong phát triển sản xuất.

Năm 2023, giá trị sản xuất toàn ngành nông lâm thủy sản đạt 5.218 tỷ đồng *(theo giá hiện hành),* chiếm 23,7% cơ cấu kinh tế toàn huyện, giảm 16,84% so với năm 2011. Trong đó: Ngành nông nghiệp 4.997 tỷ đồng, chiếm 95,76% trong cơ cấu ngàng nông - lâm - thuỷ sản (trồng trọt 2.441tỷ đồng, chiếm 48,85%, tăng 1.098,3 tỷ đồng so với năm 2011; chăn nuôi 2.250 tỷ đồng, chiếm 45,03%, tăng 1.005 tỷ đồng so với năm 2011, dịch vụ nông nghiệp 306 tỷ đồng, chiếm 6,12% , tăng 117,5 tỷ đồng so với năm 2011; Ngành lâm nghiệp 11,2 tỷ đồng chiếm 0,21%, tăng 6,5 tỷ đồng so với năm 2011; Ngành thủy sản 210 tỷ đồng, chiếm 4,02%, tăng 76,9 tỷ đồng so với năm 2011.

***- Về lĩnh vực trồng trọt:***

Sản xuất ngành trồng trọt của huyện Yên Định đạt kết quả toàn diện cả về năng suất và giá trị sản phẩm. Tổng diện tích gieo trồng gần 28.000 ha; sản lượng lương thực cả năm đạt 133.215 tấn/146.731,2 tấn (Sản lượng lương thực có hạt giảm so với năm 2011 do chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhưng năng suất, hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều so với năm 2011); ngoài việc đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng đối với các cây trồng truyền thống như lúa, ngô, mía,... Yên Định đã tập trung đưa các mô hình mới, các cây trồng có giá trị kinh tế cao như cây ăn quả, cây rau, dưa trong nhà màng, nhà lưới; đặc biệt huyện chú trọng công tác tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn theo chuỗi giá trị; hình thành các vùng sản xuất lớn, thu hút đầu tư vào nông nghiệp, tạo các chuỗi liên kết bền vững. Cụ thể:

+ Vùng sản xuất lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả quy mô 16.000ha; diện tích liên kết sản xuất lúa giống, lúa thương phẩm 1.200ha/năm; có 40ha sản xuất lúa theo hướng hữu cơ đạt chứng nhận VietGAP tại các xã: Định Long 20ha, Quý Lộc 10ha, Định Tiến 10ha,...; Hiện nay có 05 HTX đã đầu tư 7 tổ hợp máy sấy lúa để phục vụ các hộ sản xuất; Có 4 HTX có sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP 3 sao (sản phẩm gạo Hưng Phúc xã Định Tiến, dưa cải Lê xã Yên Thái, dưa lê nếp Bạch Dương xã Định Bình, Bưởi Thanh Đường xã Yên Ninh).

+ Vùng trồng mía tập trung nằm trên địa bàn các xã: Yên Phú 141,5 ha; Yên Thái 4,5 ha; Định Liên 43 ha, Yên Thịnh 6,5 ha, Yên Phong 05 ha). Đã áp dụng quy trình đồng bộ trong sản xuất, thâm canh cây mía; sản phẩm mía nguyên liệu do Công ty Cổ phần Mía đường Lam sơn liên kết, bao tiêu, nên sản xuất bền vững từ năm 1999 đến nay.

+ Vùng sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh với diện tích 79ha/năm trên địa bàn các xã Yên Phú, Định Tân, Yên Hùng, Yên Thái, Yên Trường, Định Long, Định Bình, Định Hưng. Đã áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh đạt chuẩn VietGAP, hiệu quả kinh tế thu được từ 350 - 500 triệu đồng/ha/năm.

+ Vùng sản xuất, rau, hoa, quả trong nhà lưới với diện tích 8,2 ha nằm trên địa bàn các xã Định Hòa, Định Bình, Định Thành, Yên Trường, Yên Trung, Định Hải. Vùng sản xuất, rau, hoa, quả trong nhà lưới đã áp dụng quy trình sản xuất trong trồng rau, hoa, quả theo tiêu chuẩn VietGAP, hiệu quả kinh tế thu được từ 850 triệu - 01 tỷ đồng/ha/năm.

+ Vùng trồng cây ăn quả tập trung 940 ha (Diện tích trồng tập trung cây Bưởi 298 ha tại các xã: Yên Ninh 77 ha, Yên Phú 22,7 ha, Yên Trường 25,5 ha; Yên Tâm 27,72 ha,…, cây Dứa 519,43 ha (Yên Tâm; Yên Phú, …); cây Ổi 112,61ha (Yên Phú 12,38 ha, Yên Tâm 18,38 ha, Yên Trường 14,6 ha, …). Hiệu quả kinh tế trong sản xuất cây ăn quả các loại đạt từ 200 - 300 triệu đồng/ha/năm; riêng vùng bưởi Thanh Đường (có sản phẩm OCOP 03 sao) tại xã Yên Ninh có hiệu quả kinh tế từ 300 - 500 triệu đồng. Hiện nay, có 01 mã vùng trồng nội địa cây ăn quả (Bưởi 10 ha tại xã Yên Trường); có 52,4 ha Bưởi được sản xuất đạt chứng nhận VietGAP.

Giá trị sản phẩm trên 1ha gieo trồng bình quân đạt 167,2 triệu đồng/ha/năm, tăng 75,2 triệu đồng/ha/năm so với năm 2011. Quy mô giá trị sản xuất ngành trồng trọt năm 2024 ước đạt 2.510,5 tỷ đồng/năm (theo giá hiện hành), chiếm 46,02% cơ cấu giá trị ngành nông lâm thủy sản.

***- Về lĩnh vực chăn nuôi:***

Năm 2024, chăn nuôi trên địa bàn huyện Yên Định phát triển theo hướng trang trại quy mô vừa và lớn, chăn nuôi công nghiệp; chăn nuôi nông hộ và gia trại giảm mạnh, cơ cấu vật nuôi được chuyển dịch sang các sản phẩm có giá trị tăng cao (Bò sữa, lợn siêu nạc, gà siêu trứng, gà siêu thịt, các con nuôi đặc sản). Công tác tiêm phòng, kiểm soát dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm đạt kết quả tốt, không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm.

Năm 2024, tổng đàn trâu, bò có xu hướng giảm dần, tổng đàn lợn, gia cầm tăng. Đàn trâu có 4.596 con; Đàn bò 19.265 con (Trong đó bò sữa là 6.412 con); Đàm lợn 52.825 con (trong đó đàn lợn nái ngoại 5.218 con); Đàn gia cầm 2.512 con. Sản lượng thịt hơi đạt 35.152 tấn; sản lượng sữa đạt 38.000 tấn, sản lượng trứng đạt 42 triệu quả.

Hiện nay toàn huyện Yên Định có 107 trang trại chăn nuôi, trong đó có 26 trang trại chăn nuôi lợn (09 trang trại quy mô lớn, 15 trang trại quy mô vừa, 02 trang trại quy mô nhỏ); 01 trang trại chăn nuôi bò sữa quy mô lớn; 80 trang trại chăn nuôi gia cầm (trong đó có 04 trang trại quy mô lớn, 74 trang trại quy mô vừa, 02 trang trại quy mô nhỏ). Số lượng trang trại chăn nuôi đủ tiêu chí theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp & PTNT là 89 trang trại (01 trang trại bò, 21 trang trại lợn, 67 trang trại gia cầm).

Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt 2.250 tỷ đồng *(theo giá hiện hành)* chiếm 45%trong cơ cấu giá trị ngành nông nghiệp; tăng 763,5 tỷ đồng so với năm 2015, tăng 1.005 tỷ đồng so với năm 2011.

***- Về lĩnh vực lâm nghiệp:***

Từ năm 2011 đến nay huyện Yên Định đã trồng được 325 ha rừng tập trung. Ngoài ra, hàng năm huyện Yên Định đã thực hiện trồng cây phân tán trên những khu vực, vị trí phù hợp để tạo cảnh quan, bóng mát và không gian sáng xanh sạch đẹp… Trong 13 năm qua, tổng số cây xanh toàn huyện đã trồng được là 1.703.000 cây, góp phần cải thiện đáng kể cho môi trường và cảnh quan trên địa bàn huyện.

Giá trị ngành lâm nghiệp năm 2024 đạt 11,7 tỷ đồng/ năm *(theo giá hiện hành)*, tăng 4,7 tỷ đồng so với năm 2011, tăng 607 tỷ đồng so với năm 2015.

***- Về lĩnh vực thủy sản:***

Tổng diện tích nuôi trồng thuỷ sản là 1.061,31 ha, phần lớn là nuôi quảng canh và bán thâm canh, sản lượng thuỷ sản đạt 4.315 tấn (trong đó nuôi trồng 4.220 tấn, khai thác 95 tấn). Giống thuỷ sản chủ yếu là các đối tượng cá nuôi truyền thống gồm trắm, chép, trôi, mè, cá rô phi đơn tính và chủ yếu cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra trên sông Mã còn có 10 hộ nuôi lồng bè với tổng số 18 lồng nuôi; 38 hộ khai thác thủy sản. Năng suất bình quân 3,98tấn/ha; giá trị đạt từ 150-200 triệu đồng/ha/năm, cao gấp 2-4 lần so với trồng lúa. Có 01 cơ sở sản xuất và ư­­ơng dưỡng cá giống tại xã Định Long với quy mô 40 triệu con cá giống, 120 con triệu cá bột/năm. Có 01 mô hình nuôi trồng thủy sản hiệu quả (Chép, Trắm, rô phi) tại thôn Bùi Thượng xã Yên Phú, diện tích 3 ha, sản lượng 20 tấn/năm; 02 mô hình nuôi lươn không bùn trong bể xi măng với quy mô 10 bể/mô hình với diện tích 30 m2, 20.000 con giống, sản lượng đạt 4.650 kg lươn thịt/năm. Giá trị sản xuất ngành thủy sản năm 2023 *(theo giá hiện hành)* đạt 210 tỷ đồng/ năm, chiếm 4,02% cơ cấu ngành nông lâm thủy sản, tăng 76,9 tỷ đồng so với năm 2011.

***- Về Phát triển sản phẩm OCOP****:*

Đến năm 2024, trên địa bàn huyện có 38 sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP hạng 3 sao, cụ thể: Nhóm thực phẩm có 31 sản phẩm, nhóm đồ uống có 5 sản phẩm, nhóm sản phẩm dược liệu có 02 sản phẩm.

Có 34 chủ thể có sản phẩm OCOP (trong đó có 04 Hợp tác xã, 03 Công ty, 01 Tổ hợp tác, 26 hộ gia đình), với 38 sản phẩm tham gia chu trình OCOP đạt 3 sao.

Các chủ thể có sản phẩm OCOP đã tạo công ăn việc làm cho hơn 140 lao động thường xuyên và 60 công nhân thời vụ, với mức thu nhập bình quân từ 5-6 triệu đồng/tháng.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các chủ thể OCOP trong năm 2024, doanh thu ước đạt trên 75 tỷ đồng/năm.

**5.3.2. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề:**

Những năm qua, huyện Yên Định đã thu hút được các nhà đầu tư lớn vào lĩnh vực công nghiệp, phát triển nhiều cụm công nghiệp với nhiều công ty lớn đầu tư (Công ty TNHH Giầy Alena VIệt Nam, Công ty TNHH Giầy Weilina Việt Nam, Chi nhánh số 02 - Công ty TNHH Long Hành Thiên Hạ, Công ty TNHH Dệt Kim JaSan, Công ty TNHH Rose Orchard Việt Nam, Công ty cổ phần may TatSu, Công ty TNHH Sewing T&T, Công ty TNHH vật liệu ngành giầy Hong Sheng Việt Nam)...Cùng với việc phát triển của các cụm công nghiệp đã có, huyện tiếp tục tập trung quy hoạch, thu hút đầu tư hoàn thiện hạ tầng các cụm công nghiệp mới; ưu tiên thu hút đầu tư các dự án sản xuất hàng tiêu dùng, may mặc, vật liệu xây dựng, chế biến nông sản và các ngành công nghiệp phụ trợ cho sản xuất giầy da. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợicác cơ sở sản xuất đang hoạt động trên địa bàn đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ, quy trình quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị của sản phẩm. Hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất trong các khu dân cư vào các cụm công nghiệp để mở rộng quy mô và đảm bảo môi trường…

Năm 2011, giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện mới đạt 835,5 tỷ đồng; Đến nay, giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện đạt 5.428 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010); trên địa bàn huyện có 124 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp quy mô lao động từ 1 đếm 500 người là 115 doanh nghiệp, quy mô lao động từ 500 người trở lên là 9 doanh nghiệp chủ yếu là hoạt động trong ngành sản xuất giày, dệt, may, với tổng hơn 25.000 lao động, thu nhập bình quân 6-12 triệu đồng/người/tháng tăng 2,5 đến 4,4 lần so với năm 2011 (2.5 triệu đồng/ người/ tháng); có hơn 1.700 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp với hơn 3.500 lao động, thu nhập bình quân là 6 triệu đồng/người/tháng tăng 3,5 lần so với năm 2011 (1,7 triệu đồng/người/tháng).

**5.3.3. Về dịch vụ - thương mại và phát triển du lịch nông thôn:**

***- Về Dịch vụ - thương mại:***

Những năm qua, ngành Dịch vụ - thương mại huyện Yên Định phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, nhất là thương mại, du lịch. Hiện nay, trên địa bàn huyện Yên Định có trên 240 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ; có trên 5.500 cơ sở kinh doanh thương mại - dịch vụ; hệ thống chợ, siêu thị, cửa hàng tiện tích, cửa hàng bán lẻ ngày càng phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong nhân dân; giá trị sản xuất ngành Dịch vụ - Thương mại năm 2024 đạt 4.285 tỷ đồng, gấp 2,03 lần so với năm 2011; giải quyết việc làm cho hơn 2.000 lao động; thu nhập bình quân của lao động làm việc trong lĩnh vực này đạt 7-10 triệu đồng/người/tháng.

***\* Về phát triển du lịch nông thôn:***

Huyện Yên Định có 49 di tích được xếp hạng (07 di tích cấp Quốc Gia, 42 di tích cấp tỉnh), năm 2020 huyện được UBND tỉnh công nhận 05 điểm du lịch chủ yếu gắn với di tích văn hóa, di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng: Di tích Núi và Đền Đồng Cổ, xã Yên Thọ; Di tích Quốc gia địa điểm Bác Hồ về thăm Yên Trường, Di tích Quốc gia Điện Thừa Hoa và Từ Đường Phúc Quang, xã Định Hoà. Di tích Phủ Cẩm, xã Định Công, Làng du lịch Yên Trung.

Để giữ gìn, phát huy các giá trị di sản và phục vụ phát triển du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, huyện Yên Định thường xuyên xây dựng các đề án kế hoạch, quan tâm làm tốt công tác tuyên truyền, quản lý bảo tồn và tôn tạo di tịch lịch sử, thực hiện hiệu quả các Đề án xây dựng các Kế hoạch thực hiện đề án như: Kế hoạch phát huy giá trị di tích lịch sử trên địa bàn huyện; Kế hoạch tổ chức Lễ hội Đền Đồng Cổ gắn với phát triển du lịch. Những năm gần đây Du lịch của huyện đã có nhiều khởi sắc, từng bước đã đi vào hoạt động có hiệu quả thu hút được khách tham quan, với tiềm năng phát triển du lịch của huyện, tháng 5/2023 huyện đã được UBND tỉnh công bố kết nối vào các tour, tuyến du lịch với các huyện trong tỉnh (Thọ Xuân, Vĩnh Lộc, Cẩm Thủy), đây là điều kiện thuận lợi cho huyện mở rộng liên kết để hình thành các tour, tuyến du lịch kết hợp lịch sử với văn hóa tâm linh, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và nằm trong hành lang các tour, tuyến du lịch quan trọng của tỉnh. Các điểm du lịch trên địa bàn huyện đã từng bước thu hút được nhiều lượt khách đến tham quan, trong 6 tháng đầu năm 2024 các điểm du lịch của huyện đã thu hút được hơn 50.000 lượt khách tham quan (năm 2023 gần 35.000); tăng 49,99 % so với cùng kỳ.

**5.3.4 Về giảm nghèo**

Năm 2011, tại 22 xã xây dựng NTM có 4.658 hộ nghèo, chiếm 13,6%; có 3.249 hộ cận nghèo, chiếm 9,48%; tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo khu vực nông thôn chiếm tới 23,08%.

Đến hết năm 2023, sau 13 năm thực hiện Chương trình xây dựng NTM, tổng hộ nghèo đa chiều sau khi trừ hộ nghèo không có khả năng lao động tại 22 xã là 130 hộ chiếm 0,34%; số hộ cận nghèo đa chiều là 591 hộ chiếm 1,54%, tổng tỷ lệ nghèo đa chiều là 1,88%.

**5.3.5. Về lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ**

Năm 2011, lực lượng lao động qua đào tạo khu vực nông thôn của huyện Yên Định mới đạt 43,73%.

Những năm qua, huyện Yên Định đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác dạy nghề, giải quyết việc làm; triển khai thực hiện tốt các chính sách về đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm. Thực hiện đa dạng hóa hình thức đào tạo nghề, tạo điều kiện cho người lao động là thanh niên, nông dân được học nghề. Phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh để đào tạo và liên kết đào tạo nghề trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng cho lực lượng lao động trên địa bàn, góp phân tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo.

Đến nay, lực lượng lao động đã qua đào tạo khu vực nông thôn trên địa bàn huyện Yên Định là 64.158 người, đạt tỷ lệ 80,79%, tăng 37,06% so với năm 2011; lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ là 24.350 người, đạt 30,66%, tăng tăng 14,07% so với năm 2011.

**5.3.6. Về tổ chức sản xuất**

Sau gần 12 năm triển khai Luật HTX năm 2012, hoạt động của các HTX nông nghiệp đã có sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả. Trình độ cán bộ quản lý HTX được nâng cao rõ rệt, đội ngũ cán bộ HTX có kinh nghiệm, nhạy bén với cơ chế thị trường, mạnh dạn áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, thực hiện liên kết sản xuất, chuyển mạnh sang phát triển sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, hiệu quả cao, hình thành những cánh đồng lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đưa cơ giới hóa vào đồng ruộng, nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, gia tăng giá trị sản phẩm thu hoạch và thu nhập cho nông dân.

Đến nay, huyện Yên Định đã thành lập các tổ khuyến nông cộng đồng ở 100% số xã, với thành phần nòng cốt là cán bộ khuyến nông cơ sở và các cá nhân trên địa bàn (nhân viên chăn nuôi - thú y, nhân viên bảo vệ thực vật,..), đại diện các tổ chức chuyên môn, đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, hợp tác xã, trang trại trên địa bàn các xã...với chức năng nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Thực hiện các nhiệm vụ về khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp, làm dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y...với nguyên tắc hoạt động công khai, minh bạch, tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của địa phương và nội quy, quy chế, điều lệ hoạt động của tổ, liên kết hợp tác chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức trong quá trình hoạt động.

**-** *Về xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã.*

Trên địa bàn 22 xã NTM có 36 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (tăng 11 HTX DV nông nghiệp so với năm 2011 và năm 2015). Kết quả phân loại, có 31 HTX hoạt động tốt, chiếm 77,5%, có 09 HTX hoạt động khá, chiếm 22,5%, không có HTX hoạt động trung bình và yếu. Tổng số thành viên HTX DV nông nghiệp là 6.127 người, trung bình 175 thành viên/HTX. Khu vực HTX nông nghiệp đã giải quyết việc làm cho 15.000 lao động thường xuyên, với mức thu nhập 3,5 triệu đồng/người/tháng (tăng 1,3 triệu đồng so với năm 2011 và tăng 01 triệu đồng so với năm 2015), góp phần vào ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các Hợp tác xã nông nghiệp thường xuyên tham gia ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm các cây trồng hàng hóa có giá trị kinh tế cao, với tổng diện tích cây trồng liên kết bao tiêu sản phẩm hàng năm khoảng 3.500 ha, tổng giá trị liên kết trên 500 tỷ đồng/năm.

Các HTX nông nghiệp đã xây dựng Điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, quy chế hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát, quy chế quản lý tài sản, tài chính; hàng năm tổ chức đại hội thường niên theo đúng quy định và hoạt động theo Luật HTX năm 2012. Tổ chức thực hiện tốt các khâu dịch vụ đáp ứng cho nhu cầu của thành viên HTX và cộng đồng dân cư tại địa phương như: dịch vụ thủy lợi, bảo vệ đồng ruộng, bảo vệ thực vật, kinh doanh vật tư nông nghiệp, tiêu thụ sản phẩm, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, làm đất, tu sửa và làm mới kênh mương nội đồng, đầu tư mua máy cấy, mạ khay để áp dụng cơ giới hóa đồng bộ vào sản xuất nông nghiệp, sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP,...Hoạt động của HTX nông nghiệp gắn với sản xuất các sản phẩm chủ lực của vùng, thực hiện liên kết chuỗi, mở rộng thị trường tiêu thụ, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh, nâng cao hiệu quả kinh tế và thu nhập cho thành viên HTX, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây trồng hàng hóa cho nông dân.

Các HTX DV nông nghiệp Định Long, Định Liên, Định Tăng, Định Hòa, Định Hưng, Định Tân, Định Tiến liên kết sản xuất lúa giống thuần, lúa hàng hóa các loại: BT7, J02, TBR225, Thiên ưu 8, Q5, N97, Nếp Hương; ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm với Công ty CP tập đoàn giống cây trồng Việt Nam, Công ty TNHH Giống cây trồng Tứ Xuyên, Công ty TNHH Tân Tiến, Công ty TNHH Giống cây trồng Hà Bắc Sơn. Diện tích gieo trồng cây màu hàng hóa tại các xã Yên Phú, Yên Tâm, Yên Thọ, Yên Trung, Yên Trường, Yên Thái, Yên Phong, Yên Ninh, Yên Hùng, Yên Lạc, Yên Thịnh, Định Long, Định Liên, Định Tăng, Định Hòa, Định Bình, Định Thành, Định Công, Định Tân, Định Tiến, Định Hưng, Định Hải trồng cây ớt xuất khẩu, ngô ngọt, dưa vàng, ngô thức ăn chăn nuôi, rau màu các loại; thực hiện đơn vị liên kết sản xuất với Công ty CP XNK Đồng Giao Ninh Bình; Công ty TNHH Tân Tiến, Công ty TNHH Phượng Lan, Công ty TNHH NN CNC Thiên Trường 36.

Một số HTX hoạt động có hiệu quả, đã tổ chức được cho thành viên, các hộ gia đình thực hiện các liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững, tiên phong trong thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, cơ giới hoá nông nghiệp, ứng dụng giống mới như: HTX nông nghiệp công nghệ cao Định Hòa, HTX DV nông nghiệp Định Liên, HTX DV nông nghiệp Định Tân, HTX DV nông nghiệp Định Long.

*- Về xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững:*

Đến nay, trên địa bàn 22/22 xã có 49 chuỗi liên kết trong lĩnh vực trồng trọt (08 mô hình sản xuất lúa, 23 mô hình sản xuất ớt, 01 mô hình sản xuất ngô ngọt, 04 mô hình sản xuất dưa vàng, 05 mô hình sản xuất Bí, 01 mô hình sản xuất ngô thức ăn chăn nuôi, 04 mô hình liên kết sản xuất Bưởi, 01 mô hình sản xuất dưa cải Lê, 03 mô hình sản xuất mía); *Tăng 37 chuỗi so với năm 2011.*

*- Về thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được cấp giấy chứng nhận VietGap hoặc tương đương:*

Đến năm 2024, trên địa bàn 22/22 xã thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực như cây lúa, ớt, dưa vàng, bưởi, bí, rau củ các loại,…gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được cấp chứng nhận VietGAP, cụ thể:

*+ Trồng trọt:* Đến nay, 22/22 xã NTM đã thực hiện sản xuất 64 ha rau an toàn tập trung chuyên canh và 8,2 ha trồng rau củ quả trong nhà lưới, nhà màng; 30 ha lúa sản xuất theo hướng hữu cơ và 52,4 ha cây ăn quả (Bưởi) được chứng nhận chứng nhận VietGAP.

*+ Chăn nuôi:* Phát triển các trang trại con nuôi chủ lực tập trung có quy mô vừa và lớn, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại; chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học và bảo vệ môi trường, tiến tới xây dựng vùng an toàn dịch bệnh; đặc biệt chăn nuôi theo hình thức liên kết sản xuất tạo tính bền vững và ổn định lâu dài; năng suất và chất lượng ngày càng được nâng lên. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 02 cụm trang trại chăn nuôi gia cầm với quy mô 60.000 con/lứa được chứng nhận VietGAP (xã Yên Trường và xã Định Hòa).

*+ Nuôi trồng thủy sản:* Phát triển thủy sản theo hướng chuyên canh tập trung, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu thị trường và an toàn sinh học. Đến năm 2024, 22/22 xã NTM có 1.061 ha nuôi trồng thủy sản các loại. Một số mô hình thủy sản có hiệu quả kinh tế cao như mô hình nuôi lươn không bùn trong bể xi măng, mô hình nuôi dế thương phẩm,...

22/22 xã NTM trên địa bàn huyện đều thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP.

*- Về* *có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.*

Trên địa bàn huyện Yên Định không có làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND tỉnh Thanh Hóa công nhận.

*- Về có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả:*

Năm 2011, trên địa bàn các xã xây dựng NTM chưa thành lập tổ khuyến nông cộng đồng, mỗi xã có 01 cán bộ khuyến nông viên cơ sở thực hiện nhiệm vụ chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho các hộ nông dân;

Đến nay, 22/22 xã NTM trên địa bàn huyện đều thành lập tổ khuyến nông cộng đồng. Các tổ khuyến nông cộng đồng tại các xã đều có nội quy, quy chế, điều lệ và nguyên tắc hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hoạt động có hiệu quả.

Hệ thống khuyến nông cơ sở hoạt động theo mô hình tổ khuyến nông cộng đồng; nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông theo hướng đa dạng hóa chức năng và loại hình hoạt động khuyến nông; phát triển dịch vụ khuyến nông theo hướng xã hội hóa, tích hợp đa giá trị, nhằm tạo ra giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế cho các đối tượng tham gia khuyến nông. Các tổ khuyến nông cộng đồng đã giúp nâng cao hiệu quả hệ thống khuyến nông cơ sở.

Mặt khác, mô hình Tổ khuyến nông cộng đồng thực hiện tốt nhu cầu phát triển nông nghiệp tại địa bàn 22 trên địa bàn huyện theo 4 nhóm hoạt động như: tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; tư vấn hỗ trợ hình thành hợp tác nông nghiệp, tổ hợp tác; phát triển thị trường, liên kết sản xuất; tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi số trong các hợp tác xã.

Thành viên tham gia tổ khuyến nông cộng đồng nòng cốt là cán bộ khuyến nông cơ sở; cán bộ thú y, bảo vệ thực vật, kiểm lâm…), đại diện các tổ chức chuyên môn, chính trị, xã hội, đoàn thể (Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, hợp tác xã, doanh nghiệp…), nông dân sản xuất giỏi tại địa phương, do chủ tịch UBND xã Quyết định. Việc lựa chọn đối tượng tham gia tổ khuyến nông cộng đồng được thực hiện linh hoạt, tuyển chọn những người tham gia thật sự tâm huyết, có trình độ phù hợp điều kiện kinh tế, thế mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp của địa phương. Từ đó phát triển năng lực của các thành viên tổ và phát huy vai trò của tổ khuyến nông cộng đồng.

Các tổ khuyến nông cộng đồng có chức năng, nhiệm vụ tuyên truyền, vận động người dân tham gia hợp tác xã; tư vấn thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác, chuyển giao kỹ thuật; hướng dẫn nông dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất; thông tin thị trường kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã.

Đến nay, trên địa bàn 22/22 xã NTM, đã xây dựng được 52 mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp, tổ chức đào tạo tập huấn trên 4.087 lượt học viên về các nội dung, như: Quản lý dịch hại cây trồng tổng hợp IBM; áp dụng, xử lý các chế phẩm sinh học phục vụ trong sản xuất; các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học; sản xuất lúa theo hướng hữu cơ, tư vấn liên kết sản xuất, kết nối thị trường, …

**5.4. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường**

**5.4.1. Về Giáo dục và đào tạo:**

Năm 2011, trên địa bàn 22 xã của huyện Yên Định mới có 4 xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt 18,18%; 01 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đạt 4,54%; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; 22/22 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS, đạt 100%. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp THCS tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) của 22 xã đạt 91,27%.

Những năm qua, huyện Yên Định đã xây dựng và thực hiện kế hoạch, nâng cao chất lượng giáo dục; Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục; tích cực triển khai việc đổi mới công tác kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục ở các nhà trường; chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, kết quả đến nay:

- Có 100% số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- 100% số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, Trung học cơ sở mức độ 3 theo Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% (2.892/2.892 em); 100% số xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo Quyết định số Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp): 5.620/5.987 học sinh, đạt tỉ lệ 98,92%, tăng 2,6% so với năm 2011.

**5.4.2. Về y tế:**

Năm 2011, các xã thực hiện xây dựng NTM của huyện Yên Định đều đã có trạm y tế xã, tuy nhiên chưa có xã nào được công nhận chuẩn quốc gia về Y tế; trang thiết bị khám chữa bệnh còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế mới đạt 52,9%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) chiếm 10,99%; người dân chưa được cập nhật về sử dụng sổ khám chữa bệnh điện tử.

Để đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, hằng năm, huyện Yên Định luôn duy trì nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, xây dựng trạm y tế xã chuẩn quốc gia; chỉ đạo các xã ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách cũng như huy động nguồn lực xã hội hóa để đầu tư, nâng cấp, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiếp bị y tế. Theo đó, cơ sở vật chất trạm y tế các xã đã từng bước được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại; tăng cường bổ sung trang thiết bị Y tế để đảm bảo cho công tác khám, chữa bệnh; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng y tế toàn diện, trong đó quan tâm chú trọng công tác khám, chữa bệnh chất lượng cao, do đó chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được nâng lên. Kết quả đến nay:

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT tại 22 xã đạt 96,7%, (127.510/131.922 người), ***tăng 43,8***% ***so với năm 2011 và tăng 29% so với khi huyện đạt chuẩn NTM năm 2015****.*

- 100% số xã được công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 *(Theo Quyết định số 3301/QĐ-UBND ngày 05/8/2024 của UBND tỉnh Thanh Hoá).*

- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 6,18% (712/11.515 trẻ), ***giảm 4,81% so với năm 2011 và giảm 3,68% so với năm 2015***.

- Thực hiện hướng dẫn của ngành y tế, UBND huyện đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 04/8/2022 để triển khai lập hồ sơ sức khoẻ điện tử trên địa bàn toàn huyện, giai đoạn 2022 - 2025; Các xã đã xây dựng kế hoạch triển khai lập hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân trên địa bàn, cập nhật thông tin sức khỏe của người dân vào hồ sơ sức khỏe điện tử, thực hiện quản lý sức khỏe người dân qua phần mềm quản lý hồ sơ, sức khỏe điện tử. Kết quả, có 129.511/131.922 người đã được tạo dựng hồ sơ sức khỏe điện tử và theo dõi trên phần mềm quản lý, đạt 98,17% người dân trên địa bàn; tương ứng với tỷ lệ 98,17% người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử.

**5.4.3. Về Văn hóa:**

*- Về chất lượng văn hóa, làng văn hóa:*

Năm 2011, tỷ lệ thôn được công nhận danh hiệu "Thôn văn hoá", "Làng văn hoá" theo Thông tư 12/2011/TT-BVHTTDL mới đạt 80%.

Trong những năm qua, huyện Yên Định đã quan tâm chỉ đạo các khu dân cư, các hộ gia đình đăng ký xây dựng danh hiệu văn hóa; tổ chức triển khai xây dựng và bình xét danh hiệu "Khu dân cư văn hóa", Gia đình văn hóa đảm bảo chất lượng, hiệu quả, từng bước đi vào chiều sâu, việc thực hiện bình xét công nhận danh "Khu dân cư văn hóa", "Gia đình văn hóa" theo Nghị định 122/2018/NĐ-CP đúng quy định, tỉ lệ đạt danh hiệu "Khu dân cư văn hóa", "Gia đình văn hóa" ngày càng cao. Công tác xây dựng môi trường văn hóa, nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; công tác bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa có nhiều chuyển biến tích cực; các phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao trên địa bàn được quan tâm triển khai và ngày càng phát triển. Theo đó, có 113/113 thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa, đạt 100%; 100% số thôn có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng NTM. Tỷ lệ gia đình văn hóa năm 2024 ước đạt 97,95% (35.417/36.157 hộ gia đình). Việc thực hiện bình xét danh hiệu thôn văn hóa thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 122/2018/NĐ-CP.

Đã xây dựng được 22 mô hình phòng, chống bạo lực gia đình với 22 CLB gia đình phát triển bền vững, CLB phòng chống bạo lực gia đình, 113 địa chỉ tin cậy và đường dây nóng để tiếp nhận thông tin về phòng chống bạo lực gia đình; không xảy ra các vụ bạo lực gia đình có tính chất nổi cộm.

**5.4.4. Về môi trường và an toàn thực phẩm:**

Thời điểm khi bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM, các chỉ tiêu, tiêu chí về môi trường chưa đảm bảo yêu cầu theo quy định; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn còn thấp, chưa có hộ gia đình khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung; việc thu gom, xử lý rác thải, chất sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại còn hạn chế, chưa thành lập các tổ thu gom rác thải sinh hoạt, chủ yếu do các hộ gia đình tự thu gom, xử lý tại hộ hoặc đưa về các bãi tập kết để xử lý không đảm bảo vệ sinh, môi trường; công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường trong sản xuất, sinh hoạt chưa được tổ chức thường xuyên; cảnh quan nông thôn chưa đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; việc phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường chưa triển khai đồng bộ; chưa có xã đạt an toàn thực phẩm.

Trong những năm qua, huyện Yên Định đã chỉ đạo các xã nỗ lực triển khai đồng thời nhiều giải pháp để thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm, theo đó, Đảng ủy, UBND các xã đã ban hành và triển khai các nghị quyết, kế hoạch thực hiện đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã. Trong đó, tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân tự giác tham gia công tác bảo vệ môi trường; thực hiện đóng cửa các bãi chôn lấp và xóa bỏ các điểm tập kết không đảm bảo vệ sinh trên địa bàn; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển rác thải đi xử lý theo quy định với tần suất 2-3 lần/tuần; triển khai việc hướng dẫn phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn và tận dụng rác thải hữu cơ làm phân vi sinh; nhân rộng các mô hình tái chế, giảm thiểu rác thải nhựa; thực hiện tổng dọn vệ sinh môi trường định kỳ 01 lần/tuần vào các ngày cuối tuần... Đến nay, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn toàn huyện nói chung và 22 xã xây dựng NTM nói riêng đã đi vào nề nếp, cảnh quan, môi trường nông thôn đảm bảo xanh, sạch, đẹp.

- Số hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn của 22 xã là 36.157/36.157 hộ, đạt 100% ***(tăng 54,42% so với năm 2011)***; trong đó, số hộ dân được sử dụng nước sạch từ công trình nước sạch tập trung 18.675 hộ/36.157 hộ, đạt 51,65% ***(tăng 51,65% so với năm 2011)***. Chất lượng nguồn nước tại các công trình cấp nước tập trung và cấp nước hộ gia đình đều đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch cho mục đích sinh hoạt.

- Trên địa bàn 22 xã có 850 cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thuỷ sản; không có làng nghề. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh đều có công trình, biện pháp xử lý chất thải, đạt các quy định về BVMT. Cụ thể:

+ Cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường là 86 cơ sở, 100% số cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thuỷ sản đều phù hợp với quy hoạch, có hồ sơ, thủ tục về môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt/cấp phép/xác nhận theo quy định. Trong quá trình hoạt động, các cơ sở đã chấp hành tốt công tác bảo vệ môi trường. Năm 2024, UBND các xã không nhận được phản ánh của người dân về việc chấp hành công tác BVMT của các cơ sở.

+ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không phải lập hồ sơ môi trường: có 764 hộ gia đình thuộc loại hình sửa chữa xe máy, đồ mộc dân dụng, cơ khí, ... Trong quá trình sản xuất, kinh doanh, các hộ đã cơ bản chấp hành công tác bảo vệ môi trường. Năm 2024, UBND các xã không nhận được phản ánh của người dân về việc chấp hành công tác BVMT của các hộ này.

- Phong trào thi đua chỉnh trang nông thôn, trồng cây xanh, tạo cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp - an toàn, gắn tên đường, số nhà, trồng cây xanh, cây bóng mát theo chủ đề được thực hiện thường xuyên và rộng khắp từ xã đến thôn, được đưa vào quy chế hoạt động của từng thôn, xóm. Đến nay, cảnh quan, không gian của các xã đều đảm bảo các tiêu chí sáng, xanh, sạch, đẹp và an toàn, cụ thể như sau:

+ Phong trào xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch -  
đẹp, an toàn; ngày chủ nhật xanh được UBND huyện Yên Định chỉ đạo các xã  
thực hiện thường xuyên. Trên địa bàn 22 xã NTM có 565,51/596,38 km đường giao thông nông thôn đã được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ như: cây tùng tháp, cây sao đen, bằng lăng, bàng đài loan..., thảm cỏ lạc, cỏ tre, thảm lá màu như chuỗi ngọc, chè mạn…tăng cường mảng xanh, độ che phủ và tạo vẻ đẹp cho các tuyến đường. Thông qua các phong trào như ngày thứ 7 tình nguyện, ngày chủ nhật xanh, các tuyến đường thường xuyên được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang bờ kè, 100% các tuyến đường trên địa bàn 22 xã NTM đảm bảo sạch, đẹp; tỷ lệ hộ gia đình thực hiện chỉnh trang nhà ở, cải tạo vườn tạp, cải tạo hàng rào có phủ xanh đạt tỷ lệ 86,75 % (31.358/36.157 hộ).

+ Hệ thống mương tiêu, rãnh thoát nước thải tại khu dân cư được người dân thường xuyên nạo vét thông thoáng đảm bảo không để tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung, không bị xả rác thải, rơm rạ xuống lòng kênh đảm bảo tốt cho công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất và phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

+ Trên địa bàn 22 xã NTM có 91,3% các tuyến đường được lắp đặt bóng đèn chiều sáng, mỗi tuyến đường đều có ít nhất một camera an ninh cho khu vực, người dân trên tuyến đường trực tiếp sử dụng và quản lý.

- Hiện nay, trên địa bàn 22 xã có 119 nghĩa trang; 100% các nghĩa trang cách xa khu dân cư, được phân chia khu hung táng, cát táng riêng biệt; có các hàng rào cách ly bằng tường xây hoặc cây xanh; rác thải hình thành trong quá trình thực hiện mai táng, hỏa táng được thu gom và được xử lý bằng hình thức đốt tại các khu vực xử lý rác trong nghĩa trang; các xã đã triển khai thực hiện việc mai táng, hỏa táng cho người từ trần đảm bảo theo quy định.

Việc mai táng, hỏa táng đã được thực hiện tại vị trí xác định, các xã đã lập danh sách mai táng, hỏa táng tại các nghĩa trang theo quy hoạch được duyệt, rác thải phát sinh trong quá trình thực hiện mai táng, hỏa táng được thu gom và được xử lý bằng hình thức đốt tại 22,2%, tăng 7,59% so với năm 2015.

- Tổng khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn 22 xã khoảng 23.903,87 tấn/năm, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý khoảng 23.903,15 tấn/năm, đạt tỉ lệ 99,28%, trong đó, 60% rác thải sinh hoạt sau khi được người dân phân loại, tận dụng làm phân bón, làm thức ăn chăn nuôi; 5% được thu gom bán phế liệu; 35% được thu gom, vận chuyển đi chôn lấp hợp vệ sinh và vận chuyển đến các lò đốt để xử lý.

- Tổng khối lượng chất thải rắn không nguy hại phát sinh tại 22 xã khoảng 10.942,17 tấn/năm; chất thải rắn công nghiệp không nguy hại được các cơ sở thu gom, tự hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định; chất thải rắn xây dựng được các chủ nguồn thải tận dụng làm vật liệu san nền, bán phế liệu theo quy định; tỉ lệ chất thải rắn không nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%.

- Trên địa bàn 22 xã, tổng lượng vỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh khoảng 1,01 tấn/năm; toàn bộ được thu gom, lưu chứa tại 2.551 thùng chứa bằng bê tông có nắp đậy, được đặt tại các vị trí thuận lợi tại các xứ đồng. Định kỳ, hợp đồng với các đơn vị có chức năng như: Công ty Môi trường Nghi Sơn vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định với tần suất 01-02 lần/năm, đạt tỉ lệ 100%.

- Tổng khối lượng chất thải y tế thông thường và chất thải y tế nguy hại tại các trạm y tế, cơ sở y tế tại 22 xã và 3 phòng khám tư nhân khoảng 16,45 tấn/năm. trong đó đối với khu vực Bệnh viện Đa khoa huyện chất thải y tế chuyển giao về Bệnh viện Đa Khoa huyện Triệu Sơn để xử lý theo Cụm số 4 (tần suất thu gom 1-2 lần/tuần); chất thải y tế từ các trạm y tế các xã vận chuyển về Trung tâm y tế huyện và hợp đồng với Công ty CP Môi trường Nghi Sơn để xử lý theo định; các phòng khám tư nhân thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải y tế, tần suất thu gom xử lý (1-2 lần/tuần).

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch trên địa bàn 22 xã là 96,8% (35.014/36.157 hộ), ***tăng 42,1% so với năm 2011***; trong đó, số hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh là 35.014/36.157 hộ, đạt tỷ lệ 96,8%; hộ gia đình có nhà tắm hợp vệ sinh là 35.028/36.157 hộ, đạt tỷ lệ 96,9%; hộ gia đình có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch là 35.279/36.157 hộ, đạt tỷ lệ 97,6%.

- Trên địa bàn 22 xã NTM có 11.350/12.562 cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt 90,4%, tăng 33,1% so với năm 2011, trong đó, có 48 cơ sở chăn nuôi trang trại, 11.302 cơ sở chăn nuôi nông hộ.

- Có 3.025/3.025 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đều đã được cấp giấy chứng nhận còn hiệu lực (đối với cơ sở thuộc diện phải cấp) hoặc ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm (đối với cơ sở không thuộc diện phải cấp), đạt 100%. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thường xuyên được cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định của luật an toàn thực phẩm.

- Công tác phân loại rác thải sinh hoạt được các xã triển khai thực hiện đồng bộ, hiện nay, trên địa bàn 22 xã có 28.566/36.157 hộ thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, đạt 79,01%. Đối với rác thải hữu cơ có thể tận dụng làm thức ăn chăn nuôi (cơm thừa, đầu cá, gốc rau,…), đối với rác thải hữu cơ còn lại các hộ sử dụng hố rác hữu cơ phun men vi sinh IMO để thành phân hữu cơ bón cho cây trồng; đối với rác thải vô cơ có thể tái chế được (vỏ chai nhựa, vỏ lon b̀ia giấy, kim loại,…) được phân loại bán cho các cơ sở thu mua tái chế; rác thải còn lại (các thành phần rác không có khả năng tái chế) được thu gom đựng trong dụng cụ chứa rác tại gia đình, sau đó được thu gom, vận chuyển đi xử lý.

- Chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn 22 xã khoảng 1.272,49 tấn/năm. Công tác thu gom, phân loại, tái chế rác thải nhựa được triển khai tại 100% các xã. Hội Phụ nữ và Đoàn Thanh niên đã chủ động, tích cực triển khai phong trào “Chống rác thải nhựa”, thành lập các Câu lạc bộ hạn chế sử dụng túi nilong, mô hình điểm “ thu gom, phân loại và tái chế rác thải thành vật dụng hữu ích”, chiến dịch “thanh niên tình nguyện hè”, “ngày chủ nhật xanh”, Câu lạc bộ thu gom phế liệu gây quỹ giúp đỡ người nghèo, phòng chống rác thải nhựa...Nhờ đó, lượng rác thải nhựa được thu gom, tái chế, tái sử dụng là 1.265,91/1.272,49 tấn/năm, đạt tỷ lệ 99,48%. Các loại chất thải nhựa không thể tái chế sẽ được thu gom, vận chuyển đi xử lý cùng các loại chất thải rắn sinh hoạt khác.

**5.5. Xây dựng hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh và giữ gìn an ninh, trật tự xã hội:**

**5.5.1. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh:**

Trong những năm qua, huyện Yên Định đã chỉ đạo quyết liệt công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh; kiện toàn tổ chức bộ máy các cấp, các ngành, đáp ứng yêu cầu thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ. **Cụ thể hóa và t**ổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đảng về công tác tổ chức, cán bộ. Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-TU của Tỉnh ủy về tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ và đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ. **Tiếp tục** làm tốt công tác quy hoạch cán bộ; gắn quy hoạch với việc đào tạo nâng cao trình độ, chuẩn hóa đội ngũ và luân chuyển cán bộ. Phát triển đảng viên mới được quan tâm cả về số lượng và chất lượng.

- Đến nay trên địa bàn 22 xã xây dựng NTM có 412/412 cán bộ, công chức đạt chuẩn, đạt 100%, Trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 23 người, chiếm tỷ lệ 5,58%; Đại học 352 người, chiếm tỷ lệ 85,43%; cao đẳng 11 người, chiếm tỷ lệ 2,66%; Trung cấp 26 người, chiếm tỷ lệ 6,33%.

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân có 05 người, chiếm tỷ lệ 1,21%; Trung cấp 377 người, chiếm tỷ lệ 91,5% và Sơ cấp 08 người, tỷ lệ 1,95%; Chưa qua đào tạo 22 người, tỷ lệ 5,34%.

+ Quản lý nhà nước: Chương trình chuyên viên chính: 04 người, tỷ lệ 1,21%; Chương trình chuyên viên: 123người, tỷ lệ 29,8%; Chưa qua đào tạo: 284 người, tỷ lệ 68,99%.

- Đảng bộ của 22 xã trong các năm 2021, 2022, 2023 được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Định đánh giá *“Hoàn thành tốt nhiệm vụ”* trở lên theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương; Chính quyền các xã trong các năm 2021, 2022, 2023 được Ủy ban nhân dân huyện Yên Định đánh giá *“Hoàn thành tốt nhiệm vụ”* trở lên theo quy định.

- Từ năm 2021 đến năm 2024, các tổ chức Ủy ban MTTQ, Hội Nông dân, Hội liên Hiệp Phụ Nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở 22/22 xã được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- 22/22 xã trên địa bàn huyện đã tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng chuẩn tiếp cận pháp luật và được Chủ tịch UBND huyện Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 về công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023.

- Có 12/22 xã có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy xã và đang giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt; 10/22 xã có cán bộ nữ được quy hoạch các vị trí chủ chốt nhiệm kỳ 2021-2025 và 2025-2030. Tỷ lệ phụ nữ tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình phát triển kinh tế nông thôn đạt 36,3%; các xã không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; tỷ số giới tính sinh ra sống ở mức 111 bé trai/100 bé gái. Các xã đều có địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh cộng đồng đặt tại Trạm y tế, có đủ trang thiết bị theo quy địn, thành lập Ban quản lý nhà tạm lánh cộng đồng; xây dựng quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban quản lý nhà tạm lánh cộng đồng; ban hành quyết định phân công Công chức Văn hóa - Xã hội phụ trách Chính sách - xã hội làm công tác bảo vệ trẻ em; thành lập, kiện toàn Ban bảo vệ trẻ em do Phó Chủ tịch UBND cấp xã làm Trưởng ban, thành viên là Công chức văn hóa phụ trách Chính sách xã hội, Chủ tịch Hội phụ nữ, Bí thư Đoàn Thanh niên, trưởng Trạm Y tế, Hiệu trưởng các trường học,…;100% số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp; những năm qua, trên địa bàn các xã không có vụ việc xâm hại trẻ em.

**5.5.2. Công tác quốc phòng - an ninh trật tự xã hội:**

**a. Về công tác quốc phòng:**

Hàng năm Ban Chỉ huy quân sự huyện Yên Định đã hướng dẫn các xã xây dựng Kế hoạch công tác Dân quân tự vệ - Giáo dục quốc phòng & an ninh và kế hoạch huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật cho DQ; Chỉ đạo làm tốt công tác xây dựng lực lượng Dân quân đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, xây dựng lực lượng DQ vững mạnh, rộng khắp. Đến nay 100% các xã có trung đội dân quân cơ động; các thôn có lực lượng dân quân tại chỗ. Các đơn vị Dân quân tại các xã thực hiện nghiêm túc việc đăng ký, quản lý, tuyển chọn và kết nạp công dân đủ tiêu chuẩn vào lực lượng DQ. Việc tuyển chọn, biên chế lực lượng DQ nòng cốt được tiến hành chặt chẽ cả về quy trình và phương pháp tiến hành, bảo đảm tính dân chủ, công khai, công bằng, đúng quy định.

Có 100% Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy cấp xã là Đảng viên, 100% chức danh Chỉ huy trưởng là thành viên ủy ban cùng cấp; 100% Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự của các xã đạt trình độ trung cấp chuyên ngành quân sự cơ sở; 100% Chính trị viên là Bí thư Đảng ủy, Chính trị viên phó là Bí thư đoàn cùng cấp kiêm nhiệm.

Hàng năm 100% các đơn vị DQTV của các xã được tổ chức huấn luyện theo mô hình cụm; kết quả huấn luyện 100% đạt yêu cầu, trong đó có trên 75% khá, giỏi.

**b. Về công tác an ninh, trật tự xã hội:**

Hằng năm, trên địa bàn 22 xã, Đảng ủy xã ban hành Nghị quyết, UBND xã có kế hoạch chỉ đạo về công tác bảo đảm ANTT; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (ANTQ). Theo đó, không xảy ra các hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh; tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật; hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về ANTT; hoạt động ly khai, đòi tự trị.

- Từ năm 2022 đến nay, tại 22 xã tình hình an ninh nông thôn cơ bản ổn định; Không có hoạt động tập trung đông người, khiếu kiện vượt cấp gây phức tạp về ANTT trên địa bàn.

- 22 xã đều xã làm tốt công tác phòng, chống tội phạm; số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm ít nhất 5% so với năm trước; tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước.

- Trên địa bàn 22 xã đều có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gắn với phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ hoạt động thường xuyên, hiệu quả. 22/22 xã đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an và đều đạt loại “Khá” trở lên trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo Quyết định số 510/QĐ-BCA-V05 ngày 20/01/2022 của Bộ Công an. Năm 2024, 100% xã đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”.

- Đến nay, trên địa bàn huyện Yên Định không còn xã trong danh sách trọng điểm, phức tạp về ANTT và 22 xã không thuộc địa bàn xã phức tạp về tội phạm xâm phạm trật tự xã hội theo Quyết định số 8793/QĐ-BCA ngày 26/12/2023 của Bộ Công an về ban hành Tiêu chí xác định địa bàn phức tạp về tội phạm xâm phạm trật tự xã hội. Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh, xếp loại, đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

- Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh, xếp loại, đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

**6. Kết quả xây dựng NTM nâng cao của các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao**

Đến nay, trên địa bàn huyện Yên Định có 11 xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao, chiếm 50%, kết quả như sau:

***6.1. Tiêu chí Quy hoạch***

*- Về có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.*

- Có 05 xã (Định Hòa, Định Bình, Định Hải, Yên Thái, Định Tăng) đã có QHC xây dựng xã đến năm 2030 được UBND huyện Yên Định phê duyệt. Nội dung các đồ án QHC xây dựng xã thực hiện tuân thủ pháp luật về quy hoạch; tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCXDVN 01:2021/BXD; thực hiện đúng quy định về thiết chế văn hóa; quy định về trường đạt chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn...và các quy định về hạ tầng sản xuất (thủy lợi, đề điều, giao thông nội đồng, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn); phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các xã giai đoạn 2021 - 2030.

- Có 03 xã (Định Long, Định Liên, Định Hưng) thuộc quy hoạch chung thị trấn Quán Lào đã được UBND tỉnh phê duyệt đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Quán Lào đến năm 2035 tại Quyết định số 4364/QĐ-UBND ngày 08/12/2022;

- Có 02 xã (Yên Phong, Yên Trường) thuộc quy hoạch chung đô thị Kiểu, đã được UBND tỉnh phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Kiểu đến năm 2045 tại Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

- Có 01 xã Định Tân thuộc quy hoạch chung đô thị Định Tân được UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch chung đô thị Định Tân đến năm 2025 tại Quyết định số 4440/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 và được điều chỉnh cục bộ quy hoạch tại Quyết định số 1672/QĐ-UBND, đã đáp ứng yêu cầu trong xây dựng NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 được quy định tại theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dụng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

Các quy hoạch đáp ứng yêu cầu trong xây dựng NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025, theo quy định tại khoản 2, Điều 31, Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dụng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

+ Về Công bố công khai quy hoạch: Sau khi QHC xây dựng xã được phê duyệt, các xã đã tổ chức thực hiện công bố, niêm yết công khai QHC xây dựng xã tại trụ sở UBND xã và các thôn cho nhân dân được biết, giám sát, kiểm tra, thực hiện. Đối với các xã thuộc quy hoạch chung đô thị, việc công bố quy hoạch đã được UBND huyện Yên Định thực hiện trên trang thông tin điện tử https://quyhoach.xaydung.gov.vn/ và tại địa bàn các xã.

*- Về có Quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch*

+ Sau khi 05 QHC xây dựng xã được phê duyệt, UBND huyện Yên Định đã ban hành 05 quy định quản lý QHC xây dựng xã kèm theo;

+ 03 xã thuộc QHC thị trấn Quán Lào; 02 xã thuộc QHC đô thị Kiểu; và 01 xã thuộc QHC đô thị Định Tân đã được phê duyệt, Quy định quản lý đồ án theo quy hoạch đã được UBND tỉnh ban hành kèm theo quyết định;

+ Việc tổ chức thực hiện theo quy hoạch: Các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, như: Đường giao thông, đường điện, trụ sở xã, nhà văn hóa.v.v; Công trình phục vụ sản xuất (hệ thống hồ, đập, kênh, mương.v.v..); điểm dân cư nông thôn; các khu chức năng (tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, trang trại...) đã được đầu tư xây dựng theo QHC xây dựng xã được duyệt.

*- Về có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên*

Trên cơ sở các QHC xây dựng xã, QHC thị trấn và QHC đô thị đã được phê duyệt, UBND huyện Yên Định và UBND các xã đã triển khai lập QHC tiết các điểm dân cư nông thôn, điểm dân cư đô thị phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa tại các QHC.

***6.2. Tiêu chí Giao thông***

*- Đường xã chiều rộng nền đường tối thiểu 6,5m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 4,5m được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo trì hàng năm đạt tỉ lệ 100%; các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt tỷ lệ ≥60%.*

Tổng số đường xã của 11 xã NTM nâng cao có chiều rộng nền đường tối thiểu 6,5m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 4,5m được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo trì hàng năm là 44,3/44,3km, đạt tỉ lệ 100%. Trong đó, đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định là 29,75/44,3 km, đạt 67,1% *(tăng 2,4% so với thời điểm các xã được công nhận xã NTM nâng cao).* Toàn bộ đường xã đã có các biển chỉ dẫn, biển cảnh báo và gờ giảm tốc tại các nút giao. Hệ thống điện chiếu sáng đồng bộ. Rãnh hai bên đường đã được kiên cố hóa và có nắp đậy bằng bê tông.

*- Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá và bảo trì hàng năm đạt tỷ lệ 100%; trong đó, tỷ lệ đường được bê tông hoá hoặc nhựa hóa có chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m đạt ≥80%; các hạng mục cần thiết (điện chiếu sáng, cây xanh…) đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt tỷ lệ ≥50%.*

Tổng số km đường trục thôn, liên thôn của 11 xã là 90,3 km; Đã được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt tỷ lệ 100%; trong đó,tỷ lệđược bê tông hóa hoặc nhựa hóa, có chiều rộng mặt đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m là 78,25 km đạt 98%; trong đó, tỷ lệ đường đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp là 57,9/90,3 km, đạt 64,2% (tăng 1,4% so với thời điểm xã được công nhận NTM nâng cao);

*- Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp đạt ≥ 90%; trong đó, tỷ lệ đường được bê tông hoá có chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m đạt ≥ 80%.*

Tổng số km đường ngõ, xóm của 11 xã nâng cao là 118,6 km, đã được cứng hóa đạt 100%, trong đó được bê tông hóa có chiều rộng mặt đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m là 109,3km/118,6km, đạt 92%.

- *Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hoá, đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá đạt 100%; tỉ lệ đường được bê tông hoá có chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m đạt ≥70%, đảm bảo đạt tiêu chí giao thông xã NTM nâng cao.*

Trên 11 xã NTM nâng cao có 204,6km đường trục chính nội đồng, đã được cứng hóa, đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá đạt 100%; trong đó được bê tông hóa hoặc nhựa hóa, có chiều rộng mặt đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m là 168/204,6 km, đạt 82%.

Đến nay, 11/11 xã NTM nâng cao của huyện tiếp tục duy trì và đạt chuẩn tiêu chí Giao thông.

***6.3. Tiêu chí Thủy lợi và Phòng chống thiên tai***

Hàng năm, 11 xã đạt chuẩn NTM nâng cao đều ban hành Kế hoạch phòng chống thiên tai, thực hiện khơi thông dòng chảy, phá dỡ ách tắc trên các kênh tiêu, trục tiêu chính của huyện và tổ chức phát quang hành lang đê, mái đê đảm bảo an toàn cho công trình phòng chống thiên tai. Đồng thời chỉ đạo các phòng ban chuyên môn của huyện hướng dẫn các tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả; kiểm tra, đánh giá các nguồn xả thải vào các công trình thủy lợi.

*- Về tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động của các xã:*

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp của 11 xã được tưới chủ động là 10.375,7/10.598 ha, đạt 97,9%, tăng 2,1% so với thời điểm công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao.

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp của 11 xã được tiêu chủ động là 10.375,7/10.598 ha, đạt 97,9%, tăng 2,1% so với thời điểm công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao.

Tỷ lệ diện tích đất nuôi trồng thủy sản của 11 xã được cấp thoát nước chủ động là 128,2/128,2 ha, đạt 100%.

*- Về tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả:*

11/11 xã NTM nâng cao đều có tổ chức thủy lợi cơ sở là các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp. Các Hợp tác xã đã được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã; đều có quy chế hoạt động dịch vụ thủy lợi được thông qua trên 50% số thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở và được UBND cấp xã xác nhận. Tổ chức bộ máy, người vận hành của tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo đáp ứng năng lực theo quy định. Hàng năm các HTX đều được UBND huyện đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững; việc thành lập tổ chức thủy lợi cơ sở để thực hiện khâu dịch vụ thủy lợi, điều tiết nguồn nước phục vụ sản xuất trên địa bàn xã đã hoạt động ổn định.

So với thời điểm công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao, đến nay hoạt động của các tổ chức Thủy lợi cơ sở vẫn duy trì vận hành hoạt động ổn định, bền vững; HTX phát triển các dịch vụ đa dạng hơn góp phần nâng cao thu nhập của các thành viên HTX ngày một tốt hơn.

*- Về tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:*

Xác định cây trồng chủ lực của 11 xã là cây lúa. Hàng vụ, các xã đã xây dựng mô hình đưa các giống lúa chất lượng cao vào sản xuất theo hướng tiêu chuẩn Vietgap, có áp dụng các biện pháp tiên tiến tiết kiệm nước như SRI, Nông - Lộ - Phơi/ướt khô xen kẽ.

+ Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực là lúa của 11 xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đánh giá đảm bảo là 10.375,7ha/10.598, đạt tỷ lệ 97,9%.

+ Tỷ lệ diện tích cây trồng cạn chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước là 506,6ha/1.100ha, đạt 46,05%.

So với thời điểm công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao, diện tích cây chủ lực lúa vẫn được duy trì, diện tích cây chủ lực là các loại rau màu được phát triển hơn nhằm phục vụ cho nhu cầu ngày càng cao của người dân.

*- Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm:*

Các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn 11 xã đã được giao cho các HTX dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn quản lý, vận hành. Hàng năm, các HTX đều xây dựng kế hoạch tu bổ, nạo vét hệ thống kênh mương, thực hiện 2 đợt ra quân thực hiện nạo vét thủy lợi nội đồng trước khi bước vào vụ sản xuất; sửa chữa, duy tu các trạm bơm, máy bơm được giao quản lý. Ngoài ra, hàng năm các HTX dịch vụ nông nghiệp bố trí nguồn kinh phí thực hiện nạo vét, tu bổ hệ thống kênh mương để phục vụ sản xuất nông nghiệp cũng như đảm bảo yêu cầu PCTT trên địa bàn. Thực hiện kế hoạch bảo trì đảm bảo đạt 100% so với kế hoạch.

*- Về thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi:*

Trên địa bàn 11 xã đạt chuẩn NTM nâng cao không có hoạt động xả thải vào công trình Thủy lợi thuộc diện phải cấp phép theo quy định của Luật Thủy lợi; nguồn nước thải chủ yếu trên địa bàn các xã chủ yếu là nước mưa và nước thải sinh hoạt của các khu dân cư. Nguồn nước thải này đã qua hệ thống lắng lọc, hố ga của các hộ gia đình và trên các tuyến đường thôn, xóm trước khi xả và công trình thủy lợi.

So với thời điểm công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao, các vấn đề xả thải tại các điểm xả thải không liên tục và hệ thống nước thải sinh hoạt đã được quy hoạch hệ thống riêng và được đầu tư kiên cố đảm bảo vệ sinh môi trường và có sự quản lý của chính quyền địa phương.

*- Về đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ:*

Hiện nay 11 xã NTM nâng cao vẫn đang tiếp tục duy trì đã đảm bảo yêu cầu nội dung của tiêu chí “Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ”. Cụ thể:

+ Về tổ chức bộ máy và nguồn lực:

Năm 2024, tất cả các xã đã tổ chức kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT, TKCN & PTDS xã, phân công nhiệm vụ cho các thành viên và bộ phận thường trực Ban Chỉ huy xã theo quy định Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 và Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 của Chính phủ; phân công công chức cấp xã theo dõi lĩnh vực PCTT và làm thường trực của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS cấp xã.

Kiện toàn, nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích PCTT cấp xã và các lực lượng khác tham gia công tác PCTT và TKCN. Thường xuyên tập huấn, huấn luyện, diễn tập các tình huống có thể xảy ra trong thiên tai cho lực lượng tham gia công tác PCTT và tuyên truyền phổ biến kiến thức cho người dân trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai;

+ Các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh:

UBND 11/11 xã đã chủ động xây dựng, rà soát, cập nhật Kế hoạch, các phương án, kịch bản ứng phó với thiên tai sát thực tế: Kế hoạch PCTT giai đoạn 2021-2025; Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão;... Các xã đã xác định được vùng có nguy cơ về rủi ro theo các loại hình thiên tai;

Chuẩn vị vật tư đảm bảo số lượng, chất lượng; mua sắm hoặc ký kết hợp đồng các loại phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để phục vụ công tác PCTT và TKCN.

+ Về cơ sở hạ tầng thiết yếu: Hiện nay, các cơ sở hạ tầng xây dựng mới trên địa bàn huyện nói chung và 11 xã nói riêng đều đã phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai. Các điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống cảnh báo, hướng dẫn.

+ Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cả cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với bão mạnh, mưa lớn. Thường xuyên phát sóng trên hệ thống đài phát thanh huyện, cụm truyền thanh các xã, truyền tải kịp thời các bản tin, công điện chỉ đạo của các cấp về phòng chống, ứng phó thiên tai trong thời điểm diễn ra các đợt bão, lũ, để các cấp chính quyền địa phương, cơ sở và người dân chủ động thực hiện.

So với thời điểm công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao, đến nay công tác phòng, chống thiên tai tại các xã đã được hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; hệ thống cơ sở hạ tầng và công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai ngày càng tốt hơn; ứng dụng khoa học công nghệ trong chỉ đạo, chỉ huy, lực lượng tham mưu ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai đã có nhiều bước tiến. Kế hoạch phòng PCTT được các xã xây dựng chi tiết, sát với thực tế, có tính khả thi cao. Công tác tập huấn cho các lực lượng xung kích PCTT ở các xã được quan tâm đúng mức, số lượng tham gia tập huấn đạt cao.

11/11 xã NTM nâng cao có kết quả chấm điểm nội dung chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đều đạt yêu cầu theo quy định. . Kết quả chấm điểm nội dung chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ của 11 xã xây dựng NTM nâng cao đến năm 2024 đạt 92 điểm.

**6.4. Tiêu chí Điện**

Hiện nay, trên địa bàn 11 xã có 107 trạm biến áp với tổng công suất 27.370 KVA, đường dây trung áp 45,25 km, đường dây hạ áp 234,25 km. Số hộ được sử dụng điện lưới phục vụ sinh hoạt, sản xuất đảm bảo thường xuyên, an toàn, tin cậy và ổn định là 19.406/19.406 hộ, đạt 100%.

**6.5. Tiêu chí Giáo dục**

**-***Về tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.*

Trên địa bàn 11 xã NTM nâng cao có 34 trường học, bao gồm: 12 trường Mầm non, 11 trường Tiểu học, 11 trường THCS; trong đó, toàn bộ 34/34 trường học đều đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, đạt 100%; Mỗi xã đều có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2, cụ thể: 01 xã có 3/3 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 (Định Hòa); 04 xã có 02 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 (Định Tân, Định Long, Định Hưng và Yên Trường); 06 xã có 01 trường học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 (Định Liên, Yên Phong, Định Bình, Định Tăng, Định Hải và Yên Thái).

*- Về duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi:* Cả 11 xã đều duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi theo Quyết định số 4444/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND huyện Yên Định về việc công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023.

*- Về đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn giáo dục tiểu học và THCS (Đạt mức độ 3):* Cả 11 xã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học và THCS mức độ 3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học và THCS mức độ 3 theo Quyết định số 4444/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND huyện Yên Định về việc công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023.

*- Về đạt chuẩn xóa mù chữ (Đạt mức độ 2):* 11/11 xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo Quyết định số 4444/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND huyện Yên Định về việc công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023.

*- Về cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại (Loại Khá trở lên):* Trong 11 xã NTM nâng cao, có 08/11 xã được Chủ tịch UBND huyện Yên Định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã đạt loại Tốt; 03/11 xã được Chủ tịch UBND huyện Yên Định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã đạt loại Khá năm 2023 theo Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 08/01/2024.

*- Về có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.*

UBND 11 xã đều đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể dục thể thao, hướng dẫn kiến thức, kỹ năng an toàn trong vận động, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước ở học sinh và tổ chức thực hiện có hiệu quả các câu lạc bộ thể thao theo hướng xã hội hóa phù hợp với điều kiện thực tế, lứa tuổi của học sinh như: Câu lạc bộ bóng bàn, Đá cầu, Cầu lông,… Mỗi câu lạc bộ có Ban chủ nhiệm, có đội ngũ huấn luyện viên, giáo viên thực hiện hướng dẫn và giảng dạy.

Tất cả các trường học đều có khu giáo dục thể chất, thành lập các câu lạc bộ thể dục thể thao (bóng đá, bóng bàn, cầu lông, võ, bơi…) cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

Các nhà trường đều có giáo viên Thể dục trình độ đạt chuẩn, sân thể dục đảm bảo diện tích với đầy đủ dụng cụ thiết bị; có chương trình kế hoạch giáo dục môn Thể dục theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và chương trình bồi dưỡng học sinh năng khiếu TDTT. Có mô hình hoạt động công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học, hoạt động trải nghiệm cho trẻ.

UBND các xã đã xây dựng được các kế hoạch và triển khai thực hiện mô hình giáo dục thể chất cho học sinh trong các đơn vị trường học trên địa bàn các xã, phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn hóa địa phương, lứa tuổi của học sinh. Đồng thời, phê duyệt kế hoạch thành lập và hoạt động của câu lạc bộ Bóng bàn, câu lạc bộ Đá cầu, câu lạc bộ Cầu lông các trường học. Các xã đã đầu tư cơ sở vật chất để học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm, lứa tuổi học sinh.

Các mô hình giáo dục thể chất của các trường hoạt động đã giúp học sinh được trang bị kiến thức, kỹ năng an toàn trong hoạt động vận động, giúp học sinh củng cố và tăng cường sức khoẻ. Các hoạt động thể dục thể thao của các trường đã thu hút được sự tham gia ngày càng đông đảo của cán bộ giáo viên và học sinh trong các trường và nhân dân trong các xã. Các câu lạc bộ hoạt động sôi nổi tạo sân chơi lành mạnh bổ ích cho các em. Các câu lạc bộ đã duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả, cán bộ, giáo viên và học sinh tham gia nhiều giải đấu, giao lưu với các đội bạn trong xã và trên địa bàn huyện, tỉnh và giành được nhiều thành tích. Năm 2023, 11 xã tham gia Hội khỏe Phù đổng cấp tỉnh đã đạt 91 huy chương, trong đó 22 huy chương Vàng, 22 huy chương Bạc, 47 huy chương Đồng.

**6.6. Tiêu chí Văn hóa**

*- Về có lắp đặt các dụng cụ TDTT ngoài trời tại các điểm công cộng,**các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT được tổ chức hoạt động thường xuyên:*

**+ Tỷ lệ điểm công cộng được lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời: 11/11 xã, đạt tỷ lệ 100%.** Mỗi xã đã triển khai lắp đặt từ 5 - 10 bộ dụng cụ thể thao ngoài trời như: Xà đơn, xà kép, cầu lông, bóng chuyền, bóng bàn, các dụng cụ tập dưỡng sinh, cờ tướng, lắc eo, lắc hông, chạy bộ... phục vụ tốt hoạt động thể thao quần chúng của Nhân dân.

**+** Tại 11 xã, các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể  
thao được tổ chức hoạt động thường xuyên, được đông đảo người dân tham gia; 100% các xã triển khai tổ chức các loại hình câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ bảo tồn văn hóa truyền thống; trên địa bàn 11 xã có trên 165 mô hình, câu lạc bộ tại các thôn hoạt động hiệu quả như: CLB dân vũ thể thao, CLB bóng chuyền hơi, CLB Bóng bàn, Cầu lông; CLB văn hóa văn nghệ; CLB gia đình hạnh phúc… đảm bảo duy trì hoạt động và thu hút từ 45-60% người dân tham gia thường xuyên.

+ Các xã đã tổ chức tốt các hoạt động xây dựng nếp sống văn hóa: Tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, lễ hội, ngày lễ, ngày tết; xây dựng nếp sống văn minh nơi công cộng, giao tiếp ứng xử văn hóa trong sinh hoạt cộng đồng; bảo vệ cảnh quan, thiên nhiên, môi trường và giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội. Phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao quần chúng được quan tâm. Hàng năm tổ chức các hội thi, hội diễn, giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cấp xã nhân dịp ngày Tết Nguyên đán cổ truyền của dân tộc và kỷ niệm các lễ lớn của đất nước và địa phương.

+ Đối với hoạt động thư viện: 11/11 xã đã xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động thư viện/điểm bưu điện văn hóa xã như: Bổ sung đầu sách, luân chuyển sách báo đến thư viện các trường học, phòng đọc sách, báo tại Nhà Văn hóa thôn đảm bảo theo quy định. 11/11 xã có số lượng đầu sách, báo đảm bảo công tác luân chuyển, truy cập phục vụ bạn đọc, trẻ em, học sinh… với 3.000 lượt sách, báo được luân chuyển/năm.

*- Về di sản văn hoá được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định:*

Trên địa bàn các xã đạt chuẩn NTM nâng cao, có 9/11 xã có 21 di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng các cấp *(trong đó, có 04 di tích xếp hạng cấp quốc gia, 17 di tích xếp hạng cấp tỉnh).* Ngoài ra, trên địa bàn 11 xã còn có 12 lễ hội, lễ tục truyền thống gắn liền với di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh.

+ Các xã có di tích đều đã xây dựng kế hoạch kiểm kê, bảo vệ và phát huy giá trị di sản, 02/11 xã không có di tích triển khai xây dựng kế hoạch rà soát, bảo tồn loại hình văn hóa phi vật thể trên địa bàn. Huyện Yên Định đã phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu lịch sử và Bảo tồn Di sản Văn hóa tỉnh tổ chức kiểm kê 100% các di sản văn hóa trên địa bàn huyện nói chung và tại 11 xã NTM nâng cao nói riêng. Triển khai các hoạt động bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo theo quy định pháp luật về di sản văn hóa; 100% di tích có Ban quản lý - Tổ bảo vệ di tích theo đúng quy định; tuyên truyền, giới thiệu quảng bá về di sản văn hóa của địa phương trên trang web, nền tảng số và các hình thức truyền thông khác; quan tâm thực hiện tốt công tác huy động các nguồn lực để bảo tồn, duy trì phát huy các loại hình di sản văn hóa trên địa bàn. Nhìn chung, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn các xã được lưu giữ, truyền dạy và phát huy giá trị, qua đó, khơi dậy truyền thống yêu nước cách mạng trong nhân dân, đồng thời phục vụ nhu cầu tham quan du lịch của du khách trong và ngoài tỉnh, tạo được những chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các tầng lớp xã hội, góp phần bảo tồn và phát huy di sản văn hoá trên địa bàn huyện.

+ Hiện nay, các xã có di tích không xảy ra hoạt động khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo liên quan đến di tích, danh thắng; không vi phạm trong hoạt động trùng tu, tôn tạo, tu bổ di tích.

*- Về tỷ lệ thôn đạt chuẩn văn hoá theo quy định và đạt chuẩn NTM.*

Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch thực hiện Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", các xã đã ban hành Kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, huy động nguồn lực nhân dân đóng góp và từ nguồn xã hội hóa khác xây dựng mới và nâng cấp sửa chữa nhiều Nhà văn hóa - Khu thể thao các thôn.

Trong 3 năm liên tục 2021, 2022, 2023: 55/55 thôn của 11 xã NTM nâng cao đều đạt chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn NTM, đạt 100%; tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa hàng năm đạt trên 90%. Tỷ lệ thôn đạt chuẩn nông thôn mới: 55/55 thôn, đạt tỷ lệ 100%.

**6.7. Tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

Hiện nay, trên địa bàn 11/11 xã NTM nâng cao đều có chợ đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hiện hành; tại 11 xã có 12 chợ đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, diện tích các chợ từ 2.500 - 6.000 m 2 trở lên với khoảng trên 100 hộ kinh doanh. Các chợ đều có biển tên, đơn vị quản lý, nội quy, hệ thống phòng cháy chữa cháy, nhà điều hành, bãi để xe, khu vệ sinh, hệ thống thu gom, lưu trữ, vận chuyển rác, hệ thống tiêu thoát nước,…; Các điểm kinh doanh trong chợ gồm các quầy hàng, ki ốt, diện tích tối thiểu đạt từ 3m2 trở lên, các khu bán hàng tươi sống và khu ăn uống được bố trí riêng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; các hàng hoá kinh doanh trong chợ không thuộc danh mục cấm theo quy định. Các chợ đều đáp ứng theo các quy định tại Quyết định số 1327/QĐ-BCT ngày 03/6/2024 của Bộ Công thương.

**6.8. Tiêu chí Thông tin và Truyền thông**

*- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân:* 11/11 xã NTM nâng cao đều có điểm Bưu điện văn hóa xã đáp ứng theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông; Tại các điểm phục vụ đều có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân, được trang bị máy tính kết nối internet, nhân viên tại các Điểm phục vụ sử dụng thành thạo và có khả năng hướng dẫn được cho người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Điểm phục vụ có khả năng tiếp nhận, trả hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến theo yêu cầu của người dân.

*- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh:* Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn 11 xã NTM nâng cao là 40.006/42.625, đạt 93,86%. Hiện nay, việc sử dụng điện thoại thông minh của người dân trên địa bàn các xã khá phổ biến, ngoài việc nghe, gọi, người dân còn sử dụng điện thoại thông minh vào nhiều mục đích khác như truy cập internet, chia sẻ thông tin trên mạng xã hội, nghe nhạc, xem phim, chụp ảnh, quay video, giải trí, học tập; khai thác, sử dụng nhiều ứng dụng khác như: thanh toán hoá đơn, chuyển tiền, gửi email, tìm đường, các giao dịch khác ….

*- Có dịch vụ báo chí truyền thông:* Các xã đều có ít nhất 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm cung cấp các loại sách giáo khoa, các ấn phẩm, sách, báo, tạp chí phục vụ nhu cầu của học sinh và người dân trong thôn, góp phần thúc đẩy, nâng cao nhận thức, văn hoá của người dân trong thôn. 100% số thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; Hệ thống Đài truyền thanh của các xã đang hoạt động tốt đảm bảo truyền tải các thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với cán bộ và Nhân dân trên địa bàn các xã; 100% số thôn của các xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet;

*- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội:* 11/11 xã NTM nâng cao đều đạt tỷ lệ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của xã đạt, cụ thể:

Tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của các xã trong 06 tháng đầu năm 2024 đạt tỷ lệ từ 96% đến 100%.

Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin đạt 100%.

Tỷ lệ người dân trong đội tuổi lao động tại 11 xã NTM nâng cao được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt tỷ lệ trên 98%; hình thức phổ biến thông qua tuyên truyền của Tổ công nghệ số cộng đồng, các cuộc họp thôn, phổ biến thông qua gửi tài liệu trên các nhóm zalo của tổ, khu dân cư.

100% các sản phẩm OCOP trên địa bàn 11/11 xã nâng cao đều được quảng bá trên nền sàn thương mại điện tử (Pm icheck của VNPT, Post mart, Voso.vn;…).

*- Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,…):*

11/11 xã NTM nâng cao đều đã lắp đặt mạng wifi miễn phí cho người dân tại 106 điểm công cộng như: Trụ sở UBND xã; địa điểm tiếp công dân; bộ phận một cửa; hội trường thường tổ chức sinh hoạt, hội họp cộng đồng; Trạm y tế xã; Trung tâm Văn hóa -Thể thao xã; Nhà văn hóa thôn, các điểm du lịch, di tích… Chất lượng wifi tại các điểm lắp đặt cơ bản đáp ứng về chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai thác và bảo đảm an toàn thông tin theo các quy định hiện hành.

**6.9. Tiêu chí Nhà ở dân cư**

Trong những năm qua huyện đã thực hiện tốt chính sách nhà ở, kêu gọi từ các tổ chức, cá nhân những nhà hảo tâm, hỗ trợ hộ nghèo vay vốn ở từ ngân hàng chính sách xã hội, quỹ vì người nghèo để xây dựng cho người nghèo, đồng bào sống trên sông, người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở đảm bảo 3 cứng (nền cứng, tường cứng, mái cứng);... Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chủ động chỉnh trang, xây mới, cải tạo, nâng cấp nhà ở, công trình vườn, ao, chuồng trại chăn nuôi theo tiêu chí “*3 sạch”.* Từ đó, nhà ở nông thôn đã có sự thay đổi vượt bậc. Đến nay, tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố của các xã NTM nâng cao là 18.981/19.406 hộ, đạt tỷ lệ 97,8%, tăng 2,4% so với thời điểm các xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao; không còn hộ ở nhà tạm, dột nát. 11/11 xã đều đạt tiêu chí Nhà ở dân cư.

**6.10. Tiêu chí Thu nhập**

Trong những năm vừa qua Huyện Yên Định đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển về kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, tạo điều kiện thu hút nhiều nhà đầu tư lớn vào lĩnh vực công nghiệp, hình thành nhiều cụm công nghiệp; tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm; phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, nhất là thương mại, du lịch, vận tải…; cùng vơi nhiều giải pháp, huy động tối đa nguồn lực để nâng cao, phát triển trên mọi lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ... nhờ đó, thu nhập bình quân đầu người năm 2023 của 11 xã nâng cao đạt bình quân là 67,47 triệu đồng/người/năm (tăng 5,82 triệu đồng/người/năm so thời điểm các xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao). Trong đó, có 02 xã có thu nhập trên 70 triệu đồng/người/năm (xã Yên Trường đạt 70,67 triệu đồng/người/năm, xã Định Tân đạt 70,26 triệu đồng/người/năm).

**6.11. Tiêu chí Nghèo đa chiều**

Sau khi được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao, các xã tiếp tục tích tụ ruộng đất, chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang thực hiện các mô hình mang lai hiệu quả, kinh tế cao hơn, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả tăng cường đầu tư hạ tầng KTXH, hạ tầng sản xuất, quan tâm đầu tư phát triển kinh tế xã hội và đa dạng hóa sinh kế cho hộ nghèo thông qua phát triển sản xuất, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, thu nhập nhiều hơn cho người nghèo, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đến hết năm 2023, tỷ lệ nghèo đa chiều bình quân của 11 xã đạt 1,1%, giảm 0,71% so với thời điểm các xã được công nhận xã NTM nâng cao, trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đạt 0,14%;Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều đạt 0,96%.

Đến nay, 11/11 xã đạt tiêu chí nghèo đa chiều, trong đó, một số xã có tỷ lệ nghèo đa chiều thấp là: Xã Định Bình đạt 0,05%, giảm 2,69% so với thời điểm đạt chuẩn NTM nâng cao; Xã Yên Thái đạt 0,33%.

**6.12. Tiêu chí Lao động**

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn  
được chú trọng. Hằng năm, UBND huyện chỉ đạo các xã xây dựng các Kế hoạch, chương trình đào tạo nghề, đặc biệt là đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tập trung đào tạo nghề theo nhu cầu của các doanh nghiệp, đào tạo nghề cho các tổ nhóm sản xuất, hợp tác xã phát triển sản phẩm liên kết theo chuỗi giá trị. Nâng cao chất lượng dạy nghề, đảm bảo các đối tượng tham gia học nghề có điều kiện tiếp cận với việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp với thực tế. Kết quả thực hiện cụ thể:

Đến nay, tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) của 11 xã là 34.670/42.625 người, đạt 81,34%, tăng 2,63% so thời điểm các xã đạt chuẩn NTM nâng cao. Đến nay, cả 11 xã có tỷ lệ lao động qua đào tạo đảm bảo theo yêu cầu tiêu chí giai đoạn 2024-2025. Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt cao nhất là xã Định Long với 83,88%, xã Định Bình là 82,5%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đối với 11 xã là 13.943/34.670 người, đạt 32,71%, tăng 2,07% so thời điểm các xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao. 11/11 xã đều đạt chỉ tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ. Trong đó tỷ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) cao nhất là xã Định Long với 36,9%; xã Định Bình với 36,45%.

**6.13. Tiêu chí Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

- *HTX hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định*

Đến nay, trên địa bàn 11 xã NTM nâng cao hiện có 20 HTX (có 19 HTX dịch vụ nông nghiệp) đã thực hiện chuyển đổi hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. Các hợp tác xã đã xây dựng Điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, quy chế quản lý tài sản, tài chính, hàng năm tổ chức đại hội thường niên theo đúng quy định. Tổng số thành viên tham gia 2.736 người, bình quân 152 thành viên/HTX. Hàng năm, các HTX hoạt động đều có lãi và thực hiện trích lập các quỹ theo quy định. Các dịch vụ chủ yếu của HTX gồm: dịch vụ làm đất, bảo vệ đồn điền, dịch vụ thủy lợi nội đồng, dịch vụ thu hoạch, dịch vụ cung cấp vật tư nông nghiệp đầu vào cho sản xuất. Kết quả hoạt động “Tốt” (phân loại theo Thông tư số 01/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã).

Các HTX dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn 11 xã NTM nâng cao thực hiện ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm lúa hàng hóa, cây ngô ngọt, cây ớt xuất khẩu, cây bí, cây dưa vàng, cây ngô thức ăn chăn nuôi với diện tích trên 40%, việc thực hiện hợp đồng liên kết thường xuyên được thực hiện từ năm 2015 đến nay.

Các HTX DV nông nghiệp tổ chức sản xuất, kinh doanh bám sát nhu cầu thị trường, lợi thế phát triển kinh tế thành viên, tập trung khai thác các dòng sản phẩm có lợi thế, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và sức cạnh tranh trên thị trường, hoàn thiện quy trình sản xuất, đảm bảo chuẩn chất lượng sản phảm đầu ra; qua đó, góp phần khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh của địa phương, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa trên địa bàn, tạo thu nhập cao và sức cạnh tranh, nâng cao đời sống vật chất của tạo các thành viên và Nhân dân trên địa bàn huyện.

*- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.*

Tất cả các xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn huyện Yên Định đều có sản phẩm OCOP được công nhận 3 sao còn thời hạn. Đến nay, trên địa bàn 11 xã NTM nâng cao có 17 sản phẩm OCOP được công nhận đạt 3 sao, trong đó: Có 06 xã (Đinh Long, Định Liên, Định Tân, Yên Phong, Yên Trường và Định Tăng) có 02 sản phẩm, 05 xã còn lại có 01 sản phẩm OCOP còn thời hạn.

- *Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm (≥1 mô hình).*

Trên địa bàn 11/11 xã NTM nâng cao đều duy trì thực hiện mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu. Các mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu ở 11 xã là 674 ha, thực hiện cơ giới hóa từ các khâu làm đất, gieo trồng, tưới tiêu chủ động, chăm sóc, đến thu hoạch. Tỷ lệ các khâu được áp dụng cơ giới hoá bình quân của các xã đạt từ 90% trở lên, trong đó cao nhất là xã Định Long đạt 100%, xã Định Bình đạt 98% và thấp nhất là các xã Định Hải, Yên Trường và Yên Phong đạt 90%.

*- Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực*:

Khi bắt đầu triển khai xây dựng NTM, các sản phẩm trong ngành nông nghiệp sản xuất truyền thống theo thói quen của người nông dân, chưa thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được cấp giấy chứng nhận VietGAP hoặc tương đương ở hầu hết các xã trên địa bàn huyện.

Nhằm ứng dụng công nghệ số, các xã đã ban hành Kế hoạch phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã và có sản phẩm nông nghiệp chủ lực ứng dụng công nghệ số để truy xuất nguồn gốc sản phẩm; thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm: Các xã Định Liên, Định Bình, Định Hưng, Yên Phong, Định Tăng, Định Hải thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm Ớt; xã Định Long thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm lúa, gạo; các xã Định Tân, Yên Trường, Yên Thái, Định Hòa truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm Bí, Bưởi, rau củ, quả.

*- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử:*

100% các sản phẩm chủ lực của 11/11 xã NTM nâng cao đều quan tâm phát triển thương mại điện tử và bán sản phẩm chủ lực của địa phương *(Lúa, gạo, ớt, Bí, bưởi, Dưa vàng, mía, dưa cải lê,…)* trên các sàn thương mại điện tử Postmart.vn, facebook, zalo, Website… của các Công ty Hà Bắc Sơn, Công ty GCT nông nghiệp Thái Bình, Công ty TNHH Huy Hân, Công ty TNHH Tân Lộc Phát, Công ty Cổ phần mía Đường Lam Sơn và ứng dụng khác, cụ thể:

- Sản phẩm chủ lực lúa, gạo của 03 xã (Định Long, Định Liên, Yên Phong) đều được bán tại trang thông tin điện tử PostMart.vn và các trạng mạng xã hội facebook, zalo.

- Sản phẩm chủ lực Dưa Vàng của xã Định Hòa; sản phẩm Bưởi Diễn của xã Yên Trường được bán trên các sàn thương mại điện tử Postmart.vn, trên  
facebook, zalo...

- Sản phẩm chủ lực cây ớt của các xã: Định Bình, Định Hưng, Định Tăng, Định Hải, Định Tân, Định Liên được bán trên các sàn thương mại điện tử Postmart.vn, trên facebook, zalo...

- Sản phẩm chủ lực cây Cải Lê xã Yên Thái được bán trên các sàn thương mại điện tử Postmart.vn, trên facebook, zalo...

- Sản phẩm chủ lực mía xã Định Liên bán qua Website: www.lasuco.vn/ của Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn, qua các trang mạng trên facebook, zalo,...

- *Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.*

11/11 xã NTM nâng cao đã xây dựng các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung trên địa bàn là các sản phẩm như: Lúa, dưa vàng, cây ăn quả, ớt,…xây dựng được 39 mã vùng trồng xuất khẩu (24 mã vùng trồng xuất khẩu đi Trung Quốc, 15 mã vùng trồng xuất khẩu đi Malaysia) và 09 mã vùng trồng nội địa theo Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng lĩnh vực Trồng trọt do Sở Nông nghiệp &PTNT Thanh Hóa cấp chứng nhận, cụ thể:

- Đối với sản phẩm Ớt: Xã Định Liên có mã số vùng trồng VN-THOR-0054; xã Định Hòa có mã số vùng trồng VN-THOR-0051; xã Định Bình có mã số vùng trồng VN-38-394-15478-2-23; xã Định Hưng có mã số vùng trồng VN-38-394-15472-1-22; xã Yên Phong có mã số vùng trồng EX-THOR-004 OT; xã Định Tăng có mã vùng trồng VN-38-394-15445-3-24; xã Định Hải có mã vùng trồng VN-38-394-15445-3-24.

- Đối với sản phẩm lúa: Xã Định Long có mã số vùng trồng VN-38-394-15463-13-24;

- Đối với sản phẩm rau, củ, quả: xã Định Tân mã số vùng trồng VN-38-394-15478-2-34; xã Yên Trường mã số vùng trồng VN-38-394-15472-1-22; xã Yên Thái có mã số vùng trồng VN-38-394-15430-4-24.

*- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.*

11/11 xã đã triển khai xây dựng chuyên mục du lịch trên trang thông tin điện tử của xãvà trên trang thông tin điện tử của huyện tại địa chỉ: <http://yendinh.thanhhoa.gov.vn>, nhằm tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu 02 điểm du lịch được UBND tỉnh công nhận, 21 di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh đã được xếp, thông tin về vùng đất, con người, các giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa phi vật thể đến du khách trong và ngoài tỉnh.

- Các sản phẩm du lịch đặc trưng, tiêu biểu, các vùng sản xuất nông nghiệp sạch, 15 sản phẩm OCOP được quảng bá trên nền sàn thương mại điện tử (Pm icheck của VNPT, Post mart, Voso.vn; …), trên các trang báo của tỉnh và được đăng tải trên mạng xã hội facebook, Zalo.

Đến nay, 11 xã trên địa bàn huyện vẫn thường xuyên quan tâm duy trì, triển khai thực hiện tốt nội dung chỉ tiêu 13.7 về quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội", để quảng bá các hình ảnh về quê hương, con người, các giá trị văn hóa truyền thống, sản phẩm đặc trưng, điểm đến thăm quan di tích trên địa bàn.

- *Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).*

Đến nay, 11/11 xã NTM nâng cao đều có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị, tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập nâng cao đời sống cho người dân.

(1) Xã Định Long: Mô hình sản xuất lúa hàng hóa TBR225 theo hướng hữu cơ đạt chứng nhận VietGAP quy mô 20 ha/năm, HTX DV nông nghiệp Định Long liên kết theo chuỗi giá trị với Công ty TNHH Giống Cây Trồng Hà Bắc Sơn, sản lượng tiêu thụ 132 tấn/năm, doanh thu 2.000 triệu đồng, có 68 hộ tham gia; lợi nhuận đạt được 720 triệu đồng/năm. Mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao, không gây ô nhiễm môi trường, tạo ra sản phẩm nông sản sạch, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng.

(2) Xã Định Liên: Mô hình mạ khay, máy cấy với quy mô 8.000m2 sân mạ, 04 máy cấy của hộ ông Lê Văn Thủy, thôn Bái Thủy; doanh thu hàng năm đạt 1.200 triệu đồng, lợi nhuận đạt 200 triệu đồng/năm. Mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất; không gây ô nhiễm môi trường, tạo công ăn việc làm cho 05 lao động trong thôn, xã, với mức thu nhập mỗi lao động 05 triệu/tháng.

(3) Xã Định Hòa: Mô hình sản xuất dưa vàng trong nhà màng, nhà lưới đạt chứng nhận VietGAP, quy mô 02 ha, của hộ bà Nguyễn Thị Hương, thôn Phang Thôn; được hộ gia đình liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm với Công ty TNHH NN CNC Thiên Trường 36, doanh thu đạt 2.300 triệu đồng, lợi nhuận thu được 800 triệu đồng/năm. Mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất; không gây ô nhiễm môi trường, tạo công ăn việc làm cho 07 lao động trong thôn, xã, với mức thu nhập mỗi lao động 5,5 triệu/tháng.

(4) Xã Định Tân: Mô hình dịch vụ du lịch nông nghiệp trải nghiệm của HTX DV nông nghiệp Ánh Dương, quy mô 05 ha, thu hút nhiều khách du lịch; phát huy được lợi thế, tiềm năng, thế mạnh về đất đai, vị trí địa lý để phát triển kinh tế gia đình, vừa quảng bá hình ảnh địa phương và mang lại giá trị văn hóa du lịch cho quê hương. Doanh thu đạt 1.300 triệu đồng, lợi nhuận thu được 637,5 triệu đồng/năm. Mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất và không gây ô nhiễm môi trường, tạo công ăn việc làm cho 05 lao động trong thôn, xã, với mức thu nhập mỗi lao động 06 triệu/tháng.

(5) Xã Định Bình: Mô hình liên kết sản xuất rau củ quả an toàn trong nhà màng, nhà lưới, quy mô 01 ha, tại hộ ông Phạm Văn Bình, được hộ gia đình liên kết và bao tiêu sản phẩm với Công ty TNHH NN CNC Thiên Trường 36, doanh thu đạt 1.138 triệu đồng, lợi nhuận thu được 470 triệu đồng/năm. Mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất và không gây ô nhiễm môi trường, tạo công ăn việc làm cho 05 lao động trong thôn, xã, với mức thu nhập mỗi lao động 4,2 triệu/tháng.

(6) Xã Định Hưng: Mô hình chăn nuôi vịt đẻ trứng tại hộ ông Trịnh Đình Trí, thôn Duyên Hy, với quy mô 4.500 con/lứa, doanh thu đạt 3.600 triệu đồng, lợi nhuận thu được 370 triệu đồng/năm. Mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất và không gây ô nhiễm môi trường, tạo công ăn việc làm cho 06 lao động trong thôn, xã, với mức thu nhập mỗi lao động 08 triệu/tháng.

(7) Xã Yên Phong: Mô hình tích tụ tập trung đất đai sản xuất lúa hàng hóa quy mô lớn của hộ ông Nguyễn Xuân Khuê, thôn Phượng Lai, với quy mô 60 ha/năm, sản xuất theo hướng công nghệ cao, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu, doanh thu hàng năm đạt 5.000 triệu đồng, lợi nhuận đạt 1.000 triệu đồng/năm. Mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất và không gây ô nhiễm môi trường, tạo công ăn việc làm cho 20 lao động trong thôn, xã, với mức thu nhập mỗi lao động 7,5 triệu/tháng.

(8) Xã Yên Trường: Mô hình sản xuất hoa tươi các loại trong nhà màng, nhà lưới của hộ ông Trịnh Gia Việt,với quy mô sản xuất 1.500 m2/2vụ/năm,mang lại hiệu quả kinh tế cao cho hộ gia đình và tạo công ăn việc làm ổn định cho 04 lao động, với mức thu nhập mỗi lao động là 06 triệu đồng/vụ hoa. Đạt doanh thu hàng năm là 750 triệu đồng; lợi nhuận 220 triệu đồng/năm. Mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất, đồng thời không gây ô nhiễm môi trường.

(9) Xã Yên Thái: Mô hình sản xuất Dưa Cải Lê tập trung, quy mô 5,3 ha, đạt chứng nhận VIetGAP được HTX dưa cải Lê; Yên Thái ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với Công ty TNHH Huy Hân, các nhà hàng, siêu thị, doanh thu đạt 3.760 triệu đồng/năm, lợi nhuận đạt 2.200 triệu đồng/năm. Mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất và không gây ô nhiễm môi trường, tạo công ăn việc làm cho 60 hộ sản xuất, với mức thu nhập mỗi lao động 03 - 3,5 triệu/tháng.

(10) Xã Định Tăng: Mô hình trồng sen lấy củ quy mô 03 ha, của hộ Trần Văn Dũng, thôn Hoạch Thôn, xã Định Tăng, có liên kết sản xuất và tiêu thụ với Công ty TNHH MTV Tú Linh, Công ty TNHH Tuấn Hùng, sản lượng tiêu thụ Trà củ sen 2,8 tấn/năm, tinh bột củ sen 1,1 tấn/năm, doanh thu 2.160 triệu đồng/năm, lợi nhuận đạt 380 triệu đồng/năm. Mô hình trồng sen tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 07 lao động, với mức lương 6,5 triệu đồng/tháng, mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất, đồng thời không gây ô nhiễm môi trường.

(11) Xã Định Hải: Mô hình sản xuất hoa tươi các loại trong nhà màng, nhà lưới của hộ ông Lê Đăng Khoa,quy mô sản xuất 2.000 m2/2vụ/năm, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho hộ gia đình và tạo công ăn việc làm ổn định cho 04 lao động, thu nhập mỗi lao động 06 triệu đồng/vụ hoa; doanh thu hàng năm 1.450 triệu đồng, lợi nhuận đạt 583,5 triệu đồng/năm. Mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất, đồng thời không gây ô nhiễm môi trường.

**6.14. Tiêu chí Y tế**

***-*** *Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥95%:*

Đến hết năm 2024, tỷ lệ người dân tham gia BHYT của 11 xã là 68.622 người/70.595 người, đạt 97,2%, tăng 40,6% so với năm 2011 và tăng 25,8% so với năm 2015.Trong đó, các xã đều có tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt từ 95,5% trở lên, cao nhất là xã Yên Phong đạt 98,7%; 11/11 xã đều đạt chỉ tiêu Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

*- Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử (Đạt):* Các xã NTM nâng cao huyện Yên Định đều có hệ thống hồ sơ, sổ sách, tài liệu theo dõi, quản lý, lưu trữ, cập nhật thông tin về sức khỏe, hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của người dân; đã xây dựng kế hoạch triển khai lập hồ sơ sức khoẻ điện tử cho người dân, cập nhật thông tin sức khoẻ của người dân vào hồ sơ sức khoẻ điện tử, thực hiện quản lý sức khoẻ người dân qua phần mềm quản lý hồ sơ, sức khoẻ điện tử. Đến nay, 11 xã NTM nâng cao, tỷ lệ người dân được quản lý sức khoẻ điện tử là 69.751/70.595 người, đạt 98,8%.

*- Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa:*

UBND huyện Yên Định đã chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức điều tra và hướng dẫn người dân trên địa bàn cài đặt và sử dụng ứng dụng sổ sức khỏe điện tử trên điện thoại thông minh đây là một ứng dụng có tích hợp nền tảng khám chữa bệnh từ xa. Đến nay, 11/11 xã NTM nâng cao đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện, kết quả có 34.875/70.595 người dân trên địa bàn (đạt 49,4%) đã được tạo dựng hồ sơ sức khỏe điện tử và cài đặt ứng dụng sổ sức khỏe điện tử.

*- Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử:* Các xã đã triển khai thực hiện lập hồ sơ sức khoẻ điện tử cho người dân, cập nhật thông tin sức khoẻ của người dân vào hồ sơ sức khoẻ điện tử, thực hiện quản lý sức khoẻ người dân qua phần mềm hồ sơ sức khoẻ điện tử. Đến nay, trên địa bàn 11 xã NTM nâng cao, tỷ lệ người dân được tạo dựng hồ sơ quản lý sức khoẻ điện tử và theo dõi phần mềm quản lý là 69.751/70.595 người, đạt 98,8%.

**6.15. Tiêu chí Hành chính công**

*- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.*

+ Cả 11/11 xã đều sử dụng Hệ thống phần mềm điện tử dùng chung tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả tại địa chỉ: http://motcua.thanhhoa.gov.vn, được kết nối đến các phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND cấp xã và liên thông với tỉnh đảm bảo 100% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận vào phần mềm.

+ Các TTHC được xử lý trên hệ thống máy tính và phầnmềm chuyên dụng, giúp quá trình giải quyết TTHC xuyên suốt, nhất quán, đơn giản hóa quy trình, rút ngắn thời gian, tiện lợi cho cán bộ, công chức giải quyết TTHC và tổ chức, công dân, đảm bảo tính công khai - minh bạch - chính xác.

+ Tổ chức triển khai, ứng dụng nhiều tiện ích giúp người dân, tổ chức nắm được các thông tin về quá trình giải quyết thủ tục hành chính, nộp phí lệ phí trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đã hiện đại hóa trong công tác thu phí, lệ phí dịch vụ công.

+ Các xã đã được triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và giải quyết các thủ tục hành chính, đạt 100%. Tại bộ phận Một cửa của xã, các cán bộ, công chức đã được trang bị đầy đủ máy vi tính, máy scan, máy in, máy pho to; Các máy vi tính đều được kết nối internet, mạng LAN, thiết bị Wifi, sử dụng phần mềm thư điện tử, phần mềm quản lý văn bản điều hành, phần mềm dịch vụ hành chính công, phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trao đổi thông tin, văn bản trên môi trường mạng.

*- Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.*

Việc công khai và kiểm soát các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận giải quyết của xã đã được 11/11 xã thực hiện theo đúng quy định; tổ chức công khai 100% thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa - Trụ sở UBND xã bằng hình thức niêm yết, công khai trên Cổng thông tin điện tử thành phần của xã, Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Thanh Hoá, thông báo trên đài phát thanh xã, các phương tiện thông tin đại chúng, tại các nhà văn hoá thôn; 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận giải quyết của xã được công khai và kiểm soát đúng quy định; Giai đoạn 2022 - 2024, tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính được giải quyết đúng hoặc sớm hơn đạt trên 98%. Không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi cơ quan nhà nước, không để xảy ra khiếu nại vượt cấp. Trong các năm 2022 và 2023, chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của các xã luôn xếp loại tốt. Cả 11 xã xã được đánh giá có mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

**6.16. Tiêu chí Tiếp cận pháp luật**

*- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình hòa giải ở cơ sở (Đạt).*

11/11 xã NTM nâng cao có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình hòa giải ở cơ sở, với tổng số là 43 mô hình. Tiêu biểu như xã Định Hòa có 5 mô hình: “Trường trung học cơ sở Định Hoà tự quản về an ninh trật tự gắn với tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật”; Mô hình “pháp luật học đường”; Mô hình “Tổ liên gia an toàn phòng cháy chữa cháy và Điểm chữa cháy công cộng”; Mô hình “Nông dân với pháp luật”; Mô hình “Tổ hoà giải cơ sở điển hình thôn Thung thôn xã Định Hoà”; xã có ít nhất là 3 mô hình (xã Yên Trường và xã Định Hải).

+ Hàng năm các xã đã tiến hành rà soát, kiện toàn các Tổ hòa giải và hòa giải viên đáp ứng với yêu cầu công tác hòa giải cơ sở ở địa phương. Các mô hình đều tổ chức sinh hoạt thường kỳ và hoạt động theo Quy chế cụ thể của mỗi mô hình. Các Tổ trưởng Tổ hòa giải và hòa giải viên hàng năm đều được tham gia các Hội nghị tập huấn, nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải ở cơ sở do UBND huyện Yên Định và Sở Tư pháp tổ chức; góp phần giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn trong nhân dân, không để phát sinh thành những vụ việc lớn; củng cố, giữ gìn khối đại đoàn kết trong cộng đồng dân cư, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trên địa bàn.

+ Về mô hình hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả: Công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn các xã đều đảm bảo các tiêu chí theo quy định: 100% tổ hòa giải ở cơ sở được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động và thù lao cho hòa giải viên đúng quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài chính; Trong năm 2023, 11 xã NTM nâng cao đã kiện toàn 55 tổ hòa giải với 418 hòa giải viên đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở.

Năm 2023, các mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở của 11 xã đều được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình.

*- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành:* đến nay, các tổ hòa giải trên địa bàn các xã 11 xã đã tiếp nhận 41 vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải, trong đó đã hòa giải thành 41 vụ việc, đạt tỷ lệ hòa giải thành là 100%.

*- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu:* Trong năm 2023, UBND huyện Yên Định phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá thực hiện trợ giúp pháp lý cho các đối tượng là người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, trẻ em, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người cao tuổi, người nhiễm chất độc da cam, nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình. Tại 11 xã NTM nâng cao, có 15.805 người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý, trong đó có 45 người dân có yêu cầu trợ giúp pháp lý và 45/45 người dân đều được trợ giúp pháp lý, đạt tỷ lệ 100%.

**6.17. Tiêu chí Môi trường**

Xác định xây dựng NTM là quá trình liên tục, lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc. Sau khi các xã đã được công nhận đạt chuẩn xã NTM nâng cao, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các xã tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, nâng cao chất lượng các tiêu chí; xác định xây dựng NTM là chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân, làm thay đổi diện mạo nông thôn. Nhận thức sâu sắc về chủ trương của Đảng nên người dân đồng tình tham gia tích cực. Đặc biệt chú trọng đến tiêu chí môi trường, vận động, khuyến khích người dân tham gia xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, tham gia tổng dọn vệ sinh môi trường đường làng ngõ xóm, trồng hoa, trồng cây xanh, chỉnh trang tường rào, nhà cửa; xây dựng các công trình hạ tầng thu gom, xử lý chất thải…

*- Về khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường:* Trên địa bàn 11 xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản tập trung.

*- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.*

+ Cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thuỷ sản: Trên địa bàn 11 xã NTM nâng cao có 601 cơ sở sản xuất kinh doanh; trong đó, có 71 cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường; 100% cơ sở sản xuất kinh doanh này phù hợp với quy hoạch, có hồ sơ, thủ tục về môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận/cấp phép; 530 cơ sở thuộc đối tượng không phải lập hồ sơ môi trường; trong quá trình hoạt động, các cơ sở này đã cơ bản chấp hành công tác bảo vệ môi trường.

+ Làng nghề: Trên địa bàn 11 xã NTM nâng cao không có làng nghề.

*- Tỷ lệ* *chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định (≥85%).*

+ Tổng số hộ tham gia thu gom rác thải sinh hoạt tại 11 xã NTM nâng cao: 19.166/19.166 hộ, đạt 100%.

+ Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý tại 11 xã NTM nâng cao: 12.883,59/12.883,59 tấn/năm, đạt 100%; trong đó khối lượng người dân tự xử lý 7.730,15 tấn/năm, khối lượng thu gom bán phế liệu 611,97 tấn/năm, khối lượng chất thải nguy hại được đưa đi xử lý 1,29 tấn/năm, xử lý bằng công nghệ đốt 4.507,97 tấn/năm.

+ Tổng khối lượng chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn 11 xã được thu gom, xử lý: 9.968,09/10.010,92 tấn/năm, đạt 99,57%; trong đó, phụ phẩm cây trồng 252,7 tấn/năm được người dân thu gom và xử lý thành phụ phẩm nông nghiệp; chất thải chăn nuôi 1.918,14 tấn/năm được người dân xử lý trong chăn nuôi; chất thải công nghiệp không nguy hại 7.596,43 tấn/năm được hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; chất thải xây dựng 200,82 tấn/năm được tận dụng để san nền hoặc bán phế liệu, tần suất thu gom, xử lý theo công trình xây dựng phát sinh.

*- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả (≥40%)*

+ Việc thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp đã được UBND các xã tuyên truyền, vận động, xây dựng kế hoạch và yêu cầu các hộ gia đình chưa có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khi xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở riêng lẻ tại, khu dân cư tập trung, phải cam kết thực hiện xây lắp công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

+ Số hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả trên địa bàn 11 xã là 19.166/19.166 hộ, đạt 100% (nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại; nước thải sau bể tự hoại được thu gom cùng nước thải tắm rửa, giặt giũ, nấu ăn được thu gom vào hố lắng trước khi thải ra môi trường).

*- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.*

+ Việc thu gom và phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn đã được UBND các xã tuyên truyền, vận động. Đến nay, trên địa bàn 11 xã, rác thải hữu cơ được tận dụng làm phân bón, rác thải có thể tái chế được thu gom và bán cho đơn vị thu gom phế liệu, rác thải vô cơ, hữu cơ khó phân hủy không tái chế được hợp đồng với các đơn vị thu gom vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Số hộ phân loại CTR tại nguồn: 15.462/19.166, đạt 80,67%.

*- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.*

+ Tổng lượng vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trên địa bàn 11 xã, khoảng 1,77 tấn/năm, được thu gom vào 1.222 cống bi chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, có nắp đậy, đặt tại các vị trí thuận lợi ngoài đồng ruộng đảm bảo vệ sinh môi trường.

Định kỳ, hợp đồng với Công ty Môi trường Nghi Sơn Thanh Hóa vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định với tần suất 01-02 lần/năm, đạt tỉ lệ 100%.

+ Tại mỗi nhà văn hóa thôn, xã bố trí các thùng đựng CTNH phát sinh từ sinh hoạt như pin đã qua sử dụng, bóng đèn huỳnh quang thải…với tổng số 81 thùng chứa. Định kỳ UBND huyện hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom rác thải này cùng với bao gói thuốc bảo vệ thực vật đem đi xử lý, đạt 100%.

- *Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.*

Hiện nay chất thải hữu cơ thải ra môi trường trong trồng trọt chủ yếu là rơm rạ, thân, lá, rễ cây trồng. Sau khi thu hoạch rơm rạ, thân, lá rễ được các hộ thu gom về làm thức ăn gia súc, làm đệm lót cho chăn nuôi gia cầm, che phủ gốc cho các loại cây ăn quả và một phần được nhân dân ủ phân hữu cơ để bón cho cây trồng (sử dụng men vi sinh IMO), riêng phần gốc rạ, rễ cây rau màu khác nhân dân thường để lại ruộng cày lật hoặc bừa ngâm để phân giải thành phân hữu cơ. Chất thải hữu cơ trong chăn nuôi bao gồm phân, nước tiểu, gia súc và gia cầm, nước rửa vệ sinh chuồng trại được các hộ chăn nuôi trên địa bàn xã xây dựng hầm Bioga để làm khí sinh học, phục vụ cho việc đun nấu, phần chất bã thải ra được thu gom, làm phân bón cho cây trồng.

+ Tỷ lệ khối lượng chất thải, phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn 11 xã NTM nâng cao được thu gom, xử lý, tái sử dụng 11.214/12.365 hộ tấn, đạt 91%.

Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường trên địa bàn các xã đều đạt từ 85,6% trở lên.

+ Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn các xã đều đạt từ 87,13% trở lên.

*- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.*

Tổng số cơ sở chăn nuôi trên địa bàn 11 xã xây dựng NTM nâng cao là 6.626 cơ sở. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường 46.046/6.626 cơ sở, đạt tỷ lệ 91,2%, tăng 6,3% so với năm 2015 - thời điểm bắt đầu triển khai xây dựng NTM nâng cao; Rác thải từ hoạt động chăn nuôi chủ yếu là phân gia súc, gia cầm. Các trang trại, hộ gia đình chăn nuôi đã thực hiện các công trình, biện pháp xử lý chất thải như xử lý bằng bể biogas, đệm lót sinh học... đảm bảo vệ sinh, môi trường và các điều kiện vệ sinh thú y trong chăn nuôi, tạo ra các nguyên liệu phục vụ cho ngành trồng trọt. Trong đó, tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định đạt cao ở xã Định Long đạt 93,6%.

*- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch: (Đạt)*

Các xã triển khai thực hiện việc mai táng, hỏa táng cho người từ trần tại các nghĩa trang, đảm bảo theo quy định, ban hành quy chế quản lý nghĩa trang; Các nghĩa trang đều được quy hoạch cách xa khu dân cư; mỗi nghĩa trang được phân chia khu hung táng, cát táng riêng biệt; có đường vào sạch sẽ, có các hàng rào cách ly bằng tường xây hoặc cây xanh; có khu vực quy hoạch xử lý rác trong nghĩa trang; có hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

Tất cả các nghĩa trang trên địa bàn 11 xã NTM nâng cao của huyện Yên Định đã thực hiện theo đúng quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chung đô thị được phê duyệt.

*- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng:* Tỷ lệ hỏa táng bình quân của 11 xã NTM nâng cao trong năm 2023 là 244/1.104 người, chiếm 22,1%. Trong đó, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng cao nhất là xã Định Long tỷ lệ đạt 44%; thấp nhất là xã Định Tăng đạt 15%.

*- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.*

Hằng năm, 11 xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn huyện đã tích cực tổ chức thực hiện Kế hoạch “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ”, kế hoạch trồng cây tại các tuyến đường chính của xã, thôn, đồng loạt ra quân tổ chức phát động trồng cây tại các khu vực công cộng như khuôn viên các nhà văn hoá, các tuyến đường trục xã, đường liên thôn và đường ngõ xóm, khuôn viên công sở, khu thể thao thôn, xã…tạo ra các điểm nhấn, các tuyến đường kiểu mẫu, cảnh quan môi trường trên địa bàn các xã đạt NTM nâng cao đều sáng, xanh, sạch, đẹp góp phần xây dựng huyện NTM nâng cao.

Đến nay, diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại các điểm dân cư nông thôn tại 11 xã NTM nâng cao đạt 324.804m2/70.595 người, đạt 4,6m2/người.

*- Về tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.*

UBND các xã đã chỉ đạo Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên triển khai và hưởng ứng phong trào chống rác thải nhựa trên địa bàn qua các mô hình: Câu lạc bộ thu gom phế liệu gây quỹ giúp đỡ người nghèo, dùng làn nhựa đi chợ để thay thế túi nilon... Đến nay, ý thức của người dân trong việc phân loại rác thải, hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa cũng như tái chế tái sử dụng rác thải nhựa ngày càng được nâng cao.

Tổng khối lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn 11 xã đạt khoảng 696,92 tấn/năm; lượng rác thải nhựa đã được thu gom, tái chế, tái sử dụng khoảng 686,54 tấn/năm, đạt tỷ lệ 98,5%.

Lượng chất thải nhựa không tái chế, tái sử dụng được thì thu gom vận chuyển cùng với rác thải sinh hoạt đến bãi rác thải tập trung để xử lý đốt, chôn lấp cùng rác thải rắn khác theo đúng quy định.

**6.18. Tiêu chí Chất lượng môi trường sống**

*- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung:* Đến nay, tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn tại các xã nâng cao của huyện Yên Định đều đạt từ 65% trở lên. Trong đó, tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung của 11 xã NTM nâng cao là 12.981/19.166 hộ, đạt tỷ lệ 67,72%, tăng 8,5% so với thời điểm đạt chuẩn NTM nâng cao.

*- Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm:* 11 xã đạt chuẩn NTM nâng cao đều sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trungđạt >60 lít/người/ngày đêm. Các công trình nước sinh hoạt tập trung đang vận hành, khai thác trên địa bàn đáp ứng đủ nước cho sinh hoạt của người dân*.*

*- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững*

11/11 xã NTM nâng cao được cung cấp nước sạch từ các nhà máy nước: Nhà máy nước sạch Quán Lào do Công ty TNHH MTV Trường Tuấn quản lý; Nhà máy nước sạch Định Tường; Nhà máy nước sạch xã Định Liên do Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn quản lý; Nhà máy nước sạch xã Định Tân do Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hoá quản lý; Nhà máy nước sạch xã Yên Trường do UBND xã Yên Trường quản lý. Hàng năm, các Công ty, Nhà máy luôn quan tâm đến duy tu, bảo trì, bảo dưỡng nhà máy và các tuyến đường ống cấp I, II. Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý có chuyên môn, năng lực phù hợp chuyên môn vận hành nhà máy.

Đánh giá mức độ hoạt động bền vững của công trình cấp nước sinh hoạt tập trung của các tổ chức, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác, vận hành công trình nước sạch tập trung đối với 11 xã về đích NTM nâng cao: Nhà máy nước sạch Quán Lào do Công ty TNHH MTV Trường Tuấn quản lý đạt 85 điểm; Nhà máy nước sạch Định Tường đạt 85 điểm; Nhà máy nước sạch xã Định Liên do Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn quản lý đạt 85 điểm; Nhà máy nước sạch xã Định Tân do Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hoá quản lý 85 điểm; Nhà máy nước sạch xã Yên Trường do UBND xã Yên Trường quản lý đạt 75 điểm *(theo Hướng dẫn tại Quyết định số* 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 *của Bộ Nông nghiệp &PTNT*).

Các công trình cấp nước tập trung này được đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững06/06 công trình, đạt tỷ lệ 100%

*- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm:*

Hàng năm, Ban chỉ đạo vệ sinh ATTP 11 xã đều có kế hoạch và tổ chức tập huấn kiến thức về ATTP cho toàn bộ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống và các cán bộ tham gia công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn, đạt tỷ lệ 100%. Công tác tập huấn, tuyên truyền về an toàn thực phẩm trên địa bàn các xã được triển khai thường xuyên, trọng tâm tại 3 đợt chính trong năm là Tết nguyên đán - mùa Lễ hội Xuân; tháng hành động về ATTP và Tết Trung thu. 100% chủ thể tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh đều được tập huấn, hướng dẫn kiến thức về an toàn thực phẩm.

*-* *Trên địa bàn xã không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của xã:* Từ năm 2020 đến nay, trên địa bàn huyện Yên Định nói chung và trên địa bàn 11 xã NTM nâng cao nói riêng không xảy ra các sự cố về an toàn thực phẩm cũng như các vụ ngộ độc thực phẩm (trên 30 người mắc).

*-* *Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm*: Trên địa bàn 11 xã NTM nâng cao có 13 cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản; số cơ sở sản xuất, chế biến nông lâm thuỷ sản được cấp giấy chứng nhận về an toàn thực phẩm 13/13 cơ sở, đạt 100%.

*- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch:*

Tại 11 xã NTM nâng cao, tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 97,9%, tăng 8,4% so với năm 2015.

*- Tỷ lệ bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường:*

+ Trong 11 xã đã được công nhận xã NTM nâng cao không có bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng công nghệ lò đốt. Tại xã Định Tân, Định Bình, có lò đốt chất thải rắn sinh hoạt với công suất 850kg/h, đảm bảo xử lý triệt để CTRSH trên địa bàn từng xã; lò đốt tại thị trấn Quán Lào hiện đang xử lý CTRSH cho 13 xã, thị trấn, trong đó có 9 xã nâng cao gồm: Định Long, Định Liên, Định Hưng, Định Hải, Định Hòa, Yên Phong, Yên Thái, Yên Trường, Định Tăng.

Lò đốt thị trấn Quán Lào, được đầu tư xây dựng từ năm 2019 tại vị trí bãi rác cũ đã đóng cửa với công nghệ HĐ-350, công suất 100 tấn/ngày đêm do Công ty CPXD môi trường Xanh sạch đẹp Thành Tâm quản lý, vận hành, đảm bảo xử lý triệt để rác thải sinh hoạt cho 9 xã NTM nâng cao và một số xã lân cận.

**6.19. Tiêu chí Quốc phòng và An ninh**

*- Về nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự xã và lực lượng dân quân.*

Đảng ủy, UBND, Ban CHQS các xã đã tập trung xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp”, quán triệt phương châm ở đâu có tổ chức đảng, chính quyền và có dân thì ở đó phải có tổ chức dân quân. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự cho các lực lượng, ưu tiên tuyển chọn những công dân có hộ khẩu thường trú tại địa phương có lý lịch rõ ràng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, văn hóa, sức khỏe tốt, chấp hành đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và các quy định của địa phương để bổ sung lực lượng.

Ban CHQS các xã đã chủ động tham mưu cho Đảng ủy, UBND xây dựng kế hoạch, chương trình huấn luyện cụ thể cho từng đối tượng bảo đảm huấn luyện đủ các nội dung, thời gian huấn luyện và 100% quân số biên chế theo kế hoạch. Thực hiện tốt công tác bảo quản vũ khí trang bị, cất giữ đúng nơi quy định, không để xảy ra mất mát, cháy nổ. Cấp ủy, chính quyền các địa phương phát huy tốt vai trò lãnh đạo, điều hành các lực lượng trong bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, để hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng NTM, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Hàng năm, thực hiện sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ban CHQS huyện, Ban CHQS các xã đã xây dựng kế hoạch công tác dân quân tự vệ - giáo dục QPAN và kế hoạch huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật cho DQTV, làm tốt công tác xây dựng lực lượng DQTV đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, đạt tỷ lệ 2,5% - 3,2% so với tổng dân số trên địa bàn, trong đó chú trọng chất lượng về chính trị để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Chất lượng hoạt động của Ban CHQS xã và lực lượng DQTV được nâng lên qua các năm. Hiện nay, 100% Ban CHQS các xã có phòng làm việc riêng, có trang, thiết bị làm việc đầy đủ theo quy định của pháp luật. Các xã đã xây dựng nhà trực cho dân quân đảm bảo đủ 09 giường, phòng làm việc khang trang sạch đẹp có đầy đủ bàn ghế, có nhà ăn, nhà bếp, khu vực nhà tắm, nhà vệ sinh; tỷ lệ Đảng viên trong lực lượng dân quân đạt 32% trở lên.

Chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân được nâng lên qua các năm, đến nay 100% Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã là Đảng viên, 100% chức danh Chỉ huy Trưởng là thành viên ủy ban xã; 100% Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó đạt trình độ trung cấp chuyên nghiệp, Đại học, cao đẳng, trung cấp ngành quân sự cơ sở; 100% Chính trị viên là Bí thư Đảng ủy, Chính trị viên phó là Bí thư đoàn cùng cấp kiêm nhiệm; 100% các xã có trung đội dân quân cơ động và các thôn, khu phố trên địa bàn huyện có lực lượng dân quân tại chỗ; hàng năm thực hiện tốt việc đăng ký, quản lý, tuyển chọn và kết nạp công dân đủ tiêu chuẩn vào lực lượng DQTV.

Hàng năm Ban CHQS các xã thực hiện rà soát, bổ sung và lập danh sách đối tượng 4 thuộc diện bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng An ninh gửi về Ban CHQS huyện. Đồng thời xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo hướng dẫn, chương trình của Ban CHQS huyện. Hàng năm Ban CHQS xã đã tham mưu cho Đảng ủy mở lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho đối tượng 4 là cán bộ, đảng viên, người có uy tín trong cộng đồng.

100% sỹ quan, Hạ sỹ quan, binh sỹ xuất ngũ về địa phương được đăng ký lực lượng DBĐV theo quy định. Ban CHQS xã thực hiện nghiêm việc phúc tra, tổng hợp danh sách lực lượng DBĐV, có kế hoạch đăng ký bổ sung và quản lý chặt chẽ về số lượng, chất lượng quân nhân dự bị, biên chế đầy đủ vào các đơn vị dự bị động viên bảo đảm đúng chuyên nghiệp quân sự, chuyên môn kỹ thuật. Khi có lệnh huy động quân nhân dự bị đạt 100% chỉ tiêu được giao. Biên chế đầy đủ vào các đơn vị dự bị động viên.

*- Về An ninh trật tự:*

Hằng năm, Đảng ủy các xã có Nghị quyết lãnh đạo nhiệm vụ Quốc phòng - An ninh; UBND xã có kế hoạch bảo đảm ANTT. Công an xã có kế hoạch công tác Công an các năm; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí Phó Trưởng CA xã và Công an viên thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Trên địa bàn 11 xã trong những năm qua không xảy ra các hoạt động chống Đảng, chống Chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng; truyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật; hoạt động lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về ANTT;

Trên địa bàn các xã không có việc tập trung đông người kéo dài, truyền đạo trái pháp luật. Không để xảy ra những hoạt động kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về thực thi chính sách, pháp luật để gây rối ANTT công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xâm phạm lợi ịch của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.

100% khu dân cư của 11 xã đều được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”; 11/11 xã liên tục đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT theo Thông tư 124 và đạt loại đạt “Xuất sắc” trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ theo Quyết định số 510/QĐ-BCA-V05 ngày 20/01/2022 của Bộ Công an.

11/11 xã đều có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; 11/11 xã xây dựng NTM nâng cao đã triển khai xây dựng và đưa vào hoạt động mô hình "Camera an ninh", lắp đặt tại ngã ba, ngã tư và trường học trên địa bàn, có đầu thu kết nối về trụ sở Công an xã đã phát huy hiệu quả trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự địa bàn.

**7. Kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí huyện NTM**

**7.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

*a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

- Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

*- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.*

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 03/11/2021. Phạm vi quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Yên Định, với tổng diện tích là 228,83km2. Trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, cụ thể:

(1) Khu công nghiệp Phong Ninh, quy mô đến năm 2045 là 450 ha, thu hút các ngành công nghiệp sạch như: Điện tử, điện lạnh, vật liệu xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất gỗ và trang trí nội thất, chế biến nông lâm sản.

(2) Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào: Đã được thành lập có chủ đầu tư hạ tầng là Công ty TNHH Đầu tư và phát triển HongFu Việt Nam với diện tích 72,96 ha, định hướng nhóm các dự án công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, may mặc, giày da, mây tre đan; nhóm các dự án cơ khí sửa chữa, vật liệu xây dựng, sản xuất máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp (phục vụ canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến các sản phẩm lâm nghiệp), sản xuất vật liệu xây dựng; nhóm các dự án chế biến nông, lâm sản và các ngành nghề khác có liên quan.

(3) Cụm công nghiệp số 2 thị trấn Quán Lào: Có diện tích 72ha, định hướng phát triển đa ngành, đa nghề thuộc các lĩnh vực cơ khí, điện tử điện lạnh, thiết bị y tế, chế biến nông lâm sản...

(4) Cụm công nghiệp Kiểu với diện tích khoảng 50,2 ha, định hướng phát triển đa ngành nghề, trong đó tập trung vào chế biến thô các sản phẩm từ gỗ, đồ gia dụng, nội thất từ gỗ.

(5) Cụm công nghiệp Yên Lâm với diện tích khoảng 70 ha, cụm công nghiệp Quý Lộc với diện tích khoảng 22,9 ha định hướng phát triển đa ngành nghề, trong đó tập trung vào cơ khí và sản xuất vật liệu xây dựng.

(6) Cụm công nghiệp Định Hòa với diện tích khoảng 70 ha, cụm công nghiệp Định Thành với diện tích khoảng 40 ha, định hướng phát triển đa ngành nghề, trong đó tập trung vào chế biến nông sản, cơ khí phục vụ phát triển nông nghiệp.

(7) Cụm công nghiệp thị trấn Thống Nhất với diện tích 28,6 ha, Cụm công nghiệp Định Công với diện tích 19,4 ha, định hướng phát triển đa ngành nghề trong đó tập trung vào sản xuất chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp công nghệ cao...

*- Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt:*

Trên cơ sở Quy hoạch vùng huyện được phê duyệt, trong thời gian qua UBND huyện Yên Định đã xây dựng lộ trình và thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu. Đến nay đã có nhiều công trình giao thông; văn hóa, xã hội; thủy lợi, đê điều; công trình cấp nước, hạ tầng kỹ thuật đã và đang thực hiện đầu tư; điển hình như:

*(1) Về giao thông:* Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Yên Hoành đến đường tránh phía Nam thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định (chiều dài 3,5 km, đường cấp II đồng bằng, TMĐT 250 tỷ đồng); Đường giao thông nối Quốc lộ 45 xã Định Liên với Quốc Lộ 47B, xã Yên Trường, huyện Yên Định (chiều dài 5,215 km, đường cấp III đồng bằng, TMĐT 227,394 tỷ đồng); Tuyến đường nối đường tỉnh 516C với xã Định Công, huyện Yên Định đi xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa (chiều dài 8,711 km, đường cấp IV đồng bằng, TMĐT 215,62 tỷ đồng); Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh QL 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định (chiều dài 6,2 km, đường cấp III đồng bằng, TMĐT 260 tỷ đồng); Đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông từ ĐT.518 xã Yên Tâm đi ĐT.516B thị trấn Thống Nhất (từ ngã ba Yên Tâm đi ngã ba sân vận động thị trấn Thống Nhất), huyện Yên Định (chiều dài 7,647km, đường cấp III đồng bằng, TMĐT 75 tỷ đồng); Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nối QL45 với tỉnh lộ 516B huyện Yên Định (chiều dài.3,173 km, đường cấp IV đồng bằng, TMĐT 50,994 tỷ đồng).

*(2) Về đê điều và thủy lợi:* Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở bờ hữu sông Mã đoạn qua xã Định Hải huyện Yên Định đoạn K17-K17+700 (TMĐT 12,6 tỷ đồng); Kè chống sạt lở bờ hữu sông Mã xã Yên Thọ, huyện Yên Định (Đoạn K0+859 - K1+713) (TMĐT 15,3 tỷ đồng); Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thải cụm làng nghề khai thác và chế biến đá xã Yên Lâm (TMĐT 14,5 tỷ đồng); Kè chống sạt lở bờ Hữu Sông Mã đoạn từ K0+340–K1+00 (tương ứng Km đê K2+810-K2+850) thị trấn Quý Lộc, huyện Yên Định (TMĐT 14,3 tỷ đồng); Xây dựng Trạm bơm tưới, tiêu kết hợp thôn Đa Ngọc, xã Yên Phú, huyện Yên Định (TMĐT 12 tỷ đồng)...

*(3) Về Văn hóa - Giáo dục:* Khu công viên Quảng trường trung tâm huyện Yên Định (TMĐT 134 tỷ đồng); Trung tâm Y tế huyện (TMĐT 30 tỷ đồng); Phục dựng, tôn tạo di tích lịch sử Đền thờ Thái sư Á Vương Đào Cam Mộc, xã Yên Trung (TMĐT 15 tỷ đồng); Điện Thừa Hoa và Từ Đường Phúc Quang (TMĐT 97,33 tỷ đồng); Đầu tư, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sỹ huyện Yên Định (TMĐT 15 tỷ đồng); Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 21 phòng trường THPT Yên Định I (TMĐT 19,6 tỷ đồng); Đầu tư xây mới Trường Mầm non thị trấn Quý Lộc, giai đoạn 1 (TMĐT 20,9 tỷ đồng); Trường tiểu học Yên Thịnh (TMĐT 20 tỷ đồng); Cải tạo, sửa chữa các cơ sở vật chất văn hoá, thể thao đáp ứng tiêu chí huyện Nông thôn mới nâng cao, huyện Yên Định (TMĐT 20,7 tỷ đồng),...

*c. Đánh giá: Đạt.*

**7.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông**

*a.Yêu cầu của tiêu chí*

- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm;

- Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%;

- Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường ≥50%;

- Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

Trong những năm qua, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nhất là các công trình giao thông nông thôn của huyện được tập trung chỉ đạo quyết liệt theo hướng đồng bộ, nhiều dự án giao thông trọng điểm đã được triển khai thực hiện, đảm bảo sự kết nối toàn diện giữa trung tâm hành chính huyện với trung tâm hành chính các xã và các khu vực phụ cận. Huyện Yên Định đã chủ động huy động các nguồn lực để xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hạ tầng giao thông trên địa bàn. Đến nay đã xây mới khoảng 30,1 km đường tỉnh và đường huyện (trong đó, có 10,8 km đường huyện); 14 km đường xã; 30,4 km đường trục thôn; 37,75 km đường ngõ xóm; 65,1 km đường nội đồng. Nâng cấp, cải tạo 43,38 km đường huyện; 90 km đường xã; 220 km đường trục thôn; 190 km đường ngõ xóm, 450 km đường giao thông nội đồng.

Hầu hết các tuyến đường có quy mô chiều rộng nền, mặt đường đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Các xã, thị trấn thường xuyên phát động nhân dân, các tổ chức đoàn thể tham gia phong trào làm vệ sinh môi trường các tuyến đường; vận động nhân dân tháo dỡ vi phạm hành lang an toàn giao thông dưới lòng, lề đường, vỉa hè; vận động nhân dân hiến đất mở rộng đường, phát động nhân dân trồng cây bóng mát, trồng hoa ven đường tạo cảnh quan khu dân cư; công tác duy tu, bảo trì được thực hiện thường xuyên. Kết quả cụ thể như sau:

*- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm*

Trên địa bàn huyện Yên Định có tuyến đường cao tốc dài 3,7km chạy qua; 02 tuyến đường Quốc lộ dài 22,3 km và 09 tuyến đường tỉnh dài 146,3km đều đã được cứng hóa, 100% mặt đường bê tông nhựa, nhựa hóa, bê tông xi măng và được bảo trì hàng năm, đạt yêu cầu tiêu chí. Các tuyến đường cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh đi qua địa phận huyện Yên Định hàng năm thường xuyên được đầu tư duy tu bảo dưỡng; nâng cấp, cải tạo, đảm bảo thuận tiện cho việc giao thông đi lại, giao thương hàng hóa của người dân và có vai trò là các tuyến đường trục chính góp phần tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của huyện Yên Định.

Có 17 tuyến đường huyện với tổng chiều 54,18km, đã được cứng hóa, phù hợp với quy hoạch được duyệt; mặt đường bê tông nhựa, bê tông xi măng hoặc láng nhựa, đạt 100%. Hệ thống đường huyện đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, được kết nối tới trung tâm hành chính các xã, thị trấn trên địa bàn. Hàng năm, huyện Yên Định đều tổ chức khảo sát, lập dự án cụ thể để xây dựng kế hoạch bảo trì, theo đó, bình quân ngân sách huyện đầu tư khoảng trên 2,5 tỷ đồng/năm để duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường huyện, đảm bảo chất lượng công trình, phục vụ tốt nhu cầu đi lại, giao thương hàng hóa của người dân trên địa bàn.

- *Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch (100%).*

Theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Định, đến năm 2045 huyện Yên Định hoàn thành việc nâng cấp một số tuyến đường trọng điểm và các tuyến đường nội huyện. Hiện nay, trên địa bàn huyện Yên Định có 17 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 54,18km, 100% các tuyến đường huyện đạt cấp kỹ thuật đường theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005; các tuyến đã được đầu tư nâng cấp thành đường cấp IV theo quy hoạch vùng huyện Yên Định.

Các tuyến đường đều có biển báo, biển chỉ dẫn giao thông; đầu các tuyến đường đều được làm gồ, gờ giảm tốc đúng quy định.

*- Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt ≥ 50%:*

Tổng chiều dài các tuyến đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến là 36/54,18km, đạt 68% góp phần đảm bảo đáp ứng tiêu chỉ sáng - xanh - sạch đẹp trên các tuyến đường huyện.

*- Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên*.

Hiện nay, huyện Yên Định có 01 Bến xe khách Quán Lào do Công ty TNHH Minh Quang quản lý tại thị trấn Quán Lào. Bến xe đạt bến xe loại IV theo Quyết định số 1007/QĐ-SGTVT ngày 03/10/2017 của Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

Về vận tải khách công cộng (xe buýt): Hiện nay, trên địa bàn huyện Yên Định có 01 tuyến xe buýt đi qua, hoạt động tất cả các ngày trong tuần, tần suất phục vụ từ 15 - 20 phút/chuyến. Các điểm dừng, đỗ đều có biển báo, vạch kẻ đường đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của nhân dân.

*c. Đánh giá: Đạt*

**7.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi**

a. *Yêu cầu của tiêu chí*

- Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm tại chỗ.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

\* *Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.*

- Hiện nay, hệ thống thủy lợi liên xã trên địa bàn huyện Yên Định được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, đảm bảo đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch đã được duyệt tại các Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 17/6/2013, số 3670/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về Quy hoạch tổng thể thủy lợi Thanh Hóa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, Quy hoạch thủy lợi chi tiết vùng Nam Sông Chu, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Đến nay, công trình thủy lợi liên xã chính của huyện, gồm hệ thống kênh tưới có chiều dài 214,6km đã kiên cố 200,2km (đạt 93,28%), gồm: Kênh Chính Bắc 39,5km, Kênh B10 1,9km, kênh B12 8km, kênh B14 1,8km, kênh B9 8,8km, kênh B18 7,5km, kênh B11 4km, kênh B20 8,5km, kênh B22 5km, kênh B24 7,5km, kênh N1a 16,39km, N1B 5,3km, kênh B30 9,5km, kênh B28 6,2km...

So với năm 2015, hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Yên Định được đầu tư kiên cố thêm 890,58km kênh mương liên xã và kênh mương nội đồng, 82,5km đê và 39km đường vận hành; nâng cấp, mở rộng thêm 12 trạm bơm tưới, tiêu với tổng lưu lượng 60.600m3/h để cấp nước tưới cho đất sản xuất nông nghiệp. Công trình thủy lợi liên xã chính của huyện, gồm hệ thống kênh tưới kiên cố đạt 93,28% (200,2/214,6km), cao hơn năm 2011 là 50,08%; kênh mương tưới tiêu nội đồng do UBND các xã, thị trấn quản lý, hiện đã được kiên cố đạt 94,56% (690/730km).

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững:

Hệ thống tưới trên địa bàn huyện nằm trong hệ thống tưới chủ động nước tự chảy Cửa Đạt và các trạm bơm điện, trong đó công trình thuỷ lợi tưới, tiêu liên xã được Công ty TNHH MTV thuỷ lợi Nam sông Mã - Chi nhánh thuỷ nông Yên Định quản lý và khai thác theo kế hoạch và quy trình vận hành, đảm bảo vận hành đúng công suất, điều tiết tưới, tiêu hợp lý trong toàn hệ thống, đảm bảo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Chi nhánh thuỷ nông Yên Định có đội ngũ cán bộ được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm, là tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động bền vững, hiệu quả; được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Đến nay, Chi nhánh vẫn duy trì công táctổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững. Quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hòa phân phối nước, tiêu nước hợp lý; Hàng năm, công ty có kế hoạch quản lý khai thác công trình được thông qua hội đồng thành viên phê duyệt và được triển khai đến các chi nhánh trực thuộc hệ thống. Chi nhánh đã xây dựng phương án tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp cho từng vụ để triển khai kế hoạch phối hợp với UBND huyện và các xã để điều tiết nước tưới tiêu hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm. Thực hiện kiểm tra công trình trước lũ, sau lũ; xây dựng kế hoạch duy tu bão dưỡng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn.

- Thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi được duyệt:

+ Năm 2015, trên địa bàn huyện Yên Định công trình thủy lợi đầu mối liên xã chưa được triển khai lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

+ Đến nay, các chi nhánh thủy lợi mới triển khai vận hành đúng quy trình kỹ thuật, cán bộ công nhân được đào tạo bài bản, chi nhánh hàng năm có xây dựng phương án kiểm tra thường xuyên, đột xuất, kiểm tra công trình vận hành trước mùa mưa lũ, sau mùa mưa lũ, kịp thời phát hiện sự cố và đề xuất giải pháp khắc phục để công trình vận hành đảm bảo phục vụ sản xuất. Phương án bảo vệ công trình thủy lợi đã được lồng ghép trong phương án tưới, phòng chống lụt bão, triển khai công tác kểm tra công trình trước mùa mưa lũ hàng năm của các Chi nhánh Thủy lợi.

*\* Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.*

Huyện Yên Định nằm trong hệ thống thuỷ văn sông Mã, có 2 con sông chảy qua là Sông Mã và sông Cầu Chày. Có 85,64 km đê, trong đó, chiều dài đê từ cấp III trở lên là 27,4 km; 58,24 km đê dưới cấp III (gồm đê cấp IV và đê chưa được phân cấp theo quyết định phân cấp đê của Bộ Nông nghiệp và PTNT); cùng với đó là hệ thống cống qua đê, kè bảo vệ đê và công tình phụ trợ gồm: 101 cống qua đê; 43 kè lát mái, 17 kè mỏ hàn với tổng chiều dài là 18,873 km; 15 điếm canh đê; 01 Hạt Quản lý đê; 04 điểm kho, bãi vật tư dự trữ phòng chống lụt bão.

UBND huyện Yên Định đã thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai TKCN và phòng thủ dân sự huyện tại Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 12/6/2021, hằng năm luôn xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai, có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn huyện, phương án ứng phó vượt lũ tần suất thiết kế, phương án PCTT ứng phó với biển đổi khí hậu theo cấp độ rủi ro thiên tai, phương án di dân, phương án hộ đê phòng, chống lụt bão toàn tuyến, phương án trọng điểm về phòng chống lụt bão theo phương châm “*4 tại chỗ”* được phê duyệt theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai.

Hằng năm, UBND huyện tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm, kịp thời các Luật, Pháp lệnh, Nghị định và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của UBND tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai và TKCN và phòng thủ dân sự, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở, cộng đồng dân cư về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với mưa, bão, ngập lụt. Xác định phòng chống, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Công tác tuyên truyền được thường xuyên phát sóng trên hệ thống đài phát thanh từ huyện đến xã, thị trấn và được phát tăng thời lượng, truyền tải kịp thời các bản tin, Chỉ thị, công điện chỉ đạo của các cấp về phòng chống, ứng phó thiên tai trong thời điểm diễn ra các đợt mưa, bão, lũ, để các cấp chính quyền địa phương, cơ sở và người dân biết để chủ động ứng phó và phòng ngừa thiên tai, thích ứng và an toàn trước thiên tai, nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Tất cả các xã trên địa bàn huyện Yên Định đã tổ chức kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN, chuẩn bị các điều kiện về công tác PCTT theo phương châm “4 tại chỗ”, hàng năm các địa phương tiến hành soát, cập nhật, bổ sung theo quy định của Luật PCTT và đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai tại chỗ; xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai, các phương án di dân, phương án trọng điểm phòng chống lụt bão, phương án hộ đê... để sẵn sàng chủ động ứng phó với bão, lũ có thể xảy ra.

Kết quả tự chấm điểm nội dung phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đạt 92 điểm tương đương mức (Tốt).

*c. Đánh giá: Đạt*

***7.4. Tiêu chí Điện***

*a. Yêu cầu tiêu chí: Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.*

*b. Kết quả thực hiện*

- Hệ thống điện trên địa bàn huyện Yên Định đã được đầu tư liên xã, đảm bảo thông số kỹ thuật, an toàn điện theo Tiêu chí 4.1 tại Quyết định số 2332/QĐ-BCT ngày 07/11/2022 của Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

+ 100% các đơn vị hành chính trên địa bàn huyện Yên Định đã đạt tiêu chí về điện. Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện của các xã.

+ Theo Quy hoạch điện lực, tổng công suất trên địa bàn huyện Yên Định đến năm 2025 là 183MVA, hiện nay Điện lực Yên Định được giao quản lý vận hành 18 lộ đường dây; trong đó 08 lộ đường dây 35kV, tổng chiều dài: 85,5 km; 05 lộ đường dây 22kV, tổng chiều dài: 116,4 km; 02 lộ đường dây 10kV, tổng chiều dài: 46,2 km và 03 lộ đường dây 6kV, tổng chiều dài: 33,7 km. Tổng chiều dài đường dây trung áp của 18 lộ là 281,6km trong đó tổng chiều dài đường dây trung áp của các lộ trên địa bàn huyện Yên Định là 171,98km.

+ Trên địa bàn huyện Yên Định có 402 TBA *(tăng 315 TBA so với năm 2011),* tổng công suất 158.173 kVA, đường dây trung áp 171.98 km; đường dây hạ áp 617.54 km. Hệ thống điện chiếu sáng tại đường trục thôn, xóm được các xã, thị trấn đầu tư, đạt tỷ lệ khoảng 60%; hệ thống điện lưới quốc gia được đầu tư đến thôn, khu phố đảm bảo về kỹ thuật, thường xuyên được bảo dưỡng, bảo trì.

- Hệ thống cung cấp điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định.

- Hệ thống lưới điện trên địa bàn huyện Yên Định đã được đầu tư phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực của tỉnh Thanh Hóa. Hệ thống điện liên xã được đầu tư xây dựng đồng bộ với các xã, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế của địa phương và sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

- Số hộ dùng điện thường xuyên, an toàn trên địa bàn toàn huyện Yên Định là 46.302/46.302 hộ, đạt 100%.

*c. Đánh giá:* Đạt.

***7.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục***

*7.5.1. Nội dung về Y tế*

*a. Yêu cầu của tiêu chí:* Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn quốc gia.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Trung tâm Y tế huyện Yên Định đã được xếp hạng là đơn vị y tế hạng III, theo Quyết định số 4724/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế Thanh Hóa. Năm 2023, Trung tâm Y tế huyện được đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị theo Chương trình phục phồi, phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương.

- Về cơ sở hạ tầng: Trung tâm Y tế huyện Yên Định được xây dựng mới, tại khu đất có diện tích là 4.500 m2, khu nhà 03 tầng kiên cố với đầy đủ các khoa, phòng chuyên môn nghiệp vụ (diện tích xây dựng 739,97 m2; tổng diện tích sàn 2.083,67 m2). Ngoài ra, còn có một số công trình khác như: Nhà trực bảo vệ; phòng tiêm dịch vụ, nhà đặt máy phát điện; nhà để xe, gara ô tô… có đầy đủ các phòng chức năng tuân thủ theo quy định, với đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đảm bảo thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được giao và nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn.

- Về cơ cấu, tổ chức và nhân lực: Trung tâm Y tế huyện có 03 phòng và 04 khoa chức năng, với tổng số 47 người, bao gồm: 01 bác sĩ CKII, 02 Thạc sĩ, 09 Bác sĩ đa khoa/YHDP, 05 Y sĩ; 03 Dược sĩ; điều dưỡng và nhân viên khác 27 người; Có tổng số 7 khoa, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, hàng năm đã tổ chức thực hiện tốt các hoạt động y tế dự phòng, dân số, kiểm soát bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, bệnh xã hội, chăm sóc sức khoẻ ban đầu, an toàn thực phẩm, tổ chức thực hiện các chương trình y tế quốc gia... quản lý, chỉ đạo hoạt động chuyên môn của 26 Trạm Y tế xã, thị trấn trên địa bàn.

Trung tâm đã luôn làm tốt công tác chỉ đạo, điều hành, không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều kết quả tốt, cụ thể như: Đến nay, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm xuống còn 6,4%, các dịch, bệnh truyền nhiễm trên địa bàn được giám sát, phát hiện sớm, xử lý kịp thời, triệt để, không để lây lan kéo dài diện rộng; công tác đảm bảo an toàn thực phẩm đạt được nhiều kết quả và chuyển biến tích cực, nhiều năm liền không để xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm lớn trên địa bàn...

*c. Đánh giá: Đạt*

*7.5.2. Nội dung về Văn hóa*

*a. Yêu cầu của tiêu chí*

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn  
hóa - thể thao kết nối với các xã

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

*\* Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn*

-Về cơ sở vật chất*:* Giai đoạn 2015-2024, huyện Yên Định đã bố trí nguồn kinh phí 20,7 tỷ đồng để đầu tư xây dựng và hoàn thiện, cải tạo, sửa chữa các hạng mục của Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện *(gồm Nhà thi đấu đa năng, Hội trường văn hóa đa năng, thư viện, sân vận động huyện và Khối trụ sở hành chính của Trung tâm)*, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 11/2010/TT- BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Cụ thể:

+ Khu Trung tâm Văn hóa huyện được xây dựng với tổng diện tích 1.838,16 m2, bên trong Hội trường văn hóa có quy mô 406 chỗ ngồi, có sân khấu, các phòng chức năng để phục vụ công tác chuyên môn và được trang bị đầy đủ thiết bị âm thanh, ánh sáng (âm ly, loa máy, micrô, đèn mầu...), bộ trang trí khánh tiết (phông, rèm, bục, tượng...) nhằm phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền, tổ chức các sự kiện chính trị của huyện.

+ Khối nhà làm việc của Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch có diện tích 600m2, gồm 2 tầng, đảm bảo các điều kiện phục vụ hoạt động.

+ Nhà thi đấu đa năng:Có diện tích 5.900m2, gồm 4 sân Cầu lông, 06 sân bàn Bóng bàn, 01 sân Bóng chuyền, 01 sân tenits, đáp ứng nhu cầu tập luyện và tổ chức thi đấu các môn TDTT trên địa bàn huyện.

+ Sân vận động: Có diện tích 17.333m2, được bố trí sân bóng đá đảm bảo kích thước theo quy định, mặt cỏ nhân tạo, có đường chạy, xây tường rào bao quanh... đảm bảo các điều kiện tổ chức các sự kiện, các giải thi đấu các giải thể dục thể thao cấp huyện và cấp tỉnh.

+ Khu Quảng Trường Bà Triệu được xây dựng với diện tích 7,96 ha gồm: khu Sân khấu biểu diễn ngoài trời rộng 85m2 đảm bảo nhu cầu phục vụ biểu diễn và tập luyện nghệ thuật; bố trí khu vui chơi giải trí, vườn hoa, đường đi dạo; lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời, đảm bảo nhu cầu sinh hoạt, tập luyện thể dục thể thao, vui chơi, giải trí cho người dân trong huyện.

+ Thư viện huyện được bố trí tại Quảng trường Bà Triệu, có tổng diện tích hơn 500m2 , với trên 12.600 đầu sách đảm bảo phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của Nhân dân trên địa bàn huyện. Thư viện có phòng trưng bày, phòng đọc, có đầy đủ các trang thiết bị như: tài liệu, tủ mục lục tra cứu, nội quy, bàn đọc, quạt mát, điều hòa, máy tính, mạng internet thuận lợi cho việc tra cứu kết nối thư viện số. Trung bình thư viện phục vụ 20-30 lượt bạn đọc/ngày với trên 5.000 lượt bạn đọc/năm.

*+* Nhà truyền thống huyện có diện tích sàn 200m2, gồm 2 tầng, là nơi trưng bày, lưu giữ nhiều hiện vật văn hóa đặc trưng, đồng thời là nơi giáo dục cho thế hệ thanh, thiếu niên, học sinh về truyền thống của huyện.

- Về tổ chức bộ máy: Hiện nay đội ngũ cán bộ, viên chức Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện gồm 14 viên chức, trong đó có 03 lãnh đạo quản lý, 11 viên chức chuyên môn; 14/14 người có trình độ Đại học trở lên (đạt 100%).

- Kinh phí hoạt động và quy chế hoạt động: Hằng năm, UBND huyện đã bố trí kinh phí cho Trung tâm 1,3 tỷ đồng để tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao, nghiệp vụ đảm bảo theo quy định.

*\* Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện có nhiều hoạt động văn hóa, thể thao kết nối với các xã*

- Hoạt động tuyên truyền: Mỗi năm Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện tổ chức khoảng 30 đợt tuyên truyền nhằm phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội, các ngày lễ kỷ niệm, các sự kiện lớn của địa phương, của tỉnh.

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ phát triển và phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở phát triển mạnh mẽ trên địa bàn huyện. Cùng với việc quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất văn hóa, trong những năm qua, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn huyện Yên Định đã được triển khai sâu rộng, thật sự đi vào đời sống người dân và tạo sức lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng xã hội. Các địa phương đã nghiêm túc thực hiện đăng ký, bình xét, đề nghị công nhận danh hiệu gia đình văn hóa; làng, thôn, bản văn hóa đảm bảo đúng theo quy định và luôn đạt tỷ lệ ở mức cao; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết quả, toàn huyện, giai đoạn 2019 - 2023 và ước năm 2024 có 149/149 thôn, khu phố được công nhận danh hiệu văn hóa, đạt tỷ lệ 100%; có 45.390/46.302 số hộ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ trên 98%, Bên cạnh đó, hàng năm huyện đã tổ chức từ 10-15 cuộc giao lưu, hội diễn nghệ thuật quần chúng, liên hoan các câu lạc bộ văn hóa… với sự tham gia của 26/26 xã, thị trấn, tạo không khí vui tươi, phấn khởi, thu hút đống đảo người dân tham gia, góp phần xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, văn minh, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho Nhân dân.

- Hoạt động thể dục thể thao: Tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, đến nay toàn huyện có 305 CLB thể thao,góp phần không nhỏ thúc đẩy phong trào tập luyện TDTT phát triển mạnh mẽ và là cơ sở để huyện lựa chọn vận động viên có thành tích cao tham dự các giải do tỉnh tổ chức.

Hàng năm tổ chức từ 12-15 lớp năng khiếu các môn: võ karate, võ cổ truyền, cầu lông, bóng bàn, múa, bóng đá, bơi lội… cho học sinh, các VĐV; duy trì tổ chức trên 50 giải đấu thể thao, trong đó nổi bật tổ chức thành công 02 kỳ Đại hội thể thao cấp huyện *(vào năm 2018 và năm 2022),* thu hút 100% xã, thị trấn tham gia; giải Bóng chuyền cúp Đồng Cổ lần thứ Nhất, lần thứ Hai (năm 2023, 2024); các giải bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, kéo co, điền kinh, cờ vua, cờ tướng, bóng đá thanh, thiếu niên, nhi đồng hàng năm… Tích cực tham gia các giải thể thao do tỉnh tổ chức, đạt kết quả cao với 211 Huy chương các loại, gồm: 37 HCV, 57 HCB, 117 HCĐ. Tổ chức các hoạt động sinh hoạt thể thao tại Sân vận động và Nhà thi đấu huyện, thu hút khoảng trên 40.000 lượt người tham gia thi đấu, luyện tập và vui chơi… góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực cho Nhân dân.

+ Hoạt động thư viện: Thư viện huyện được bố trí tại Quảng trường Bà Triệu, với đầy đủ trang thiết bị phục vụ bạn đọc như giá sách, tủ thư mục biên mục, bàn ghế, máy tính kết nối Internet… Đến nay, thư viện có 12.600 đầu sách, báo các loại và được liên tục bổ sung hằng năm; thư viện huyện đã tổ chức nhiều hoạt động quảng bá văn hóa, giới thiệu sách đến người dân; thường xuyên tổ chức trưng bày lưu động sách, báo, các hình ảnh nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Năm 2023, đã phối hợp Sở Thông tin & Truyền thông tổ chức phát động Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam, thu hút hàng nghìn lượt học sinh tham gia. Ngoài ra, Thư viện huyện thực hiện hiện kết hợp thư viện số kết nối với thư viện trường học trong huyện để cung cấp thêm các đầu sách, tư liệu tham khảo phục vụ tốt chức năng phát triển văn hoá đọc tại địa phương.

+ Công tác chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của Nhà Văn hoá - Khu Thể thao thôn: Hằng năm Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện mở các lớp tập huấn về chuyên môn cho cộng tác viên làm công tác quản lý, duy trì ở NVH thôn; tổ chức khảo sát, hướng dẫn việc trang trí NVH thôn; hướng dẫn việc xây dựng và nhân rộng các mô hình CLB văn hoá, văn nghệ, thể thao tại địa phương; hưỡng dẫn nghiệp vụ tổ chức các giải đấu thể thao tại Khu thể thao thôn và giải đấu thể thao cấp xã đảm bảo theo yêu cầu.

Như vậy: So với thời điểm năm 2015 đạt chuẩn huyện NTM, năm 2024 huyện Yên Định đã tập trung đầu tư nguồn lực, từng bước hoàn thiện các hạng mục của Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện theo hướng hiện đại, đạt chuẩn. Việc từng bước đầu tư nguồn lực cho thiết chế cấp huyện đã góp phần thiện cơ sở vật chất văn hoá đáp ứng các điều kiện phục vụ sinh hoạt, vui chơi giải trí và tổ chức nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao trên địa bàn huyện thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng; kết nối được các hoạt động tới xã, thị trấn, tạo nên sân chơi, môi trường sinh hoạt văn hoá lành mạnh cho cộng đồng dân cư.

*c. Đánh giá: Đạt*

*7.5.3. Nội dung về Giáo dục*

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

-Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn ≥ 60%;

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1, hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên địa bàn.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

*- Về tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên; đánh giá chỉ tiêu đạt ≥ 60%.*

Toàn huyện, có 04 trường THPT, đến nay có 04/04 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt tỉ lệ 100%; trong đó có 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (THPT Yên Định 1), cụ thể:

+ Trường THPT Yên Định 1: Trường được UBND tỉnh công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 04/7/2024;

+ Trường THPT Yên Định 2: Trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 tại Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 08/7/2024.

+ Trường THPT Yên Định 3: Trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 08/7/2024.

+ Trường THCS & THPT Thống Nhất: Trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số Quyết định số 4672/QĐ-UBND ngày 02/11/2020.

*(Chi tiết tại kết quả đánh giá chỉ tiêu 5.4 đối với huyện NTM nâng cao)*

*- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1, hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên địa bàn.*

Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyênhuyện Yên Định được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thanh Hoá công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 tại Quyết định số 695/QĐ-SGDDT ngày 07/6/2024.

Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyênhuyện có diện tích là 14.000 m2, bình quân mỗi học sinh là 21,07m2, gồm khu hành chính, hiệu bộ, khu phòng lý thuyết, phòng thực hành, thư viện và các phòng chức năng, phòng phụ trợ đáp ứng tốt nhu cầu dạy, học. Trung tâm có khuôn viên riêng biệt, xanh, sạch, đẹp, an toàn. Trong 5 năm gần đây chất lượng giáo dục của Trung tâm luôn duy trì trong tốp 5 toàn tỉnh, riêng năm 2023-2024 được xếp thứ 4 toàn tỉnh..

*c. Đánh giá: Đạt.*

***7.6. Tiêu chí số 6 về Kinh tế***

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

- Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn.

- Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

- Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.

- Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

*- Có khu công nghiệp (KCN) hoặc cụm công nghiệp (CCN) được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn.*

Theo Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Huyện Yên Định được quy hoạch phát triển bổ sung mới KCN Phong Ninh (450 ha); Quy hoạch phát triển 09 CCN trên địa bàn với tổng diện tích 445,61 ha gồm:

(1) CCN thị trấn Quán Lào 72,49 ha:

(2) CCN số 2, thị trấn Quán Lào 72 ha;

(3) CCN Quý Lộc 22,9 ha:

(4) CCN thị trấn Thống Nhất 28,6 ha;

(5) CCN Định Công 19,4 ha;

(6) CCN Kiểu 50,2 ha; (7) CCN Định Hòa 70 ha;

(8) CCN Định Thành 40 ha;

(9) CCN Yên Lâm 70 ha.

Hiện nay, đã có 01 CCN thị trấn Quán Lào được UBND tỉnh Quyết định thành lập và có chủ đầu tư hạ tầng và đi vào sử dụng.

Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào được UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 và được điều chỉnh tại Quyết định số 5382/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 với tổng mức đầu 899,84 tỷ đồng, diện tích khoảng 72,96 ha. Hiện nay, đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và tiếp nhận các doanh nghiệp thứ cấp vào đầu tư, đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

*\* Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.*

Trên địa bàn huyện Yên Định có chợ Bản, xã Định Long đạt tiêu chí chợ hạng 2 và đạt tiêu chuẩn Chợ ATTP theo QCVN 02-30:2018/BNNPTNT tại Quyết định số 2283/QĐCN - IQC - HCC do Công ty CP chứng nhận và giám định IQC cấp ngày 20/5/2020 và được Sở Công thương thẩm định duy trì tiêu chí tại Thông báo số 3169/TB-SCT ngày 08/11/2023 về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác duy trì chợ kinh doanh thực phẩm theo TCVN 11856:2017.

- Về thiết kế: Chợ Bản là chợ hạng 02, gồm 120 hộ kinh doanh cố định; phục vụ nhu cầu mua bán của người dân trong huyện; Hệ thống chiếu sáng trong và ngoài chợ; Vệ sinh môi trường: Nước thải được gom tập trung và đưa về Khu xử lý nước thải của huyện; rác thải hàng ngày được Công ty cổ phần XDMT Xanh - Sạch - Đẹp Thành Tâm thu gom về điểm tập kết rác; nhà vệ sinh được tách biệt các khu vực khác; Hệ thống PCCC đảm bảo, hàng năm đều được kiểm tra, bảo dưỡng; Các điểm kinh doanh tại chợ: bao gồm quầy hàng, sạp hàng, ki-ốt, cửa hàng được bố trí cố định trong phạm vi chợ theo thiết kế xây dựng chợ, có diện tích quy chuẩn tối thiểu là 6 - 9m2/điểm (Tiêu chuẩn 3m2).

- Về bố trí không gian trong chợ: Đảm bảo tiêu chuẩn về chợ gồm Nhà chợ chính, Chợ phụ, khu vực điều hành, khu vệ sinh, khu cấp nước, sử lý nước thải; Các khu vực kinh doanh được thiết kế bố trí, sắp xếp thuận lợi cho việc kinh doanh. Khu vực kinh doanh thực phẩm được sắp xếp tại khu nhà chợ phụ được chia thành các khu vực kinh doanh riêng biệt gồm: Khu vực kinh doanh thực phẩm động vật (thịt lợn, thịt gà…); Khu vực kinh doanh thuỷ hải sản; Khu vực kinh doanh rau, củ, quả; Khu vực kinh doanh dịch vụ ăn uống; Khu vực kinh doanh thực phẩm chín; Khu vực kinh doanh thực phẩm khác; các khu vực kinh doanh được ngăn cách bằng đường đi đảm bảo an toàn thực phẩm. Không có khu giết mổ gia cầm trong chợ, khu bán gia cầm được tách riêng biệt.

- Về các hộ kinh doanh trong chợ: Các quầy kiot đều có biển quầy; được trang bị thùng rác có nắp đậy, cuối ngày được thu gom sạch sẽ; Các hộ kinh doanh đều thực hiện nghiêm việc bày bán cách ly thực phẩm chín để tránh gây lây nhiễm chéo bằng thiết bị, dụng cụ bảo quản phù hợp; Sản phẩm thực phẩm không để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng có khả năng gây mất an toàn thực phẩm; ít hoặc không kinh doanh phụ gia thực phẩm, các chất tẩy rửa, chất độc trong chợ; các quầy bán hàng đều được kê cao đúng quy đinh; thực phẩm kinh doanh đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm.

- Các cơ sở kinh doanh sản phẩm từ động vật; thủy sản tươi sống; rau củ quả; thực phẩm chín đều tuân thủ đúng các quy định về an toàn thực phẩm, các hộ được ban quản lý chợ và các cơ quan quản lý nhà nước thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở nên việc chấp hành các quy định về ATTP đảm bảo đúng quy định.

- Về tổ chức quản lý chợ: Doanh nghiệp đầu tư, quản lý vận hành đúng theo quy định và nội quy của chợ.

*\* Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.*

Để thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa dựa vào thế mạnh của địa phương, UBND huyện Yên Định đã tổ chức triển khaithực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hoávề tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; đồng thời, ban hành nhiều Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch liên quan để tổ chức thực hiện.

- Căn cứ điều kiện thực tế và các loại cây trồng, vật nuôi lợi thế của các địa phương, huyện Yên Định đã xác định các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện gồm: Lúa gạo; thịt và trứng gia cầm, thịt lợn, rau quả, cây ớt; cây ăn quả; mía đường...Đến nay, huyện đã hình thành được 7 vùng sản xuất tập trung:

+ Vùng lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả với diện tích 8.000 ha (16.000 ha/năm) nằm trên địa bàn 26 xã, thị trấn; vùng lúa tập trung đã áp dụng quy trình đồng bộ trong sản xuất, thâm canh cây lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả. Tỷ lệ cơ giới hóa đạt: Làm đất: 100%; Cấy máy: 40%; Thu hoạch: 98%.

+ Vùng trồng mía tập trung, với diện tích gần 400 ha, nằm trên địa bàn các xã, thị trấn như: thị trấn Thống Nhất 27,9 ha; thị trấn Yên Lâm 13,1 ha; thị trấn Quý Lộc 115 ha; Yên Phú 141,5 ha; Yên Thái 4,5 ha; Định Liên 43 ha, Yên Thịnh 6,5 ha, Yên Phong 05 ha). Vùng mía tập trung đã áp dụng quy trình đồng bộ trong sản xuất, thâm canh cây mía, tỷ lệ cơ giới hóa đạt: Làm đất: 100%; Trồng: 50%; Thu hoạch: 95%.

+ Vùng sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh, với diện tích 79 ha, năm trên địa bàn các xã, thị trấn (Yên Phú, thị trấn Quý Lộc, Định Tân, Yên Hùng, Yên Thái, thị trấn Quán Lào, Yên Trường, Định Long, Định Bình, Định Hưng). Vùng sản xuất rau an toàn đã áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất trong sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh đạt chuẩn VietGAP, tỷ lệ cơ giới hóa trong khâu làm đất đạt 100%.

+ Sản xuất, rau, hoa, quả trong nhà lưới, với diện tích 8,2 ha nằm trên địa bàn các xã, thị trấn như: thị trấn Yên Lâm, thị trấn Quý Lộc, Định Hòa, Định Bình, Định Thành, thị trấn Quán Lào, Yên Trường, Yên Trung, Định Hải. Vùng sản xuất, rau, hoa, quả trong nhà lưới đã áp dụng quy trình sản xuất trong trồng rau, hoa, quả theo tiêu chuẩn VietGAP.

+ Vùng trồng cây ăn quả tập trung, với diện tích 938,58 ha (Diện tích trồng tập trung cây Bưởi 298 ha tại các xã: Yên Ninh 77 ha, Yên Phú 22,7 ha, Yên Trường 25,5 ha; Yên Tâm 27,72 ha…, cây Dứa 519,43 ha (thị trấn Thống Nhất 390,35 ha, Yên Tâm 29,08 ha; thị trấn Yên Lâm 46,7 ha, Yên Phú 53,3 ha…); cây Ổi 112,61 ha (Yên Phú 12,38 ha, Yên Tâm 18,38 ha, Yên Trường 14,6 ha…). Vùng sản xuất tập trung đã áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất trong trồng cây ăn quả, tỷ lệ cơ giới hóa trong làm đất đạt 100%.

+ Trang trại chăn nuôi lợn tập trung tại các xã: Yên Phú, Định Hòa, thị trấn Quý Lộc, Yên Thọ, Yên Trường,…Vùng chăn nuôi tập trung các chuồng trại đều có hệ thống chuồng kín, điều hòa độ ẩm, máng ăn, máng uống tự động và áp dụng quy trình sản xuất VietGAHP.

+ Trang trại chăn nuôi gà tập trung tại các xã, thị trấn: Yên Trường, Định Hòa, thị trấn Quý Lộc, Yên Thọ,...quy mô sản xuất 60.000 con/lứa x 06 lứa/năm. Vùng chăn nuôi tập trung đều có hệ thống chuồng kín, điều hòa độ ẩm, máng ăn, máng uống tự động và áp dụng quy trình sản xuất VietGAHP.

- Về mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện:

Trong những năm qua,huyện Yên Định đã chỉ đạo các đơn vị đẩy mạnh thực hiện phát triển chuỗi liên kết, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm nông nghiệp, đồng thời tăng quy mô sản xuất hàng hóa; đến nay, toàn huyện đã triển khai thực hiện được 105 chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn, sản lượng đạt 38.720 tấn, trong đó có 32 chuỗi trồng trọt, 71 chuỗi chăn nuôi và 02 chuổi thủy sản, cụ thể:

+ Lĩnh vực trồng trọt: Có 32 chuỗi, gồm:

Chuỗi cung ứng sản phẩm lúa gạo an toàn: Xây dựng được 04 chuỗi, tại 04 xã: Định Long, Định Liên, Định Công, Định Tiến với sản lượng 1.500 tấn do các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và các hộ gia đình tích tụ đất đai sản xuất quy mô lớn, ký kết hợp đồng liên kết bao tiêu sản phẩm với Công ty TNHH giống cây trồng Hà Bắc Sơn.

Chuỗi cung ứng sản phẩm rau quả an toàn: Xây dựng được 23 chuỗi, với sản lượng 1.800 tấn tại các xã: Định Tân, Định Hòa, Định Bình, Định Long, Định Tăng, Định Thành, Định Hưng, Định Hải, Yên Phú, Yên Tâm, Yên Trung, Yên Trường, Yên Thịnh, Yên Hùng, Yên Thái. Sản phẩm là các cây trồng truyền thống, chủ lực, sản xuất theo hướng hàng hóa như: Ớt xuất khẩu, ngô ngọt, cải Lê, Bí, dưa vàng, dưa chuột, dưa lê, rau các loại,...hệ thống Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp đóng vai trò tổ chức cho các hộ dân trực tiếp sản xuất, ký hợp đồng tiêu thụ tại các cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn trên địa bàn huyện và liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với một số công ty trong và ngoài tỉnh như Công ty CP XNK Đồng Giao Ninh Bình; Công ty TNHH Tình Cầm, Công ty TNHH một thành viên Huy Hân, Công ty TNHH Phượng Lan, Viện sinh học Nông nghiệp Việt Nam.

Chuỗi cung ứng sản phẩm mía nguyên liệu: Xây dựng được 05 chuỗi, với sản lượng 19.500 tấn tại các xã: Yên Phú, Yên Tâm, Định Liên, thị trấn Thống Nhất, thị trấn Yên Lâm, ký hợp đồng tiêu thụ giữa Công ty CP mía đường Lam Sơn với các hộ trồng mía.

+ Lĩnh vực chăn nuôi: Xây dựng và duy trì được 70 chuỗi cung ứng thịt gia súc, gia cầm, 01 chuỗi cung sữa an toàn với sản lượng năm 2023, đạt 3.800 tấn thịt lợn và 10.120 tấn thịt gia cầm; sản lượng sữa đạt 38.000 tấn. Sản phẩm của chuỗi được tiêu thụ thông qua các cửa hàng và chợ kinh doanh thực phẩm an toàn trên địa bàn huyện và thông qua việc liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm giữa các chủ trang trại chăn nuôi với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh như: Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam, Công ty TNHH JapFa Comfeed Việt Nam, Công ty Vinamilk,...

+ Lĩnh vực Thủy sản: Xây dựng được 02 Chuỗi cung ứng sản phẩm thuỷ sản, với sản lượng 2.000 tấn/năm trên địa bàn xã Yên Thịnh, Yên Phong, Định Hoà. Sản phẩm của chuỗi chủ yếu là sản phẩm cá mè, tiêu thụ thông qua cửa hàng tiêu thụ thực phẩm an toàn và công ty cổ phần thuỷ sản Green FISH.

*\* Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả*

- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Yên Định được thành lập theo Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá trên cơ sở hợp nhất Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Bảo vệ Thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Trạm Khuyến nông. Trên cơ sở đó, UBND huyện Yên Định đã ban hành Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Yên Định. Theo đó, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Yên Định là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc UBND huyện, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động. Trung tâm chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức biên chế và hoạt động của UBND huyện, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản, Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tỉnh Thanh Hoá.

- Trung tâm gồm có 01 giám đốc, 02 phó giám đốc và 08 viên chức, được chia thành 04 tổ: Tổ Chăn nuôi và Thú y; tổ Trồng trọt và bảo vệ thực vật; tổ Khuyến nông và tổ Thương mại dịch vụ.

- Hàng năm, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện xây dựng chương trình kế hoạch về công tác chăn nuôi, thú y, trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông; thực hiện các hoạt động dịch vụ về sản xuất, kinh doanh, chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ về chăn nuôi, thú y, trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông; hướng dẫn kỹ thuật về sản xuất, các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên vật nuôi, cây trồng; hướng dẫn khoanh vùng, xử lý ổ dịch, tiêu độc khử trùng, phục hồi môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; tổ chức thực hiện việc kiểm soát giết mổ động vật, quản lý, giám sát các cơ sở sơ chế, đóng gói, bảo quản, kinh doanh sản phẩm động vật phục vụ tiêu dùng trong nước; kiểm tra vệ sinh thú y đối với sản phẩm động vật ở dạng tươi sống, sơ chế và chế biến lưu thông tại địa phương; thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ động vật; phối hợp kiểm tra, giám sát các hoạt động buôn bán, vận chuyển, sử dụng thuốc thú y trên địa bàn; điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo tình hình dịch hại trên các loại cây trồng tại địa phương, điều tra tình hình dịch hại trên cây trồng mới nhập khẩu; tổ chức các lớp tập huấn khuyến nông, đào tạo nghề nông nghiệp, các hội thi, hội thảo, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệp về khuyến nông; hướng dẫn UBND các xã, thị trấn thành lập các tổ khuyến nông cộng đồng;…

- Trung tâm đã triển khai thực hiện công tác chuyển giao khoa học công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới như: sử dụng thiết bị dẫn đường không người lái NX510 trên máy nông nghiệp, thiết bị bay không người lái trong sản xuất, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng và phun khử trùng, tiêu độc, dập các ổ dịch trên đàn vật nuôi; xây dựng 39 Mã số vùng trồng ớt xuất khẩu đi Trung Quốc và Malaixia với diện tích 123,7 ha; áp dụng công nghệ cao vào nuôi lươn không bùn trong bể xi măng; phối hợp với các đơn vị khảo nghiệm một số giống lúa mới: GS999, DB6, Ngọc Châu, Hạt Ngọc 9, Thanh Hương 8, ĐH 12, ST25, Nếp Hương; giống ngô mới TQ55, PSC102; giống ớt lai F1 Red Devil...

- Trung tâm là đầu mối gắn kết giữa các doanh nghiệp, Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp và nông dân tại các xã, thị trấn trong việc hình thành một số chuỗi sản xuất nông nghiệp quy mô, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm như: Vùng ngô sinh khối tại thị trấn Quý Lộc, vùng lúa thương phẩm tại thị trấn Yên Lâm, xã Định Liên, Yên Thọ…Hoạt động dịch vụ đang được Trung tâm duy trì và triển khai có hiệu quả tại Cửa hàng giới thiệu sản phẩm nông nghiệp, chuyên cung ứng, phân phối các các loại thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi; phân bón; vacxin cho đàn gia súc, gia cầm; sản phẩm Nông nghiệp hữu cơ…và đặc biệt là các sản phẩm OCOP của địa phương, của tỉnh đến người dân.

*c. Đánh giá: Đạt*

**7.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường**

*a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng phát thải.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn đạt từ 40% trở lên.

- Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên.

- Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp.

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ trồng cây xanh trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu đạt 10% tổng diện tích toàn khu.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế theo quy định.

- Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh hoạt trên đia bàn huyện có hạ tầng về BVMT.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

\* *Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤ 50% tổng lượng phát sinh.*

Để xây dựng hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn, hằng năm, UBND huyện Yên Định đã ban hành Kế hoạch về quản lý chất thải rắn trên địa bàn, trong đó, hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện được thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường đối với từng loại chất thải, cụ thể như sau:

-Chất thải rắn sinh hoạt:Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 32.567,71 tấn/năm, tổng khối lượng được thu gom, xử lý 32.262,87 tấn/năm, đạt tỷ lệ 99,06%. Số hộ dân tham gia đăng ký thu gom rác về các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn là 46.302/46.302 hộ, đạt 100%.

Trên địa bàn huyện Yên Định, có 14 HTX và 02 Công ty Môi trường thu gom CTRSH từ các hộ dân, đưa về các khu xử lý tập trung trên địa bàn để xử lý, với 08 xe ép và 11 xe tải, thùng phục vụ công tác thu gom vận chuyển CTRSH. Trong quá trình thu gom, vận chuyển đảm bảo yêu cầu đúng kỹ thuật.

- Chất thải không nguy hại: Tổng khối lượng chất thải không nguy hại phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 41.201,22 tấn/năm, tổng khối lượng được thu gom, xử lý 41.025,87 tấn/năm, đạt tỷ lệ 99,57%. Phát sinh chủ yếu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất và xây dựng, được thu gom và xử lý như sau:

+ Chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh tại các cơ sở sản xuất kinh doanh tại Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào và 01 Nhà máy thuộc quy hoạch cụm Công nghiệp số 2 thị trấn Quán Lào (7.559,96 tấn/năm), tỷ lệ thu gom, xử lý 100%: các đơn vị hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

+ Chất thải rắn không nguy hại ngoài cụm Công nghiệp bao gồm: (1) Chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh tại các cơ sở sản xuất kinh doanh nằm ngoài cụm công nghiệp trên địa bàn huyện (phát sinh khoảng 20.578,6 tấn/năm). Được các cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định hoặc tận dụng bán làm nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp (bột đá từ khai thác, chế biến đá). (2) Chất thải rắn phát sinh trong hoạt động chăn nuôi (phát sinh khoảng 12.378,05 tấn/năm). Được các cơ sở chăn nuôi thu gom ủ thành phân bón cho cây trồng hoặc xử lý bằng hầm biogas sau đó hợp đồng với đơn vị mua bán phân bón phân khô. (3) Chất thải rắn hữu cơ phát sinh trong hoạt động trồng trọt (phát sinh khoảng 633,4 tấn/năm). Được thu gom, tái sử dụng làm thức ăn cho vật nuôi và làm nguyên liệu trồng rau, làm meo nấm như: rơm rạ, thân chuối, thân mì hoặc được thu gom, tái chế làm phân bón. (4) Chất thải rắn xây dựng (phát sinh khoảng 598,38 tấn/năm); được người dân tận dụng san nền và bán chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng.

- Chất thải nguy hại:

+ Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ bao gói thuốc BVTV và từ sinh hoạt của cá hộ dân trong năm khoảng 4,5 tấn/năm, UBND huyện đã hợp đồng với Công ty CP Môi trường Nghi Sơn để thu gom, xử lý theo quy định, với tần suất 1-2 lần/năm.

+ Chất thải nguy hại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong và ngoài cụm công nghiệp trên địa bàn huyện, phát sinh khoảng 881,56 tấn/năm (trong đó cơ sở trong cụm công nghiệp khoảng 875,28 tấn/năm; ngoài cụm khoảng 6,28 tấn/năm), hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định.

- Chất thải y tế:

**+** Chất thải y tế nguy hại phát sinh tại 26 trạm Y tế, 01 Bệnh viện Đa khoa huyện và Trung tâm y tế huyện, phát sinh khoảng 16,6 tấn/năm, được thu gom, xử lý như sau: Đối với chất thải y tế từ các trạm y tế các xã, thị trấn trên địa bàn, được vận chuyển về Trung tâm y tế huyện, Trung tâm y tế hợp đồng với Công ty CP Môi trường Nghi Sơn để thu gom, xử lý theo quy định; chất thải y tế từ Bệnh viện Đa khoa huyện vận chuyển về Bệnh viện Đa Khoa huyện Triệu Sơn để xử lý tại cụm số 4 theo quy định của UBND tỉnh.

**+** Chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế ngoài công lập phát sinh khoảng 6,3 tấn/năm được các cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định.

- Khu xử lý chất thải rắn:

Trên địa bàn huyện không có nhà máy, cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn nguy hại.

Về xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện đang thực hiện theo 02 hình thức: (1) Lò đốt: có 05 lò đốt tại các xã: Định Công, Định Tân, Định Bình, Yên Lạc và thị trấn Quán Lào hiện đang xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho 17 xã, thị trấn, công suất từ 8-100 tấn/ngày đêm (trong đó có 01 lò tập trung tại thị trấn Quán Lào xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho 13 xã, thị trấn, các lò đốt còn lại quy mô cho từng xã). (2) Về bãi chôn lấp: có 09 vị trí chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt cho 9 xã, thị trấn vùng Yên.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp:

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong năm của huyện khoảng 32.567,71 tấn/năm, sau khi trừ phần khối lượng chất thải rắn đã được phân loại và xử lý tại nguồn như: Chất thải rắn hữu cơ tận dụng cho chăn nuôi hoặc ủ làm phân, chất thải nhựa bán phế liệu, chất thải nguy hại được thu gom và hợp đồng với đơn vị xử lý riêng thì phần chất thải rắn còn lại và phần rác hữu cơ, nhựa chưa được phân loại triệt để có khối lượng khoảng 15.623,26 tấn/năm, được đưa đến 05 khu lò đốt và các bãi chôn lấp trên địa bàn các xã, thị trấn để xử lý.

Tại các khu lò đốt, khối lượng chất thải rắn xử lý trong năm khoảng 9.865,31 tấn/năm, sau khi phân loại, một phần có thể bán phế liệu, phần còn lại sẽ được đưa vào lò đốt rác để xử lý (một số mùn trong quá trình sàng lọc tận dụng bán cho cơ sở làm phân bón), không có hoạt động chôn lấp trực tiếp tại các lò đốt rác. Tại các bãi chôn lấp, khối lượng chất thải rắn đưa đến hàng năm khoảng 5.610,46 tấn/năm, sau khi phân loại, một phần có thể thu hồi để bán phế liệu, phần còn lại chôn lấp tại các hố chôn trong bãi rác, tỷ lệ chất thải rắn chôn lấp trực tiếp khoảng 36,25% (5.610,46/15.475,76 tấn/năm).

\* *Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn (>40%)*

- Thực hiện Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 3/2/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh, UBND huyện Yên Định đã triển khai thực hiện công tác phân loại chất thải rắn tại nguồn đến các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Việc thu gom và phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn đã được UBND huyện chỉ đạo Hội liên hiệp phụ nữ huyện, UBND các xã, thị trấn tuyên truyền, vận động đến người dân. Đến nay, trên địa toàn huyện, rác thải hữu cơ được tận dụng làm phân bón, rác thải có thể tái chế được thu gom và bán cho đơn vị thu gom phế liệu, rác thải vô cơ, hữu cơ khó phân hủy không tái chế được được hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Số hộ phân loại CTR tại nguồn: 36.490/46.302 hộ, đạt 78,81%.

\* *Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên (≥ 01 mô hình).*

Hiện nay, trên địa bàn huyện Yên Định đã có các mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên, cụ thể:

Tên mô hình: *“Mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và xử lý chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ thành phân bón hữu cơ tại hộ gia đình”.*

Quy mô thực hiện: Mô hình được triển khai thực hiện trên địa bàn 94 thôn của 26 xã, thị trấn với 4.700 hộ gia đình tham gia.

Phương thức thành lập và hoạt động của mô hình:Từ năm 2021, huyện triển khai cho các xã, thị trấn đăng ký thực hiện mô hình với số lượng tối thiểu 50 hộ/1 mô hình/thôn. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các hộ dân xây dựng hố xử lý rác thải sinh hoạt hữu cơ, kỹ thuật làm men vi sinh, tham gia phân loại chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải sinh hoạt hữu cơ thành phân bón hữu cơ phục vụ cho trồng trọt. Các mô hình đã và đang hoạt động có hiệu quả góp phần phân loại và xử lý rác thải rắn tại nguồn, với hơn 52 tấn rác thải sinh hoạt hữu cơ/năm được xử lý thành phân bón hữu cơ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tăng thêm nguồn phân bón hữu cơ cho các loại cây trồng trên địa bàn huyện.

***\**** *Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp (≥ 01 công trình).*

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, với công suất 100 m3/ngày.đêm, đặt tại khu phố Lý Yên, thị trấn Quán Lào, cụ thể:

- Mục đích, phạm vi công trình: Xử lý nước thải của các hộ dân tại Khu phố Lý Yên và khu 4 của thị trấn Quán Lào.

- Vị trí:Tại Khu phố Lý Yên và Khu 4 của thị trấn Quán Lào.

- Công suất dự án: 100 m3/ngày.đêm.

- Quy trình kỹ thuật vận hành của hệ thống: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng các công trình tại hộ gia đình (như bể tự hoại, bể tách dầu mỡ) sau đó dẫn vào hệ thống mương thoát nước của khu dân cư, từ đây sẽ được kết nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu gồm hệ thống các bể: Giếng tách + trạm bơm nước đầu vào > bể gom > Bể lắng cát, tách dầu mỡ > Bể điều hòa > bể thiếu khí > bể hiếu khí > bể lắng sinh học > bể khử trùng > hệ thống thoát nước khu vực (xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt).

***\**** *Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu.*

Hiện nay, trên địa bàn huyện Yên Định chưa có làng nghề và khu công nghiệp được quyết định thành lập theo quy định. Có 01 Cụm công nghiệp đã được thành lập là Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào do Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam làm chủ đầu tư.

Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào được thành lập tại Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 và được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy phép môi trường số 85/GP-UBND ngày 24/7/2023, hiện nay có 03 nhà máy đang hoạt động, trong đó có 01 nhà máy thuộc hạ tầng cụm công nghiệp (Công ty TNHH Giầy Weilina Việt Nam), 02 nhà máy còn lại trong quy hoạch CCN nhưng không nằm trong hạng mục đầu tư hạ tầng CCN (thuộc dự án đầu tư riêng biệt, hoạt động trước khi thành lập cụm là Công ty TNHH giầy Alena Việt nam và Công ty CP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa - nhà máy may). Hiện nay, hạ tầng của cụm và các công trình bảo vệ môi trường đã được đầu tư hoàn chỉnh, hệ thống xử lý nước thải gồm 03 trạm xử lý nước thải tập trung, tổng công suất 2.000 m3/ng.đêm (đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục).

Tổng diện tích Cụm công nghiệp theo quy định là 716.896 m2, trong đó diện tích cây xanh là 71.832,9 m2, chiếm 10,02 % tổng diện tích toàn khu.

***\**** *Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (≥ 2m2/người).*

Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, những năm qua các xã, thị trấn, các cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn huyện đã tích cực tham gia công tác trồng cây phân tán, trồng cây xanh ở các điểm công cộng như đường làng, ngõ xóm, đường xã, thôn, khu phố; khuôn viên nhà văn hoá, công sở, trường học, trạm y tế, nghĩa trang, khuôn viên trụ sở làm việc của các cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Các loại cây trồng bao gồm: tùng tháp, sao đen, bằng lăng, sấu, bàng đài loan, Osaka, chuông vàng..., thảm cỏ lạc, cỏ tre, thảm lá màu như chuỗi ngọc, chè mạn, dâm bụt…và một số cây bản địa khác phù hợp với Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”. Việc chăm sóc, bảo vệ cây xanh được thực hiện thường xuyên, liên tục tạo cảnh quan môi trường nông thôn đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp.

Đến nay, tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Yên Định là 4,69m2/người (799.846m2/170.698 người), tăng 0,89 m2 /người so với khi huyện đạt chuẩn NTM năm 2015.

*\* Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định (≥ 50%)*

Công tác thu gom, phân loại, tái chế rác thải nhựa được Hội Phụ nữ và Đoàn Thanh niên huyện, xã tuyên truyền, triển khai thực hiện với các phong trào “Chống rác thải nhựa”; xây dựng các mô hình điểm “thu gom, phân loại và tái chế rác thải thành vật dụng hữu ích”. Đến nay, việc triển khai kế hoạch thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn huyện, đã thu hút sự quan tâm của người dân đặc biệt là các hội viên phụ nữ, đoàn thanh niên, học sinh; lượng rác thải nhựa được phân loại thu gom tái chế là 1.668,46/1.711,37 tấn/năm đạt tỷ lệ 99,45%; rác thải nhựa được thu gom, bán cho các cơ sở thu mua phế liệu vận chuyển đi các địa phương khác để thực hiện tái chế;

Tần suất thu gom chất thải phát sinh các loại tái chế tái sử dụng: Được thu gom hàng ngày bán cho đơn vị thu gom phế liệu, các loại nhựa khác được chuyển giao cho HTX thu gom, Công ty môi trường thu gom cùng rác thải sinh hoạt đưa về khu xử lý khu xử lý tập trung của địa phương, tần suất 2 ngày/lần.

*\* Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về BVMT theo quy định*

Khi triển khai thực hiện chương trình xây dựng NTM (năm 2011): Công tác thu gom, xử lý rác thải chưa đảm bảo vệ sinh môi trường. Chưa thành lập các tổ thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn, rác thải chưa được hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý mà chủ yếu tự xử lý tại hộ hoặc đưa về các bãi rác để đốt hoặc chôn lấp không hợp vệ sinh.

Đến hết năm 2024: Trên địa bàn toàn huyện, không bố trí điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh hoạt; rác thải của từng hộ được lưu giữ vào các thùng rác, định kỳ 1-2 ngày/lần, được đơn vị thu gom, vận chuyển rác thải của từng địa phương thu gom trực tiếp vận chuyển đi xử lý theo quy định.

*c. Đánh giá: Đạt.*

**7.8. Tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống**

*a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung (≥18%).

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt ≥35%.

- Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

- Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

*\* Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung (≥18%).*

Hiện tại, tổng số hộ dân sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đối với 30 xã, thị trấn trên địa bàn huyện là 26.882/46.302 hộ, đạt 58,06%, ***(tăng 51,18% so với thời điểm công nhận huyện đạt chuẩn NTM năm 2015).***

*\* Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững (≥ 35%).*

Trên địa bàn huyện Yên Định có 06 nhà máy nước sạch đang hoạt động và cung cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân, bao gồm: Nhà máy nước sạch Quán Lào do Công ty TNHH MTV Trường Tuấn quản lý; Nhà máy nước sạch Định Tường; Nhà máy nước sạch xã Định Liên do Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn quản lý; Nhà máy nước sạch xã Định Tân do Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hoá quản lý; Nhà máy nước sạch Sakitô Vũ thị trấn Quý Lộc do Công ty Sakitô Vũ quản lý; Nhà máy nước sạch xã Yên Trường do UBND xã Yên Trường quản lý.

Các công trình, nhà máy nước sạch tập trung cấp nước được giao cho các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành theo quy định pháp luật; cán bộ có chuyên môn, đảm bảo đủ năng lực quản lý, vận hành công trình, hoạt động bền vững, Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn hàng năm được thực hiện theo quy định.

Các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện đảm bảo, cấp nước được duy trì thường xuyên, số ngày mất nước trong năm gần như không có, chất lượng nước đáp ứng quy chuẩn, các công ty có cán bộ quản lý vận hành có chuyên môn, năng lực quản lý phù hợp với quy mô công trình cấp nước, 06/06 công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện được quản lý, khai thác bền vững đạt 100%.

*\* Có kế hoạch/đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.*

UBND huyện Yên Định đã ban hành Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 về Kế hoạch kiểm kê, kiểm soát, cải tạo và bảo vệ chất lượng nước mặt giai đoạn 2024 - 2025 huyện Yên Định. Tổ chức thống kê, rà soát, xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh, trang trại chăn nuôi có hoạt động xả thải ra hệ thống sông, kênh, mương, ao hồ đồng thời thực hiện các dự án nạo vét, kè sông...tạo cảnh quan, hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt.

Theo kết quả rà soát, thống kê, đến nay trên địa bàn huyện có khoảng 105 ao, hồ được cải tạo, chỉnh trang cảnh quan về môi trường bằng các hoạt động như thu dọn rác thải mặt hồ; xây dựng lan can, hàng rào bảo vệ quanh hồ; trồng hoa sen, súng trên mặt ao. Đặc biệt, tại các xã Định Long, Định Hưng, Định Tân, Yên Thái, Yên Phong, Định Bình đã có những mô hình cải tạo hồ thành các công viên mini, các điểm sinh hoạt cộng đồng phục vụ người dân vui chơi, giải trí.

Tại các kênh, mương tiêu, dẫn nước tưới nông nghiệp trên địa bàn huyện, UBND huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn và các đơn vị vận hành dòng kênh, tăng cường các hoạt động tuyên truyền Nhân dân không vứt rác thải, xác động vật xuống lòng kênh, định kỳ tổ chức các hoạt động thu vớt rác thải trên kênh; hiện nay, UBND huyện đã đầu tư khoảng 23 vị trí lưới chắn rác trên dòng kênh WB7 (kênh tưới) qua địa bàn 13 xã, thị trấn trên địa bàn huyện, để thuận tiện cho công tác thu vớt rác thải (nếu có) trên kênh.

*\* Cảnh quan không gian trên địa bàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.*

Năm 2011, cảnh quan môi trường trên địa bàn huyện Yên Định chưa thực sự được quan tâm, công tác tổng dọn vệ sinh môi trường, phát quang, nạo vét khơi thông cống rãnh…chưa được thực hiện thường xuyên; diện tích trồng hoa, trồng cây xanh tại các khu vực công cộng và tỷ lệ hộ dân chỉnh trang, cải tạo nhà ở, vườn tạp còn thấp.

Đến nay, tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã tổ chức tốt hoạt động thu gom rác thải, xây dựng cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn. Thông qua phát động và tổ chức phong trào xây dựng *“Gia đình kiểu mẫu”, “Tổ Nhân dân kiểu mẫu”, “Tuyến đường kiểu mẫu”, “Tổ Nhân dân kiểu mẫu”* đến nay, số km đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng được trồng hoa, hàng rào xanh, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ khoảng 762,48/775,92km (đạt 98,26%), 2.867/2.867 tuyến đường (đạt 100%) đảm bảo sạch đẹp; tỷ lệ hộ gia đình thực hiện chỉnh trang nhà ở, cải tạo vườn tạp và hàng rào cổng ngõ; diện tích trồng cây xanh thực hiện cải tạo hàng rào có phủ xanh trên địa bàn toàn huyện 39.980/46.302 km (đạt 86,35%).

Một số mô hình khác đã thực hiện trong Nhân dân góp phần vào công tác xây dựng cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn trên địa bàn huyện còn kể đến như: Mô hình gia đình “ba sạch” (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ) của Hội phụ nữ xã; mô hình phân loại và xử lý rác hữu cơ tại hộ gia đình; mô hình thu gom chất thải có khả năng tái chế,...Đến nay, có 100% số xã, thị trấn có tổ tự quản về môi trường, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom về khu xử lý, đạt tỷ lệ 100%; tất cả các xã, thị trấn đã thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, đạt tỷ lệ từ 70% trở lên, góp phần giảm thiểu lượng rác thải sinh hoạt phải xử lý tại khu xử lý tập trung.

UBND cấp xã quán triệt việc trồng cây trên các tuyến đường là nhiệm vụ thường xuyên với chương trình *“Ngày Chủ nhật xanh”,* ra quân dân vận, trồng hoa trên các tuyến đường thuộc địa bàn quản lý, với các hoạt động chủ yếu như phát quang cỏ dại, thu gom rác, nạo vét kênh mương, trồng hoa,…

Ngoài ra, để thực hiện các mục tiêu về chiếu sáng, an toàn trên các tuyến đường giao thông, UBND các xã, thị trấn đã thực hiện công tác vận động người dân đóng góp kinh phí để lắp đặt đèn chiếu sáng đảm bảo ánh sáng vào ban đêm, lắp đặt hoặc vận động người dân quay hướng camera để đảm bảo an ninh khu vực. Hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện thực hiện được 2.597/2.867 tuyến đường, đạt 90,58%, chiều dài hệ thống chiếu sáng thực hiện được 692,7/775,92 km, đạt tỷ lệ 89,27%. Mỗi tuyến đường đều có ít nhất một camera an ninh cho khu vực mà người dân trên tuyến đường là người trực tiếp sử dụng và quản lý.

*\* Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.*

Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm toàn huyện 260 cơ sở (trong đó, ngành y tế quản lý 53 cơ sở, ngành công thương quản lý 179 cơ sở, ngành nông nghiệp quản lý 28 cơ sở);. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm của huyện tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 260/260 cơ sở đạt 100%.

Toàn bộ các cơ sở này đều đã được cấp giấy chứng nhận còn hiệu lực. Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm huyện Yên Định đã thường xuyên rà soát, xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn; Hàng năm các cơ sở được trang bị, bổ sung kiến thức về an toàn thực phẩm thông qua hình thức tập huấn trực tiếp, có 100% số cơ sở tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

*c. Đánh giá: Đạt.*

**7.9. Tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công**

*a. Yêu cầu của tiêu chí*

- Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt trở lên.

- Trong 2 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đảm bảo an ninh, trật tự.

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

- Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

*\* Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.*

Đảng bộ, chính quyền huyện Yên Định được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên năm 2022, 2023, cụ thể:

- Đảng bộ huyện:

+ Năm 2022: Hoàn thành tốt nhiệm vụ (Thông báo số 963-TB/TU, ngày 07/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về việc xếp loại tập thể và lãnh đạo, quản lý năm 2022 đối với huyện Yên Định).

+ Năm 2023: Hoàn thành tốt nhiệm vụ (Thông báo số 1412-TB/TU, ngày 08/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về việc xếp loại tập thể và cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2023 đối với huyện Yên Định).

- Chính quyền:

+ Năm 2022: Hoàn thành tốt nhiệm vụ (Quyết định 464/QĐ-UBND, ngày 08/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc công nhận kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2022 của các sở, cơ quan ngang sở, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố).

+ Năm 2023: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (Quyết định 496/QĐ-UBND, ngày 29/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc công nhận kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2024 của các sở, cơ quan ngang sở, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố).

*\* Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên*

Trong những năm vừa qua Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện luôn đổi mới nội dung phương thức hoạt động, hướng hoạt động về cơ sở, đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến Nghị quyết, Chỉ thị của đảng, pháp luật của Nhà nước, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở địa phương đến đoàn viên, hội viên và nhân dân*.*

Tổ chức phát động các phong trào thi đua yêu nước trong các tổ chức chính trị xã hội và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện. Trong đó tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thi đua lao động sản xuất, đóng góp tiền, ngày công, hiến đất, chỉnh trang nhà ở góp phần xây dựng NTM, đô thị văn minh, chăm lo xây dựng củng cố tổ chức ngày càng vững mạnh.

Từ năm 2022 đến nay, 06/06 tổ chức chính trị - xã hội được đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (02 tổ chức xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 04 tổ chức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ), đạt tỷ lệ 100%.

*\* Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.*

Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, toàn thể cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của huyện Yên Định được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đánh giá xếp loại từ mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

*\* Đảm bảo an ninh, trật tự*

*- Về công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện:*

+ Hằng năm, Huyện ủy có Nghị quyết, UBND huyện có kế hoạch về công tác bảo đảm ANTT; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.

+ Công an huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm ANTT trên địa bàn gắn với thực hiện công tác Công an thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí ANTT trong xây dựng NTM và phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM” trong lực lượng Công an.

*- Về tình hình trật tự an toàn xã hội:*

+ Công an huyện đã chủ động nắm chắc tình hình, tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện ban hành các Nghị quyết, kế hoạch về công tác bảo đảm ANTT; tổ chức triển khai thực hiện tốt các biện pháp công tác Công an để bảo đảm ANTT trên địa bàn.

+ Công an huyện đã chủ động, tập trung triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm trên địa bàn. Số vụ phạm tội về trật tự xã hội trên địa bàn huyện giảm ít nhất 5% so với năm trước; tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước.

*- Về tình hình an ninh nông thôn:*

+ Trong những năm qua, tình hình an ninh nông thôn trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ, hình thành “điểm nóng” phức tạp về ANTT.

+ Huyện ủy, UBND huyện Yên Định chấp hành nghiêm tchỉ đạo của tỉnh, phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành trong quá trình giải quyết các vụ việc; hướng dẫnn gải quyết các kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện đúng quy định của pháp luật; quyết liệt trong quá trình chỉ đạo, giải quyết các vụ việc khiếu kiện góp phần bảo đảm tình hình an ninh nông thôn; đồng thời, chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, UBND xã tuyên truyền, vận động Nhân dân, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, từng bước giải quyết các kiến nghị, vướng mắc chính đáng của người dân, góp phần bảo đảm tình hình an ninh nông thôn trên địa bàn. Công an huyện đã chủ động nắm tình hình liên quan đến hoạt động khiếu kiện của người dân, hướng dẫn người dân chấp hành các quy định của pháp luật, phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết vụ việc; đồng thời tham mưu cho UBND huyện tổ chức tuyên truyền, vận động, đối thoại để người dân hiểu và chấp hành đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đến nay, trên địa bàn huyện không có khiếu kiện đông người kéo dài, trái pháp luật.

*- Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ:*

+ Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ trên địa bàn huyện luôn được duy trì và hoạt động có hiệu quả. Công an huyện phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, tuyên tuyền, vận động Nhân dân trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, tham gia quản lý, cảm hóa, giáo dục, giúp đỡ người vi phạm pháp luật tái hòa nhập cộng đồng, xây dựng khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục “An toàn về ANTT”.

- Hằng năm, có từ trên 96% trở lên xã, thị trấn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an; 100% xã, phường, thị trấn phân loại “Khá” trở lên. Đến năm 2023: 100% xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an; 22/26 xã, thị trấn phân loại “Xuất sắc”, 04/26 xã, thị trấn phân loại “Khá’; không có xã trung bình và yếu theo Quyết định 510/QĐ-BCA-V05 ngày 20/01/2022 của Bộ Công an; Năm 2022, Huyện Yên Định đạt loại “Xuất sắc” và năm 2023 huyện Yên Định đạt loại “Khá” trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ theo Quyết định số 510/QĐ-BCA-V05 ngày 20/01/2022 của Bộ Công an.

- Hiện nay có 143 mô hình tự quản về ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả hiện có trên địa bàn, gồm: 19 mô hình “Camera với an ninh trật tự” tại các đơn vị: 01 mô hình “Dòng họ tự quản về ANTT; 03 Mô hình “trường học tự quản về ANTT”; 48 Mô hình “Tổ liên gia an toàn về PCCC” và 47 mô hình “điểm chữa cháy công cộng” tại 26/26 xã, thị trấn; 26 mô hình “Chung tay cảm hóa giáo dục người lầm lỗi tại địa bàn dân cư” tại 26/26 xã, thị trấn.

+ Huyện Yên Định không còn xã trọng điểm, phức tạp về ANTT.

+ Tập thể Công an huyện được đánh giá, xếp loại “Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. Năm 2024, Công an huyện Yên Định được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự Tết Nguyên đán Giáp thìn năm 2024; Giám đốc Công an tỉnh tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức Ngày hội toàn dân bảo vệ ANTQ năm 2024.

*\* Có dịch vụ công trực tuyến một phần*

Bộ phận một cửa của huyện Yên Định thường xuyên rà soát, cập nhật danh mục thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã lên dịch vụ công trực tuyến [*http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn*](http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn)*;* tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo, quán triệt cán bộ công chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn, vận động, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tạo lập tài khoản dịch vụ công trực tuyến, cách thực nộp hồ sơ và khai thác sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

Số thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần, toàn trình/tổng số TTHC được công bố: Cấp huyện 250/309 thủ tục hành chính (đạt 80,91%); Cấp xã 200/242 thủ tục hành chính (đạt 82,64%). UBND huyện Yên Định thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và chỉ đạo UBND các xã, thị trấn rà soát, đánh giá, cắt giảm thời gian thực hiện thủ thục hành chính.

- Tại UBND huyện Yên Định:

+ Năm 2023: Tiếp nhận trực tuyến một phần: 866/905 hồ sơ, đạt tỷ lệ: 95,69%. Vượt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh đối với tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến một phần đạt 87%.

+ Quý I năm 2024: Tiếp nhận trực tuyến một phần 182/182 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%. Vượt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh đối với tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến một phần đạt 90%.

+ Quý II năm 2024: Tiếp nhận trực tuyến một phần 247/247 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%. Vượt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh đối với tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến một phần đạt 90%.

- Tại UBND cấp xã: Có 26/26 đơn vị cấp xã (đạt 100%) có tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đảm bảo vượt chỉ tiêu được giao theo từng năm, cụ thể:

+ Năm 2023: Tiếp nhận trực tuyến một phần 7.826/9.579 hồ sơ, đạt tỷ lệ 81,7%. Vượt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh đối với tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến một phần đạt 60%.

+ Quý I năm 2024: Tiếp nhận trực tuyến một phần 1.802/1.809 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,6%. Vượt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh đối với tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến một phần đạt 65%.

+ Quý II năm 2024: Tiếp nhận trực tuyến một phần 1.506/1.506 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%. Vượt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh đối với tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến một phần đạt 65%.

*\* Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định*

+ Việc thực hiện xây dựng, đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 được các xã, thị trấn triển khai thực hiện đảm bảo đúng trình tự theo Quyết định 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Kết quả năm 2023, 100% đơn vị xã, thị trấn trên địa bàn huyện Yên Định đạt chuẩn tiếp cận pháp luật *(theo Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 06/02/2024* *của Chủ tịch UBND huyện Yên Định*). UBND huyện Yên Định đã tự chấm điểm đối với 05 chỉ tiêu theo Quyết định số 1723/QĐ-BTP ngày 15/8/2022 của Bộ Tư pháp, kết quả tổng số điểm đạt 95,5/100 điểm.

Chỉ tiêu 1: Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành pháp luật trên địa bàn: đạt 20 điểm.

Chỉ tiêu 2: Công khai, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin: đạt 28 điểm.

Chỉ tiêu 3: Ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hàng năm đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên (gọi chung là Kế hoạch): đạt 15 điểm.

Chỉ tiêu 4: Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo: đạt 20 điểm.

Chỉ tiêu 5: Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính: đạt 12,5 điểm

+ Trong năm 2023 và 7 tháng đầu năm 2024: Huyện không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp huyện bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa đã quyết định xếp loại đối với tập thể và cán bộ lãnh đạo quản lý năm 2023 đối với huyện Yên Định, cụ thể:

Đối với Đảng bộ huyện: Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

Tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

*c. Đánh giá: Đạt.*

**8. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM nâng cao**

**8.1. Tiêu chí số 1. Quy hoạch**

***a. Yêu cầu của tiêu chí***

*- Chỉ tiêu 1.1: Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn.*

*- Chỉ tiêu 1.2: Công trình hạ tầng kỹ thuật, hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.*

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

*\* Chỉ tiêu 1.1: Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn.*

Quy hoạch vùng huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 03/11/2021. Phạm vi quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Yên Định, với tổng diện tích là 228,83km2.

Trong đồ án quy hoạch vùng huyện nêu trên, có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn (chế tạo nông cụ, công nghiệp chế biến gắn với các vùng sản xuất chuyên canh...; thương mại, chuyên doanh bán buôn nông sản, vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi,...); dịch vụ sản xuất nông nghiệp (khuyến nông, bảo vệ thực vật,....); dịch vụ thị trường (phân tích, dự báo thị trường, thông tin thị trường, xúc tiến thương mại...); nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; khai thác du lịch, thương mại kết hợp sản xuất nông nghiệp).

Hiện nay trên địa bàn huyện Yên Định có 02 Cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết cụ thể:

- Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào: Được UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 có quy mô diện tích 72,96ha với ngành nghề hoạt động là nhóm các dự án công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, may mặc, giày da, mây tre đan; nhóm các dự án cơ khí sửa chữa, vật liệu xây dựng, sản xuất máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp (phục vụ canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến các sản phẩm lâm nghiệp); sản xuất vật liệu xây dựng; nhóm các dự án chế biến nông lâm sản và các ngành nghề khác có liên quan; đã được UBND huyện phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 và được điều chỉnh tại Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 28/3/2023. Hiện nay chủ đầu tư hạ tầng CCN là Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hong Fu Việt Nam đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật CCN và đưa vào hoạt động.

- Cụm công nghiệp số 2 thị trấn Quán Lào: Đã được UBND huyện Yên Định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 3473/QĐ-UBND ngày 03/12/2021. Đây là cụm công nghiệp đa ngành về chế biến thủy sản, thực phẩm, dược phẩm, điện tử, may mặc, công nghiệp phụ trợ... và các ngành khác có liên quan.

*\* Chỉ tiêu 1.2: Công trình hạ tầng kỹ thuật, hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt*

Theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu đã được đầu tư xây dựng, gồm:

- Hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu gồm: (1) Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Yên Hoành đến đường tránh phía Nam thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; (2) Đường giao thông nối Quốc lộ 45 xã Định Liên với Quốc lộ 47B, xã Yên Trường, huyện Yên Định; (3) Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh QL 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định; (4) Tuyến đường nối đường tỉnh 516C với xã Định Công, huyện Yên Định đi xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa; (5) Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nối QL45 với tỉnh lộ 516B huyện Yên Định; (6) Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở bờ hữu sông Mã đoạn qua xã Định Hải huyện Yên Định đoạn K17-K17+700; (7) Kè chống sạt lở bờ hữu sông Mã xã Yên Thọ, huyện Yên Định (Đoạn K0+859 - K1+713); (8) Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thải cụm làng nghề khai thác và chế biến đá xã Yên Lâm; (9) Kè chống sạt lở bờ Hữu Sông Mã đoạn từ K0+340–K1+00 (tương ứng Km đê K2+810-K2+850) thị trấn Quý Lộc, huyện Yên Định; (10) Xây dựng Trạm bơm tưới, tiêu kết hợp thôn Đa Ngọc, xã Yên Phú, huyện Yên Định....

- Hoàn thành các công trình xã hội thiết yếu gồm: (1) Khu công viên Quảng trường trung tâm huyện Yên Định; (2) Bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa Núi và Đền Đồng Cổ xã Yên Thọ, huyện Yên Định; (3) Phục dựng, tôn tạo di tích lịch sử Đền thờ Thái sư á vương Đào Cam Mộc, xã Yên Trung; (4) Điện Thừa Hoa và Từ Đường Phúc Quang; (5) Đầu tư, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sỹ huyện Yên Định; (6)Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 21 phòng trường THPT Yên Định I; (7) Đầu tư xây mới Trường Mầm non thị trấn Quý Lộc (giai đoạn 1); (8) Trường tiểu học Yên Thịnh...

***c. Đánh giá: Đạt.***

**8.2. Tiêu chí số 2. Giao thông**

***a. Yêu cầu của tiêu chí***

*- Chỉ tiêu 2.1: Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa.*

*- Chỉ tiêu 2.2: Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,…), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp ( đạt 100%).*

*- Chỉ tiêu 2.3: Bến xe khách tại huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên ≥1.*

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

*\* Chỉ tiêu 2.1: Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa.*

Huyện Yên Định có 01 tuyến cao tốc đi qua với chiều dai 3,7km; 02 tuyến Quốc lộ đi qua với tổng chiều dài khoảng 22,3km; Có 09 tuyến đường tỉnh tổng chiều dài 122,1 km; 17 tuyến đường huyện dài 54,18 km và hệ thống đường xã, liên xã đã được đầu tư cải tạo nâng cấp cơ bản đạt tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng trở lên, có kết cấu mặt bê tông, nhựa, bê tông nhựa asphal đạt 100%; đảm bảo kết nối với các huyện lân cận, các vùng động lực, giữa các xã, thị trấn trên địa bàn và giữa các vùng nguyên liệu tập trung phù hợp với quá trình đô thị hóa.

*\* Chỉ tiêu 2.2: Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,…), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp (đạt 100%).*

Huyện có 17 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 54,18km, 100% các tuyến đều đều đã được cứng hóa, mặt đường bê tông nhựa, bê tông xi măng hoặc láng nhựa. 100% các tuyến đường đều đã được đầu tư xây dựng các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ, …) và được trồng cây xanh dọc hai bên tuyến để đảm bảo tiêu chí sáng - xanh - sạch - đẹp.

*\* Chỉ tiêu 2.3: Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên.*

Hiện nay, huyện có 01 Bến xe khách Quán Lào do Công ty TNHH Minh Quang là đơn vị quản lý có diện tích 5.003m2, gồm các hạng mục công trình:

+ Bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách rộng 1108,5m2

+ Bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác rộng 1088,88m2;

+ Phòng chờ cho hành khách 198,37m2

+ Vị trí đón, trả khách: 30 vị trí;

+ Khu vực phòng chờ cho hành khách 45 chỗ ngồi;

+ Khu làm việc với diện tích 160 m2....

Ngày 19/7/2024, Sở Giao thông vận tải đã tổ chức kiểm tra, xác lập biên bản đánh giá các hạng mục công trình thiết yếu của Bến xe khách huyện Yên Định đạt các yêu cầu quy chuẩn của bến xe loại III theo quy định tại Thông tư 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách Sửa đổi lần 1 năm 2015.

***c. Đánh giá: Đạt.***

***8*.3. Tiêu chí số 3. Thủy lợi và phòng, chống thiên tai**

***a. Yêu cầu của tiêu chí***

*- Chỉ tiêu 3.1: Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp (Đạt).*

*- Chỉ tiêu 3.2: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện (Đạt).*

*- Chỉ tiêu 3.3: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Khá).*

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

*\* Chỉ tiêu 3.1: Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp (Đạt).*

Các công trình thuỷ lợi trên địa bàn huyện được phân cấp quản lý khai thác cho Công ty TNHH MTV thuỷ lợi Nam sông Mã - Chi nhánh thuỷ nông Yên Định; UBND các xã, thị trấn tại Quyết định số 413/2013/QĐ-UBND về phân cấp quản lý khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện. Trong đó phân cấp cho Công ty TNHH MTV thuỷ lợi Nam sông Mã - Chi nhánh thuỷ nông Yên Định trực tiếp quản lý đập dâng có phạm vi liên xã, kênh cấp I, cấp II; UBND các xã quản lý đập dâng quy mô tưới trong phạm vi xã, kênh mương cấp III, kênh mương nội đồng.

Hàng năm, UBND huyện Yên Định thực hiện kiểm tra, rà soát và xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo trì, nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý, đảm bảo an toàn và phục vụ sản xuất. Công ty TNHH MTV thuỷ lợi Nam sông Mã - Chi nhánh thuỷ nông Yên Định xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống kênh mương năm 2024. Các xã ban hành quyết định thành lập Tổ thủy nông và quy chế hoạt động, phân công vận hành, điều tiết nước; hằng năm, hoạt động kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp các công trình thủy lợi luôn được quan tâm triển khai đánh giá tại hai thời điểm trước và sau mùa mưa, bảo đảm an toàn hồ đập, hệ thống vận hành điều tiết nước đạt tiêu chuẩn quy định trước mùa mưa bão (kinh phí từ 500 - 1.000 triệu đồng/năm).

Thực hiện kiểm tra công trình: Có báo cáo thực hiện kiểm tra thường  
xuyên, kiểm tra trước và sau mùa mưa, kiểm tra ngay sau khi có mưa, lũ lớn  
đầy đủ; Thực hiện bảo dưỡng đạt trên 80% kế hoach. Các hạng mục công trình  
sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ đảm bảo khắc phục kịp thời những  
hư hỏng của công trình, máy móc thiết bị, kênh mương được nạo vét thông  
thoáng, công trình thủy lợi hoạt động bình thường; các sự cố, hư hỏng của  
công trình, máy móc thiết bị bị ảnh hưởng tác động bởi thiên tai được xử lý sửa  
chữa đột xuất kịp thời đạt 100%.

Đánh giá theo điểm:Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số, đánh giá được 85 điểm, đạt mức: Tốt.

\* *Chỉ tiêu 3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện.*

Hàng năm, UBND huyện Yên Định chỉ đạo các phòng ngành, địa phương phối hợp với Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam sông Mã (Chi nhánh thủy nông Yên Định) rà soát thống kê, kiểm kê, kiểm soát, kiểm tra, xử lý các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Yên Định.

Chỉ đạo UBND các xã tăng cường công tác tuyên truyền việc kiểm soát, xử lý nguồn nước thải từ sinh hoạt, từ chăn nuôi và các hoạt động kinh doanh cũng như nuôi trồng thủy sản của địa phương trước khi thải ra môi trường.

Thường xuyên chỉ đạo quản lý chất lượng nguồn nước thủy lợi, không để nguồn nước không đảm bảo chất lượng xả thải vào công trình thủy lợi gây ảnh hưởng đến chất lượng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện. Qua công tác kiểm tra, nguồn nước thải chủ yếu trên địa bàn các xã, chủ yếu là nước mưa và nước thải sinh hoạt của các khu dân cư, nguồn nước thải này đã qua hệ thống lắng lọc, hố ga của các hộ gia đình và trên các tuyến đường thôn, xóm trước khi xả và công trình thủy lợi, nên đảm bảo an toàn trước khi sả vào các công trình thủy lợi. Riêng cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào đã được xử lý nước thải trong hệ thống nhà máy và được phép xả thải ra môi trường theo quy định.

So với năm 2015, đến nay, không để xảy ra vi phạm về nguồn nước xả thải vào các công trình thủy lợi và lấn chiếm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi kéo dài trên địa bàn huyện.

*\* Chỉ tiêu 3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.*

- Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực.

+ Tổ chức bộ máy:

Hàng năm, UBND huyện Yên Định đều ban hành Quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự (năm 2024 ban hành Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 09/5/2024); xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai; có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai; bão, mưa lớn theo phương châm “4 tại chỗ”; tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm, kịp thời các Luật, Pháp lệnh, Nghị định và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của UBND tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với bão, mưa lớn.

Việc phân công cụ thể trách nhiệm: Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Yên Định có Quyết định phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự huyện; phân công phụ trách 8 tuyến phòng chống lụt bão trên địa bàn huyện, để các đơn vị tổ chức thực hiện kịp thời.

+ Nguồn nhân lực:

Năm 2024, UBND huyện Yên Định ban hành các Kế hoạch về việc tập huấn công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự; có 150 cán bộ các phòng, ban, ngành trên địa bàn huyện tham gia tập huấn (100%). Tổ chức hướng dẫn, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ hàng năm cho 100% số đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra. Thành phần tham gia tập huấn, ở huyện: Ban chỉ PCTT, TKCN&PTDS huyện, Văn phòng Thường trực BCH phòng chống thiên tai và TKCN huyện; Ban Chỉ huy Quân sự huyện; Công an huyện; Chi nhánh Thủy lợi huyện; Hạt Quản lý Đê Yên Định (lãnh đạo và các thành viên phụ trách tuyến phòng chống thiên tai); ở xã: Lãnh đạo UBND các xã, thị trấn; cán bộ phụ trách công tác phòng, chống thiên tai xã, Trưởng Công an xã, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự xã; đội trưởng, đội phó đội tuần tra canh đê cho các xã có đê, đội trưởng, đội phó đội xung kích phòng chống thiên tai mỗi xã 10 người. Tổng số học viên tham gia lớp tập huấn trên 260 người tham gia.

- Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh.

+ Kế hoạch phòng chống thiên tai:

Tháng 02/2022, UBND huyện Yên Định đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND về phòng chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Yên Định. Hàng năm, UBND huyện Yên Định đều ban hành và cập nhật Kế hoạch PCTT, TKCN và phòng thủ dân sự; tình hình đặc điểm dân sinh, kinh tế xã hội, hệ thống công trình phòng chống thiên tai trên địa bàn huyện cơ bản ổn định.

+ Xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai: UBND huyện Yên Định phê duyệt Phương án tại Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 về việc phê duyệt phương án cứu hộ, cứu nạn, di rời dân cư ở vùng trũng thấp, bãi sông, sạt lở đất, lũ ống, lũ quét trong công tác PCTT ứng phó với bão mạnh và siêu bão năm 2024; trong đó đã xác định vùng trũng thấp có nguy cơ ngập úng xảy ra khi có mưa lớn xảy ra, vùng cách mép nước 200 m, vùng cách mép nước 500 m, vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở đất.

+ Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai: UBND huyện Yên Định đã phê duyệt Phương án tại Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 về việc ban hành Phương án phòng, chống thiên tai, ứng phó trường hợp lũ lớn vượt tần suất thiết kế trên địa bàn huyện Yên Định năm 2024.

+ Thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt: UBND huyện Yên Định ban hành Quyết định số 1487/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 về việc giao chỉ tiêu chuẩn bị vật tư dự trữ phòng, chống lụt bão bổ sung năm 2024; theo đó giao chỉ tiêu cụ thể vật tư dự trữ cho các xã, thị trấn để thực hiện; đến nay, các xã đã chuẩn bị đầy đủ 100% vật tư dự trữ theo số lượng huyện giao. Ban chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự huyện chuẩn bị, duy trì thường xuyên hoặc có phương án sẵn sàng huy động 100% số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm khi có tình huống thiên tai xảy ra. UBND huyện giao BCH PCTT huyện, phòng Lao động - Thương Binh & Xã hội huyện, phối hợp với các Đoàn thể chính trị xã hội trong việc tham mưu về cứu trợ xã hội, cứu thương, đảm bảo hậu cần trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024. Hàng năm, ký hợp đồng cụ thể với Công ty Cổ phần thương mại Thiệu Yên cung cấp nước uống tinh khiết; các đại lý lớn cung cấp thực phẩm, mì tôm, lương khô, các thực phẩm thiết yếu để dự trữ cung cấp cho người dân khi có tình huống thiên tai khẩn cấp xảy ra.

- Về cơ sở hạ tầng thiết yếu.

+ Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng.

Thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Định đến năm 2045 đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 03/11/2021; Quyết định số 2170/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023; huyện Yên Định đã thực hiện lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào các quy hoạch, đảm bảo phù hợp với quy hoạch đê điều, không vi phạm vào hành lang bảo vệ đê điều. 100% số cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.

Hiện nay các khu vực hạ tầng được xây dựng mới, các khu dân cư mới quy hoạch phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được lồng ghép trong quá trình xây dựng nên đảm bảo an toàn trước thiên tai.

+ Thông tin cảnh báo và ứng phó thiên tai.

Trên địa bàn huyện Yên Định chưa có hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai, mà chủ yếu sử dụng hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai của Đài khí tượng Thủy văn Thanh Hóa; hệ thống cảnh báo của Trung tâm dự báo khí tượng Thủy văn Trung ương và tiếp nhận hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai qua Zalo của nhóm trực ban phòng chống thiên tai của tỉnh. Thường xuyên phát hành văn bản thông tin cảnh báo thiên tai của tỉnh, Trung ương qua phần mềm phát hành văn bản TD Ofice, qua Zalo nhóm trực ban phòng chống thiên tai của huyện, qua hệ thống đài truyền thanh của xã, của Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện.

Kết quả tự chấm điểm nội dung phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại đạt 87 điểm, tương đương mức Tốt.

***c. Đánh giá: Đạt.***

***8*.4. Tiêu chí số 4 - Điện**

***a. Yêu cầu của tiêu chí:*** *Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan (Đạt).*

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

Theo Quy hoạch điện lực, tổng công suất trên địa bàn huyện Yên Định đến năm 2025 là 183MVA. Lưới điện Yên Định được cấp điện từ trạm 110kV Thiệu Yên (E9.5) và trạm 110kV Yên Định (E9.26). Dự kiến quý 4/2025 sẽ xây dựng mới trạm 110kV Yên Định 3 với công suất là 2x63MVA. Hiện nay, Điện lực Yên Định được giao quản lý vận hành 18 lộ đường dây; trong đó 08 lộ đường dây 35kV, tổng chiều dài: 85,5 km; 05 lộ đường dây 22kV, tổng chiều dài: 116,4 km; 02 lộ đường dây 10kV, tổng chiều dài: 46,2 km và 03 lộ đường dây 6kV, tổng chiều dài: 33,7 km; có 402 trạm biến áp tổng công suất 158.173 kVA, đường dây trung áp các lộ xuất tuyến trên địa bàn huyện là 171,98 km; đường dây hạ áp 617,54 km.

Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống. 100% các đơn vị hành chính trên địa bàn huyện Yên Định đã đạt tiêu chí về điện.

Hệ thống cấp điện đảm bảo an toàn theo đúng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và theo hướng dẫn tại Quyết định số 1327/QĐ-BCT ngày 03/6/2024 của Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí điện trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025. Tổng số hộ có đăng ký trực tiếp và và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định là 46.302/46.302 hộ, đạt 100%.

Giai đoạn 2016 - 2024, hệ thống điện trên địa bàn huyện được đầu tư đồng bộ và phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Thanh Hóa sau năm 2016, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của huyện Yên Định.

***c. Đánh giá: Đạt.***

***8*.5. Tiêu chí số 5 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục**

***a. Yêu cầu của tiêu chí***

*- Chỉ tiêu 5.1: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): ≥ 95%.*

*- Chỉ tiêu5.2: Có công viên, hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao (100%).*

*- Chỉ tiêu 5.3: Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả (Đạt).*

*- Chỉ tiêu 5.4: Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (Đạt).*

*- Chỉ tiêu 5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên địa bàn.*

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

*\* Chỉ tiêu 5.1: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.*

Trong những năm qua, huyện Yên Định đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo để tổ chức thực hiện công tác phát triển BHYT; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác BHYT trên địa bàn huyện. Số người tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện có sự gia tăng, hàng năm đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, kế hoạch tỉnh giao. Đến nay, tỷ lệ bao phủ BHYT trên địa bàn toàn huyện 163.905 người/170.698 người, đạt tỷ lệ 96% (tăng 38,9% so với năm 2011 và tăng 23,6% so với năm 2015);

***\**** *Chỉ tiêu 5.2: Có công viên, hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao.*

Huyện Yên Định đã đầu tư xây dựng khu Quảng trường Bà Triệu, quy mô diện tích 7,96ha gồm các hạng mục: Sân khấu ngoài trời, đài phun nước, hồ điều hòa; công viên cây xanh, phòng bảo vệ, phòng thư viện, đèn chiếu sáng, bồn hoa, thảm cỏ, ghế đá đọc sách báo, chơi cờ, dưỡng sinh, đi bộ… Tại đây, đã bố trí lắp đặt 28 bộ dụng cụ tập thể dục thể thao ngoài trời phục vụ nhân dân tham gia tập luyện *(như xà đơn, xà kép, tập lưng bụng, xoay eo, đạp chân, đạp xe tựa lưng, tập vai kết hợp đi bộ trên không và lắc eo…).* Bên cạnh đó, huyện Yên Định đã đầu tư, cải tạo Nhà thi đấu đa năng huyện duy trì hoạt động có hiệu quả nhà thi đấu đa năng huyện (với 04 sân cầu lông và 06 bàn bóng bàn, 01 sân Bóng chuyền, 01 sân tenits, lắp các dụng cụ thể thao phù hợp với mọi lứa tuổi, từ đó thu hút đông đảo người dân tham gia, thúc đẩy phong trào thể thao của huyện tiếp tục phát triển.

*- Chỉ tiêu 5.3: Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả.*

- Trên địa bàn huyện có 49 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, trong đó có 07 di tích xếp hạng cấp Quốc gia, 42 di tích xếp hạng cấp tỉnh *(Chi tiết danh sách tại phụ lục số 7)*. Trong thời gian qua, huyện đã phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu lịch sử và Bảo tồn Di sản Văn hóa Thanh Hoá xây dựng Kế hoạch kiểm kê 100% di sản văn hóa trên địa bàn, đồng thời chú trọng triển khai các hoạt động bảo vệ, tu bổ, tôn tạo di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Cùng với nguồn ngân sách của tỉnh, của huyện, các xã đã huy động nguồn xã hội hóa trên 70 tỷ đồng trùng tu di tích Điện Thừa Hoa và Từ đường Phúc Quang (xã Định Hòa); Đền thờ Đào Cam Mộc (xã Yên Trung), Đền Đồng Cổ (xã Yên Thọ), Đền Hổ Bái (xã Yên Trường), Chùa Hưng Phúc (xã Định Tiến)… đã góp phần bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa, trở thành sản phẩm du lịch, thu hút khách thập phương tham quan.

- Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống luôn được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện thông qua công tác tổ chức các lễ hội truyền thống, các hoạt động, sinh hoạt văn hóa văn nghệ và tổ chức truyền dạy các loại hình văn hóa truyền thống, các nghi lễ văn hóa mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc… Qua đó tạo điều kiện cho cộng đồng được giao lưu, vui chơi giải trí lành mạnh từ các giá trị văn hóa truyền thống của mình. Hiện nay trên địa bàn huyện có 02 nghệ nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú và 01 lễ hội *(lễ hội Trò Chiềng, xã Yên Ninh)* đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Toàn huyện có 25 lễ hội truyền thống thống, trong đó có một số lễ hội tiêu biểu như: Lễ hội Trò Chiềng (xã Yên Ninh), lễ hội Đền Đồng Cổ (xã Yên Thọ), lễ hội Phủ Nhì (xã Định Hòa); lễ hội đua thuyền trên sông Mã (thị trấn Quý Lộc), Lễ hội đua thuyền trên sông Cựu Mã Giang (xã Yên Trung)… tạo sức lan tỏa rộng rãi và thu hút khách thập phương về tham quan, vãn cảnh. Tại lễ hội, các hoạt động diễn ra lành mạnh, an toàn, đúng nghi lễ truyền thống của các địa phương; các làn điệu dân ca (hát chèo, chầu văn), các trò chơi, trò diễn dân gian (kéo co, cờ người) đã được khôi phục, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của người dân trong tỉnh nói chung và nhân địa địa phương nói riêng. Bên cạn đó, tại một số lễ hội: lễ hội Đền Đồng Cổ, lễ hội Phủ Nhì, Phủ Cẩm cũng đang được các nghệ nhân văn hóa, bậc cao niên truyền dạy, hướng dẫn trực tiếp cho các thế hệ trẻ tại các buổi tập luyện lễ hội, tổ chức ngày hội văn hóa của xã và sinh hoạt các câu lạc bộ định kỳ. Nhờ vậy, các giá trị văn hóa truyền thống đã được trao truyền liên tục, có sức gợi nhắc cho thế hệ trẻ luôn giữ gìn và phát huy.

*\* Chỉ tiêu 5.4: Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.*

Trên địa bàn huyện Yên Định có 04 trường cấp THPT, trong đó có 4/4, đạt 100% trường chuẩn quốc gia mức độ 1, (Trường THPT Yên Định 1, Trường THPT Yên Định 2, Trường THPT Yên Định 3, Trường THCS&THPT Thống Nhất), *tăng 80% so với năm 2015*; 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 *(Trường THPT Yên Định 2), tăng 100% so với năm 2015*, cụ thể:

*(1) Trường THPT Yên Định 1:* Được thành lập năm 1965 theo Quyết định số 2928/QĐ-VX ngày 15/08/1965 của UBHC Thanh Hóa. Hiện nay nhà trường có tổng số 122 cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động. 100% đạt trình độ chuẩn, có 20 đồng chí có trình độ thạc sỹ (tỷ lệ 17,39%), có 12 cán bộ giáo viên có trình độ trung cấp lý luận chính trị, 39 giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Chất lượng giáo dục toàn diện luôn đứng trong tốp đầu của tỉnh (Năm 2023 xếp thứ 4). Trong 5 năm trở lại đây, bình quân tỷ lệ đậu tốt nghiệp THPT của học sinh nhà trường đạt trên 99% (Năm 2023 đạt tỷ lệ 100%), đậu đại học đạt trên 80%, nhiều học sinh đậu đại học mức trên 27 điểm; nhiều học sinh đạt thủ khoa đại học tại các trường trong cả nước (trong đó có 02 em đạt điểm tuyệt đối 30/30 điểm), có 6 học sinh đạt giải nhất, nhì cấp quốc gia.

Trải qua gần 60 năm xây dựng và trưởng thành, Trường THPT Yên Định 1 được các cấp, ngành tặng nhiều phần thưởng cao quý, như: Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhì, Huân chương Lao động hạng Ba; năm 2015, trường được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhất, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bằng khen của UBND tỉnh, Cờ thi đua của UBND tỉnh, danh hiệu là đơn vị điển hình tiên tiến của giáo dục toàn quốc.

Trường có diện tích 18.345m2, bình quân mỗi học sinh là 9,05m2. Nhà trường có 52 phòng học, diện tích mỗi phòng là 55 - 70m2; Mỗi phòng học được trang bị đầy đủ bóng đèn, quạt trần, quạt tường, bàn ghế, tất cả các phòng học đều được trang bị TV 65 inch. Hệ thống phòng học đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường có 02 phòng thực hành (01 phòng học bộ môn Hóa - Sinh, 01 phòng học bộ môn Vật lý - Công nghệ); 06 phòng họp bộ môn cho 6 tổ; 01 phòng nghe nhìn môn Tiếng Anh; 01 phòng học bộ môn Âm nhạc; 01 phòng học bộ môn Mỹ thuật; 02 phòng học bộ môn Ngoại ngữ; 03 phòng bộ môn Tin học; phòng học tin có 24 máy được kết nối mạng internet phục vụ cho giáo viên và học sinh giảng dạy, học tập. Nhà trường có đầy đủ khu sân chơi, bãi tập, dụng cụ thể thao ngoài trời…Các phòng học, phòng bộ môn, các phòng chức năng, trang thiết bị dạy học đáp ứng tốt với điều kiện giảng dạy và học tập cho giáo viên và học sinh. Hàng năm, Nhà trường duy trì gần 50 lớp, với hơn 2.000 học sinh. Năm 2012 trường được công nhận chuẩn quốc gia mức độ 1.

Năm 2023, nhà trường được đầu tư xây dựng thêm dãy nhà 3 tầng, khu phòng học bộ môn, phòng chức năng, xây mới hệ thống tường rào, xây dựng khuôn viên, bổ sung bàn ghế học sinh, trang thiết bị dạy học... Tháng 7/2023 được công nhận đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 và được UBND tỉnh công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 về việc công nhận và cấp Bằng công nhận Trường Trung học phổ thông Yên Định 1, huyện Yên Định đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

*(2) Trường THPT Yên Định 2:* Được thành lập ngày 25/7/1972. Hiện nay nhà trường có tổng số 68 cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động (BGH 3, giáo viên 61 và nhân viên 4). Trình độ chuẩn 100%, trình độ thạc sỹ đạt 32,4%; có 09 cán bộ giáo viên có trình độ trung cấp lý luận chính trị, 35 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp tỉnh. Chất lượng giáo dục luôn đứng trong tốp đầu của tỉnh. Trong 5 năm trở lại đây, tỷ lệ đậu tốt nghiệp THPT bình quân của học sinh đạt trên 97% (năm 2023 đạt tỷ lệ 100%), đậu đại học đạt trên 80%, nhiều học sinh đậu ĐH mức trên 27 điểm. Năm 2023, điểm trung bình tốt nghiệp xếp thứ 13 trong số 133 đơn vị dự thi toàn tỉnh, tăng 26 bậc so với thứ hạng đầu vào lớp 10; Có 01 học sinh thủ khoa cấp tỉnh Ban khoa học tự nhiên; 20 học sinh có môn thi đạt điểm 10; 47 học sinh đạt 27 điểm trở lên theo khối thi Đại học.

Trải qua hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành, Trường THPT Yên Định 2 được các cấp, ngành tặng nhiều phần thưởng cao quý, như: Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2012) và nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND tỉnh.

Trường có diện tích là 25.850 m2, bình quân mỗi học sinh là 23,09 m2, có 21 phòng học; 09 phòng bộ môn; 03 phòng thiết bị; 03 phòng vi tính; 01 phòng thư viện; 01 phòng tư vấn học đường; 01 phòng truyền thống; 01 Nhà hiệu bộ (12 phòng làm việc); 01 Nhà thi đấu đa năng; 1300 m2 sân chơi bãi tập; 01 Sân bóng rổ; 02 sân bóng chuyền; 03 sân cầu lông, được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học đảm bảo cho việc dạy và học.

Trong những năm qua Trường đã được đầu tư, nâng cấp, cải tạo nhiều hạng mục như: Nhà đa năng, phòng học bộ môn, phòng chức năng, các công trình phụ trợ…). Đến tháng 7/2023, Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 và được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 tại Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 08/7/2024.

*(3) Trường THPT Yên Định 3:* Được thành lập năm 1997. Nhà trường có 54 cán bộ giáo viên, nhân viên (BGH 03, GV 47, Nhân viên 04). Số giáo viên, nhân viên đạt chuẩn 45/54, đạt 83,33%, trên chuẩn 09/54, đạt 16,67%. Số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh là 10 người, có 05 giáo viên có trình độ trung cấp lý luận chính trị. Trải qua gần 30 năm xây dựng và trưởng thành, với sự cố gắng nỗ lực không ngừng, những năm gần đây chất lượng giáo dục nhà trường có nhiều chuyển biến tích cực; chất lượng mũi nhọn được nâng lên, đứng trong tốp khá các trường THPT vùng đồng bằng trung du, chất lượng đại trà được duy trì, tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp đạt 99% trở lên (Năm 2023 đạt 99,7%). Năm học 2023-2024, trong kỳ thi HSG các môn văn hóa đạt 34 giải HSG cấp tỉnh (gồm 11 giải nhì, 10 giải Ba và 13 giải Khuyến khích); Nhà trường được xếp thứ 38/100 trường. Nhiều năm liền, trường được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Liên đoàn Lao động tỉnh tặng Bằng khen.

Trường có diện tích là 17.840 m2, hàng năm trường duy trì từ 22 lớp, với hơn 900 học sinh, bình quân mỗi học sinh là 19,82m2; gồm khu phòng học, phòng học bộ môn, khu hiệu bộ - hành chính, khuôn viên nhà trường, nhà đa năng và sân tập thể dục, thể thao. Trường được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2018 theo Quyết định số 4485/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Từ năm 2018 đến nay, nhà trường được quan tâm đầu tư nâng cấp khu hiệu bộ, các phòng bộ môn, xây dựng thư viện, sửa chữa khuôn viên, nhà đa năng,…Đến tháng 7/2024, trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 và được UBND tỉnh Thanh Hóa công nhận lại đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 tại Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 08/7/2024.

(*4) Trường THCS&THPT Thống Nhất*: Được thành lập tháng 6 năm 2000. Hiện nay trường có tổng số 56 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tỷ lệ đạt chuẩn 96%, trong đó, trên chuẩn 26%; có 08 cán bộ giáo viên có trình độ trung cấp lý luận chính trị, 09 người được công nhận giáo viên giỏi cấp tỉnh.

Hàng năm, trường duy trì từ 12-13 lớp với hơn 500 học sinh. Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn của nhà trường đang từng bước được khẳng định. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp luôn đạt trên 98%, tỷ lệ học sinh đỗ Đại học, Cao đẳng luôn đạt trên 68%, nhiều học sinh đỗ trường tốp đầu, có học sinh đạt 28,75 điểm, được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tặng Giấy khen. 03 năm học liên tiếp (2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024), Trường đều có điểm trung bình thi tốt nghiệp trong tốp 20 trường THPT của tỉnh Thanh Hóa. Tỷ lệ học sinh có học lực khá, giỏi đạt 75,05%, trong đó có 22% học lực xuất sắc; tỷ lệ hạnh kiểm tốt đạt 93,76%. Năm học 2023 - 2024, đạt 22 giải xếp thứ 57 toàn tỉnh, có 01 giải Nhất, 03 giải Nhì, 05 giải Ba và 13 giải Khuyến khích, trong đó môn Lịch Sử xếp thứ 2 toàn tỉnh (1 nhất, 1 nhì, 2 ba,1 khuyến khích).

Nhà trường nhiều năm liên tục được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, được tặng Bằng khen của bộ Giáo dục và Đào tạo, Bằng khen của UBND tỉnh. Năm 2011 được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động Hạng Ba.

Về qui mô: Trường có diện tích là 42.600 m2, bình quân mỗi học sinh là 84,86 m2; 28 phòng học kiên cố, 06 phòng chức năng, 01 khu hiệu bộ, 01 nhà đa năng, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu; sân chơi, sân bãi tập TDTT đảm bảo các điều kiện tổ chức các hoạt động dạy học. Cảnh quan khuôn viên nhà trường đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Tháng 11/2020, Trường được UBND tỉnh Thanh Hóa công nhận lại đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 tại Quyết định số 4672/QĐ-UBND ngày 02/11/2020. Từ năm 2020 đến nay, nhà trường được quan tâm đầu tư nâng cấp khu hiệu bộ, các phòng bộ môn, xây dựng thư viện, sửa chữa khuôn viên, nhà đa năng…

*\* Chỉ tiêu 5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1, hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên địa bàn.*

Trung tâm GDNN-GDTX huyện Yên Định được thành lập năm 2018, trên cơ sở sáp nhập giữa Trung tâm GDKTTH-HN huyện Yên Định và Trung tâm Dạy nghề huyện Yên Định *(theo Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa).* Trung tâm có 27 cán bộ, giáo viên và nhân viên; trong đó: 04 người trong Ban giám đốc, 22 giáo viên và 01 nhân viên. Trình độ đạt chuẩn 23/27, bằng 85,19%, trên chuẩn 04/27, bằng 14,81%. Trình độ cao cấp Lý luận chính trị 01 người, trình độ trung cấp lý luận chính trị 04 người.

Trong những năm qua, đặc biệt là 5 năm gần đây, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Yên Định từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng và vị thế đối với ngành Giáo dục thường xuyên tỉnh Thanh Hóa; đã xây dựng được đội ngũ đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ; nhiều giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, chiến sĩ thi đua cơ sở; học sinh giỏi cấp tỉnh được duy trì trong tốp 5 của khối Giáo dục thường xuyên (Năm 2023 xếp thứ 4 toàn tỉnh); tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT đạt 93% trở lên (Năm học 2022 - 2023 có 173/174 em đậu tốt nghiệp, đạt 99,43%). Tỷ lệ xét và đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng năm sau luôn cao hơn năm trước; chất lượng giáo dục toàn diện ổn định và phát triển. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Yên Định nhiều năm được các cấp khen thưởng.

Trung tâm có diện tích 14.000 m2; có 20 lớp với 901 học sinh; bình quân mỗi học sinh là 15,54m2. Cơ sở vật chất nhà trường gồm khu hành chính, hiệu bộ, khu phòng lý thuyết, phòng thực hành, thư viện và các phòng chức năng, phòng phụ trợ (gồm có 38 phòng kiên cố với 4 dãy nhà tầng và 01 dãy cấp 4 kiên cố) đáp ứng tốt nhu cầu dạy, học. Trung tâm có khuôn viên riêng biệt, xanh, sạch, đẹp và an toàn.

Tháng 5/2024, Trung tâm được kiểm định chất lượng giáo dục và đã được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 tại Quyết định số 879/QĐ-SGDĐT ngày 28/6/2024.

***c. Đánh giá: Đạt.***

**8.6. Tiêu chí số 6 - Kinh tế**

***a. Yêu cầu của tiêu chí***

*- Chỉ tiêu 6.1. Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ.*

*- Chỉ tiêu 6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiến tiến.*

*- Chỉ tiêu 6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định (đạt).*

*- Chỉ tiêu 6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả.*

*- Chỉ tiêu 6.5. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.*

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

*\* Chỉ tiêu 6.1.Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ.*

Theo Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quy hoạch vùng huyện Yên Định, trên địa bàn huyện Yên Định có 01 khu CN và 09 CCN được quy hoạch, trong đó có 01 CCN được UBND tỉnh Quyết định thành lập và có chủ đầu tư hạ tầng cụm là CCN thị trấn Quán Lào, cụ thể:

Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào được UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 14/5/2019, được điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 5382/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa; với Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam, có diện tích 72,96 ha, tổng mức đầu tư 899,84 tỷ đồng. Hiện nay, đã hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, được Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa kiểm tra và ra thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình tại văn bản số 8092/SXD-QLCL ngày 17/11/2023; được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thanh Hóa chấp thuận nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy tại văn bản số 64/NT-PCCC ngày 24/5/2023; được UBND tỉnh cấp giấy phép môi trường số 85/GP-UBND ngày 24/7/2023.

Đến nay, cụm công nghiệp đã thu hút được 07 dự án sản xuất (05 nhà đầu tư nước ngoài), với tổng mức đầu tư 4.461,7 tỷ đồng (192 triệu USD); Quy mô lao động 35,9 nghìn người (hiện nay đã tuyển dụng 20,8 nghìn lao động); tỷ lệ lấp đầy đạt 94,5%.

*\* Chỉ tiêu 6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiến tiến.*

Thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045; Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề án phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa; UBND huyện Yên Định đã chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy mô lớn theo chuỗi giá trị, phù hợp với thế mạnh của địa phương.

Trên cơ sở danh mục các sản phẩm chủ lực của tỉnh được UBND tỉnh ban hành, UBND huyện Yên Định đã ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 về Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực huyện Yên Định, gồm: Các sản phẩm lúa, gạo; ngô; sản phẩm mía đường; cây ăn quả; cây ớt, rau màu các loại; thịt lợn; Thịt và trứng gia cầm.

Đến nay, trên địa bàn huyện Yên Định đã hình thành các vùng sản xuất các loại cây, con chủ lực tại 26 xã, thị trấn; được Cục Bảo vệ thực vật cấp 39 mã số vùng trồng ớt xuất khẩu (24 mã xuất khẩu đi thị trường Trung Quốc và 15 mã đi thị trường Malaysia) trên địa bàn 09 xã, thị trấn, với tổng diện tích 123,69 ha; Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa cấp 09 mã số vùng trồng nội địa, với tổng diện tích 47,83 ha (02 mã vùng trồng lúa 20 ha, 04 mã vùng trồng ớt 10,03 ha; 01 mã vùng trồng Bí 2,5 ha; 01 mã vùng trồng Dưa cải Lê 5,3 ha và 01 mã vùng trồng Bưởi 10 ha). Cụ thể như sau:

*- Vùng nguyên liệu tập trung đối với sản phẩm chủ lực lúa, gạo:* Tổng diện tích các vùng nguyên liệu lúa tập trung trên địa bàn huyện 16.000 ha/năm nằm trên địa bàn của 26 xã, thị trấn. Toàn bộ diện tích sản xuất lúa đều áp dụng cơ giới hoá đồng bộ từ khâu làm mạ khay, cấy máy đến khâu thu hoạch; Áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, tiết kiệm nước, có 30 ha lúa sản xuất lúa theo hướng hữu cơ đạt chứng nhận VietGAP tại các xã Định Long 10 ha, Định Tiến 10 ha, thị trấn Quý Lộc 10 ha. Đến nay, toàn huyện đã được cấp 02 mã số vùng trồng lúa (Định Long 10 ha, Định Tiến 10 ha), cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ đáp ứng nhu cầu sản xuất và cơ giới hóa. Đường giao thông trục chính, đường giao thông nội đồng, trong vùng nguyên liệu sản xuất được kết nối thống suốt với hệ thống giao thông của xã, của huyện tạo nên hệ thống giao thông đồng bộ, việc vận chuyển vật tư nông nghiệp và các sản phẩm sản xuất trên địa bàn được thuận lợi; Hệ thống kênh mương nội đồng đầu tư đồng bộ đảm bảo tưới, tiêu cho 97% diện tích.

Toàn huyện đã xây dựng được 15 cơ sở sản xuất mạ khay; đáp ứng cho trên 35% diện tích trên địa bàn huyện; 07 lò sấy nông sản, công suất 15 tấn/lò/mẻ sấy; 03 hệ thống kho lạnh bảo quản nông sản, dung tích 600 tấn, đáp ứng sấy cho toàn bộ diện tích sản xuất lúa giống, lúa thương phẩm có liên kết và một số diện tích của các hộ dân (trên 2.000 ha/năm). Xây dựng được 3 cơ sở với 7 đội bay phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái, phục vụ trên 5.000 ha/năm cây trồng các loại. Có sản phẩm gạo Hưng Phúc (xã Định Tiến) được chứng nhận sản phẩm OCOP 03 sao.

*- Vùng nguyên liệu tập trung đối với sản phẩm chủ lực cây Ớt:* Tổng diện tích gieo trồng cây ớt hàng năm trên địa bàn huyện trên 1.000 ha. Toàn bộ diện tích ớt hàng năm được các HTX DV nông nghiệp các xã, thị trấn ký hợp đồng liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm với Công ty TNHH Huy Hân. Đến nay, vùng nguyên liệu tập trung đối với cây ớt đã được Cục Bảo vệ thực vật cấp 39 mã số vùng trồng ớt xuất khẩu (24 mã xuất khẩu đi thị trường Trung Quốc và 15 mã đi thị trường Malaysia) trên địa bàn 09 xã, thị trấn, với tổng diện tích 123,69 ha. Toàn bộ hạ tầng trong khu sản xuất ớt được đầu tư đồng bộ, kết nối với các tuyền đường giao thông trên địa bàn huyện đáp ứng nhu cầu thu mua và vận chuyển ớt.

*- Vùng nguyên liệu tập trung đối với sản phẩm chủ lực cây mía:* Tổng diện tích cây mía toàn huyện 367 ha, nằm trên địa bàn 11 xã, thị trấn. Toàn bộ diện tích mía được Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm với các chủ hợp đồng; 250 ha được áp dụng cơ giới hoá đồng bộ từ khâu nhân giống đến khâu thu hoạch; 200 ha được áp dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm. Toàn bộ hạ tầng trong khu sản xuất mía được đầu tư đồng bộ, kết nối với các tuyền đường giao thông trên địa bàn huyện đáp ứng nhu cầu thu mua và vận chuyển mía nguyên liệu.

*- Vùng nguyên liệu tập trung đối với sản phẩm chủ lực cây ăn quả:* Huyện Yên Định đã hình thành 05 vùng sản xuất cây ăn quả tập trung tại 16 xã, thị trấn, với tổng diện tích trên 900 ha (trong đó cây Bưởi các loại 298 ha); Toàn huyện được cấp 01 mã vùng trồng cây ăn quả (Cây Bưởi 10 ha tại xã Yên Trường); có 52,4 ha cây Bưởi được sản xuất đạt chứng nhận VietGAP.

Hạ tầng vùng sản xuất cây ăn quả đã được đầu tư đồng bộ, trong năm 2022 đã đầu tư 01 công trình hạ tầng đường giao thông vào 01 vùng trồng cây ăn quả tại xã Yên Ninh tổng kinh phí trên 05 tỷ đồng; năm 2023, đầu tư 02 công trình hạ tầng đường giao thông vào 02 vùng trồng cây ăn quả (tại 02 xã Yên Trường, Yên Phú), với kinh phí trên 10 tỷ đồng; năm 2024, đầu tư 02 công trình hạ tầng đường giao thông vào 02 vùng trồng cây ăn quả (tại xã Yên Tâm và thị trấn Yên Lâm), với kinh phí trên 10 tỷ đồng, giúp giao thương thuận lợi giữa các khu sản xuất.

*- Vùng nguyên liệu tập trung đối với sản phẩm chủ lực rau, củ, quả*: Tổng diện tích sản xuất rau, củ, quả an toàn trên địa bàn huyện đến nay là 79 ha (tại các xã, thị trấn: Yên Phú, TT Quý Lộc, Định Tân, Yên Hùng, Yên Thái, TT Quán Lào, Yên Trường, Định Long, Định Bình, Định Hưng); toàn bộ diện tích được áp dụng hệ thống tưới nước tiên tiến, tiết kiệm và sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP; được đầu tư xâu dựng hạ tầng đường giao thông và hạ tầng kênh tưới tiêu nội đồng trong vùng sản xuất. Toàn huyện có 8,2 ha diện tích sản xuất rau, dưa, hoa trong nhà màng, nhà lưới. Các sản phẩm dưa vàng tại các xã Định Hòa đã được công nhận sản phẩm OCOP 3 sao. Hiện nay, hạ tầng trong vùng sản xuất rau an toàn đã được đầu tư, kết nối với các trục đường giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo giao thương thuận lợi.

*- Vùng chăn nuôi tập trung:* Trên địa bàn huyện có 89 trang trại chăn nuôi (*theo Thông tư 02/TT-BNNPTNT*); trong đó, 01 trang trại bò sữa, 21 trang trại lợn và 67 trang trại chăn nuôi gà. Năm 2022, đã đầu tư hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung xã Yên Trường (quy mô 60.000 con gà/lứa) với mức hỗ trợ trên 02 tỷ đồng. Năm 2024, đã đầu tư hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung xã Định Hòa (quy mô 60.000 con gà/lứa) với mức hỗ trỗ trợ trên 02 tỷ đồng. Hiện nay, các vùng chăn nuôi tập trung đã được đầu tư chuồng trại có hệ thống chuồng kín, điều hòa độ ẩm, máng ăn, máng uống tự động và áp dụng quy trình sản xuất VietGAHP trong chăn nuôi.

*\* Chỉ tiêu 6.3.Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định (đạt).*

Chợ Bản xã Định Long đạt tiêu chí chợ hạng 2 và đạt tiêu chuẩn Chợ ATTP theo QCVN 02-30:2018/BNNPTNT tại Quyết định số 2283/QĐCN - IQC - HCC, do Công ty CP chứng nhận và giám định IQC cấp ngày 20/5/2020 và được Sở Công thương thẩm định duy trì tiêu chí tại Thông báo số 3169/TB-SCT ngày 08/11/2023 về kết quả kiểm tra công tác duy trì chợ kinh doanh thực phẩm theo TCVN 11856:2017 đối với chợ Bản, xã Định Long, huyện Yên Định.

- Về thiết kế: Chợ Bản xã Định Long là chợ hạng 02, gồm 120 hộ kinh doanh cố định; phục vụ nhu cầu mua bán của người dân trong huyện; Hệ thống chiếu sáng trong và ngoài chợ; Vệ sinh môi trường: Nước thải được gom tập trung và đưa về Khu xử lý nước thải của huyện; rác thải hàng ngày được Công ty cổ phần XDMT Xanh - Sạch - Đẹp Thành Tâm thu gom về điểm tập kết rác; nhà vệ sinh được tách biệt các khu vực khác; Hệ thống PCCC đảm bảo, hàng năm đều được kiểm tra, bảo dưỡng; Các điểm kinh doanh tại chợ: bao gồm quầy hàng, sạp hàng, ki-ốt, cửa hàng được bố trí cố định trong phạm vi chợ theo thiết kế xây dựng chợ, có diện tích quy chuẩn tối thiểu là 6 - 9m2/điểm (Tiêu chuẩn 3m2).

- Về bố trí không gian trong chợ: Đảm bảo tiêu chuẩn về chợ gồm Nhà chợ chính, Chợ phụ, khu vực điều hành, khu vệ sinh, khu cấp nước, sử lý nước thải; Các khu vực kinh doanh được thiết kế bố trí, sắp xếp thuận lợi cho việc kinh doanh. Khu vực kinh doanh thực phẩm được sắp xếp tại khu nhà chợ phụ được chia thành các khu vực kinh doanh riêng biệt gồm: Khu vực kinh doanh thực phẩm động vật (thịt lợn, thịt gà…); Khu vực kinh doanh thuỷ hải sản; Khu vực kinh doanh rau, củ, quả; Khu vực kinh doanh dịch vụ ăn uống; Khu vực kinh doanh thực phẩm chín; Khu vực kinh doanh thực phẩm khác; các khu vực kinh doanh được ngăn cách bằng đường đi đảm bảo an toàn thực phẩm. Không có khu giết mổ gia cầm trong chợ, khu bán gia cầm được tách riêng biệt.

- Về các hộ kinh doanh trong chợ: Các quầy kiot đều có biển quầy; được trang bị thùng rác có nắp đậy, cuối ngày được thu gom sạch sẽ; Các hộ kinh doanh đều thực hiện nghiêm việc bày bán cách ly thực phẩm chín để tránh gây lây nhiễm chéo bằng thiết bị, dụng cụ bảo quản phù hợp; Sản phẩm thực phẩm không để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng có khả năng gây mất an toàn thực phẩm; ít hoặc không kinh doanh phụ gia thực phẩm, các chất tẩy rửa, chất độc trong chợ; các quầy bán hàng đều được kê cao đúng quy đinh; thực phẩm kinh doanh đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm.

- Các cơ sở kinh doanh sản phẩm từ động vật; thủy sản tươi sống; rau củ quả; thực phẩm chín đều tuân thủ đúng các quy định về an toàn thực phẩm, các hộ được ban quản lý chợ và các cơ quan quản lý nhà nước thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở nên việc chấp hành các quy định về ATTP đảm bảo đúng quy định.

- Về tổ chức quản lý chợ: Doanh nghiệp đầu tư, quản lý vận hành đúng theo quy định và nội quy của chợ.

*\* Chỉ tiêu 6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả.*

- Xác định các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP là nội dung quan trọng để phát triển ngành nông nghiệp; thời gian qua, huyện Yên Định đã ban hành nhiều Chương trình, Nghị quyết, Kế hoạch liên quan để chỉ đạo, khuyến khích hỗ trợ phát triển, cụ thể:

+ Chương trình số 01/CTr-HU ngày 14/7/2021 của Huyện uỷ Yên Định về Chương trình Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng NTM, giai đoạn 2021-2025.

+ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, ngày 21/7/2021 ban hành Nghị quyết hỗ trợ chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM năm 2021.

+ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND, ngày 21/12/2021 ban hành Nghị quyết hỗ trợ Chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển đô thị và xây dựng NTM trên địa bàn huyện năm 2022.

+ Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 về bổ sung, điều chỉnh nội dung hỗ trợ kinh phí Chương trình phát triển nông nghiệp, phát triển đô thị và xây dựng NTM của huyện năm 2022.

+ Nghị quyết số 189/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về thông qua Kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng NTM, đô thị văn minh và xây dựng sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện Yên Định năm 2023.

+ Kế hoạch số 105/KH-UBND, ngày 26/7/2021 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025.

+ Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 15/9/2021 của UBND huyện về việc thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) huyện Yên Định, giai đoạn 2021 - 2025.

+ Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện Yên Định về Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2024.

- Kết quả triển khai và thực hiện Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện đến thời điểm đề nghị thẩm định.

+ Tính đến hết tháng 7/2024, trên địa bàn huyện có 38 sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP hạng 3 sao (trong đó, UBND tỉnh công nhân 17 sản phẩm; UBND huyện Yên Định công nhận 21 sản phẩm), cụ thể: Nhóm thực phẩm có 31 sản phẩm, nhóm đồ uống có 5 sản phẩm, nhóm sản phẩm dược liệu có 02 sản phẩm.

+ Có 34 chủ thể có sản phẩm OCOP (trong đó có 04 Hợp tác xã, 03 Công ty, 01 Tổ hợp tác, 26 hộ gia đình), với 38 sản phẩm tham gia chu trình OCOP đạt 3 sao.

+ Các chủ thể có sản phẩm OCOP đã tạo công ăn việc làm cho hơn 170 lao động thường xuyên và 60 công nhân thời vụ, với mức thu nhập bình quân từ 5-6 triệu đồng/tháng

+ Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các chủ thể OCOP trong năm 2024, doanh thu ước đạt trên 75 tỷ đồng/năm.

*\* Chỉ tiêu 6.5. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.*

- Năm 2015: Huyện Yên Định chưa có điểm du lịch được công nhận; các thông tin, hình ảnh di tích lịch sử văn hóa, sản phẩm đặc trưng của huyện được quảng bá, giới thiệu thông qua trang thông tin điện tử của huyện và của xã.

- Từ năm 2018 đến nay, du lịch trong huyện bước đầu có những kết quả khởi sắc, hoạt động hiệu quả; một số khu, điểm du lịch được công nhận đã triển khai hoạt động và kinh doanh khai thác, đáp ứng nhu cầu khách du lịch trong và ngoài huyện. Với tiềm năng du lịch, huyện Yên Định đã được UBND tỉnh công nhận 05 điểm du lịch (Khu di tích Bác Hồ về thăm hợp tác xã Yên Trường, xã Yên Trường; khu di tích Núi và đền Đồng Cổ, xã Yên Thọ; di tích Điện Thừa Hoa và Từ đường Phúc Quang, xã Định Hòa; Phủ Cẩm, xã Định Công; Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Yên Trung, xã Yên Trung) gắn liền với các giá trị lịch sử, văn hoá của huyện và được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận 01 lễ hội (Lễ hội Trò Chiềng) là Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia, trở thành sản phẩm du lịch tâm linh, thu hút khách du lịch tham gia.

- Huyện đã xây dựng được chuyên mục du lịch trên trang thông tin điện tử của huyện <https://yendinh.thanhhoa.gov.vn/portal/Pages/dulichyendinh.aspx>***.*** Thông tin về điểm du lịch của huyện, các sản phẩm du lịch đặc trưng, tiêu biểu của các địa phương thường xuyên được cập nhật thông tin, tuyên truyền trên Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa; được giới thiệu trên nền tảng số (mã quét QR-Code, trên mạng xã hội facebook, Zalo: Facebook Văn hóa & Thông tin huyện Yên Định, trang du lịch Yên Định) và được kết nối với các trang du lịch “Du lịch Thanh Hóa - Hương sắc 4 mùa” của tỉnh.

Để hoạt động du lịch đi vào khai thác có hiệu quả, UBND huyện ban hành Đề án “*Phát triển du lịch gắn với phát huy các giá trị lịch sử, văn hoá huyện Yên Định giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030*”. Theo đó, huyện đã triển khai trình tự, thủ tục lập Dự án đầu tư tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích đền thờ Lê Đình Kiên, thị trấn Quán Lào và trình chủ trương tu bổ, tôn tạo, phục hồi, chống xuống cấp và phát huy giá trị các di tích phục vụ phát triển du lịch, bao gồm: Di tích Đình làng Ngọc Vực, xã Yên Thịnh, di tích Chiến khu Đa Ngọc, xã Yên Phú. Các cơ sở lưu trú du lịch cũng được quan tâm đầu tư, với trên 22 cơ sở lưu trú đạt chuẩn kinh doanh du lịch, với 50 phòng; quy mô từ 05-08 phòng/cơ sở lưu trú; *(Trong đó, 02 khách sạn xếp hạng 01 sao, 01 khu nghỉ dưỡng với 08 phòng đạt 3 sao);* khoảng 15 cơ sở phục vụ ăn uống có quy mô cỡ vừa phục vụ khách du lịch và một số điểm vui chơi giải trí, hệ thống cửa hàng mua sắm, chợ truyền thống. Bên cạnh đó, huyện đã chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng về văn hóa tâm linh *(như Lễ hội Trò Chiềng, lễ hội Kỳ phúc, Đền Đồng Cổ; lễ hội Phủ Cẩm; Lễ hội Phủ Nhì…)*; du lịch tìm hiểu cội nguồn và truyền thống cách mạng tại khu tưởng niệm Bác Hồ về thăm Hợp tác xã Yên Trường; du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp khám phá trải nghiệm làng du lịch Yên Trung và du lịch nông nghiệp gắn với phát triển các trang trại nông nghiệp công nghệ cao tại các xã: Định Hòa, Yên Thọ… Nhiều hoạt động du lịch được quan tâm tổ chức như: Công bố kết nối tour du lịch với các huyện trong tỉnh (như Thọ Xuân, Vĩnh Lộc, Cẩm Thủy) tại Làng du lịch Yên Trung - Đây là điều kiện thuận lợi cho huyện mở rộng liên kết để hình thành các tour, tuyến du lịch kết hợp lịch sử với văn hóa tâm linh, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và nằm trong hành lang các tour, tuyến du lịch quan trọng của tỉnh; phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thành công lễ hội Đền Đồng Cổ gắn với phát triển du lịch huyện Yên Định. Thông qua các hoạt động, nhằm tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá các điểm du lịch trên địa bàn huyện Yên Định đến với đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh. Kết quả, năm 2023 đón gần 35.000 lượt khách; 6 tháng đầu năm 2024 đón hơn 50.000 lượt khách tham quan (tăng 49,99% so với cùng kỳ 2023), trong đó Làng du lịch Yên Trung là điểm đến du lịch hấp dẫn, hàng năm thu hút từ 15.000 - 20.000 lượt khách trong và ngoài tỉnh đến thăm quan, nghỉ dưỡng và trải nghiệm.

***c. Đánh giá: Đạt.***

**8.7. Tiêu chí số 7 - Môi trường**

***a. Yêu cầu của tiêu chí***

*- Chỉ tiêu 7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định: ≥ 95%.*

*- Chỉ tiêu 7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: 100%.*

*- Chỉ tiêu 7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường: ≥ 80%.*

*- Chỉ tiêu 7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: ≥ 70%.*

*- Chỉ tiêu 7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp: ≥ 50%.*

*- Chỉ tiêu 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: ≥ 4m2./người.*

*- Chỉ tiêu 7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện: Đạt.*

*- Chỉ tiêu 7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: ≥ 85%.*

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

*\* Chỉ tiêu 7.1*. *Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định: ≥ 95%.*

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 32.567,71 tấn/năm, tổng khối lượng được thu gom, xử lý 32.263,14 tấn/năm đạt tỷ lệ 99,06%. Tổng số hộ dân thực hiện thực hiện thu gom rác về các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn là 46.302/46.302 hộ, đạt 100%.

+ Về thu gom rác thải sinh hoạt: Huyện Yên Định có 14 HTX và 02 Công ty Môi trường thu gom CTRSH từ các hộ dân đưa về các khu xử lý tập trung trên địa bàn để xử lý, với 08 xe ép và 11 xe tải, thùng phục vụ công tác thu gom vận chuyển CTRSH; quá trình thu gom, vận chuyển đảm bảo yêu cầu, đúng kỹ thuật quy định.

- Về xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Trên địa bàn huyện đang thực hiện theo 02 hình thức: (1) Lò đốt: có 05 lò đốt tại các xã: Định Công, Định Tân, Định Bình, Yên Lạc và thị trấn Quán Lào, hiện đang xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho 17 xã, thị trấn, công suất từ 8-100 tấn/ngày đêm (trong đó, có 01 lò tập trung tại thị trấn Quán Lào xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho 12 xã và thị trấn Quán Lào, các lò đốt còn lại quy mô cho từng xã). (2) Về bãi chôn lấp: có 09 vị trí chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt cho 9 xã, thị trấn vùng Yên.

- Chất thải rắn không nguy hại:

Tổng khối lượng chất thải không nguy hại phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 41.201,22 tấn/năm, tổng khối lượng được thu gom, xử lý 41.025,87 tấn/năm, đạt tỷ lệ 99,57%. Chất thải không nguy hại phát sinh chủ yếu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất và xây dựng; quy trình thu gom và xử lý cụ thể:

+ Chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh tại các cơ sở sản xuất kinh doanh tại Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào và 01 Nhà máy thuộc quy hoạch cụm Công nghiệp số 2 thị trấn Quán Lào (7.559,96 tấn/năm), tỷ lệ thu gom, xử lý 100%; được các cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

+ Chất thải rắn không nguy hại ngoài cụm Công nghiệp bao gồm:

/. Chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh tại các cơ sở sản xuất kinh doanh nằm ngoài cụm công nghiệp trên địa bàn huyện (phát sinh khoảng 20.587,6 tấn/năm); được các cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định hoặc tận dụng bán làm nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp (bột đá từ khai thác, chế biến đá).

/. Chất thải rắn phát sinh trong hoạt động chăn nuôi (phát sinh khoảng 12.378,05 tấn/năm); được các cơ sở chăn nuôi thu gom ủ thành phân bón cho cây trồng hoặc xử lý bằng hầm biogas sau đó hợp đồng với đơn vị mua bán phân bón phân khô.

/. Chất thải rắn hữu cơ phát sinh trong hoạt động trồng trọt (phát sinh khoảng 633,4 tấn/năm); được thu gom, tái sử dụng làm thức ăn cho vật nuôi và làm nguyên liệu trồng rau, làm meo nấm như: rơm rạ, thân chuối, thân mì hoặc được thu gom, tái chế làm phân bón.

/. Chất thải rắn xây dựng (phát sinh khoảng 598,38 tấn/năm, thu gom xử lý 589,2 tấn/năm đạt tỷ lệ 98,46%); được người dân tận dụng san nền và bán chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng.

*\* Chỉ tiêu 7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%.*

**-** Chất thải nguy hại trong sinh hoạt:Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt của các hộ gia đình, được người dân phân loại, đưa đến các thùng chứa chất thải nguy hại ở kho các nhà văn hóa thôn tập kết và đưa đi xử lý; hiện nay, các xã, thị trấn đã bố trí 174 thùng chứa chất thải nguy hại tại các nhà văn hóa thôn. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dântrong năm 2024 khoảng 3,26 tấn, UBND huyện đã hợp đồng với Công ty CP Môi trường Nghi Sơn để thu gom, xử lý theo quy định, với tần suất 1-2 lần/năm.

- Chất thải nguy hại phát sinh từbao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được người dân bỏ vào 3.080 thùng chứa bằng bê tông (dạng hình vuông hoặc tròn, cao khoảng 1m, rộng 60cm), có lót đáy và nắp đậy phía trên, do UBND các xã, thị trấn bố trí tại các xứ đồng; khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trong năm 2024 khoảng 1,25 tấn, UBND huyện Yên Định đã hợp đồng với Công ty CP Môi trường Nghi Sơn để thu gom, xử lý theo quy định, với tần suất 1-2 lần/năm.

- Chất thải nguy hại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh khoảng 881,56 tấn/năm được đơn vị hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định.

**-** Chất thải y tế nguy hại tại 26 trạm Y tế, Bệnh viện Đa khoa huyện, Bệnh viên Đa khoa Trí Đức Thành và Trung tâm y tế huyện phát sinh khoảng 16,6 tấn/năm, được thu gom, xử lý như sau: Đối với chất thải y tế từ các Trạm y tế các xã, thị trấn được vận chuyển về Trung tâm Y tế huyện, Trung tâm Y tế hợp đồng với Công ty CP Môi trường Nghi Sơn để thu gom, xử lý theo quy định; chất thải y tế từ các Bệnh viện vận chuyển về Bệnh viện Đa Khoa huyện Triệu Sơn để xử lý tại cụm số 4 theo quy định của UBND tỉnh.Chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế ngoài công lập phát sinh khoảng 6,3 tấn/năm được các cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định.

*\* Chỉ tiêu 7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường: ≥ 80%.*

Tổng khối lượng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp phát sinh trong quá trình quá trình sản xuất trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn huyện 531.755 tấn/năm (trong đó, chất thải chăn nuôi 416.815 tấn/năm; phụ phẩm nông nghiệp từ trồng trọt 114.940 tấn/năm); khối lượng chất thải được thu gom, xử lý, tái sử dụng 450.070 tấn/năm (trong đó, chất thải từ chăn nuôi 352.117 tấn/năm, các cơ sở chăn nuôi sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi, nhất là chăn nuôi gà, lợn, các sản phẩm phụ trong chăn nuôi được tái sử dụng chăm bón cho cây trồng; phụ phẩm trong nông nghiệp trồng trọt 97.953 tấn/năm được tái sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, cày, vùi, ủ làm phân bón),

Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường 450.070/531.755 tấn, đạt 84,6%.

\* *Chỉ tiêu 7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ≥ 70%.*

Từ năm 2020, UBND huyện đã tuyên truyền và hướng dẫn các hộ dân trên địa bàn huyện thực hiện công tác phân loại chất thải rắn tại nguồn. Trên cơ sở Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 3/2/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh; đồng thời, ban hành Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 06/4/2023 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn để triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện. Huyện đã xây dựng 04 bài truyền thanh; tổ chức tuyên truyền 15.000 phút về công tác phân loại tại nguồn, chống rác thải nhựa trên đài truyền thanh huyện, xã; treo 50 băng rôn tuyên truyền và 20 pano tại cơ quan, đơn vị; thực hiện truyền trên kênh facebook Thanh niên Yên Định; tổ chức thành công Lễ phát động ngày Môi trường thế giới (05/6), ngày Đại dương thế giới (08/6) với mục tiêu giảm thiểu rác thải nhựa với hơn 700 người tham dự và 15 xe diễu hành tuyên truyền trên địa bàn huyện.

Đến nay, tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn huyện là 36.490/46.302 hộ, đạt 78,81%. Các loại chất thải rắn được phân loại, xử lý cụ thể như sau:

- Đối với CTRSH hữu cơ: Từ năm 2020, UBND huyện đã phối hợp Trường Đại Học Hồng Đức và Sở Tài nguyên Môi trường Thanh Hóa thí điểm mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và ủ chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ thành phân hữu cơ tại thôn Tân Phong xã Định Tân với số hộ ban đầu tham gia 50 hộ/thôn; sau thành công của mô hình điểm, các mô hình đã được triển khai rộng rãi tại 26/26 xã, thị trấn của huyện theo hình thức: các hộ thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, đào hoặc xây hố tại vườn, đưa rác hữu cơ phân loại vào hố và sử dụng men vi sinh tự làm (bằng rỉ mật, sữa chua, các loại lá cây, cám…) để ủ rác, sau 35 - 40 ngày sẽ có thành phẩm là phân hữu cơ bón cho cây trồng. Nhằm khuyến khích nhân rộng mô hình, huyện đã thực hiện chính sách hỗ trợ 30 triệu đồng/mô hình/thôn để các xã, thị trấn hỗ trợ người dân khi thực hiện. Từ các mô hình được hỗ trợ, đến nay các xã đã nhân rộng và nâng tổng số hộ tham gia lên 14.300 hộ toàn huyện; các hộ còn lại tận dụng chất thải rắn hữu cơ cho chăn nuôi trong gia đình. Qua việc thực hiện phân loại và áp dụng mô hình xử lý tại hộ, lượng chất thải rắn hữu cơ được xử lý tại nguồn trên địa bàn huyện khoảng 15.394,23 tấn/năm.

- Đối với các loại CTRSH có thể tái chế, bán phế liệu: Ngoài việc phân loại tại hộ gia đình thì tại các khu vực như nhà văn hóa, công viên, các khu vui chơi công cộng chính quyền địa phương đều bố trí các thùng chứa để người dân bỏ các loại chai lọ nhựa, sắt thép vào thùng và tận dụng bán phế liệu, theo ước tính lượng chất thải nhựa được phân loại tại nguồn để tận dụng bán phế liệu hàng năm khoảng 1.546,97 tấn/năm.

- Đối với CTRNH (tỷ lệ phân loại đạt 100%): Mỗi hộ gia đình đều phân loại chất thải rắn nguy hại từ chất thải rắn sinh hoạt (pin, ác quy, thủy ngân hỏng, chai lọ tẩy rửa, rẻ lau dính dầu nhớt…) và định kỳ 01 ngày cố định trong tháng (do mỗi thôn quy định) đưa đến thùng chứa chất thải nguy hại đặt tại kho của nhà văn hóa thôn để tập kết. Hiện nay, có khoảng 174 thùng chứa chất thải nguy hại đặt tại kho của 149 nhà văn hóa thôn trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Các loại chất thải rắn khác và phần còn lại chưa được phân loại triệt để: Thu gom riêng trong thùng chứa và vận chuyển đến khu xử lý tập trung của địa phương, hàng năm khối lượng đưa đến khu các bãi rác khoảng 15.623,26 tấn/năm.

Trong thời gian tới, UBND huyện tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện việc phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; áp dụng các biện pháp xử lý chất thải rắn hữu cơ thành phân bón vi sinh thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu lượng rác thải phải thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý, đồng thời tiếp tục duy trì, nhân rộng các mô hình “Phân loại rác thải tại gia đình”.

*\* Chỉ tiêu 7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp:*

Sau khi được công nhận huyện NTM năm 2015, huyện Yên Định tập trung vận động các hộ dân, đặc biệt là các hộ có hoàn cảnh khó khăn, xa khu dân cư xây dựng bể tự hoại để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường. Đến năm 2024, trên địa bàn huyện đã có 46.302/46.302 (đạt 100%) hộ xây dựng bể tự hoại để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh đảm bảo phù hợp, hiệu quả, theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2155/BTNMT-TCMT ngày 27/4/2022 về việc hướng dẫn một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp giai đoạn 2021 - 2025. Ngoài nước thải từ các hộ gia đình được xử lý bằng hầm tự hoại (công trình thiết bị xử lý tại chỗ); nước rửa tay chân, rửa rau củ quả… phát sinh từ các hộ gia đình thì được dẫn vào các ao, hồ có trong hộ gia đình với khoảng 1.500 ao, hồ/26 xã, thị trấn, được xử lý thêm bằng các loài thủy sinh vật để cải thiện môi trường nước dễ áp dụng, đơn giản có tính khả thi cao, chi phí thấp phù hợp với đặc điểm và điều kiện kinh tế ở vùng nông thôn. Các ao, hồ sau khi được xử lý, cải tạo mang lại hiệu quả cao trong công tác bảo vệ môi trường nước ở khu vực nông thôn và nâng cao chất lượng cuộc sống, cảnh quan của người dân.

Trên địa bàn huyện Yên Định hiện đã đầu tư 01 công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo cụm, đặt tại khu vực Lý Yên, thị trấn Quán Lào với công suất 100m3/ngày đêm (áp dụng công nghệ AO) để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt cho khu dân cư khu phố Lý Yên và khu 4, thị trấn Quán Lào, diện tích xây dựng khoảng 500m2.

Công nghệ vận hành của hệ thống xử lý: Nước thải sinh hoạt từ hệ thống mương thoát nước của khu dân cư > Giếng tách + trạm bơm nước đầu vào > bể gom > Bể lắng cát, tách dầu mỡ > Bể điều hòa > bể thiếu khí > bể hiếu khí > bể lắng sinh học > bể khử trùng > hệ thống thoát nước khu vực *(xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt).*

*\* Chỉ tiêu 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: ≥ 4m2/người.*

Trong những năm qua, huyện Yên Định đã thực hiện nghiêm túc chủ trương của Trung ương, tỉnh về triển khai thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025, kết quả trồng cây xanh phân tán ở các năm, cụ thể như sau: năm 2019 trồng được 150.000 cây; năm 2020 là 153.000 cây; năm 2021 là 170.000 cây; năm 2022 là 210.000 cây; năm 2023 đlà 220.000 cây; 7 tháng đầu năm 2024, trồng được 140.860 cây.

Bên cạnh đó, các xã, thị trấn đã chủ động rà soát quỹ đất công cộng tại điểm dân cư nông thôn để trồng các loại cây bản địa, cây thân gỗ, đa mục đích như Bàng Đài Loan, Sao đen, Dổi, Lát...; các loại cây này vừa có giá trị về bảo vệ môi trường, cảnh quan vừa có giá trị kinh tế. Ngoài ra, vào mỗi dịp Lễ lớn của đất nước, của tỉnh, của huyện, các xã đồng loạt ra quân tổ chức phát động trồng cây, địa điểm trồng tập trung tại các khu vực công cộng tại các khuôn viên, các tuyến đường trục xã, đường liên thôn và đường ngõ xóm…để tạo các tuyến đường nhiều cây xanh 2 bên, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp góp phần xây dựng huyện NTM nâng cao.

Đến nay, diện tích cây xanh sử dụng công cộng tại các điểm dân cư nông thôn trên toàn huyện là 799.846m2; tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại các điểm dân cư nông thôn trên toàn huyện đạt 799.846m2/170.698 người = 4,69m2/người; tăng 0,89 m2/người so với khi huyện đạt chuẩn NTM năm 2015.

*\* Chỉ tiêu 7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện.*

Hiện nay, trên địa bàn huyện Yên Định không có làng nghề.

*\* Chỉ tiêu 7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ≥85%.*

Thực hiện Công văn số 5539/BTNMT-TCMT ngày 10/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 04/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa”, huyện Yên Định đã và đang triển khai nhiều giải pháp nhằm kiểm soát ô nhiễm do chất thải nhựa và túi ni lông khó phân hủy như: ban hành Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 29/1/2019 về phát động phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn huyện Yên Định; tổ chức lồng ghép các nội dung phòng, chống rác thải nhựa, hạn chế sử dụng túi nilong khó phân hủy tại các cửa hàng tiện lợi, chợ dân sinh; lồng ghép các nhiệm vụ giảm thiểu ô nhiễm rác thải nhựa, chống rác thải nhựa trong tuần lễ, sự kiện môi trường hằng năm như: ngày Đa dạng sinh học, ngày Môi trường thế giới (05/6), ngày Đại dương thế giới (08/6), Tháng hành động vì môi trường.

Tại mỗi địa phương, đều thành lập các tổ tự quản về môi trường. Nhiều mô hình thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa đã được triển khai có hiệu quả như: Mô hình phân loại rác thải tại nguồn; mô hình dùng giỏ xách đi chợ thay túi ni lông của Hội phụ nữ xã; mô hình sử dụng túi sinh học thay cho túi ni lông tại các cửa hàng bách hóa xanh...

Nhờ các hoạt động tuyên truyền, các mô hình, đến nay chất thải nhựa phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh, du lịch vui chơi giải trí và hoạt động sinh hoạt của người dân đã được thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định. Tổng khối lượng rác thải nhựa phát sinh trên địa huyện khoảng 1.711,37 tấn/năm. Tổng rác thải nhựa được thu gom, xử lý 1.701,95 tấn/năm, trong đó, khối lượng rác thải nhựa được người dân phân loại thu gom khoảng 1.668,46 tấn/năm; khối lượng người dân phân loại đưa về các khu xử lý tập trung khoảng 33,50 tấn/năm, tỷ lệ thu gom xử lý đạt 99,45%.

***c. Đánh giá:*** ***Đạt.***

**8.8. Tiêu chí số 8 - Chất lượng môi trường sống*.***

***a. Yêu cầu của tiêu chí***

*- Chỉ tiêu 8.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: ≥28%.*

*- Chỉ tiêu 8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥80 lít.*

*- Chỉ tiêu 8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ≥40%.*

*- Chỉ tiêu 8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường ≥ 1 mô hình.*

*- Chỉ tiêu 8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn (Đạt).*

*- Chỉ tiêu 8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (100%).*

*- Chỉ tiêu 8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (100%).*

*- Chỉ tiêu 8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện (không).*

*- Chỉ tiêu 8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh (Đạt).*

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

*\* Chỉ tiêu 8.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: ≥28%.*

Năm 2011, trên địa bàn huyện Yên Định các hộ dùng nước sạch tập trung chưa nhiều, do nhà máy nước sạch tập trung có quy mô, công suất nhỏ, chủ yếu mới đủ phục vụ cho Nhân dân thị trấn Quán Lào. Các hộ dân trên địa bàn huyện chủ yếu sử dụng hệ thống cấp nước nhỏ lẻ (giếng khoan, giếng đào và được xử lý qua hệ thống máy lọc nước RO…).

Năm 2015, mạng lưới đường ống nước của nhà máy nước sạch Quán Lào, nhà máy nước sạch Định Tường mới phủ được thị trấn Quán Lào và xã Định Tường. Tỷ lệ hộ dùng nước sạch tập trung toàn huyện mới đạt 6,87%. Khu vực nông thôn, đa số các hộ dân sử dụng hệ thống cấp nước nhỏ lẻ (giếng khoan, giếng đào và được xử lý qua hệ thống máy lọc nước RO…).

Hiện nay, trên địa bàn huyện Yen Định có 04 công ty và 01 tổ chức phục vụ cấp nước tập trung *(Công ty TNHH MTV Trường Tuấn; Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hoá; Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hoá; UBND xã Yên Trường; Công ty Cổ phần ShaKitô - Vũ),* với 06 nhà máy nước sạch, cụ thể:

Nhà máy nước sạch Quán Lào, do Công ty TNHH MTV Trường Tuấn quản lý, công suất thiết kế 2.500m³/ngày đêm, nhà máy đi vào hoạt động từ năm 2017; Nhà máy nước sạch Định Tường công suất thiết kế 1.500m³/ngày đêm, nhà máy đi vào hoạt động từ năm 2005; Nhà máy nước sạch xã Định Liên, do Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn quản lý, công suất thiết kế 1.600m³/ngày đêm, nhà máy đi vào hoạt động từ năm 2016; Nhà máy nước sạch xã Định Tân, do Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hoá quản lý công suất thiết kế 1.600m³/ngày đêm, nhà máy đi vào hoạt động từ năm 2019; Nhà máy nước sạch xã Yên Trường, công suất thiết kế là 720m³/ngày đêm, nhà máy đi vào hoạt động năm 2017; Nhà máy nước Sạch Quý Lộc công suất thiết kế 1600m³/ngày đêm, nhà máy đi vào hoạt động năm 2019. Hiện tại đảm bảo cung cấp nước sạch cho 26 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Đến nay, tổng số hộ dân sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đối với 26 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Yên Định là 26.882/46.302 hộ, đạt 58,1%, tăng 51,23% so với thời điểm công nhận huyện đạt chuẩn NTM năm 2015;trong đó, số hộ dân khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch từ công trình nước sạch tập trung là 18.675 hộ/36.157 hộ, đạt 51,6%.

*\* Chỉ tiêu 8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: ≥80 lít.*

06 nhà máy cung cấp nước sạch tập trung trên địa bàn huyện Yên Định cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân 86lít/người/ngày đêm; các công trình đang vận hành, khai thác đáp ứng đủ nước cho sinh hoạt của người dân, thời gian qua không xảy ra hiện tượng thiếu nước sạch sinh hoạt.

*\* Chỉ tiêu 8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: ≥ 40%.*

Hàng năm, các công ty luôn quan tâm đến việc duy tu, bảo trì, bảo dưỡng nhà máy, các mạng lưới tuyến đường ống tại các xã, thị trấn được kiểm tra thường xuyên, liên tục nên việc duy trì cấp nước sạch được thường xuyên cho các hộ trên địa bàn, số ngày mất nước trong năm gần như không có.

Chất lượng nước của nhà máy được đảm bảo đáp ứng theo quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của Bộ Y tế quy định. Các Công ty có cán bộ quản lý, vận hành có chuyên môn, năng lực quản lý phù hợp với quy mô công trình cấp nước.

Tại các xã, thị trấn đều đã thành lập tổ và phối hợp với các công ty quản lý công trình cấp nước để thực hiện công tác quản lý, vận hành, đảm bảo hoạt động hiệu quả và bền vững, phục vụ cho sinh hoạt của Nhân dân.

Đánh giá mức độ hoạt động bền vững của các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung của các tổ chức, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác, vận hành các công trình nước sạch tập trung đều hoạt động bền vững và đạt yêu cầu*.* Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vữngđối với 26 xã, thị trấn đạt 100% (06/06 công trình).

*\* Chỉ tiêu 8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường.*

Để kiểm soát và bảo vệ chất lượng nước mặt, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 về kế hoạch *k*iểm kê, kiểm soát, cải tạo và bảo vệ chất lượngnước mặt giai đoạn 2024 - 2025 huyện Yên Định. Theo đó, đã tập trung chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức thống kê, rà soát và xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, nạo vét, dọn vệ sinh hệ thống kênh, mương, ao hồ sinh thái trên địa bàn, phát động trồng các loại cây thủy trúc trên mặt hồ để cải tạo chất lượng nước, đồng thời tạo cảnh quanh xung quanh hồ, trở thành điểm sinh hoạt cộng đồng, vui chơi cho người dân trên địa bàn. Đến nay trên địa bàn huyện Yên Định có khoảng 105 ao, hồ được cải tạo, chỉnh trang cảnh quan về môi trường, xây dựng lan can quanh hồ, bố trí ghế đá, trồng cây xanh và các dụng cụ thể thao để phục vụ giải trí cho Nhân dân địa phương.

Về công trình xử lý nước mặt ao, hồ:UBND huyện Yên Định đã xây dựng công trình “Xử lý nước mặt và cải tạo cảnh quanh xung quanh hồ Quảng Trường Bà Triệu, thị trấn Quán Lào”; diện tích mặt hồ cải tạo 0,6 ha, nội dung: Lắp đặt bè thủy trúc mặt hồ (để lọc nước, hấp thụ các chất bẩn trong hồ) gồm: 3 cụm bè trúc, mỗi cụm gồm 5 bè đơn có kích thước 2,0x4,0m ghép lại với nhau, bố trí phân tán các vị trí trong hồ; phần đài phun nước: xây dựng 3 bộ đài phun nước tạo oxy cho nước mặt, sử dụng máy bơm phun tự động cùng với nguồn điện mặt trời, được lắp đặt các tấm pin năng lượng mặt trời trên hệ khung giàn bằng inox 304. Đây là một trong những điểm nhấn tạo cảnh quanh cho khu vực Quảng Trường Bà Triệu, đồng thời tạo không gian xanh - sạch - đẹp, thoáng mát phục vụ các hoạt động vui chơi, thể thao, giải trí cho người dân trên địa bàn.

*\* Chỉ tiêu 8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.*

Với mục tiêu năm 2024, Yên Định đạt chuẩn huyện NTM nâng cao; theo đó, ngay từ đầu nhiệm kỳ, huyện đã tập trung cao cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chỉnh trang cảnh quan, bảo vệ và giữ gìn môi trường. Qua đó, đã thay đổi được diện mạo nông thôn với đồng bộ người dân tham gia hưởng ứng. Công tác xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu được các cấp ủy chính quyền chỉ đạo thực với tinh thần trách nhiệm cao, chú trọng xây dựng cảnh quan môi trường đạt các tiêu chí về sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn. Tại các xã, thị trấn, việc trồng cây trên các tuyến đường là nhiệm vụ thường xuyên với chương trình *“Ngày chủ nhật xanh”.* Đến nay, tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã tổ chức tốt hoạt động thu gom rác thải, xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn. Thông qua phát động và tổ chức phong trào xây dựng *“Gia đình kiểu mẫu”, “Tổ Nhân dân kiểu mẫu”, “Tuyến đường kiểu mẫu”, “Tổ Nhân dân kiểu mẫu”*, toàn huyện có 762,48/775,92 km (đạt 98,26%) đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ..., 2.823/2.867km đường (98,46%) đảm bảo sạch đẹp; 39.980/46.302 hộ gia đình (đạt 86,31%) thực hiện chỉnh trang nhà ở, cải tạo vườn tạp và hàng rào cổng ngõ; có diện tích trồng cây xanh thực hiện cải tạo hàng rào có phủ xanh.

Thực hiện các mục tiêu về chiếu sáng, an toàn trên các tuyến đường giao thông, UBND các xã, thị trấn đã thực hiện vận động người dân đóng góp kinh phí để lắp đặt đèn chiếu sáng đảm bảo ánh sáng vào ban đêm, lắp đặt hoặc vận động người dân quay hướng camera để đảm bảo an ninh khu vực. Hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện thực hiện được 2.597/2.867 tuyến, đạt 90,58%, chiều dài hệ thống chiếu sáng thực hiện được 692,7/775,92 km, đạt 89,27%. Mỗi tuyến đường đều có ít nhất một camera an ninh do người dân trên tuyến đường trực tiếp sử dụng và quản lý.

*\* Chỉ tiêu 8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm:100%.*

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý, đảm bảo thực hiện tốt các quy định về an toàn thực phẩm. Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý 260 cơ sở (trong đó, ngành y tế quản lý 53 cơ sở, ngành công thương quản lý 179 cơ sở, ngành nông nghiệp quản lý 28 cơ sở); 260/260 cơ sở được cấp giấy an toàn thực phẩm, đạt 100%. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 260/260 cơ sở, đạt 100%.

*\* Chỉ tiêu 8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (100%).*

Huyện Yên Định có 27 cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản (26 cán bộ kiêm nhiệm cấp xã, 01 cán bộ kiêm nhiệm cấp huyện); hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý ngành, đạt 100%.

*\* Chỉ tiêu 8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện: không.*

Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện Yên Định được tập trung chỉ đạo và đạt được nhiều kết quả tích cực, nhiều năm liền không xảy ra các sự cố an toàn thực phẩm, các vụ ngộ độc thực phẩm tập thể đông người (trên 30 người). Từ năm 2020 đến nay, trên địa bàn huyện không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm do ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm hoặc các tình huống phát sinh do thực phẩm gây hại đến sức khỏe con người trong phạm vi quản lý của huyện.

*\* Chỉ tiêu 8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh*

UBND huyện Yên Định đã xây dựng mô hình thôn, xã thông minh tại xã Định Long và xã Định Hưng. Đến nay, các thôn và 2 xã đã thực hiện đạt chuẩn các chỉ tiêu yêu cầu về thôn xã thông minh, cụ thể như sau:

*(1) Tỷ lệ số thôn trong xã đạt mô hình thôn thông minh tối thiểu 25%*

Xã Định Long có 2/4 thôn, tỷ lệ 50% (thôn Tân Ngữ 1 và Tân Ngữ 2); xã Định Hưng có 4/4 thôn, tỷ lệ 100% (Duyên Hy, Đồng Tình, Hổ Thôn, Vệ Thôn), đã được Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa thẩm định đạt các yêu cầu thôn thông minh tại văn bản số 1455/STTTT-BCVT ngày 21/6/2024.

*- Tỷ lệ hộ gia đình trong thôn có lắp đặt Internet cáp quang đạt từ 80% trở lên.*

Trên địa bàn 6 thôn của 2 xã đều có các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Vinaphone, Viettel, MobiFone; đã lắp đặt các tuyến cáp quang đến 100% các hộ dân trong thôn, đảm bảo khả năng cung cấp dịch vụ tới 100% các khu dân cư, cụ thể:

+ Thôn Tân Ngữ 1: Có 311/340 hộ, đạt tỷ lệ 91,5%.

+ Thôn Tân Ngữ 2: Có 280/295 hộ, đạt 94,92%.

+ Thôn Duyên Hy: Có 448/533 hộ, đạt tỷ lệ 84%.

+ Thôn Hổ Thôn: Có 170/193hộ, đạt tỷ lệ 88%.

+ Thôn Đồng Tình: Có 305/360 hộ, đạt tỷ lệ 84,7%.

+ Thôn Vệ Thôn: Có 455/538 hộ, đạt tỷ lệ 84,5%.

*- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động của thôn có điện thoại thông minh đạt từ 80% trở lên.*

Tại 6/6 thôn trên địa bàn 2 xã, tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có điện thoại thông minh đều đạt tỷ lệ trên 90%, cụ thể:

+ Thôn Tân Ngữ 1: Có 586/602 người, đạt tỷ lệ 97,34%.

+ Thôn Tân Ngữ 2: Có 386/420 người, đạt tỷ lệ 91,9%.

+ Thôn Duyên Hy: Có 1227/1247 người, đạt tỷ lệ 98,39%.

+ Thôn Hổ Thôn: Có 510/518 người, đạt tỷ lệ 98,64%.

+ Thôn Đồng Tình: Có 809/824 người, đạt tỷ lệ 98,17%.

+ Thôn Vệ Thôn: Có 1.377/1.397 người, đạt tỷ lệ 98,56%.

*- Thôn có ứng dụng các nền tảng số để thực hiện công tác thông tin,  
truyên truyền trong thôn (Đạt).*

Tại 6 thôn đã thành lập các nhóm zalo, facebook Cộng đồng. Cán bộ trong các thôn đều sử dụng thành thạo các nền tảng số như zalo, fabook; thành thạo các kỹ năng cài đặt và kích hoạt định danh điện tử VneID; cài đặt tạo lập tài khoản App dùng chung của tỉnh (Thanhhoas) cho người dân/doanh nghiệp; cài đặt miễn phí ứng dụng bảo vệ người dân trên môi trường mạng; Tạo lập, cấp chữ ký điện tử miễn phí cho người dân; sử dụng tài khoản ngân hàng, dịch vụ công…

+ Thôn Tân Ngữ 1: Đã thành lập nhóm zalo, facebook Cộng đồng thôn Tân Ngữ 1, có địa chỉ: [*https://zalo.me/g/elpudf265*](https://zalo.me/g/elpudf265), nhóm fabook Làng Tân Ngữ xã Định Long, có địa chỉ:

[*https://www.facebook.com/share/HqxetD7BpDLTcpFb/?mibextid=A7sQZp*](https://www.facebook.com/share/HqxetD7BpDLTcpFb/?mibextid=A7sQZp)*.*

+ Thôn Tân Ngữ 2: Đã thiết lập kênh giao tiếp zalo giữa thôn và người dân tại địa chỉ: [*https://zalo.me/g/mzijwg855*](https://zalo.me/g/mzijwg855)*.*

+ Thôn Duyên Hy: Zalo Thôn Duyên Hy 4.0, có địa chỉ: *zalo.me/g/uiahzj554*; facebook tên Thôn Duyên Hy, xã Định Hưng có 1.333 thành viên, địa chỉ:

[*https://www.facebook.com/groups/182429130427803/?ref=share&mibextid=NSMWBT*](https://www.facebook.com/groups/182429130427803/?ref=share&mibextid=NSMWBT)

+ Thôn Hổ Thôn: Zalo Hổ Thôn có địa chỉ Z*alo.me/g/dvshzw931;* facebook tên Làng Hổ xã Định Hưng có địa chỉ:

[*https://www.facebook.com/groups/944135163538694/?ref=share&mibextid=NSMWBT*](https://www.facebook.com/groups/944135163538694/?ref=share&mibextid=NSMWBT)

+ Thôn Đồng Tình: Zalo nhóm tuyên Chuyển đổi số thôn Đồng Tình có địa chỉ: *zalo.me/g/pzddih942*; facebook tên thôn Đồng Tình xã Định Hưng địa chỉ:

<https://www.facebook.com/groups/1462265724513368/?ref=share&mibextid=NSMWBT>

+ Thôn Vệ Thôn: Nhóm Zalo có địa chỉ: zalo.me/g/fijeaq375; facebook tên Làng Vệ xã Định Hưng có địa chỉ: <https://www.facebook.com/groups/3076977792438099/?ref=share&mibextid=NSMWBT>

*- Có ít nhất 01 mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào một trong các lĩnh vực: An ninh trật tự; an toàn giao thông; sản xuất - kinh doanh; y tế; giáo dục; nông nghiệp; du lịch; năng lượng, chiếu sáng; môi trường; phát triển kinh tế - xã hội; phát triển thương hiệu, thị trường; truy xuất nguồn gốc sản phẩm.*

+ 6/6 thôn của 2 xã đã triển khai các ứng dụng và Mô hình như: Mô hình “3 KHÔNG”; Hệ thống camera an ninh; Ứng dụng Zalo từ cán bộ thôn đến người dân và các hộ trong thôn; Mã *Qr-code* giới thiệu về lịch sử, văn hóa của địa phương, giới thiệu bản đồ nông hóa thổ nhưỡng; Ứng dụng Thanh toán không dùng tiền mặt; Ứng dụng phòng họp trực tuyến (Mytivi một chiều); Ứng dụng hồ sơ sức khoẻ điện tử; Phần mềm quản lý lưu trú tại các nhà trọ, nhà nghỉ trên địa bàn thôn; phòng học thông minh.

+ Có nhiểu mô hình nổi trội về chuyển đổi số như: (1) Ứng dụng công nghệ số để truy xuất nguồn gốc, quảng bá sản phẩm OCOP, mô hình địa chỉ số có định vị Google maps đến thôn, mô hình thư viện nghe; (2) Sử dụng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng, khuyến cáo dinh dưỡng cây trồng được áp dụng hiệu quả trong nông nghiệp; (3) Mô hình tạo mã QR- code để giới thiệu về thôn, quản lý thông tin các hộ trên nền tảng bản đồ số Google maps; (4) Mô hình Camera an ninh tích hợp trên nền tảng ThanhHoa-S; (5) Mô hình ứng dụng phần mềm ASM khai báo lưu trú trên cổng thông tin.

*- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.*

Tại 6/6 thôn của 2 xã, tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản, cụ thể như sau:

+ Thôn Tân Ngữ 1: Có 429/602 người, đạt tỷ lệ 71,3%.

+ Thôn Tân Ngữ 2: Có 313/420 người, đạt tỷ lệ 74,5%.

+ Thôn Duyên Hy: Có 1.227/1.247 người, đạt tỷ lệ 98,39%.

+ Thôn Hổ Thôn: Có 510/518 người, đạt tỷ lệ 98,64%.

+ Thôn Đồng Tình: Có 809/824 người, đạt tỷ lệ 98,17%.

+ Thôn Vệ Thôn: Có 1.377/1.397 người, đạt tỷ lệ 98,56%.

*- Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động của thôn có tài khoản thanh toán  
điện tử đạt từ 80% trở lên.*

UBND xã Định Long, Định Hưng đã phối hợp với các ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Vietcombank, ViettinBank,…đến nhà văn hoá các thôn tuyên truyền vận động và mở tài khoản miễn phí cho người dân trong độ tuổi lao động, tạo mã quét QR-Code miễn phí cho các hộ kinh doanh buôn bán, cụ thể ở các thôn như sau:

+ Thôn Tân Ngữ 1: Có 535/602 người, đạt tỷ lệ 88,9%.

+ Thôn Tân Ngữ 2: Có 338/420 người, đạt tỷ lệ 80,5%.

+ Thôn Duyên Hy: Có 1035/1247 người, đạt tỷ lệ 82 %.

+ Thôn Hổ Thôn: Có 4.420/518 người, đạt tỷ lệ 81%.

+ Thôn Đồng Tình: Có 684/824 người, đạt tỷ lệ 83%.

+ Thôn Vệ Thôn: Có 1.120/1.398 người, đạt tỷ lệ 80,1%.

*- Thôn có hệ thống camera giám sát an ninh được lắp đặt trên các tuyến đường trục thôn và các điểm sinh hoạt cộng đồng của thôn (Đạt).*

6/6 thôn của 2 xã đều đã lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trên các tuyến đường trục thôn và các điểm sinh hoạt cộng đồng của thôn; thuận lợi cho việc nắm bắt tình hình an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, nâng cao ý thức của người dân. Hiện tại, mô hình Camera an ninh của thôn đã được tích hợp trên ứng dụng Thanhhoas: Thôn Tân Ngữ 1 có 26 mắt; Thôn Tân Ngữ 2 có 26 mắt; Thôn Duyên Hy có 162 mắt; Thôn Hổ Thôn có 81 mắt; Thôn Đồng Tình có 84 mắt;Thôn Vệ Thôn có 146 mắt,được trên các tuyến đường trục thôn và nhà văn hóa thôn.

*- Điểm sinh hoạt cộng đồng của thôn được lắp đặt wifi, máy tính kết nối Internet, hệ thống hội nghị trực tuyến (hoặc hội nghị truyền hình) kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến của xã (Đạt).*

6/6 thôn của 2 xã đã triển khai lắp đặt 100% hệ thống Wifi tại các điểm sinh hoạt cộng đồng của thôn như các nhà Văn hóa thôn, các khu di tích; Các nhà Văn hóa thôn đã được trang bị máy tính và hệ thống hội nghị trực tuyến một chiều kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến của xã.

*- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động của thôn có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt từ 80% trở lên.*

Tổng số chữ ký số và chữ ký điện tử cá nhân tại 6 thôn của 2 xã tính đến hết tháng 7 năm 2024, cụ thể:

+ Thôn Tân Ngữ 1: Có 497/602 người, đạt tỷ lệ 82,56%.

+ Thôn Tân Ngữ 2: Có 389/420 người, đạt tỷ lệ 92,62%.

+ Thôn Duyên Hy: Có 1011/1247 người, đạt tỷ lệ 81,1%.

+ Thôn Hổ Thôn: Có 424/518 người, đạt tỷ lệ 81,9%.

+ Thôn Đồng Tình: Có 674/824 người, đạt tỷ lệ 81,8%.

+ Thôn Vệ Thôn: Có 1.134/1.397 người, đạt tỷ lệ 81,2%.

*- Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh; cơ sở sản xuất, kinh doanh trong thôn chấp nhận thanh toán điện tử đạt 100% (Đạt).*

100% các hộ kinh doanh dịch vụ, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn 6 thôn của 2 xã chấp nhận thanh toán điện tử (có mã QR-code thanh toán không dùng tiền mặt), cụ thể:

+ Thôn Tân Ngữ 1: Có 26/26 hộ sản xuất, kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh, đạt 100%.

+ Thôn Tân Ngữ 2: Có 152/152 hộ sản xuất, kinh doanh; cơ sở sản xuất, kinh doanh chấp nhận thanh toán điện tử, đạt tỷ lệ 100%.

+ Thôn Duyên Hy: Có 86/86 hộ sản xuất, kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh, đạt 100%.

+ Thôn Hổ Thôn: Có 39/39 hộ sản xuất, kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh, đạt 100%.

+ Thôn Đồng Tình: Có 62/62 hộ sản xuất, kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh, đạt 100%.

+ Thôn Vệ Thôn: Có 61/61 hộ sản xuất, kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh, đạt 100%.

*(2) Tỷ lệ văn bản đến và văn bản đi của xã được xử lý trên môi trường  
mạng (trừ văn bản có tính mật) đạt 100%.*

- Cả 2 xã đã sử dụng có hiệu quả hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD-Office), hệ thống Cổng dịch vụ công và một cửa điện tử, sử dụng chữ ký số chuyên dùng...tạo thành hệ thống liên thông trong việc gửi, nhận và xử lý văn bản điện tử. 100% các văn bản được tạo lập, xử lý, ký số và phát hành trên môi truờng điện tử, tất cả đều được số hóa, lưu trữ, luân chuyển, xử lý trên phần mềm TD-Office *(trừ văn bản có tính mật)*.

- Trong 6 tháng đầu năm 2024 số lượng văn đến và văn bản đi của 2 xã được xử lý trên môi trường mạng như sau:

+ Tại xã Định Long: đã ban hành 727 văn bản đi và 1.928 văn bản đến.

+ Tại xã Định Hưng: đã ban hành 1.912 văn bản đi và 1.935 văn bản đến.

*(3) Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, xử lý trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đảm bảo chỉ tiêu được giao.*

- Cả 2 xã đã triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết đạt hiệu quả cao. Trong 6 tháng đầu năm, số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết tại 2 xã, cụ thể:

+ Xã Định Long: 208 hồ sơ, trong đó, có 76 hồ sơ một phần, 132 hồ sơ toàn trình, tỷ lệ 100%.

+ Xã Định Hưng: 459 hồ sơ, trong đó, có 320 hồ sơ một phần, 139 hồ sơ toàn trình, tỷ lệ 100%.

*(4) Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, xử lý trên hệ thống một cửa điện tử  
đạt 100%*

Trong 6 tháng đầu năm 2024, số lượng hồ sơ đã tiếp nhận , xử lý trên hệ thống một cửa điện tử của 2 xã: Định Long: 208 hồ sơ, tỷ lệ 100%; Định Hưng: 459 hồ sơ, tỷ lệ 100%.

*(5) Xã có phòng họp trực tuyến.*

Cả 2 xã có phòng họp trực tuyến kết nối liên thông 4 cấp (trong đó một chiều đến cấp thôn). Tại các nhà văn hóa thôn, UBND các xã lắp đặt hệ thống Mytivi một chiều đồng bộ, nhằm triển khai các nội dung cuộc họp đến các thôn khi cần thiết.

*(6) Xã có hệ thống camera giám sát tập trung để theo dõi phát hiện tại  
các điểm quan trọng trên địa bàn xã.*

- Tại xã Định Long: Toàn xã có 105 mắt/48 điểm lắp đặt Camera an ninh và được tích hợp trên ứng dụng ThanhHoas, phục vụ giám sát an ninh, trật tự kết hợp giao thông tại các điểm trọng yếu, điểm đen giao thông; tích hợp về phòng điều hành, giám sát của Công an xã.

- Tại xã Định Hưng: Toàn xã có 473 mắt/38 điểm lắp đặt Camera an ninh và được tích hợp trên ứng dụng ThanhHoas, phục vụ giám sát an ninh, trật tự kết hợp giao thông tại các điểm trọng yếu, điểm đen giao thông; tích hợp về phòng điều hành, giám sát của Công an xã.

*(7) Xã có sử dụng nền tảng số để chỉ đạo, điều hành từ cấp ủy và chính  
quyền xã đến 100% cán bộ thôn.*

Cả 2 xã đã sử dụng các nền tảng số để chỉ đạo, điều hành từ cấp ủy và chính quyền xã đến 100% cán bộ thôn như: các nhóm Zalo cho từng nhóm công việc, theo từng nhóm hồ sơ để đảm bảo trên môi trường mạng một cách nhanh chóng, thuận tiện. Cài đặt, tạo lập tài khoản App dùng chung của tỉnh Thanhhoa - S cho người dân/doanh nghiệp; cài đặt miễn phí ứng dụng bảo vệ người dân trên môi trường mạng.

*(8) Xã có hệ thống Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.*

Tại 2 xã đã có hệ thống Đài Truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin-Viễn thông, đáp ứng đầy đủ quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về Quản lý Đài Truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT - Viễn thông.

*(9) Xã có hệ thống wifi công cộng tại trụ sở UBND xã, hội trường UBND xã, trạm y tế.*

Tại 2 xã đều có các điểm phát wifi công cộng tại các địa điểm quan trọng như UBND xã, hội trường UBND xã, trạm y tế, nhà Văn hoá thôn, trường học, hợp tác xã dịch vụ, điểm di tích,…thuận lợi truy cập internet phục vụ nhu cầu công việc của cán bộ công chức, viên chức, người dân.

*(10) Tỷ lệ sản phẩm OCOP của xã được gán tem truy xuất nguồn gốc  
nông sản và được đưa lên một trong các sàn thương mại điện tử  
(posmart.vn; voso.vn...) đạt 100%.*

Cả 2 xã đều có sản phẩm OCOP được gián tem truy xuất nguồn gốc và được đưa lên sàn thương mại điện tử, đạt tỷ lệ 100%.

- Tại xã Định Long: Có 01 sản phẩm Bánh lá răng bừa Nam Hương - được công nhận Ocop 3 sao (theo Quyết định 1035/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa). Địa chỉ quảng bá sản phẩm trên sàn posmart.vn:

<https://postmart.com.vn/home/Goods/index.html?goods_id=13357>

- Tại xã Định Hưng: Có 01 sản phẩm Nước uống đóng chai Fulllife - được công nhận OCOP 3 (theo Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá). Địa chỉ quảng bá trên sàn thương mại Posmart:

<https://postmart.com.vn/home/Goods/index.html?goods_id=10086>

*(11) Tỷ lệ các cơ sở y tế, giáo dục trên địa bàn xã sử dụng các phương  
thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí, dịch vụ y tế và  
các giao dịch khác 100%*

100% các trường Mầm non, Tiểu học, THCS; Trạm y tế trên địa bàn 2 xã đã sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí, dịch vụ y tế và các giao dịch khác, đạt 100%.

*(12) Tỷ lệ trụ sở cơ quan, tổ chức; các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội  
trong xã được gắn mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số đạt 100%*

Ngày 03/4/2023, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Văn bản số 1096/BTTTT-KHTC về việc tạm dừng triển khai gắn biển địa chỉ số, trong đó, Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo “Tạm dừng thực hiện việc thiết kế, sản xuất và gắn biển địa chỉ số tại địa phương cho đến khi Bộ Thông tin và Truyền thông có hướng dẫn mới thay thế hướng dẫn công tác gắn biển địa chỉ số đảm bảo tính khả thi và hiệu quả”.

***c. Đánh giá: Đạt.***

**8.9. Tiêu chí số 9 - An ninh, trật tự - Hành chính công**

***a. Yêu cầu của tiêu chí***

*- Chỉ tiêu 9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao.*

*- Chỉ tiêu số 9.2. Có dịch vụ công trực tuyến toàn trình (Đạt).*

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

*\* Chỉ tiêu 9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao.*

Hằng năm, Huyện ủy, UBND huyện Yên Định đều ban hành nghị quyết và kế hoạch về công tác an ninh, trật tự để chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội, UBND các xã, thị trấn căn cứ theo tình hình thực tế địa phương, chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc.

Đến nay, các xã, thị trấn của huyện Yên Định tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn, đạt và giữ vững tiêu chí 19.2 về an ninh trật tự trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng NTM.

Công an huyện Yên Định tổ chức quản lý, sử dụng biên chế đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Công an. Trong những năm qua, tập thể cán bộ, chiến sỹ Công an huyện Yên Định luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; chủ động triển khai đồng bộ, có hiệu quả biện pháp nghiệp vụ nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện Yên Định luôn được đảm bảo, giữ vững, không để xảy ra tình huống đột xuất, bất ngờ; các vụ việc, khiếu kiện và số vụ án, tội phạm hình sự năm sau giảm hơn so với năm trước.

- Tình hình khiếu kiện được giải quyết dứt điểm ngay từ cơ sở, không để gây phức tạp về an ninh trật tự. Tình hình trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo, không có đột biến về tội phạm và tụ điểm phức tạp, bức xúc về hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường và tệ nạn xã hội. Các loại tội phạm và tệ nạn xã hội được kiềm chế, không để xảy ra trọng án và tội phạm hoạt động theo ổ nhóm, tội phạm sử dụng vũ khí “nóng”.

- Tình hình tội phạm ma tuý được kiểm soát, đấu tranh ngăn chặn và có hiệu quả, không để hình thành các ổ nhóm, đường dây buôn bán vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy trên địa bàn.

- Tình hình trật tự an toàn giao thông được tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt; chủ động tham mưu cho Ban An toàn giao thông huyện kiến nghị, khắc phục xử lý các điểm đen về tai nạn giao thông, do đó tai nạn giao thông trên địa bàn huyện Yên Định được kiềm chế, giảm cả 3 tiêu chí: Số vụ, số người chết và số người bị thương.

- Hằng năm, có từ trên 96 % trở lên xã, thị trấn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an; 100% xã, phường, thị trấn phân loại “Khá” trở lên. Đến năm 2023: Toàn huyện có 26/26 (đạt 100%) xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an; 22/26 xã, thị trấn phân loại “Xuất sắc”, 04/26 xã, thị trấn phân loại “Khá’; không có xã trung bình và yếu theo Quyết định 510/QĐ-BCA-V05 ngày 20/01/2022 của Bộ Công an; Năm 2023, Huyện Yên Định đạt loại “Khá” và năm 2022 huyện Yên Định đạt loại “Xuất sắc” trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ theo Quyết định số 510/QĐ-BCA-V05 ngày 20/01/2022 của Bộ Công an.

+ Trên địa bàn 26/26 xã, thị trấn đều có mô hình “phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gắn với phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ hoạt động thường xuyên, hiệu quả”. Có 143 mô hình tự quản về ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả hiện có trên địa bàn, gồm: 19 mô hình “Camera với an ninh trật tự” tại các đơn vị: 01 mô hình “Dòng họ tự quản về ANTT; 03 Mô hình “trường học tự quản về ANTT”; 48 Mô hình “Tổ liên gia an toàn về PCCC” và 47 mô hình “điểm chữa cháy công cộng” tại 26/26 xã, thị trấn; 26 mô hình “Chung tay cảm hóa giáo dục người lầm lỗi tại địa bàn dân cư” tại 26/26 xã, thị trấn.

+ Lực lượng công an 26/26 xã, thị trấn đều là công an chính quy; bên cạnh đó, lực lượng công an viên bán chuyên trách sau khi kết thúc nhiệm vụ tiếp tục sử dụng vào công tác đảm bảo ANTT tại cơ sở luôn được quan tâm, củng cố, xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ đảm bảo hoạt động hiệu quả. Đặc biệt năm 2024, Cấp ủy, chính quyền từ huyện đến xã đã thực hiện tốt việc triển khai các văn bản có liên quan đến việc triển khai Luật lực lượng tham gia đảm bảo ANTT ở cơ sở từ đó thành lập được 149 Tổ bảo vệ ANTT tại cơ sở tại 149/149 thôn, khu phố trên địa bàn đi vào hoạt động theo đúng quy định của pháp luật. Từ đó góp phần giữ vững và nâng cao việc đảm bảo an ninh trật tự tại cơ sở. Hằng năm, việc tuyển chọn và công dân nhập ngũ đều đạt và vượt chỉ tiêu giao.

***\* Chỉ tiêu 9.2.*** *Có dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình (Đạt).*

*(1) Tại UBND huyện Yên Định:*

Năm 2023: Vượt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh đối với tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 87%; toàn trình đạt 80%).

+ Tiếp nhận trực tuyến một phần 866/905 hồ sơ, đạt tỷ lệ 95,69%.

+ Tiếp nhận trực tuyến toàn trình 1.738/1.746 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,54%.

- Quý I năm 2024: Vượt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh đối với tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 90%; toàn trình đạt 85%.

+ Tiếp nhận trực tuyến một phần 182/182 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%.

+ Tiếp nhận trực tuyến toàn trình 296/296 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%.

- Quý II năm 2024: Vượt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh đối với tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 90%; toàn trình đạt 85%.

+ Tiếp nhận trực tuyến một phần 247/247 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%.

+ Tiếp nhận trực tuyến toàn trình 504/504 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%.

*(2) Tại UBND cấp xã:* Có 26/26 đơn vị cấp xã (đạt 100%) có tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đảm bảo vượt chỉ tiêu được giao theo từng năm, cụ thể:

- Năm 2023: Vượt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh đối với tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 60%; toàn trình đạt 60%).

+ Tiếp nhận trực tuyến một phần 7.826/9.579 hồ sơ, tỷ lệ 81,7%.

+ Tiếp nhận trực tuyến toàn trình 8.076/8.135 hồ sơ, tỷ lệ đạt 99,27%.

- Quý I năm 2024: Vượt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh đối với tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 65%; toàn trình đạt 65%.

+ Tiếp nhận trực tuyến một phần 1.802/1.809 hồ sơ, tỷ lệ 99,6%.

+ Tiếp nhận trực tuyến toàn trình 2.360/2.361, tỷ lệ đạt 99,96%.

- Quý II năm 2024: Vượt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh đối với tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 65%; toàn trình đạt 65%.

+ Tiếp nhận trực tuyến một phần 1.506/1.506 hồ sơ, tỷ lệ 100%.

+ Tiếp nhận trực tuyến toàn trình 1.577/1.577, tỷ lệ đạt 100%.

***c. Đánh giá:*** ***Đạt.***

**9. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình xây dựng NTM**

Trong những năm qua huyện đã tập trung chỉ đạo các địa phương, trên cơ sở đa dạng hóa nguồn vốn huy động, xây dựng kế hoạch đầu tư các công trình theo thứ tự ưu tiên, hạn chế tối đa bố trí vốn cho dự án mới, dành vốn thanh toán nợ đọng XDCB, thực hiện thanh toán, giải ngân vốn theo khối lượng hoàn thành đảm bảo không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

Hiện nay, huyện Yên Định không để nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM nâng cao.

**10. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM**

**10.1. Mục tiêu chung**

Tiếp tục xây dựng NTM bền vững, nâng cao chất lượng các tiêu chí huyện NTM nâng cao; tập trung phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn; tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp với phát triển dịch vụ, du lịch theo quy hoạch; xây dựng nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp, đồng bộ và từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và hình thức sản xuất hợp lý, nhất là phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn theo chuỗi giá trị; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần Nhân dân được nâng cao, hướng đến xây dựng xã hội nông thôn yên bình, văn minh, giàu đẹp. Phấn đấu đến năm 2030, Yên Định là huyện NTM kiểu mẫu; huyện đạt đô thị loại IV và cơ bản hoàn thành các tiêu chí huyện trở thành Thị xã.

**10.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

***\* Về Kinh tế***

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 79 triệu đồng trở lên.

-Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm giữ ở mức 130.000 tấn.

- Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao năm 2025 tăng thêm 2.000 ha.

-Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 175 triệu đồng trở lên.

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn NTM nâng cao 100%.

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu 30% trở lên.

***\* Về Văn hóa - Xã hội***

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm đến 2025 đạt 100%.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số trên 98%.

-Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2025 giảm xuống dưới 0,5%.

***\* Về môi trường***

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch đến năm 2025 đạt 60% trở lên.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025 đạt 98% trở lên.

**II. KẾT LUẬN**

1. Về hồ sơ: Đảm bảo yêu cầu theo quy định.

2. Về số xã, thị trấn đạt chuẩn:

a. Về số xã đạt chuẩn NTM: 100% *(22/22 xã đạt chuẩn các tiểu chí xã NTM theo quy định tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 và Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa).*

b. Về số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 100% *(4/4 thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh theo quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh).*

3. Về kết quả thực hiện xây dựng NTM nâng cao: Có 11/22 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt 50% *(11/11 xã đạt chuẩn các tiêu chí xã NTM nâng cao theo quy định tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 và Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa).*

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn của các tiêu chí huyện NTM: Huyện Yên Định được công nhận đạt chuẩn NTM năm 2015, đến nay, 100% tiêu chí huyện NTM đều duy trì mức độ đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2020 và Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

5. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn của các tiêu chí huyện NTM nâng cao: Huyện Yên Định đạt chuẩn 9/9 tiêu chí huyện NTM nâng cao theo quy định tại Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2020 và Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

6. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản: Đến nay, huyện Yên Định không có nợ đọng trong xây dựng NTM nâng cao.

**III. KIẾN NGHỊ**

UBND tỉnh Thanh Hóa kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xem xét, tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận huyện Yên Định đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2024./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   |  | | --- | | - Bộ Nông nghiệp và PTNT;  - Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;  - T.Trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Các thành viên BCĐ tỉnh (2747-QĐ/TU, 2023);  - Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;  - Huyện ủy, UBND huyện Yên Định;  - Lưu: VT, PgNN. | | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Lê Đức Giang** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BIỂU 1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2024, HUYỆN YÊN ĐỊNH** | | | | | | |
| *(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /8/2024 của UBND Thanh Hóa)* | | | | | | |
| **TT** | **Tên tiêu chí** | **Nội dung tiêu chí** | **Chỉ tiêu** | **Kết quả thực hiện** | **Kết quả tự đánh giá của huyện** | **Kết quả thẩm tra của tỉnh** |
|
| 1 | Tiêu chí số 1 Quy hoạch | 1.1 Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn. | Đạt | UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 tại Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 03/11/2021. Trong đó bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn gắn với các khu thương mại, liên kết thuận lợi với khu vực sản xuất (theo Quyết định số 676/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) | Đạt | Đạt |
| 1.2 Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt | ≥01 công trình | Đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông từ ĐT.518 xã Yên Tâm đi ĐT.516B thị trấn Thống Nhất (từ ngã ba Yên Tâm đi ngã ba sân vận động thị trấn Thống Nhất), huyện Yên Định; Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Cầu , Đường nối QL.45 (xã Định Liên) đi QL.47B (xã Yên Trường)Yên Hoành đến đường tránh phía Nam Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định (giai đoạn 2); Đường nối TL.516C với xã Định Công đi xã Thiệu Quang , Khu di tích Bác Hồ về thăm Yên Trường, Điện Thừa Hoa và Từ Đường Phúc Quang, Trường Liên cấp 01 trường Nôben, Hồ khu 2 TT Quán Lào, Khu dân cư mới Định Hưng | Đạt | Đạt |
| 2 | Tiêu chí số 2 Giao thông | 2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm | Đạt | Trên địa bàn huyện Yên Định có 01 tuyến đường cao tốc với tổng chiều dài là 3,7km; 02 tuyến Quốc lộ đi qua (QL.45; QL.47B) với tổng chiều dài 22,3km; 09 tuyến đường tỉnh, với tổng chiều dài là 146,3km. Các tuyến đường Quốc lộ, đường tỉnh đều đã được cứng hóa, 100% mặt đường bê tông nhựa hoặc láng nhựa; 17 tuyến đường huyện với tổng chiều dài là 54,18km gồm các tuyến: Đường Định Hòa - Định Tiến (3,95km); Đường từ Định Bình - Định Liên (đường tránh phía Bắc TT.Quán Lào) (4,65km); Đường Định Hưng - Định Hải (1,7km); Đường SVĐ Quán Lào đi Định Tăng (3,2km); Tuyến tránh QL45 vào Cụm CN phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào (6,2km); Đường nối QL45 với TL516D (đường qua UBDN xã Định Long) (1,2km); Đường Yên Thái - Yên Ninh (3,5km); Đường Yên Trường - Yên Hùng (2,2km); Đường nối QL47B vào khu di tích Bác Hồ (0,6km); Đường Yên Trường - Yên Trung - Yên Thọ (5,8km); Đường Yên Bái - Yên Phú (1,6km); Đường Quý Lộc - Yên Lâm (0,8km); Đường Yên Tâm - Yên Phú (2,5km); Đường từ cầu Trắng, Yên Tâm đi Yên Lâm (5,78km); Đường Yên Tâm - TT. Thống Nhất (3,3km); Đường TT Thống Nhất - Yên Giang (4km); Đường Yên Lâm đi Cao Thịnh, Ngọc Lặc (3,2km) tất cả các tuyến đường đều được cứng hóa 100%, hàng năm được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hàng năm | Đạt | Đạt |
| Tiêu chí số 2 Giao thông | 2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch | 100% | Tỷ lệ đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 54,2/54,2km (100%). Các tuyến đường đều có biển báo, biển chỉ dẫn giao thông; tại các vị trí nút giao của tuyến đường đấu đều được làm gồ, gờ giảm tốc đảm bảo quy định | Đạt | Đạt |
| 2.3 Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường | ≥50% | Tổng chiều dài các tuyến đường huyện 36km/54,2km, đạt 68% được trồng cây xanh dọc tuyến đường. | Đạt | Đạt |
| 2.4 Bến xe khách tại huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên | ≥01 | Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2040, Quy hoạch vùng huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 và Quy hoạch chung thị trấn Quán Lào đến năm 2035, bến xe thị trấn Quán Lào được quy hoạch tại vị trí mới đạt tiêu chuẩn loại II (diện tích khoảng 4,3ha) và dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030. Bến xe khách Quán Lào (thị trấn Quán Lào) được công bố đưa vào khai thác tại Quyết định số 1007/QĐ-SGTVT ngày 03/10/2017 của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải Thanh Hóa đạt quy chuẩn Bến xe khách loại IV với chủ đầu tư là Công ty TNHH Minh Quang. Hiện nay, Công ty đang thực hiện cải tạo, nâng cấp các hạng mục và hoàn thiện các thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận đạt quy chuẩn bến xe khách loại III (dự kiến hoàn thành trong tháng 7/2024). | ≥01 | ≥05 |
| 3 | Tiêu chí số 3 Thủy lợi và phòng chống thiên tai | 3.1 Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch. | Đạt | Hệ thống tưới trên địa bàn huyện được lấy nước từ hệ thống Kênh Bắc Cửa Đạt, hệ thống kênh WB7 được cấp nước từ Hồ Chứa nước Cửa Đạt với 214,6 km kênh chính, kênh dẫn do Công ty thủy nông Nam sông Mã quản lý và 730,07 km kênh nội đồng, được cấp từ nguồn cấp nước tự chảy của hệ thống kênh Bắc thuộc dự án kênh tưới hồ chứa nước Cửa Đặt và một số từ hệ thống sông Cầu Chày; Sông Mã, Sông Hép được dẫn qua hệ thống kênh cấp I,II, III, và cống để điều tiết đến mặt ruộng; Một số diện tích khó tưới bằng hệ thống tự chảy sẽ vận hành bằng các trạm bơm tưới do các công ty quản lý thủy nông và tổ chức khai thác thủy lợi địa phương quản lý đảm bảo tưới cho toàn bộ diện tích đất canh tác hàng năm trên địa bàn huyện; đảm bảo tưới cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp 97,3% (tăng 14,53%so với thời điểm công nhận huyện đạt chuẩn NTM). | Đạt | Đạt |
| 3.2 Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm tại chỗ | Đạt | Huyện đã thành lập Ban Chỉ huy PCTT&TKCN, có phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão theo phương châm “4 tại chỗ” được phê duyệt theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai. Nội dung phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại, đánh giá được 95 điểm, đạt mức: Tốt | Đạt | Đạt |
| 4 | Tiêu chí số 4 Điện | Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống | Đạt | Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống- 100% các đơn vị hành chính trên địa bàn huyện Yên Định đã đạt tiêu chí về điện. Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện xã. | Đạt | Đạt |
| 5 | Tiêu chí số 5 về Y tế - Giáo dục - Giáo dục | 5.1. Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn | Đạt | Trung tâm Y tế huyện Yên Định đơn vị y tế chức năng dự phòng, khám bệnh, thực hiện công tác dân số; Trung tâm được đầu tư xây dựng khang trang, cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh; Trên cơ sở báo cáo kèm theo bảng kiểm của Trung tâm y tế theo hướng dẫn của Sở Y tế, đánh giá Trung tâm y tế huyện Yên Định đạt chuẩn | Đạt | Đạt |
| 5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã | Đạt | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện đã đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa, thể thao kết nối các xã hiệu quả theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/10/2010 quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh | Đạt | Đạt |
| 5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 trở lên | ≥60% | Huyện Yên Định có 04 trường cấp THPT, đến nay có 04/04 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt tỉ lệ 100%; trong đó có 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (THPT Yên Định 1), cụ thể:  + Trường THPT Yên Định 1: Trường được UBND tỉnh công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 04/7/2024; + Trường THPT Yên Định 2: Trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 tại Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 08/7/2024.  + Trường THPT Yên Định 3: Trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 08/7/2024.  + Trường THCS & THPT Thống Nhất: Trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số Quyết định số 4672/QĐ-UBND ngày 02/11/2020. | Đạt | Đạt |
| 5.4. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1, hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên địa bàn | Đạt | Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đã được đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục về các thiết chế giáo dục đã được kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2. | Đạt | Đạt |
| 6 | Tiêu chí số 6 về Kinh tế | 6.1 Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn | Đạt | Trên địa bàn huyện có Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào được UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 và được điều chỉnh một số nội dung tại các Quyết định số 5382/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 và Quyết định số 18/12/2022, với Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam, diện tích 72,96 ha, tổng mức đầu tư 899,84 tỷ đồng. Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào đã hoàn thiện kết cấu hạ tầng, được Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa kiểm tra và ra thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình tại văn bản số 8092/SXD-QLCL ngày 17/11/2023; được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thanh Hóa chấp thuận nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy tại văn bản số 64/NT-PCCC ngày 24/5/2023; được UBND tỉnh cấp giấy phép môi trường số 85/GP-UBND ngày 24/7/2023Đến nay, Cụm công nghiệp đã thu hút được 07 dự án sản xuất (01 nhà đầu tư trong nước và 04 nhà đầu tư FDI) với tổng mức đầu tư 4.461,7 tỷ đồng (192 triệu USD); Quy mô lao động 35,9 nghìn người (hiện nay đã tuyển dụng 20,8 nghìn lao động); tỷ lệ lấp đầy đạt 94,5%. | Đạt | Đạt |
| 6.2 Có mô hình Chợ đảm bảo ATTP theo hướng dẫn | Đạt | Chợ Hạ Mã xã Định Hưng đủ tiêu chuẩn Chợ hạng 3 và đạt tiêu chí Chợ ATTP | Đạt | Đạt |
| 6.3 Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện | Đạt | Tại Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045; Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Đề án phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hoá; trên cơ sở các sản phẩm chủ lực của tỉnh, huyện Yên Định lựa chọn phát triển một số sản phẩm chủ lực như: Lúa, gạo; sản phẩm mía đường; thịt lợn, thịt và trứng gia cầm; sản phẩm rau, quả,...Từ việc xác định sản phẩm chủ lực, huyện Yên Định đã quy hoạch xây dựng vùng sản xuất cho sản phẩm chủ lực | Đạt | Đạt |
| 6.4 Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoặc đơn vị chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả | Đạt | Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Yên Định được thành lập theo Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Yên Định trên cơ sở sáp nhập 3 trạm: Trạm Khuyến nông (trực thuộc UBND huyện), Trạm Thú y và Trạm Bảo vệ thực vật (trực thuộc Sở Nông nghiệp&PTNT) về UBND huyện quản lý. Hàng năm Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp ban hành quy chế phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng thành viên. Từ khi thành lập đến nay Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện đảm bảo thực hiện hoàn thành đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định. | Đạt | Đạt |
| 7 | Tiêu chí số 7 về Môi trường | 7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng phát sinh | Đạt | Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn toàn huyện: 32.567,71 tấn/năm; Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý là 32.262,87 tấn/năm, đạt tỷ lệ 99,06%( trong đó khu vực nông thôn là 23.902,87 tấn/năm, tỷ lệ thu gom xử lý đạt 99,28%; khu vực thành thị là 8360 tấn/năm, tỷ lệ thu gom đạt 98,45%). Có 26/26 xã, thị trấn đã thực hiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại;  + Tỷ lệ chất thải rắn không nguy hại-chất thải rắn công nghiệp thông thường (trong và ngoài cụm CN), chất thải xây dựng, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi) được thu gom, xử lý: toàn huyện phát sinh 41.201,22 tấn/năm, khối lượng được thu gom, xử lý là 41.025,81 tấn/năm, tỷ lệ thu gom đạt 99,57% (đối với khu vực nông thôn là 10.888,97/10.942,17 tấn/năm đạt 98,43%; khu vực thành thị là 30.136,9/30.259,05 tấn/năm đạt tỷ lệ 99,6%, các hình thức xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng, tận dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc ủ làm phân nông nghiệp, san lấp mặt bằng hoặc làm nguyên liệu sản xuất khác.  + Xử lý bằng hình thức chôn lấp: hiện nay trên địa bàn huyện đang thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo 02 hình thức: lò đốt rác và bãi chôn lấp, về lò đốt: có 05 lò đốt tại các xã: Định Công, Định Tân, Định Bình, Yên Lạc và TT Quán Lào hiện đang xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho 17 xã, thị trấn, công suất từ 8-100 tấn/ngày đêm; về bãi chôn lấp: có 09 vị trí chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt cho 9 xã, thị trấn vùng Yên gồm Yên Trung, Yên Hùng, Yên Thịnh, Yên Phú, Yên Lâm, Yên Tâm, Thống Nhất, Yên Thọ và Quý Lộc, các bãi chôn lấp đều do UBND các xã tự đầu tư, quản lý và vận hành, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đưa đến các bãi chôn lấp cần xử lý khoảng 5610,46/15.475,76 tấn/năm (khối lượng sau khi được phân loại, tỷ lệ chôn lấp trực tiếp chiếm 36,25%. | Đạt | Đạt |
| 7.2 Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn | ≥40% | Tổng số hộ gia đình tham gia thực hiện phân loại CTR tại nguồn trên địa bàn toàn huyện (bao gồm 22 xã và 04 thị trấn) là: 36 490/46 302 hộ tham gia, đạt 78,81% (khu vực nông thôn là 28 566/36 157 hộ, đạt 79,01%; khu vực thành thị là 7924/10 145 hộ, đạt 78,11%) theo hình thức hướng dẫn cho các hộ dân phân loại phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành 04 loại: chất thải rắn hữu cơ tận dụng ủ phân hữu cơ hoặc làm thức ăn chăn nuôi; chất thải tái chế để tái sử dụng hoặc bán phế liệu; chất thải nguy hại thu gom riêng và hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý; chất thải khác vận chuyển đến khu xử lý tập trung | Đạt | Đạt |
| 7.3 Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên | ≥01 mô hình | Trên địa bàn có 01 mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp: “Mô hình phân loại và áp dụng biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ thành phân bón vi sinh”. Các hộ dân trên địa bàn huyện đã tích cực hưởng ứng tham gia, mô hình đã và đang hoạt động có hiệu quả góp phần phân loại và xử lý rác thải rắn tại nguồn, với hơn 52 tấn rác thải sinh hoạt hữu cơ/năm được xử lý thành phân bón vi sinh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tăng thêm nguồn phân bón vi sinh cho cây trồng trên địa bàn huyện. | Đạt | Đạt |
| 7.4 Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp | ≥01 công trình | Trên địa bàn huyện đã đầu tư 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại khu phố Lý Yên, Thị trấn Quán Lào với quy mô, công suất 100 m3/ ngày đêm, phục vụ xử lý nước thải sinh hoạt cho khu dân cư khu phố Lý Yên và khu 4 Thị trấn Quán Lào, diện tích đầu tư xây dựng khoảng 500 m2; áp dụng công nghệ sinh học kết hợp lý hóa để xử lý nước thải sinh hoạt cho khu dân cư, hệ thống bể bao gồm: Giếng tách + trạm bơm nước thải đầu vào; bể thu gom; bể lắng cát, tách dầu mỡ; bể điều hoà; bể thiếu khí; bể hiếu khí; bể lắng sinh học; bể khử trùng; bể chứa bùn để xử lý nước đảm bảo quy chuẩn trước khi thải ra môi trường; | Đạt | Đạt |
| 7.5 khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng quy định về BVMT, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu. | Đạt | Trên địa bàn huyện không có khu công nghiệp, làng nghề; Về cụm công nghiệp: Có quyết định thành lập 01 cụm công nghiệp TT Quán Lào: + Cụm công nghiệp Quán Lào đã được đầu tư hoàn thiện công trình hạ tầng và các công trình bảo vệ môi trường theo quy định, được UBND tỉnh cấp giấy phép môi trường, nghiệm thu công trình và đưa vào sử dụng, hiện có 03 nhà máy đang hoạt động trong cụm (trong đó 02 nhà máy thuộc quy hoạch cụm và 01 nhà máy hoạt động trong hạ tầng cụm), loại hình chủ yếu là may mặc và giầy xuất khẩu; tỷ lệ cây xanh của cụm  71 832,9 m2/716 896 m2 đạt 10,02%. | Đạt | Đạt |
| 7.6 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | ≥2m2/người | Diện tích đất cây xanh bình quân trên địa bàn huyện năm 2023 đạt 799846m2/170256 người, đạt 4,7m2/người. | Đạt | Đạt |
| 7.7 Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế theo quy định | ≥50% | Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn toàn huyện được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý là 1701,95/1711,37 tấn/năm, đạt 99,45% (khu vực nông thôn là 1265,91/1272,49 tấn/năm, đạt 99,48%, khu vực thành thị là 436,04/438,88 tấn/năm, đạt 99,35%). | Đạt | Đạt |
| 7.8 Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về BVMT theo quy định | 100% | CTRSH trên địa bàn huyện được các đơn vị thu gom từ các hộ dân và đưa về các bãi rác, khu lò đốt trên địa bàn các xã, thị trấn xử lý theo quy định. Hiện tại, huyện chưa xây dựng và bố trí các trạm trung chuyển cố định và không cố định. | Đạt | Đạt |
| 8 | Tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống | 8.1 Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung | ≥18% | Tổng số hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn huyện 26.882/46.302 hộ, đạt tỷ lệ 58,06%, trong đó: Khu vực Nông thôn (22/22 xã), tỷ lệ đạt 51,65%; Khu vực đô thị (04 thị trấn), tỷ lệ đạt 80,9%. | Đạt | Đạt |
| 8.2 Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững | ≥35% | Trên địa bàn huyện có 06 nhà máy nước sạch tập trung cung cấp lượng cho các xã, thị trấn, 100% công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững | Đạt | Đạt |
| 8.3 Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện | Đạt | UBND huyện Yên Định đã phê duyệt Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 6/2/2024 về ban hành Kế hoạch kiểm kê, kiểm soát, cải tạo và bảo vệ chất lượng nước mặt trên địa bàn huyện giai đoạn 2024-2025; các xã, thị trấn thực hiện cải tạo các ao, hồ sinh thái trên địa bàn (làm lan can, trồng sen, súng mặt hồ, bố trí dụng cụ thể thao, ghế đá, điện sáng..) để tạo điểm vui chơi, sinh hoạt cộng đồng cho nhân dân. | Đạt | Đạt |
| 8.4 Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn | Đạt | Tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã tổ chức tốt hoạt động thu gom rác thải, xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp. Thông qua phát động và tổ chức phong trào xây dựng “Gia đình kiểu mẫu”, “Tổ nhân dân kiểu mẫu”, “Tuyến đường kiểu mẫu”, “Tổ nhân dân kiểu mẫu” đến nay diện tích cây xanh trên toàn huyện 799.846 m2, đạt tỷ lệ 4,69; tỷ lệ hộ gia đình thực hiện chỉnh trang nhà ở, cải tạo vườn tạp, cải tạo hàng rào có phủ xanh đạt tỷ lệ 77,14 % (35.719/46.302 hộ); Hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện thực hiện được 574,53/755,3 km đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn, ngõ xóm được có hệ thống chiếu sáng, với tổng số 14.235 cột đèn, đạt tỷ lệ 76,06% . | Đạt | Đạt |
| 8.5 Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | 100% | Có 260/260 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | Đạt | Đạt |
| 9 | Tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị | 9.1 Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | Đạt | - Năm 2022 và 2023 Đảng bộ huyện Yên Định được Ban Thường vụ Tỉnh ủy xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ (Theo Thông báo số 963-TB/TU ngày 07/3/2023 và Thông báo sô 1412-TB/TU ngày 08/4/2024 của BTV Tỉnh ủy Thanh Hóa). - Năm 2022, UBND huyện Yên Định được UBND tỉnh xếp loại Hoàn thành tốt nhệm vụ (QĐ số 464/QĐ-UBND ngày 08/2/2023); Năm 2023, UBND huyện được UBND tỉnh xếp loại Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ (theo QĐ số 496/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh) | Đạt | Đạt |
| 9.2 Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt trở lên | 100% | Trong 5 năm, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội huyện luôn được cấp trên đánh giá, xếp loại chất lượng từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | Đạt | Đạt |
| 9.3 Trong 2 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự | Không | Trong 02 năm (2022 đến 2023) trên địa bàn huyện không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự | Đạt | Đạt |
| 9.4 Đảm bảo an ninh, trật tự | Đạt | Đạt - Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao qua từng năm | Đạt | Đạt |
| 9.5 Có dịch vụ công trực tuyến một phần | Đạt | \* Tại UBND huyện Yên Định: Năm 2023: Tiếp nhận trực tiếp một phần 866/905 hồ sơ, đạt 95,69%; Quý I năm 2024: Tiếp nhận rực tuyến một phần 182/182 hồ sơ, đạt 100%;  Quý II năm 2024: Tiếp nhận trực tuyến mọt phần 247/247 hồ sơ, đạt 100% \*Tại UBND cấp xã: có 26/26 đơn vị cấp xã (đạt 100%) có tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đảm bảo vượt chỉ tiêu được giao từng năm, cụ thể:  Năm 2023: Tiếp nhận trực tuyến một phần 7.826/9579 hồ sơ, đạt 81,7%  Quý I năm 2024: Tiếp nhận trực tuyến một phần 1.802/1.809 hồ sơ, đạt 99,6%. Quý II năm 2024: Tiếp nhận trực tuyến một phần 1.506/1.506 hồ sơ, đạt 100%. | Đạt | Đạt |
| 9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định | Đạt | Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 06/02/3024 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; Thông báo số 1412-TB/TU ngày 08/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về việc xếp loại tập thể và cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2023 đối với huyện Yên Định. | Đạt | Đạt |
| **Tổng cộng tiêu chí đạt** | | |  |  | **9** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BIỂU 2: TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI  NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2024, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA** | | | | | | |
| *(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /8/2024 của UBND Thanh Hóa)* | | | | | |  |
| **TT** | **Tên Tiêu chí** | **Nội dung Tiêu chí** | **Chỉ tiêu  đạt chuẩn** | **Kết quả thực hiện** | **Kết quả tự đánh giá của huyện** | **Kết quả thẩm tra của tỉnh** |
| 1 | Quy hoạch | 1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn | Đạt | Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn diện tích 72ha tại khu vực thị trấn Quán Lào phê duyệt tại Quy hoạch chi tiết tại Quyết định số: 3473/QĐ-UBND ngày 03/11/2021. Là cụm công nghiệp đa ngành về chế biến thủy sản, thực phẩm, dược phẩm, điện tử, may mặc, công nghiệp phụ trợ...và các ngành khác có liên quan, | Đạt | Đạt |
| 1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt | Đạt | Đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông từ ĐT.518 xã Yên Tâm đi ĐT.516B thị trấn Thống Nhất (từ ngã ba Yên Tâm đi ngã ba sân vận động thị trấn Thống Nhất), huyện Yên Định; Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Cầu , Đường nối QL.45 (xã Định Liên) đi QL.47B (xã Yên Trường)Yên Hoành đến đường tránh phía Nam Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định (giai đoạn 2); Đường nối TL.516C với xã Định Công đi xã Thiệu Quang , Khu di tích Bác Hồ về thăm Yên Trường, Điện Thừa Hoa và Từ Đường Phúc Quang, Trường Liên cấp 01 trường Nôben, Hồ khu 2 TT Quán Lào, Khu dân cư mới Định Hưng | Đạt | Đạt |
| 2 | Giao thông | 2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa | Đạt | Trên địa bàn huyện Yên Định có 01 tuyến đường cao tốc với tổng chiều dài là 3,7km; 02 tuyến Quốc lộ đi qua (QL.45; QL.47B) với tổng chiều dài 22,3km; 09 tuyến đường tỉnh, với tổng chiều dài là 146,3km. Các tuyến đường Quốc lộ, đường tỉnh đều đã được cứng hóa, 100% mặt đường bê tông nhựa hoặc láng nhựa; 17 tuyến đường huyện với tổng chiều dài là 54,18km gồm các tuyến: Đường Định Hòa - Định Tiến (3,95km); Đường từ Định Bình - Định Liên (đường tránh phía Bắc TT.Quán Lào) (4,65km); Đường Định Hưng - Định Hải (1,7km); Đường SVĐ Quán Lào đi Định Tăng (3,2km); Tuyến tránh QL45 vào Cụm CN phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào (6,2km); Đường nối QL45 với TL516D (đường qua UBDN xã Định Long) (1,2km); Đường Yên Thái - Yên Ninh (3,5km); Đường Yên Trường - Yên Hùng (2,2km); Đường nối QL47B vào khu di tích Bác Hồ (0,6km); Đường Yên Trường - Yên Trung - Yên Thọ (5,8km); Đường Yên Bái - Yên Phú (1,6km); Đường Quý Lộc - Yên Lâm (0,8km); Đường Yên Tâm - Yên Phú (2,5km); Đường từ cầu Trắng, Yên Tâm đi Yên Lâm (5,78km); Đường Yên Tâm - TT. Thống Nhất (3,3km); Đường TT Thống Nhất - Yên Giang (4km); Đường Yên Lâm đi Cao Thịnh, Ngọc Lặc (3,2km) tất cả các tuyến đường đều được cứng hóa 100%, hàng năm được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hàng năm | Đạt | Đạt |
| 2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,…), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp | 100% | Tỷ lệ đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 54,2/54,2km (100%). Các tuyến đường đều có biển báo, biển chỉ dẫn giao thông; tại các vị trí nút giao của tuyến đường đều được làm gồ, gờ giảm tốc đảm bảo quy định, tỷ lệ trồng cây xanh là36km/54,2km, đạt 68%. | Đạt | Đạt |
| 2.3. Bến xe khách tại huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên | ≥01 | Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2040, Quy hoạch vùng huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 và Quy hoạch chung thị trấn Quán Lào đến năm 2035, bến xe thị trấn Quán Lào được quy hoạch tại vị trí mới đạt tiêu chuẩn loại II (diện tích khoảng 4,3ha) và dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030. Bến xe khách Quán Lào (thị trấn Quán Lào) được công bố đưa vào khai thác tại Quyết định số 1007/QĐ-SGTVT ngày 03/10/2017 của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải Thanh Hóa đạt quy chuẩn Bến xe khách loại IV với chủ đầu tư là Công ty TNHH Minh Quang. Hiện nay, Công ty đang thực hiện cải tạo, nâng cấp các hạng mục và hoàn thiện các thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận đạt quy chuẩn bến xe khách loại III. | Đạt | Đạt |
| 3 | Thủy lợi và phòng, chống thiên tai | 3.1. Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp. | Đạt | Trên địa bàn có Công ty quản lý, khai thác hệ thống công trình thuỷ lợi liên xã là công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam sông Mã (Chi nhánh thủy nông Yên Định), hoạt động hiệu quả bền vững. Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số, đánh giá được 85 điểm tương đương mức tốt | Đạt | Đạt |
| 3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện | Đạt | Huyện Yên Định đã thực hiện kiểm kê, kiểm soát cá vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn; không để xảy ra vi phạm về nguồn nước xả thải vào các công trình thủy lợi trên địa bàn. | Đạt | Đạt |
| 3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | Khá | Huyện đã thành lập Ban Chỉ huy PCTT&TKCN, có phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão theo phương châm “4 tại chỗ” được phê duyệt theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai. Tự đánh giá được 95 điểm, đạt mức: Tốt | Đạt | Đạt |
| 4 | Điện | Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan | Đạt | Lưới điện Yên Định được cấp điện từ trạm 110kV Thiệu Yên (E 9.5) và trạm 110kV Yên Định (E 9.26). Điện lực Yên Định được giao quản lý vận hành 08 lộ xuất tuyến 35kV, tổng chiều dài 85,464 km; 05 lộ xuất tuyến 22kV, tổng chiều dài 116,445 km; 02 lộ xuất tuyến 10kV, tổng chiều dài: 46,244 km; 03 lộ xuất tuyến 6kV, tổng chiều dài 33,745 Km; Có 402 trạm biến áp tổng công suất 158,173 KVA, đường dây trung áp 171,98 km; đường dây hạ áp 617,54 km. - Hệ thống cấp điện đảm bảo an toàn theo đúng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và theo hướng dẫn tại Quyết định số 2332/QĐ-BCT ngày 07/11/2022 của Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí điện trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025. Tổng số hộ có đăng ký trực tiếp và và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định là 46.302/46.302 hộ, đạt 100% (khu vực nông thôn là 36.157/36.157 hộ, đạt 100%; khu vực thành thị là 10.145/10.145 hộ, đạt 100%). | Đạt | Đạt |
| 5 | Y tế - Văn hóa - Giáo dục | 5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | ≥95% | Trên địa bàn huyện tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm 163.905/170.698 người, đạt 96%, trong đó: Khu vực nông thôn 26/26 xã, tỷ lệ 96,7% (127.509/131.922 người); Khu vực đô thị 04/04 xã, thị trấn, tỷ lệ 93,9% (36.395/38.776 người). | Đạt | Đạt |
| 5.2. Có công viên, hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao | 100% | Quảng trường trung tâm huyện, đã triển khai lắp đặt 28 bộ dụng cụ tập thể dục thể thao ngoài trời phục vụ nhân dân và du khách tập luyện. Mỗi ngày (*sáng, chiều, tối*) thu hút hàng trăm lượt người tập luyện thường xuyên, góp phần nâng cao đời sống và hưởng thụ của Nhân dân | Đạt | Đạt |
| 5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả | Đạt | Huyện đã quan tâm xây dựng, phê duyệt đề án tại Quyết định số 3632/QĐ-UBND ngày 18/12/2021 phê duyệt đề án phát triển du lịch gắn với phát huy các giá trị lịch sử văn hóa huyện Yên Định giai đoạn 2021-2025, đính hướng đến năm 2030; Các đề án, chương trình được huyện quan tâm ưu tiên nguồn lực triển khai thực hiện; Hàng năm huyện đều xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, các kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; tổ chức các Lễ hội gắn với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao mang đậm bản sắc truyền thống của từng địa phương. | Đạt | Đạt |
| 5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 | Đạt | Huyện Yên Định có 04 trường cấp THPT, đến nay có 04/04 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt tỉ lệ 100%; trong đó có 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (THPT Yên Định 1), cụ thể:  + Trường THPT Yên Định 1: Trường được UBND tỉnh công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 04/7/2024; + Trường THPT Yên Định 2: Trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 tại Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 08/7/2024.  + Trường THPT Yên Định 3: Trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 08/7/2024.  + Trường THCS & THPT Thống Nhất: Trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số Quyết định số 4672/QĐ-UBND ngày 02/11/2020. | Đạt | Đạt |
| 5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên dịa bàn | Đạt | Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đã được đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục về các thiết chế giáo dục đã được kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2. | Đạt | Đạt |
| 6 | Kinh tế | 6.1. Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ | Đạt | Trên địa bàn huyện có Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào được UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 và được điều chỉnh một số nội dung tại các Quyết định số 5382/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 và Quyết định số 18/12/2022, với Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam, diện tích 72,96 ha, tổng mức đầu tư 899,84 tỷ đồng. Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào đã hoàn thiện kết cấu hạ tầng, được Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa kiểm tra và ra thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình tại văn bản số 8092/SXD-QLCL ngày 17/11/2023; được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thanh Hóa chấp thuận nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy tại văn bản số 64/NT-PCCC ngày 24/5/2023; được UBND tỉnh cấp giấy phép môi trường số 85/GP-UBND ngày 24/7/2023 Đến nay, Cụm công nghiệp đã thu hút được 07 dự án sản xuất (01 nhà đầu tư trong nước và 04 nhà đầu tư FDI) với tổng mức đầu tư 4.461,7 tỷ đồng (192 triệu USD); Quy mô lao động 35,9 nghìn người (hiện nay đã tuyển dụng 20,8 nghìn lao động); tỷ lệ lấp đầy đạt 94,5%. | Đạt | Đạt |
| 6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiến tiến | Đạt | Tại Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045; Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Đề án phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hoá; trên cơ sở các sản phẩm chủ lực của tỉnh, huyện Yên Định lựa chọn phát triển một số sản phẩm chủ lực như: Lúa, gạo; sản phẩm mía đường; thịt lợn, thịt và trứng gia cầm; sản phẩm rau, quả,...Từ việc xác định sản phẩm chủ lực, huyện Yên Định đã quy hoạch xây dựng vùng sản xuất cho sản phẩm chủ lực | Đạt | Đạt |
| 6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định | Đạt | Chợ Bản xã Định Long là Chợ hạng 2, đến nay đã được công nhận đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo tiêu chuẩn TCVN 11856:2017 | Đạt | Đạt |
| 6 | Kinh tế | 6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả | Đạt | Hội đồng nhân dân huyện đã ban hành Nghị quyết số 189/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về thông qua Kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và xây dựng sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện Yên Định năm 2023; UBND huyện xây dựng Kế hoạch số 124/KH-UBND, ngày 15/9/2021 về việc thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) huyện Yên Định giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 19/01/2024 của UBND huyện về việc xây dựng huyện đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2024; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện về việc Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2024, huyện Yên Định. | Đạt | Đạt |
| 6.5. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội | Đạt | Với tiềm năng thế mạnh du lịch lớn tại các xã và huyện Yên Định đã đẩy mạnh các hoạt động quảng bá trên Cổng thông tin điện tử huyện Yên Định tại địa chỉ: yendinh.vn; yendinh.gov.vn (kèm theo ảnh minh họa). Xây dựng quy chế quản lý trang web du lịch Yên Định tại địa chỉ truy cập: Xây dựng quy chế quản lý trang Fanpage du lịch Yên Định tại địa chỉ truy cập: Dulichyendinh, tiếp nhận các ý kiến phản ánh của mọi cá nhân, tổ chức cho hoạt động du lịch Yên Định, góp phần thúc đẩy du lịch huyện Yên Định phát triển. | Đạt | Đạt |
| 7 | Môi trường | 7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định | ≥95% | Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn toàn huyện: 32.567,71 tấn/năm; Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý là 32.262,87 tấn/năm, đạt tỷ lệ 99,06%( trong đó khu vực nông thôn là 23.902,87 tấn/năm, tỷ lệ thu gom xử lý đạt 99,28%; khu vực thành thị là 8360 tấn/năm, tỷ lệ thu gom đạt 98,45%).  + Tỷ lệ chất thải rắn không nguy hại (chất thải rắn công nghiệp thông thường (trong và ngoài cụm CN), chất thải xây dựng, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi) được thu gom, xử lý: toàn huyện phát sinh 41.201,22 tấn/năm, khối lượng được thu gom, xử lý là 41.025,81 tấn/năm, tỷ lệ thu gom đạt 99,57% (đối với khu vực nông thôn là 10.888,97/10.942,17 tấn/năm đạt 98,43%; khu vực thành thị là 30.136,9/30.259,05 tấn/năm đạt tỷ lệ 99,6%, các hình thức xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng, tận dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc ủ làm phân nông nghiệp, san lấp mặt bằng hoặc làm nguyên liệu sản xuất khác. + Xử lý chất thải rắn sinh hoạt: hiện nay trên địa bàn huyện đang thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo 02 hình thức: lò đốt rác và bãi chôn lấp, về lò đốt: có 05 lò đốt tại các xã: Định Công, Định Tân, Định Bình, Yên Lạc và TT Quán Lào hiện đang xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho 17 xã, thị trấn, công suất từ 8-100 tấn/ngày đêm; về bãi chôn lấp: có 09 vị trí chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt cho 9 xã, thị trấn vùng Yên gồm Yên Trung, Yên Hùng, Yên Thịnh, Yên Phú, Yên Lâm, Yên Tâm, Thống Nhất, Yên Thọ và Quý Lộc, các bãi chôn lấp đều do UBND các xã tự đầu tư, quản lý và vận hành. | Đạt | Đạt |
| 7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường | 100% | Trong năm, khối lượng chất thải rắn nguy hại trên địa bàn toàn huyện (bao gồm cả thị trấn) là 909,58 tấn/năm, phát sinh từ các nguồn: sản xuất kinh doanh (trong và ngoài cụm công nghiệp), sinh hoạt, nông nghiệp, y tế; tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 100% theo hình thức hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định, một số đơn vị ký hợp đồng trên địa bàn huyện như: Công ty CP môi trường Nghi Sơn, Công ty Cổ phần môi trường công nghệ cao Hòa Bình | Đạt | Đạt |
| 7 | Môi trường | 7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường | ≥80% | Tổng khối lượng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp phát sinh trong quá trình quá trình sản xuất trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn huyện 655.715 tấn/năm.Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường 553.935/655.715 tấn, đạt 84,5%. | Đạt | Đạt |
| 7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn | ≥70% | Tổng số hộ gia đình tham gia thực hiện phân loại CTR tại nguồn trên địa bàn toàn huyện (bao gồm 22 xã và 04 thị trấn) là: 36 490/46 302 hộ tham gia, đạt 78,81% (khu vực nông thôn là 28 566/36 157 hộ, đạt 79,01%; khu vực thành thị là 7924/10 145 hộ, đạt 78,11%) theo hình thức hướng dẫn cho các hộ dân phân loại phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành 04 loại: chất thải rắn hữu cơ tận dụng ủ phân hữu cơ hoặc làm thức ăn chăn nuôi; chất thải tái chế để tái sử dụng hoặc bán phế liệu; chất thải nguy hại thu gom riêng và hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý; chất thải khác vận chuyển đến khu xử lý tập trung | Đạt | Đạt |
| 7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp | ≥50% | Toàn huyện có 46 302/46 302 (đạt 100%) hộ xây dựng bể tự hoại để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh đảm bảo phù hợp, hiệu quả. Ngoài nước thải vệ sinh được xử lý bằng hầm tự hoại (công trình thiết bị xử lý tại chỗ); nước rửa tay chân, rửa rau củ quả… từ sinh hoạt được dẫn vào các ao, hồ tại hộ gia đình được xử lý thêm bằng các loài thủy sinh vật để cải thiện môi trường nước. Ngoài ra trên địa bàn huyện đã đầu tư 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại khu phố Lý Yên, Thị trấn Quán Lào với quy mô, công suất 100 m3/ ngày đêm, phục vụ xử lý cho khu dân cư khu phố Lý Yên và khu 4 Thị trấn Quán Lào, diện tích đầu tư xây dựng khoảng 500 m2; áp dụng công nghệ sinh học kết hợp lý hóa để xử lý nước thải sinh hoạt cho khu dân cư, hệ thống bể bao gồm: Giếng tách + trạm bơm nước thải đầu vào; bể thu gom; bể lắng cát, tách dầu mỡ; bể điều hoà; bể thiếu khí; bể hiếu khí; bể lắng sinh học; bể khử trùng; bể chứa bùn để xử lý nước đảm bảo quy chuẩn trước khi thải ra môi trường; | Đạt | Đạt |
| 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | ≥4m2/người | Diện tích đất cây xanh bình quân trên địa bàn huyện năm 2024 đạt 799846m2/170698người, đạt 4,69 m2/người. | Đạt | Đạt |
| 7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện | Đạt | Trên địa bàn huyện Yên Định không có làng nghề | Đạt | Đạt |
| 7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định | ≥85% | Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn toàn huyện được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý là 1701,95/1711,37 tấn/năm, đạt 99,45% (khu vực nông thôn là 1265,91/1272,49 tấn/năm, đạt 99,48%, khu vực thành thị là 436,04/438,88 tấn/năm, đạt 99,35%). | Đạt | Đạt |
| 8 | Chất lượng môi trường sống | 8.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung | ≥28% | Tổng số hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn huyện 26.882/46.302 hộ, đạt tỷ lệ 58,06%, trong đó: Khu vực Nông thôn (22/22 xã), tỷ lệ đạt 51,65%; Khu vực đô thị (04 thị trấn), tỷ lệ đạt 80,9%. | Đạt | Đạt |
| 8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm | ≥80 lít | Trên địa bàn huyện có 06 nhà máy nước sạch tập trung cung cấp lượng nước cấp sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: 84lít/người/ngày đêm ≥80 lít theo quy định (tính toán dựa trên công thức tính được hướng dẫn tại Biểu mẫu số 5 Hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022). | Đạt | Đạt |
| 8 | Chất lượng môi trường sống | 8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững | ≥40% | 100% | Đạt | Đạt |
| 8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường | ≥01 mô hình | UBND huyện đã đầu tư xây dựng công trình “Xử lý nước mặt và cải tạo cảnh quan xung quanh hồ Quảng Trường Bà Triệu, TT Quán Lào” với tổng vốn đầu tư 450 triệu đồng; diện tích mặt hồ cải tạo 0,6 ha, nội dung: lắp đặt 03 cụm bè cây thủy trúc để lọc nước, hấp thụ các chất bẩn trong hồ; lắp đặt 03 bộ giàn phun nước tạo oxy cho mặt nước và một số hạng mục tạo cảnh quan xung quanh hồ. Đây là một trong những điểm nhấn tạo cảnh quanh cho khu vực Quảng Trường Bà triệu đồng thời tạo không gian xanh – sạch – đẹp thoáng mát để phục vụ các hoạt động vui chơi, thể thao, giải trí cho người dân trên địa bàn (lắp đặt các dụng cụ thể thao, ghế đá, cây xanh xung quanh). | Đạt | Đạt |
| 8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn | Đạt | Tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã tổ chức tốt hoạt động thu gom rác thải, xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp. Thông qua phát động và tổ chức phong trào xây dựng “Gia đình kiểu mẫu”, “Tổ nhân dân kiểu mẫu”, “Tuyến đường kiểu mẫu”, “Tổ nhân dân kiểu mẫu” đến nay, các đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ...: diện tích cây xanh trên toàn huyện 799.846 m2, đạt tỷ lệ 4,69; tỷ lệ hộ gia đình thực hiện chỉnh trang nhà ở, cải tạo vườn tạp, cải tạo hàng rào có phủ xanh đạt tỷ lệ 77,14 % (35.719/46.302 hộ); Hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện thực hiện được 574,53/755,3 km đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn, ngõ xóm được có hệ thống chiếu sáng, với tổng số 14.235 cột đèn, đạt tỷ lệ 76,06% . | Đạt | Đạt |
| 8 | Chất lượng môi trường sống | 8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | 100% | Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm toàn huyện 4.013 cơ sở, trong đó: 260 cơ sở thuộc diện cấp giấy an toàn thực phẩm 3.753 cơ sở thuộc diện ký cam kết an toàn thực phẩm. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm của huyện tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 4.013/4.013 cơ sở đạt 100% | Đạt | Đạt |
| 8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ | 100% | Tổng số cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý: 27 cán bộ (26 cán bộ kiêm nhiệm cấp xã, 01 cán bộ kiêm nhiệm cấp huyện) hằng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đạt 100%. | Đạt | Đạt |
| 8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện | Không | Trong năm, công tác quản lý lĩnh vực an toàn thực phẩm được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt kết quả: trên địa bàn huyện không có phát sinh vụ việc vi phạm, sự cố về an toàn thực phẩm. | Đạt | Đạt |
| 8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh | Đạt | Xây dựng 01 mô hình xã thông minh (xã Định Long); 06 mô hình thôn thông minh (Thôn Tân Ngữ 1, Tân Ngữ 2, xã Định Long; Thôn Đồng Tình, Duyên Hy, Vệ Thôn, Hổ Thôn, xã Định Hưng) | Đạt | Đạt |
| 9 | An ninh, trật tự - Hành chính công | 9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao | Đạt | Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao qua từng năm | Đạt | Đạt |
| 9.2. Có dịch vụ công trực tuyến toàn trình | Đạt | \* Tại UBND huyện Yên Định: Năm 2023: Tiếp nhận trực tuyến toàn trình 1.738/1.746 hồ sơ, đạt 99,54%  Quý I năm 2024: Tiếp nhận trực tuyến toàn trình 296/296 hồ sơ, đạt 100%  Quý II năm 2024: Tiếp nhận trực tuyến toàn trình 504/504 hồ sơ, đạt 100%  \*Tại UBND cấp xã: có 26/26 đơn vị cấp xã (đạt 100%) có tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đảm bảo vượt chỉ tiêu được giao từng năm, cụ thể: Năm 2023: Tiếp nhận trực tuyến toàn trình 8076/8.135 hồ sơ, đạt 99,27%  Quý I năm 2024: Tiếp nhận trực tuyến toàn trình: 2.360/2.361 hồ sơ, đạt 99,96%.  Quý II năm 2024: Tiếp nhận trực tuyến toàn trình:1.577/1.577 hồ sơ, đạt 100%. | Đạt | Đạt |
| **Tổng cộng** | | |  |  | **9** |  |